Ô. B. TĂNG - XUÂN - AN
Giáo-sư Trung-học Đệ-Nhị-Cấp

VIỆT SỬ

LỚP ĐỆ-NHẤT

SOẠN THEO CHƯƠNG-TRÌNH MỚI (1958) CỦA BỘ Q.G.G.D.

IN LẦN THỨ NHẤT

KHAI TRÍ XUẤT BẢN

Ông và Bà **TĂNG-XUÂN-AN**
Giáo-sư
Trung-Học Bệ-Nhị-Cấp

VIỆT-SỬ

LỚP ĐỆ-NHẤT

(Soạn theo chương-trình 1958 của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục)

IN LẦN THỨ NHẤT

TAO-ĐÀN
1960—1961

Lời nói đầu

Cuốn Việt-sử lớp Đệ-Nhất này soạn theo chương-trình mới của Bộ Quốc gia Giáo-dục áp-dụng từ niên-học 1960-1961. Chúng tôi đã theo những nguyên-tắc sau đây :

1) Thời-khóa-biểu đính kèm Nghị-định số 1286-GD/NĐ ngày 12-8-1958 dành mỗi tuần một giờ cho môn Sử-ký. Như vậy trong cả niên-khóa, giáo-sư có độ 24 giờ để dạy Việt-sử và Thế-giới-sử

Căn-cứ vào số giờ trên, phải soạn bài một cách rất sơ-lược. thì giáo-sư mới có thể dạy hết chương-trình. Nhưng theo thiển-ý, phần lịch-sử từ 1884 tới nay là giai-đoạn vô-cùng quan-trọng đối với chúng ta. Những cuộc khởi-nghĩa liên-tiếp chống xâm-lăng dưới thời Pháp-thuộc chứng tỏ tinh-thần bất-khuất của dân-tộc Việt-nam. Những trang lịch-sử đẫm máu này phải được trình-bày với đầy đủ chi-tiết để sau khi đậu bằng Tú-tài II, các bạn học-sinh có một kiến-thức chính-xác về phần lịch-sử hiện-đại. Soạn cuốn Việt-sử lớp Đệ-nhất một cách quá sơ-lược là hạ-thấp giá-trị văn-bằng do Bộ Quốc-gia Giáo-dục cấp.

Nếu không đủ thì giờ giảng cả bài, giáo-sư có thể, sau khi cho dàn-bài tổng-quát, nhấn mạnh vào một vài điểm quan-trọng. Học-sinh sẽ dùng sách để hiểu rõ hơi hơn.

Các bạn học-sinh đừng nản lòng thấy bài có nhiều chi-tiết và vài bài đọc thêm khá dài. Ở lớp Đệ-Nhất, các bạn phải bỏ lối học thuộc lòng, tập khơi sâu một vấn-đề, lựa chọn những chi-

tiết chính, làm dàn bài để vào lớp thuyết-trình Vì lý do này sách không có toát-yếu và dàn-bài.

2) Để tránh sự phê-bình thiên-lệch, sử-gia thường chỉ nói tới những biến-cố lịch-sử đã xảy ra vào khoảng bốn năm mươi năm trước. Nhưng từ 1939 tới nay nhiều việc quan-trọng đã làm thay đổi hẳn cục-diện đất nước mà một học sinh Trung-học phải biết rõ.

Theo lời khuyến-cáo của Liên-Hiệp-Quốc, chúng tôi cố gắng trình-bày đoạn sử hiện-đại này một cách khách-quan, dành phần phê-bình cho giáo-sư phụ-trách môn Sử-ký.

3) Cuốn Việt-sử này dừng lại vào cuối năm 1955 với việc truất-phế Bảo-đại và thiết-lập Chính-phủ Cộng-hòa.

Chúng tôi thêm bài « Thành-tích ba năm chấp-chánh của Ngô Tổng-Thống » do Bộ Thông-tin soạn để các bạn học-sinh nhận rõ sự cố-gắng của toàn dân dưới sự lãnh-đạo anh-minh của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm.

Bài này để trong phần « Bài đọc thêm ».

4) Về các cuộc Khởi-nghĩa, thỉnh-thoảng tài-liệu trong sách do tác-giả Pháp và Việt soạn có điểm trái ngược nhau. Chúng tôi chọn những chi-tiết nào đã được cả hai nguồn trình-bày giống nhau. Về niên-hiệu, chúng tôi theo dương-lịch và chỉ khi nào xét ra cần-thiết, mới chua thêm ngày tháng âm-lịch.

Chúng tôi cố-gắng theo đúng những danh-từ dùng ở từng địa-phương để học-sinh khỏi bỡ-ngỡ. Thí-dụ : Tiếng Administrateur Résident ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ dịch là Công-sứ, còn Nam-kỳ lại kêu là Tham-biện. Tiếng Conseil Provincial ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ gọi là Hội-đồng hàng tỉnh, ở Nam-kỳ kêu là Hội-đồng địa-hạt v.v.

★

Chúng tôi thành-thực cảm-tạ

1) Một vị lão-thành Cách-mạng muốn giấu tên, đã vui lòng

chép lại một số tài-liệu còn giữ được về phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục, Đảng Phục-Việt và Việt-nam Quốc-dân đảng. Những tài-liệu này giúp chúng ta hiểu rõ vài Phong-trào Cách-mạng.

2) Ông Phạm-văn-Nam, giáo-sư Trung-học, đã cho mượn tập Tùy-bút của quan Thượng-Thư Phạm-văn-Thụ, trong đó có nhiều tài-liệu sống về Triều-đình Huế, về giới quan-lại Việt-Nam dưới thời Pháp-thuộc. Bạn Phạm-văn-Nam đã giúp chúng tôi nhiều ý-kiến về cách trình-bày một vài bài của cuốn sách nhỏ này.

3) Ông Đỗ-Thành-Nhơn, Giám-đốc nhà sách Anh-Minh đường Phan-Bội-Châu Huế, đã có công sưu-tầm ảnh và bút-tích của nhiều Liệt-sĩ cách-mạng đã hy-sinh cho cuộc tranh-đấu giành độc-lập. Nhờ những bức ảnh này, học-sinh có dịp chiêm-ngưỡng dung-nhan các vị anh-hùng dân-tộc mà các em sùng-bái.

4) Ông Hoàng-Nam-Hùng đã vui lòng cho dùng tài-liệu và những bức ảnh của cuốn « Năm mươi năm Cách-mạng hải-ngoại » do ông soạn.

5) Tác-giả các sách, các bài khảo-cứu mà chúng tôi đã trích bài đọc thêm. Vì không rõ địa-chỉ nên chúng tôi không viết thơ riêng xin phép được.

Cuốn Việt-sử Đệ-Nhất này chắc-chắn còn nhiều khuyết-điểm. Chúng tôi mong được các bạn đồng-nghiệp, các vị học-giả vui lòng cho chúng tôi những lời phê-bình xây-dựng để khi tái-bản chúng tôi sửa chữa.

Saigon, mùa Xuân năm 1960

Soạn-giả

Chương-trình Việt-Sử

LỚP ĐỆ NHẤT

VIỆT-SỬ TỪ NĂM 1884 ĐẾN NAY

— Cách thi-hành Hòa-ước 1884

— Chánh-sánh của Pháp ở Việt-Nam : Tổ-chức chính-trị hành-chánh kinh-tế, tài-chánh, quân-sự, giáo-dục.

— Những cuộc tranh-đấu chống Pháp :

Phong-trào Cần-vương — Phong-trào Văn-thân (Phan-Đình-Phùng — Hoàng-Hoa-Thám) — Phong-trào Duy-tân và Đông-du. Phan-Bội-Châu — Phan.Chu-Trinh — Đông-kinh Nghĩa-thục. Những cuộc bạo-động và khởi-nghĩa sau khi Đông-kinh Nghĩa-thục tan-rã.

Nguyễn-Thái-Học và Việt-nam Quốc-dân đảng.

— Xã-hội Việt-nam trong thời Pháp-thuộc.

— Việt-nam trong thời đại-chiến thứ hai 1939-1945. Nhật-bản lập căn-cứ ở Đông-dương. Cuộc đảo-chính 9-3-1945

— Cao-trào tranh-thủ độc-lập và thống-nhất. Những cuộc thương-thuyết Việt—Pháp. Các Hiệp-định.

SÁCH THAM KHAO

SÁCH TIẾNG VIỆT

— Việt-Nam Văn-học sử-yếu — Dương-Quảng-Hàm
— Việt-Nam sử-lược — Trần-Trọng-Kim
— Việt-Pháp bang-giao sử-lược — Phan-Khoang
— Việt-Nam văn-hóa sử-cương — Đào-Duy-Anh
— Phong-trào Quốc-gia Việt-nam — Nghiêm-Xuân-Hồng
— Những vấn-đề của Đông-Nam-Á — Tạ-Văn-Nho
— Đem tâm-tình viết lịch-sử — Nguyễn-Kiên-Trung
— Vua Hàm-Nghi — Phan-Trần-Chúc
— Phan-Đình-Phùng — Đào-Trinh-Nhất
— Tán-Thuật Bãi-Sậy khởi-nghĩa — Vân-Hà
— Hoàng-Hoa-Thám — Vân Quang
— Phan-Bội-Châu — Thế-Nguyên
— Tự-Phán — Phan-Bội-Châu
— Phan-Chu Trinh — Thế-Nguyên
— Dật-sử cụ Phan-Sào-Nam — Anh-Minh
— Kỳ-Ngoại-hầu Cường-Để với Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh — Anh-Minh
— Những chiến-sĩ cùng học-sinh du-học Nhật-Bản — Anh-Minh
— Đội Cấn khởi nghĩa — Nguyễn-Quỳnh
— Lương-Ngọc-Quyến — Đào-Trinh-Nhất
— Phạm-Hồng-Thái — Tô-Nguyệt-Đình
— Đông-kinh Nghĩa-thục — Nguyễn-Hiến-Lê
— Cường-Để — Cường-Để
— Việt-Nam máu lửa — (Nghiêm kế Tổ) ← N. K. T.
— Ba nhà chí-sĩ họ Phan — Đào-văn-Hội
— Năm mươi năm Cách-mạng hải-ngoại — Hoàng-Nam-Hùng
— Thành-tích ba năm chấp-chánh của Ngô Tổng-Thống — Bộ Thông-tin
— Nhà văn hiện-đại — Vũ-Ngọc-Phan
— Bách Khoa — Tạp-chí
— Văn-hóa Nguyệt-san — Tạp-chí

— Giáo-dục Phổ-thông	Tạp-chí
— Quê-hương	Tạp-chí
— Rạng-đông	Tạp-chí
— Văn-hóa Á-Châu	Tạp-chí
— Văn-hữu	Tạp-chí
— Nam-phong	Tạp-chí

SÁCH TIẾNG PHÁP VÀ ANH

— Soulèvement et prise de Huế en 1885	Cap. Bastide
— La guerre du Tonkin	Bourcier
— Trois colonnes au Tonkin (1894-1895)	Galliéns
— L'Empire d'Annam	Gosselin
— L'Annam d'autrefois	P. Pasquier
— Les administrations et les services publics indochinois	J. de Galembert
— Histoire du Việt Nam	Ph. Devillers
— Le Việt Nam	Le thanh Khôi
— Le destin de l'Indochine	Sabattier
— Saigon sans la France	Jacques Le Bourgeois
— Le Việt Nam	Louis Roubaud
— Indochine SOS	Andrée Viollis
— Việt Nam — Sociologie d'une guerre	Paul Mu
— À la barre de l'Indochine	Decoux
— Les opérations militaires en Indochine	
— Bulletin des Amis du vieux Huế	
— Bulletin de l'école française d'Extrême-Orient	
— Military Review—Command and General Staff college Fort Leavenworth kansas	

Loe X

CHƯƠNG I

CÁCH THI-HÀNH HÒA-ƯỚC 1884

CÁCH THI-HÀNH HÒA-ƯỚC 1884

Do một sự tình-cờ của lịch-sử, Pháp có dịp đặt chân lên đất Việt-nam. Sau khi nhận thấy lực-lượng của ta không có gì, Pháp lợi-dụng việc cấm đạo và tàn-sát giáo-sĩ do Triều-đình Huế chủ-trương đem quân xâm-lăng nước ta. Trước sức mạnh của vũ-khí tối tân, Triều-đình Huế ký hòa-ước 1883 và hòa-ước 1884 nhận quyền đô-hộ của Pháp trên toàn-thể lãnh-thổ.

Nhưng chữ ký chưa ráo mực, Pháp đã tìm cách vi-phạm hòa-ước và tìm cách lấn dần quyền của Triều-đình Huế.

★

I.— HÒA-ƯỚC 1884 (GIÁP-THÂN) SỬA ĐỔI HÒA-ƯỚC NĂM 1883 VÀ QUY-ĐỊNH MỐI BANG-GIAO GIỮA VIỆT-NAM VÀ PHÁP.

Năm 1858, lấy cớ Triều-đình Huế tàn sát giáo-dân trong số đó có mấy vị giáo-sĩ ngoại-quốc, nước Pháp và Tây-ban-nha đem quân đánh nước ta. Sau khi bắn phá Đà-nẵng, quân Pháp kéo vào đánh Nam-kỳ. Hòa-ước 1852 (Nhâm-tuất) nhường cho Pháp ba tỉnh phía đông: Biên-hòa, Gia-định, Định-tường. Năm năm sau, Pháp lại gây-hấn chiếm nốt ba tỉnh phía tây: Vĩnh-long, An-giang, Hà-tiên. Sau Pháp đem quân đánh Bắc-kỳ hai lần vào năm 1873 và 1882. Thua trận, Triều-đình Huế ký hòa-ước năm 1874 (Giáp-tuất) và hòa-ước năm 1883 (Quí-mùi) công-nhận nền đô-hộ của Pháp trên toàn lãnh-thổ Việt-nam.

Theo hòa-ước 1883, đất Bình-thuận sáp-nhập vào Nam-kỳ và ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh sáp nhập vào Bắc-kỳ. Triều-đình Huế yêu cầu sửa đổi lại mấy khoản đó. Pháp bằng lòng và sau nhiều cuộc hội họp, ngày 6-6-1884 Nguyễn-văn-Tường, Phạm-thận-Duật, Tôn-thất-Phan đại-diện nước Việt-nam ký với Patenôtre và Rheinart tờ hòa-ước 1884. Trong Việt-sử thì gọi là hòa-ước Giáp-thân, trong sử Pháp thì mệnh-danh là hòa-ước Patenôtre.

Hòa ước 1884 có 19 khoản sau đây :

Khoản 1.— Nước Nam nhận và chịu để nước Pháp bảo-trợ (1) — Nước Pháp thay mặt nước Nam trong việc giao-thiệp với ngoại-quốc và bảo-trợ người nước Nam ở nước ngoài.

Khoản 2.— Binh Pháp được chiếm đóng thường xuyên cửa Thuận-an — Nước Nam phải bỏ hết đồn lũy ở hai bên bờ sông từ cửa Thuận tới Huế.

Khoản 3.— Trong các tỉnh của nước Nam từ đất giáp Biên-hòa của Nam-kỳ cho tới đất giáp Ninh-bình của Bắc-kỳ, quan lại Việt-Nam cai-trị dân như trước, trừ việc Thương-chính và các việc cần có sự chủ-trương duy nhất hoặc cần kỹ-sư hay người Âu.

Khoản 4. — Ở các tỉnh trong giới-hạn nói trên, ngoài cửa Thi-nại đã khai-thương rồi, các cửa Đà-nẵng thuộc Quảng-nam, Xuân-đài, Vũng lấm thuộc Phú-yên nay cũng khai-thương và sau này nếu xét cửa biển nào có ích-lợi thì hai nước sẽ thỏa-thuận mở thêm Nước Pháp sẽ đặt một viên Trú-sứ ở các cửa biển đó, trực-thuộc viên Tổng Trú-sứ ở Huế.

Khoản 5.— Viên Tổng Trú-sứ ở Huế thay mặt Chính-phủ Pháp chủ-trương việc ngoại-giao của nước Nam, lo cho việc bảo-trợ được thi-hành đứng-đắn mà không dự đến việc cai-trị

---

(1) « Hai chữ « Bảo-hộ » mà quan Pháp đem dùng đợ: quan ta bàn cãi với họ nhiều lắm. Nguyễn-văn-Tường xin đổi « bảo-hộ » làm « bảo-trợ »... Patenôtre phải điện về Ba-lê xin. Chính-phủ Pháp thuận dùng hai chữ « bảo-trợ ».

Trích « Việt Pháp bang-giao sử-lược » trang 286 của Phan-Khoang.

của các tỉnh trong giới-hạn nói ở khoản 3. Viên Tổng Trú-sứ ở kinh-đô có một toán lính hộ-vệ và được phép diện tấu riêng Vua nước Nam.

Khoản 6.— Ở Bắc-kỳ, Chính-phủ Cộng-hòa sẽ đặt Trú-sứ hoặc Phó Trú-sứ ở các tỉnh-lỵ xét cần đặt chức đó. Các viên Trú-sứ và Phó Trú-sứ này thuộc quyền viên Tổng Trú-sứ ở Huế. Họ ở trong thành, gần dinh của quan đầu tỉnh và có thể có một toán lính Pháp hoặc Nam bảo-vệ.

Khoản 7.— Các viên Trú-sứ Pháp đặt ở các tỉnh Bắc-kỳ không được dự vào việc cai-trị. Quan lại Việt-nam các bậc tiếp tục cai-trị dân trong hạt, dưới quyền kiểm-soát của viên Trú-sứ, nhưng khi Pháp xin cách chức viên quan nào thì phải cách-chức viên đó.

Khoản 8.— Các viên-chức người Pháp có tư báo việc gì với nhà cầm quyền Việt-nam thì phải do viên Trú-sứ đề-đạt.

Khoản 9.— Nước Pháp đặt đường điện-báo trên đường Saigon—Hà-nội do nhân-viên Pháp điều-khiển Một phần tiền thuế thu được sẽ trích giao nước Nam. Để bù lại nước Nam nhường đất làm trạm-xá cho Sở ấy.

Khoản 10.— Người ngoại-quốc ngụ tại nước Nam đều do người Pháp xử-đoán. Người nước Nam và người ngoại-quốc có việc kiện-tụng do người Pháp xét-xử.

Khoản 11.— Trong các tỉnh Trung-kỳ, quan Bố-chính giữ việc thu thuế cho Triều-đình như trước, người Pháp không có quyền kiểm-soát. Ở Bắc-kỳ, viên Trú-sứ Pháp cùng quan Bố-chính trông nom việc thu thuế và chi tiêu. Quan lại Pháp và quan Nam sẽ lập Hội-đồng ấn-định số tiền dành cho các công-sở và các công-tác, còn thừa bao nhiêu thì nộp cho Triều-đình Huế.

Khoản 12.— Trên khắp lãnh-thổ nước Nam, việc quan-thuế tổ-chức lại sẽ giao cho người Pháp trông coi. Sở quan-thuế sẽ đặt ở các nơi cần đặt trên bờ biển và ở biên-giới, còn về phương-

pháp mà võ-quan Pháp đã thi-hành trước kia thì nay nước Nam không kêu nài gì cả.

Trong các cơ-quan quan-thuế ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ, các điều-lệ thuế chính-ngạch, thuế ngoại-ngạch, điều-lệ cấm thuyền vào bến khi có dịch-khí đều theo đúng các sở quan-thuế Nam-kỳ.

Khoản 13.— Ở các cửa biển đã khai-thương thuộc Trung-kỳ và Bắc-kỳ, người Pháp và người quốc-tịch Pháp được tự-do đi lại buôn bán, mua và xử-dụng động-sản và bất-động-sản.

Vua nước Nam xác-nhận những điều bảo-đảm cho giáo-sĩ, giáo-đồ nói trong hòa-ước ngày 15-3-1874.

Khoản 14.— Người ngoại-quốc muốn chuyển-dịch trong nước Nam phải do viên Trú-sứ ở Kinh hoặc viên Thống-đốc Nam-kỳ cấp giấy thông-hành rồi trình quan-lại Việt-nam phê chiếu.

Khoản 15.— Nước Pháp nguyện bảo-đảm sự toàn vẹn lãnh-thổ của nước Nam trong việc dẹp nội-loạn cũng như chống ngoại-xâm. Vì vậy nếu xét ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ nơi nào cần đóng binh thì nước Pháp được đem binh tới đóng để thi-hành việc bảo-trợ.

Khoản 16.— Ngoài các sự hạn-chế do hòa-ước này ấn-định, vua nước Nam tiếp-tục cai-trị nước mình như trước.

Khoản 17.— Về số tiền mà nước Nam còn nợ nước Pháp, sẽ ấn-định cách thức trả lại. Nếu không có chính-phủ Pháp cho phép thì vua nước Nam không được vay tiền một nước khác.

Khoản 18.— Quan-lại của hai nước sẽ họp thành Hội-đồng định rõ giới-hạn các cửa biển khai-thương và đất đai nhường cho Pháp, việc lập hải-đăng trên bờ biển Trung-kỳ và Bắc-kỳ, định chế-độ khai mỏ, chế-độ tiền tệ, số tiền trích giao cho Nam-triều về quan-thuế, thuế điện-báo và các món thu khác không kể trong khoản 11 của hòa-ước này

Hòa-ước này sẽ được Chính-phủ Cộng-hòa Pháp và vua nước Nam phê-chuẩn và hỗ-giao liền.

Khoản 19.— Hòa-ước này thay thế các hòa-ước lập ngày 15-3 và ngày 31-8-1874.

Khi có bên nào dị-nghị về nghĩa-lý trong bản hòa-ước thì phải lấy bản chữ Pháp làm gốc.

Theo những điều khoản ghi trong bản hòa-ước năm 1884 thì đất Nam-kỳ là đất thuộc-địa do người Pháp cai-trị, Bắc-kỳ và Trung-kỳ vẫn thuộc quyền Triều-đình Huế, riêng Quan-thuế, Công-chánh và Điện-báo là do người Pháp phụ-trách. Viên Tổng Trú-sứ ở Huế cũng như Trú-sứ ở các tỉnh chỉ có nhiệm-vụ kiểm-soát việc thi-hành đúng-đắn các điều-khoản của hòa-ước và không được phép can-thiệp vào việc nội-trị của nước ta.

Nhưng sau khi Pháp thắng Trung-hoa và ký hòa-ước Thiên-tân (9-6-1885), Pháp loại-trừ được địch-thủ đáng sợ. Từ đó Pháp không còn e-dè ai nữa và tìm cách lấn dần quyền của Triều-đình Huế.

II.— SỰ THÀNH-LẬP PHỦ TOÀN-QUYỀN ĐÔNG-DƯƠNG VI-PHẠM HÒA-ƯỚC 1884.

Hòa-ước 1884 mở rộng lãnh-vực của Pháp trên bán-đảo Đông-dương. Trước kia Pháp đã chiếm đất Nam-kỳ làm thuộc-địa và bảo-hộ xứ Cao-miên. Nay Pháp thêm 2 xứ bảo-trợ nữa là Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Bốn miền này theo bốn quy-chế khác nhau. Nam-kỳ và Cao-miên trực-thuộc Bộ Hải-quân và Thuộc-địa, còn Bắc-kỳ và Trung-kỳ thuộc Bộ Ngoại-giao. Sự phân-biệt này rất quan-trọng. Pháp coi Bắc-kỳ và Trung-kỳ là quốc-gia tự-trị đặt dưới sự bảo-trợ của Pháp thôi, sự giao-thiệp giữa hai nước Pháp và Việt-nam phải qua Bộ Ngoại-giao.

Ngày 17 tháng 10 năm 1887, Tổng-Thống Pháp ký sắc-lệnh đặt Bắc-kỳ và Trung-kỳ trực thuộc Bộ Hải-quân và Thuộc-địa. Quyết-định này vi-phạm hòa-ước 1884 mà hai nước đã long-trọng ký kết. Từ đó bốn xứ Nam-kỳ, Bắc kỳ, Trung-kỳ và Cao-miên

họp thành « Liên-bang Đông-dương » (Union indochinoise) do viên Toàn-quyền (Gouverneur général) điều-khiển về phương-diện chính-trị, xã-hội, kinh-tế và tài-chính. Dưới viên Toàn-quyền Đông-dương có Thống-đốc Nam-kỳ (Gouverneur de la Cochinchine) và ba viên Khâm-sứ (Résident supérieur) Trung-kỳ, Bắc-kỳ và Cao-miên. Về sau, để tỏ ra Bắc-kỳ và Cao-miên trực-thuộc Pháp, họ chỉ dùng danh-từ Khâm-sứ để chỉ Đại-diện Pháp ở Huế còn các đại-diện ở Hà-nội và Nam-vang thì gọi là Thống-sứ.

Năm 1889, chức Tổng Trú-sứ đặt ở Huế bãi bỏ.

Trong mười năm đầu (từ 1887 đến 1897), Phủ Toàn-quyền Đông-dương không có thực-quyền vì xứ Nam-kỳ, một xứ trù-phú, phản-đối việc thành-lập một ngân-sách chung cho cả Liên-bang Đông-dương. Trong thời-gian này mỗi xứ vẫn giữ ngân-sách riêng và có một nền hành-chính tự-trị. Quyền-hạn của hai viên Toàn-quyền Paul-Bert và Lanessan không ra khỏi biên-giới Bắc-kỳ.

Năm 1897, Paul-Doumer được bổ làm Toàn-quyền Đông-dương và thực-hiện chính-sách trung-ương tập-quyền : lập ngân-sách chung (Budget général) cho cả Liên-bang Đông-dương, lập các Nha Tổng Giám-đốc Quan-thuế, Công-chánh, Bưu-điện v.v..

Quyền-hạn của Phủ Toàn-quyền tăng bao nhiêu thì quyền-hạn của Triều-đình Huế giảm đi bấy nhiêu để sau cùng nhà vua đóng vai bù-nhìn và không còn chút quyền nào.

Năm 1893, Pháp bảo-hộ Vương-quốc Ai-lao và năm 1898 Trung-hoa nhường cho Pháp đất Quảng-châu-loan (Kouang-tchéou-wan) trong thời-hạn 99 năm. Hai miền này cũng gia-nhập Liên-hiệp Đông-dương vào khoảng năm 1900.

III.— PHÁP LẤN DẦN QUYỀN-HẠN CỦA TRIỀU-ĐÌNH HUẾ.

1) Pháp đòi quyền thừa-nhận vua Việt-nam.

Vua Tự-Đức băng-hà để di-chiếu nhường ngôi cho người con nuôi trưởng là Dục-Đức. Sau ba ngày, hai vị Phụ-chính là

Nguyễn-văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết truất-phế Dục-Đức lập Hiệp-Hòa, Làm vua được bốn tháng, Hiệp-Hòa bị truất-phế và Kiến-Phúc được đặt lên ngai vàng. Trị-vì được gần sáu tháng, Kiến-Phúc cũng bị đầu độc và Tôn-Thất-Thuyết lập Ưng-Lịch lên làm vua lấy niên-hiệu là Hàm-Nghi.

Theo các bản hòa-ước đã ký-kết giữa hai nước, người Pháp không được xen vào việc nội-trị của Việt-nam. Nhưng khi thấy hai vị Phụ-chính chuyên quyền mưu việc phế-lập, viên Trú-sứ Pháp ở Huế là Rheinart gửi công-văn bắt buộc Triều-đình Huế phải xin phép lập vua Hàm-nghi. Rheinart điện ra Hà-nội xin cho một đạo quân vào Huế làm áp-lực Nguyễn-văn-Tường phải thảo thơ bằng chữ nôm xin phép. Rheinart không chịu, Tường làm lại đơn bằng chữ Hán. Rheinart đại-diện nước Pháp phong vương cho vua Hàm-Nghi.

Sau cuộc binh-biến đêm 4-7-1885, Pháp giữ quyền chọn người đưa lên ngai vàng và cố nhiên chỉ những ông vua nào chịu làm theo ý muốn của Pháp thì mới trị-vì được lâu.

2) Pháp tìm cách tách Bắc-kỳ ra khỏi thế-lực của Triều-đình Huế.

Theo khoản 6 và 7 của hòa-ước 1884 thì đất Bắc-kỳ vẫn thuộc về nhà vua. Quan-lại Việt-nam các bực tiếp-tục cai-trị dân trong hạt và sự bổ-dụng cũng như thuyên-chuyển quan-lại đều do nhà vua quyết-định.

Pháp tìm cách tách Bắc-kỳ ra khỏi thế-lực của Triều-đình Huế. Trước hết, lấy cớ đất Bắc xa Huế và luôn luôn loạn-lạc, nếu các quan tỉnh phải tâu việc lên nhà vua và đợi lệnh mới thi-hành thì nhiều khi hỏng việc, nên viên Tổng Trú-sứ Paul-Bert ép vua Đồng-Khánh ký dạo Dụ năm 1886 đặt chức Kinh-lược Bắc-kỳ. Viên Kinh-lược đại-diện nhà vua có toàn-quyền định-đoạt và hàng năm chỉ về Kinh hai lần tâu bày các việc đã xảy ra trên đất Bắc. Tháng giêng năm 1886, Pháp đặt thêm hai Thượng Trú-sứ (Résident supérieur) một ở Bắc-kỳ, một ở Trung-

kỳ thuộc quyền viên Tổng-Trú-sứ (sau đổi là Khâm-Sứ Trung-kỳ và Thống-sứ Bắc-kỳ). Việc đặt Nha Kinh-lược làm quyền-hạn của nhà vua giảm đi rất nhiều.

Tuy Pháp đã chọn tay chân đưa ra giữ chức Kinh-lược để dễ sai khiến, họ vẫn chưa hài lòng vì dù sao quyền cai-trị đất Bắc vẫn do người Việt đảm-nhận. Năm 1897, Pháp ép vua Thành-Thái ký đạo Dụ bỏ Nha Kinh-lược Bắc-kỳ và trao tất cả quyền-hành của Kinh-lược cho viên Thống-sứ. Từ đó Bắc-kỳ bị tách ra khỏi ảnh-hưởng của Triều-đình Huế và người Pháp trực-tiếp cai-trị. Viên Thống-sứ Bắc-kỳ phụ-trách việc bổ-nhiệm, thuyên-chuyển, thưởng phạt quan lại Việt-nam. Tại các tỉnh, từ việc lớn tới việc nhỏ các quan Tổng-đốc, Tuần-vũ đều phải theo lệnh của viên Công-sứ Pháp. Thậm-chí viên Thư-ký đầu Tòa-sứ còn nhiều quyền hơn là quan đầu tỉnh.

Theo khoản 11, ở Bắc-kỳ quan Bố-chính thu thuế song một Hội-đồng gồm có quan-lại Việt và Pháp sẽ ấn-định số tiền chi tiêu cho các công-sở và công tác, còn thừa nộp trả lại Triều-đình Huế. Paul-Bert đã ấn-định số tiền đưa về Kinh là 38 vạn quan tiền, 38 vạn phương lúa (mỗi phương định giá 5 quan), như vậy cộng cả thảy là 228 vạn quan. Nam-triều cho là không đủ tiêu xin định lại rõ-ràng, trong số thuế ở Bắc-kỳ để mấy phần lại cho nhà nước Bảo-hộ, mấy phần nạp cho Nam-Triều. Số 228 vạn quan chưa đưa về Kinh, viên Tổng Trú-sứ Bihourd lại định chỉ đưa một phần năm số thuế năm ấy nhưng rồi số này gửi vào cũng không được sòng-phẳng (1) Triều-đình Huế viết thơ phản-kháng tại Ba-lê mà cũng không có kết-quả.

Như vậy Bắc-kỳ đã bị tách ra khỏi Nam-triều và biến thành một xứ bán thuộc-địa do người Pháp trực-tiếp cai-trị.

3) Pháp lấn dần quyền của nhà vua ngay trên đất Trung-kỳ.

a) Năm 1897 Pháp lấn quyền cai-trị.

---

(1) Theo « Việt-Pháp bang giao sử lược » của Phan-Khoang.

Năm 1834, Minh-Mạng đặt ra viện Cơ-mật chọn những quan đại-thần có tài, có đức sung chức trong Viện giúp vua cai-trị dân. Mỗi khi có việc quan-trọng, nhà vua triệu-tập Cơ-mật viện do chính nhà vua chủ-tọa.

Năm 1897, vua Thành-Thái tới tuổi trưởng-thành, Hội-đồng Phụ-chính lập từ năm 1889 sẽ bãi bỏ. Nhân dịp này Pháp ép nhà vua ký một đạo Dụ bỏ Cơ-mật viện thay thế bằng Hội đồng Nội-các do viên Khâm-sứ Trung-kỳ chủ-tọa. Dự-thảo những đạo Dụ do Hội-đồng Nội-các đề-nghị phải được vị đại-diện của chính-phủ Pháp đồng ý mới dâng lên châu phê. Như vậy nhà vua chỉ còn hư-vị, quyền hành-chính thuộc về viên Khâm-sứ cả.

Đồng thời tại mỗi bộ đều đặt một Cố-vấn người Pháp. Tuy là Cố-vấn, họ nắm hết mọi quyền, các vị thượng-thư chỉ đóng vai bù-nhìn để họ giật dây.

Thi-hành hòa-ước 1884, Pháp đặt Trú-sứ ở Bình-thuận, Qui-nhơn, Thanh-hóa và Phó Trú-sứ ở Xuân-đài, Đà-nẵng, Vinh, Đồng-hới. Sau năm 1897, tỉnh nào cũng có Trú-sứ (sau gọi là Công-sứ) và cũng như ở Bắc-kỳ, chính những viên Công-sứ mới là người điều-khiển mọi công việc, các quan Tổng-đốc, Tuần-vũ không có chút thực-quyền nào.

b) Năm 1898 Pháp nắm quyền thu thuế.

Năm 1898, vua Thành-Thái bị ép ký một đạo Dụ trao cho Tòa Khâm-sứ việc thu thuế trên đất Trung-kỳ và phụ-trách mọi việc chi tiêu. Số tiền còn lại nộp cho triều-đình Huế. Về sau lấy cớ làm như vậy vừa phiền-phức, vừa không có bảo-đảm cho nhà vua, năm thừa nhiều, năm thừa ít, nên Pháp ấn-định số tiền mà mỗi năm phải nộp cho Nam-triều để chi-tiêu vào mọi việc trong Nội-thành. Từ đó vua Việt-nam biến thành người công-chức số một không hơn không kém.

c) Năm 1925 vua chỉ còn giữ quyền về tôn-giáo.

Vua Khải-Định băng-hà. Tân-quân còn nhỏ tuổi đương

du-học ở bên Pháp. Lợi dụng cơ-hội này, Toàn-quyền Đông-dương ép Hội-đồng Phụ-chính ký đạo Dụ trao cho Tòa Khâm-sứ tất cả quyền hành-chánh, tư-pháp mà Triều-đình Huế còn nắm giữ, tuy những quyền đó không quan-trọng chút nào. Từ nay nhà vua chỉ còn giữ quyền tôn-giáo như tổ-chức lễ Nam-giao, cấp bằng sắc cho người có công với chính-phủ Bảo-hộ và chư-thần. Uy-tín của Triều-đình Huế suy-sụp và dân chúng không còn tin-tưởng vào nhà vua nữa, thậm-chí có hồi trên tờ Annam nouveau (Tân Việt-nam) Nguyễn-văn-Vĩnh đã nêu ý-kiến bỏ « chế-độ bảo-hộ mập-mờ » của Bắc-việt và đặt miền này dưới sự cai-trị trực-tiếp như Nam-kỳ để tránh cho dân nạn một cổ hai tròng.

Ngày 8-9-1932, sau mười năm du-học ở Pháp, Bảo-Đại về nước. Với lòng hăng hái của một thanh niên hai mươi tuổi, Bảo-Đại dự-định thực-hiện nhiều việc cải-cách lớn lao. Đạo Dụ ban-bố ngày 10-9 kêu gọi sự cộng-tác của toàn-dân giúp vua cải-tổ nền hanh-chính, tư-pháp và giáo-dục để tiến tới chính-thể Quân-chủ lập-hiến. Ngày 2-5-1933, Bảo-Đại tuyên-bố bỏ chức Thủ-tướng và đích thân cai-trị dân. Nhưng bao nhiêu dự-định của Tân-quân đều vấp phải sự ngoan-cố của Thực-dân. Sau vài tháng chấp chánh, Bảo-Đại đâm ra chán-nản. « vùi đầu vào những cuộc giải-trí như cờ-bạc, săn bắn, du-lịch để quên nỗi buồn ». (1)

Ngoài việc lấn dần quyền của Triều-đình Huế, Pháp còn đặt tay sai đắc-lực vào những chức-vụ quan-trọng để dò xét hành-động và lung-lạc nhà vua.

KẾT-LUẬN

Sau khi ký hòa-ước 1884, Pháp tìm cách lấn dần quyền của Triều-đình Huế. Ngoài những vi-phạm kể trên, họ còn dùng nhiều mánh-khóe biến nước Việt-Nam thành một tỉnh của Pháp.

Triều-đình Huế cúi đầu bó tay trước bạo-lực, nhưng một số sĩ-phu tân và cựu đã lãnh-đạo dân-chúng nổi lên chống thực-dân. Tám mươi năm Pháp-thuộc là tám mươi năm tranh-đấu không ngừng của dân-tộc Việt-nam.

---

(1) Theo tài-liệu cuốn Le Việt-Nam L.T.K.



Những giai đoạn của cuộc xâm lăng Việt-nam

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Người Pháp tổ-chức Trung, Bắc-kỳ

Các hòa-ước 1883, 1884 đều theo một nguyên-tắc là chia Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Theo hòa-ước 1884, ở Trung, quan ta được tự-do cai-trị, người Pháp chỉ được đi lại, mua bán, tạo mãi động-sản và bất động-sản ở các cửa bể đã khai-thương, còn muốn đi đến các nơi khác thì phải xin phép.

Ở Bắc, quan ta tiếp-tục cai-trị, nhưng dưới quyền kiểm-soát của những viên Trú-sứ Pháp. Quan Việt-nam nào mà nhà cầm quyền Pháp xin cách-chức thì phải bị cách-chức. Việc thu thuế-khóa, sử-dụng thuế-khóa cũng phải do các Trú-sứ Pháp giám-thị. Trong khắp địa-hạt Bắc-kỳ, người công-dân, thuộc-dân Pháp được tự-do đi lại, buôn-bán, tạo-mãi động-sản và bất động-sản.

Như vậy ở Bắc-kỳ, người Pháp được tự-do, tự-tiện chẳng khác nào trên đất Pháp vậy. Họ còn cầm đầu tài-chánh (khoản 11, 12), chỉ-huy về mặt chánh-trị (khoản 15) và giám-đốc bộ máy hành-chánh (khoản 6 và 7), nhà cầm quyền Việt-nam chỉ còn quyền chỉ-định nhân-viên, và tuân theo họ mà thôi.

Tuy nhiên trong sự thi-hành hòa-ước, hai bên không khỏi gặp nhiều điều đề-ngõ. Bởi vì, một bên, Triều-đình Huế bổ-nhiệm các viên-chức, lại phải bãi-cách những viên-chức mà nhà cầm-quyền Pháp yêu-cầu bãi-cách, một bên, viên chức ấy do các Trú-sứ Pháp điều khiển và kiểm-soát, các Trú-sứ ấy chỉ tường-trình công việc lên vị Tổng Trú-sứ (Résident général) ở Huế, và như vậy mọi quyền-bính đều tập-trung ở Huế, và các Trú-sứ ở Bắc-kỳ việc gì cũng phải đợi viên Tổng Trú-sứ định đoạt, nên không khỏi thấy bất tiện.

Vì thế, sắc-lệnh ngày 27 tháng giêng năm 1886 của Tổng-thống Pháp đặt cho Bắc-kỳ, Trung-kỳ mỗi xứ một chức Đại Trú-sứ (Résident supérieur), hai thượng-quan này đều phải giúp đỡ viên Tổng Trú-sứ.

Còn vấn-đề quan-lại Việt-nam thì Bôn-be sẽ giải-quyết với Triều-đình Huế.

Viện những lý-do y như những lý-do đã khiến phải đặt một chức Đại Trú-sứ ở Bắc-kỳ, Bôn-be vào yết vua Đồng-Khánh để xin trao chút

quyền bổ-nhậm quan lại còn lại ấy cho một thượng-quan Việt-nam đóng ở Bắc-kỳ.

Dụ ra ngày 2 tháng 5 năm Đồng-Khánh nguyên-niên (3-6-1886) thiết-lập chức Kinh-lược Bắc-kỳ, cho chức này được thay mặt vua mà tự-tiện làm việc rồi mỗi năm một vài lần tâu về cho vua biết (1).

Từ đó Bắc-kỳ đứng riêng biệt hẳn và không còn dính-dáng gì với Triều-đình bao nhiêu nữa.

Ở Trung-kỳ, từ năm Bính-tuất, người Pháp đặt Trú-sứ ở Bình-thuận, Qui-nhơn, Thanh-hóa ; Xuân-đài (Phú-yên) có phó Trú-sứ phụ thuộc Qui-nhơn ; Vinh, Đồng-hới có phó Trú-sứ thuộc Thanh-hóa ; Đà-nẵng thuộc Huế.

Năm sau, Đinh-hợi, Sắc-lệnh ngày 17 tháng 10 năm 1887 của Tổng-thống Pháp đặt Toàn-quyền (Gouvernement général) để thống-trị cả Nam-kỳ, Bắc-kỳ, Trung-kỳ và Cao-miên (2). Liên-hiệp Đông-dương ấy thuộc quyền Bộ Thuộc-địa, Chức Tổng Trú-sứ ở Huế bãi bỏ. Chức Đại Trú-sứ Trung-kỳ phải tuân mệnh-lệnh của vị Toàn-quyền là đại-diện tối-cao của Pháp ở đây.

Vị Toàn-quyền đầu-tiên là ông Công-tăn (Constans) đến nhậm chức ở Sài-gòn tháng 10 năm Đinh-hợi (15-11-1887).

Năm sau, 1888, quan Toàn-quyền Ri-sô (Richaud) viện khoản 18 của hòa-ước 1884, dòi Nam-triều nhường đất đai ở các hải-cảng. Dụ ngày tháng 8 năm Mậu-tí (3-10-1888) đặt ba thành-phố Hà-nội, Hải-phòng, Đà-nẵng làm nhượng-địa cho nước Pháp được tự-tiện kinh-lý và cai-trị.

Năm 1894, Hội-đồng Bảo-hộ Trung, Bắc-kỳ thiết-lập.

---

(1) Vị Kinh-lược đầu tiên là ông Nguyễn-hữu-Độ được quyền hạn rộng rãi, thay Triều-đình, nắm cả quyền hành-chánh. Sau khi ông mất, tháng 3 năm Thành-Thái nguyên-niên. Phụ-chánh phủ-định lại quyền hạn cho Nha Kinh-lược chỉ làm việc giao-thiệp, hình-án, lễ nhạc và đại-khái là làm trung-gian để tư các việc hành-chánh của các tỉnh về Kinh và quan Đại Trú-sứ ban bố hiệu-lệnh Triều-đình ra các tỉnh và quan Đại Trú-sứ, còn muốn làm việc gì khác thì phải bẩm mệnh Triều-đình đã.

(2) Ai-lao và Quang-châu-loan đến đầu năm 1900 mới thuộc phủ Toàn-quyền (Sắc-lệnh 5-1-1900).

Dưới đời Toàn-quyền Rút-sô (Rousseau), 15-3-1895 — 9-12-1896), chức Đại Trú-sứ Bắc-kỳ bãi bỏ vị Toàn-quyền kiêm cả chức này. Một chức Phó Toàn-quyền (Secrétaire au Gouvernement général) được đặt ra.

Năm 1896, nước Pháp cho Trung, Bắc-kỳ vay 80 triệu để giải-quyết tình-hình tài-chánh và thi-hành một chương-trình công-tác. Năm ấy cũng lập ở phủ Toàn-quyền nha Giám-đốc kiểm-soát tài-chánh.

Con đường xe lửa Hà-nội — Lạng-sơn làm xong một phần từ năm 1897 và một phần nữa năm 1900.

Từ khi lập chức Toàn-quyền, vị thượng-quan này thật ra chỉ lo nhiệm-vụ của một Đại Trú-sứ Bắc-kỳ còn đối với Nam-kỳ và các xứ Bảo-hộ, thế-lực không mấy.

Đầu năm 1897, Bôn Đume (Paul-Doumer) bổ làm Toàn-quyền Đông-dương, muốn rằng vị đại-diện nước Pháp ở đấy phải có quyền-bính-thực-sự hơn.

Chức Đại Trú-sứ Bắc-kỳ được đặt lại. Lập ra sổ chi-thu chung cho toàn cõi Đông-dương và định các thứ thuế. Thuế đinh, thuế điền-thổ, thuế xuất-cảng, nhập-cảng v. v.. và cho lãnh-trưng thuế rượu, thuế muối, thuế nha-phiến.

Bên cạnh vị Toàn-quyền, lại lập ra nhiều nha-môn chung (services généraux) và sở lớn để Giám-đốc các công-vụ của năm xứ như nha Tổng Giám đốc quan-thuế và quan quản-thuế, nha Tổng Giám đốc Nông-chánh, Lâm-chánh, Thương-mại, Kỹ-nghệ (1), sở Công-tác, nha Tổng Giám-đốc Bưu-chánh, điện-thoại.

Hội-đồng Tối-cao Đông-dương (Conseil supérieur de l'Indochine) trước kia chỉ gồm có các quan cao cấp nay mới thêm vào vị Chủ-tịch Hội-đồng Thuộc-địa Nam-kỳ, Chủ-tịch các phòng Thương-mại Canh-nông, và các phòng Thương-mại, Canh nông hỗn-hợp.

Chức Kinh-lược Bắc-kỳ đặt ra trước kia, đến năm Thành-Thái thứ 9 theo lời yêu cầu quan Toàn-quyền Đu-me, Dụ ngày 27 tháng 6 (26-7-1897) bãi bỏ và giao quyền-hành các vị ấy lại cho Đại Trú-sứ Bắc-kỳ. Như thế, viên thượng-quan Pháp này lại nắm nốt

(1) Sẽ bãi bỏ mấy năm về sau.

vất cả phần quyền hành-chánh ở Bắc-kỳ còn lại trong tay Triều-đình Huế theo hòa-ước 1884.

Ở Trung-kỳ, hai tháng sau trong năm ấy, một đạo Dụ bãi bỏ Hội đồng Phụ-chánh (27-9-1897), và nhận rằng trong các phiên họp của Hội đồng Thượng-thư mà không có Hoàng-đế dự thì viên Đại Trú-sứ Pháp ở Huế chủ-tọa. Hơn nữa, các thỏa-án Dụ phải được vị Đại-diện của Chánh-phủ Bảo-hộ hợp ý ở các phiên họp Hội-đồng này rồi mới dâng lên châu-phê.

Năm sau một đạo Dụ khác (15-8-1898) cho Chánh-phủ Bảo-hộ quyền quản-trị tài-chánh của Trung-kỳ, Chánh-phủ này chỉ phải trao lại hằng năm một số tiền bằng với số tiền Chánh-phủ Nam-triều đã thu được trước kia.

Từ đó không khác chi ở Bắc-kỳ mấy, ở Trung-kỳ quyền giám-đốc về chính-trị, về hành-chánh, về tài-chánh, đều thuộc người Pháp và hòa-ước 1884 đã bị bỏ rất xa vậy.

Dưới đời Toàn-quyền Đu-me, nước Pháp cho vay 200 triệu để làm đường xe lửa và các công-tác về đường-sá, canh-nông, công-nghệ.

Con đường xe lửa xuyên Đông-dương do Đu-me khởi xướng đến năm 1904 đã làm xong được nhiều đoạn (1) (Hànội — Vinh, Tourane — Đông-Hà, Saigon — Nha-trang).

Đường xe lửa Hải-phòng — Vân-nam bắt đầu 1901 đến 1910 mới hoàn thành (385 km ở đất Bắc-kỳ, 465 km ở đất Tàu) là đường thông miền thượng-du Bắc-kỳ ra biển và đường xâm-nhập cho thế-lực Pháp ở miền Nam Trung-hoa.

Năm 1905, nha Tổng Giám-đốc Học-chánh thiết-lập.

Từ trước cho đến khi quan Toàn-quyền La-nét-xăn đảo-nhậm (1891), nhà cầm quyền Pháp không gây được sự thân-thiện với quan-lại Việt-nam nên kết-quả việc làm không được tốt đẹp. Năm 1891, quyền Toàn-quyền Bi-đô (Bideau) đã viết: « Tình-hình chánh-trị như thế (có điều khuyết-điểm) là do thái-độ thụ-động của các nhà chức-trách Việt-

(1) Đến năm 1936 mới hoàn-thành.

nam họ đã bị các Trú-sứ của chúng ta không đếm-xỉa đến, họ chán-nản bất-bình vì những phương-pháp vụng-về ấy.

Toàn-quyền La-nét-xăn bèn kêu gọi sự hợp-tác của quan-lại và dân-chúng. Ông thi-hành nhiều phương-pháp để gây thiện-cảm với người Việt-nam và trao lại cho quan-lại ta uy-quyền để họ làm việc, đối-đãi với họ theo lễ-phép và phong-tục của xứ sở.

Chánh-sách hợp-tác ấy được các ông Đu-me, Xa-rô và nhiều vị Toàn-quyền sau noi theo.

Từ đời Toàn-quyền Đu-me và từ khi lập ra các nha Tổng Giám-đốc thì các vị Đại Trú-sứ, Thống-đốc chỉ là những quan chức thi-hành, quyền-bính tập-trung ở trung-ương và ở tay vị Toàn-Quyền. Cách tổ-chức ấy bị công-kích nên một sắc-lệnh ký ngày 20-10-1911 của Tổng-thống Pháp quyết định một sự phân quyền cho các địa-phương. Toàn-quyền Xa-rô sang thi-hành sắc-lệnh ấy và từ đó các chức Đại Trú-sứ, Thống-đốc được quyền tự-ý xử-đoán về những vấn-đề tài-chánh, kinh-tế và trị an.

Dưới đời Toàn-quyền Xa-rô, nền giáo-dục được tổ-chức lại và mở-mang thêm. Trường Đại-học thành lập (1918), các lớp Trung-học bản-xứ ra đời.

(*Trích Việt-Pháp bang-giao sử-lược của Phan-Khoang*)

☆

Bài 2.— Danh-sách các toàn-quyền chính-thức Đông-dương

1. Constans
2. Richaud
3. Jules Piquet
4. De Lanessan
5. Armand Rousseau
6. Paul Doumer
7. Beau
8. Klobukowski
9. Albert Sarraut
10. Van Vollenhoven
11. Roume
12. Albert Sarraut
13. Long
14. Merlin
15. Alexandre Varenne
16. Pierre Pasquier
17. Catroux
18. Decoux

CHƯƠNG II

CHÍNH-SÁCH CỦA PHÁP TẠI VIỆT-NAM

TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ VÀ HÀNH-CHÁNH

Để củng-cố nền thống-trị, Pháp áp-dụng chính-sách « chia để trị ». Nước Việt-nam bị cắt ra làm ba mảnh, mỗi xứ có một nền hành-chính khác nhau. Ngay trong một xứ cũng có sự phân chia giai-cấp làm cho người Việt-Nam nghi-kỵ lẫn nhau.

Nam-kỳ là đất thuộc-địa do người Pháp trực-tiếp cai-trị, còn Bắc-kỳ và Trung-kỳ là đất « Bảo-hộ » vẫn do vua quan Việt-nam phụ-trách, nhưng trên thực-tế bao nhiêu quyền-hành đều do Chính-phủ Bảo-hộ nắm giữ.

I.— PHỦ TOÀN-QUYỀN LÀ CƠ-QUAN CHÍNH-THỨC ĐẦU-NÃO CỦA LIÊN-BANG ĐÔNG-DƯƠNG.

Trái với hòa-ước năm1884, sắc-lệnh 1887 hợp bốn xứ Bắc-kỳ, Nam-kỳ, Trung-kỳ vào Cao-miên thành một khối chính-trị, lấy tên là Liên-bang Đông-dương (Union Indochinoise) còn gọi là xứ Đông-dương thuộc Pháp (Indochine-française) hay Đông-Pháp. Về sau thêm xứ Ai-lao và đất Quảng-châu-loan.

Theo sắc-lệnh năm 1887 thì Liên-bang Đông-dương là « dây liên-lạc giữa các xứ về phương-diện hành-chính và tài-chính, để có sự điều-khiển duy-nhất và để xử-dụng một cách hợp-lý tài-nguyên của các xứ cho sự ích-lợi chung ».

Đứng đầu Liên-bang là viên Toàn-quyền (Gouverneur général) do sắc-lệnh của Tổng-thống Pháp bổ-nhiệm, trụ-sở hành-

chính là Hà-nội, thủ-đô chính-trị của xứ Đông-dương. Toàn-quyền là đại-diện tối-cao của Pháp, có nhiệm-vụ điều-khiển nền chính-trị, xã-hội, tài-chính và kinh-tế của các xứ.

Theo nguyên-tắc thì Phủ Toàn-quyền Đông-dương chịu sự chỉ-huy trực-tiếp của chính-phủ Ba-lê về phương-diện lập-pháp; các sắc-lệnh đều do Tổng-thống Pháp ký, viên Toàn-quyền chỉ ký nghị-định đem thi-hành tại Đông-dương. Trước khi xảy ra trận Thế-giới chiến-tranh thứ nhất, thế-lực của Nhật-bản bành-trướng mạnh và đe-dọa nền hòa-bình ở Viễn-đông, Pháp cử Nghị-sĩ Albert Sarraut sang cai-trị Đông-dương và nới rộng quyền-hạn của Toàn-quyền.

Trực-tiếp giúp Toàn-quyền có Tổng thư-ký (Secrétaire Général du Gouvernement) thường gọi là Phó Toàn-quyền được ủy-nhiệm một phần quyền-hạn và đại-diện cho Toàn-quyền chủ-tọa các Hội-đồng. Dưới Tổng thơ-ký là Tổng Giám-đốc các Nha chuyên-môn như : Tài-chánh, Công-chánh, Bưu-điện, Y-tế, Giáo-dục v.v... ; Viên Tổng Tư-lệnh và Tư-lệnh Hải-quân cũng trực-thuộc Toàn-quyền Đông-dương.

Bên cạnh Toàn-quyền có bốn Hội-đồng :

— *Hội-đồng Chính-phủ*(Conseil du gouvernement) giúp Toàn-quyền trong việc soạn-thảo văn-thư hành-chính và thảo-luận về ngân-sách của Liên-bang. Thành phần của Hội-đồng Chính-phủ như sau : Phó Toàn-quyền, Thủ-hiến năm xứ, Tổng Tư-lệnh, Tư-lệnh Hải-quân, Nghị-sĩ Nam-kỳ tại Hạ Nghị-viện.

— *Hội-đồng Kinh-tế và Tài-chính.* Năm 1928, Toàn-quyền Pasquier thành-lập Đại Hội-đồng Kinh-tế và Tài-chính gồm có 51 hội-viên (28 Pháp và 23 bản xứ). Một số do dân công-cử, một số do Toàn-quyền chỉ-định. Đại Hội-đồng Kinh-tế và Tài-chính đạo-đạt lên chính-quyền nguyện-vọng của dân-chúng, có quyền quyết-định về các thứ thuế gián-thu (ngoại-trừ quan-thuế) và quyền tư-vấn về các vấn-đề kinh-tế, tài-chính.

— *Hội-đồng Quốc-phòng* (Conseil de défense) gồm các công-chức cao cấp, Tổng Tư-lệnh và Tư-lệnh Hải-quân để thảo-luận về việc phòng-thủ Đông-dương.

— *Thượng Hội-đồng Vệ-sinh* (Conseil Supérieur d'Hygiène) phụ-trách các vấn-đề y-tế.

Bốn Hội-đồng trên này chỉ đưa ra những nhận-xét và đề-nghị còn sự quyết-định thuộc về Toàn-quyền. Trong các Hội-đồng, đại-biểu của dân bản-xứ chiếm thiểu-số và chỉ những phần-tử trung-thành và thân Pháp mới được chỉ-định.

II — NỀN HÀNH-CHÍNH ĐỊA-PHƯƠNG THAY ĐỔI TÙY THEO CHẾ-ĐỘ CHÍNH-TRỊ CỦA TỪNG XỨ.

1) Nền hành-chính Nam-kỳ.

a) Phủ Thống-đốc Nam-kỳ.

Từ năm 1862 đến năm 1879, quyền cai-trị xứ Nam-kỳ trao cho võ-quan đảm-nhận. Sau khi vãn-hồi được trật-tự, vấn-đề hành-chính trở nên quan-trọng và Chính-phủ Pháp cử Le Myre de Villers, một văn-quan, sang giữ chức Thống-đốc Trụ-sở đóng ở Saigon.

Trực-tiếp giúp việc Thống-đốc có Giám-đốc các sở chuyên-môn như Tài-chánh, Công-chính, Bưu-điện, Y-tế, Giáo-dục v.v... Về phương-diện chuyên-môn, Giám-đốc các sở nói trên chịu sự chi-phối của viên Tổng Giám-đốc, nhưng về phương-diện hành-chính thì lệ-thuộc viên Thống-đốc Nam-kỳ.

Bên cạnh Thống-đốc có hai Hội-đồng:

— *Hội-đồng Tư-mật* (Conseil Privé) giúp ý-kiến về việc hành-chính.

— *Hội-đồng Quản-hạt* (Conseil Colonial) gồm có hội-viên Pháp và Việt do dân bầu lên. Số hội-viên Pháp chiếm đa-số. Hội-đồng quản-hạt có quyền thảo-luận cùng biểu-quyết về ngân-sách xứ Nam-kỳ và có quyền tư-vấn về các vấn-đề chính-trị, kinh-tế, tài-chính v.v...

Nam-kỳ được cử một Nghị-sĩ vào Hạ Nghị-viện *Ba-lê*.

b) Việc cai-trị các tỉnh.

Chiếm xong Nam-kỳ, Pháp tìm cách xóa nhòa dĩ-vãng bằng cách bỏ Lục-tỉnh chia thành 20 tỉnh và Đô-thành Saigon-Chợ-lớn.

Đứng đầu một tỉnh là viên Tham-biện Pháp (Administrateur français) có Phó Tham-biện và các công-chức Pháp, Việt giúp việc. Bên cạnh Tham-biện là Hội-đồng Địa-hạt (Conseil Provincial) do dân bầu để biểu-quyết ngân-sách hàng tỉnh.

Tỉnh to chia làm nhiều quận (Délégations) do một viên Quận điều-khiển. Trong những năm đầu, Quận phải là người Pháp. Về sau để lấy lòng người Việt, Pháp chọn những Đốc Phủ-sứ hoặc Phủ trung-thành và để bảo để bổ làm Quận. Quận chia ra làm nhiều Tổng do Cai-tổng phụ-trách nền hành-chính có Phó Tổng giúp việc. Cai-tổng do dân bầu lên nhưng phải được Thống-đốc Nam-kỳ bổ-nhiệm.

Tổng chia ra làng do ban Hội-tề quản-trị. Theo Nghị-định ngày 30-10-1927 cải-lương nền cai-trị, đứng đầu ban Hội-tề là Hương-cả sau tới Hương-chủ, Hương-trưởng, Hương-sư, Hương-chánh v.v... Mỗi người phụ-trách một việc.

Đô-thành Sàigòn — Chợ-lớn đặt dưới quyền điều-khiển của Hội-đồng Thành-phố (Conseil municipal) do dân bầu lên. Nhân-viên Hội-đồng thành-phố cử một người ra làm Xã-trưởng (Dân-chúng quen gọi là Xã-tây) có một hay nhiều Phó Xã-trưởng và công-chức giúp việc, bên cạnh Xã-trưởng có phòng Thương-mại.

2) Nền hành-chính Bắc-kỳ và Trung-kỳ.

Bắc-kỳ và Trung-kỳ là hai xứ bảo-hộ (Protectorat). Theo đúng hòa-ước năm 1884 thì việc cai-trị do người Việt-nam phụ-trách, Pháp chỉ giữ phần kiểm-soát. Bắc-kỳ và Trung-kỳ có hai nền hành-chính khác nhau.

a) Nền hành-chính bản-xứ (Administration indigène).

Theo nguyên-tắc thì Triều-đình Huế tiếp-tục cai-trị Bắc-kỳ

và Trung-kỳ, nhưng dưới áp-lực của sức mạnh, vua Đồng-Khánh và Thành-Thái phải ký nhiều đạo Dụ nhường thực-quyền cho Pháp. Đạo Dụ ký năm 1925 chỉ còn để cho Bảo-Đại quyền tế-tự và phong sắc cho bách thần. Tuy nhiên Pháp vẫn để Triều-đình Huế tồn-tại như xưa.

Dưới nhà vua có sáu Bộ: Bộ Lại, Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Binh, Bộ Hình và Bộ Công. Năm 1933, Bảo-Đại về nước, cải-tổ chính-phủ như sau : Bộ Lại, Bộ Công-nghệ, Mỹ-thuật, Bộ Tài-chính, Bộ Tư-pháp, Bộ Xã-dân, Kinh-tế va Bộ Học-chính. Đứng đầu mỗi Bộ là vị Thượng-thư, dưới đến tả, hữu Tham-tri, tả Hữu thị-lang, Viên-ngoại, Chủ-sự v. v. Bên cạnh Thượng-thư là Cố-vấn Pháp, quyền-hạn rất lớn vì trước khi làm việc gì vị Thượng-thư phải hỏi ý-kiến viên Cố-vấn. Hội-đồng Thượng-thư do Khâm-sứ Trung-kỳ chủ-tọa và quyết-định của Hội-đồng Thượng-thư phải được sự thỏa-thuận của Khâm-sứ rồi mới đệ lên châu-phê. Như vậy không ai giám đem ra thảo-luận một vấn-đề trái với quyền-lợi của người Pháp.

Từ 1884 đến 1887, Bắc-kỳ trực-thuộc nhà vua như Trung-kỳ và quan-lại đều do Triều-đình bổ-nhiệm. Việc lập Nha. Bắc-kỳ Kinh-lược là bước đầu của chương-trình tách miền Bắc ra khỏi ảnh-hưởng của nhà vua. Sau năm 1897, Bắc-kỳ hoàn-toàn thuộc quyền Thông-sứ Pháp và biến thành bán thuộc-địa. Cũng như đối với Nam-kỳ, Pháp chia đất Bắc ra làm 23 tỉnh, 4 địa-hạt quan-binh (Territoire militaire). Hà-nội và Hải-phòng là nhượng-địa của Pháp. Các tỉnh Trung-kỳ vẫn như cũ.

Mỗi tỉnh có một vị quan đầu tỉnh : Tổng-đốc ở tỉnh lớn Tuần-phủ (1) ở tỉnh nhỏ, Quản-đạo ở tỉnh miền Thượng-du.

Dưới quan đầu tỉnh có Bố-chánh coi việc hộ, Án-sát coi việc hình, Đốc-học hay Kiểm-học coi việc giáo-huấn và Lãnh-binh (2) coi về việc binh.

---

(1) Trong Trung gọi là Tuần-vũ.

(2) Ở Bắc-kỳ không có Lãnh-binh, ở Trung-kỳ chức này sau cũng bỏ vì vấn-đề quân-sự hoàn-toàn thuộc Pháp.

Tỉnh chia ra *Phủ*, *Huyện*, do Tri-phủ và Tri-huyện trông coi. Ở Thượng-du, tỉnh chia ra Châu do Tri-châu hay Bang-tá giữ việc hành-chính.

Huyện chia ra *Tổng* có Chánh-tổng và Phó-Tổng trông nom mọi việc.

Tổng chia ra *làng*, đơn-vị nền-tảng của xã-hội Việt-nam với những tục-lệ riêng biệt mà mọi người dân phải tuân theo. Dựa vào câu « phép vua thua lệ làng », các kỳ-hào làm nhiều điều độc-đoán. Năm 1921, Thống-sứ Bắc-kỳ ký nghị-định cải-tổ lại chế-độ hương-thôn. Làng do Hương-hội quản-trị gồm từ 4 đến 20 tộc-biểu do dân bầu ra. Đứng đầu là Chánh Hương-hội có Phó Hương-hội giúp việc « quản-trị trong làng, thi-hành mệnh-lệnh và huấn-thị của quan trên, lập khoán-lệ, dự-định sổ chi thu » (1).

Năm 1927, thêm Hội-đồng kỳ-mục làm Cố-vấn. Quyền-hành thường ở trong tay Lý-trưởng do dân bàu lên làm « môi-giới giữa Chính-phủ và xã-thôn, giữ thuế-bộ, đinh-bộ, và coi việc trị-an cùng thuế-má » (1). Dưới Lý-trưởng có Phó lý, Hộ-lại, Chưởng-bạ, Trương-tuần, Xã-tuần v.v. Ở Trung-kỳ làng chưa được cải-lương nên vẫn có Tiên-chỉ, Thứ-chỉ, Kỳ-mục quyết-định mọi việc quan-trọng và Lý-trưởng thay mặt dân đối với cấp trên.

b) Nền hành-chính Bảo-hộ.

Theo hòa-ước 1884, Pháp có quyền đặt một viên Tổng Trú-sứ (Résident général) ở Huế phụ-trách công việc kiểm-soát nền hành-chính của Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Năm 1886, Pháp đặt thêm hai chức Thượng Trú-sứ (Résident supérieur), một ở Hànội, một ở Huế và trực-thuộc Tổng Trú-sứ. Đến năm 1897, chức Tổng Trú-sứ bãi bỏ và hai viên Thượng Trú-sứ là Thủ-hiến nền hành-chính Bảo-hộ. Ở Bắc thì gọi là Thống-Sứ, ở Trung gọi là Khâm sứ. Tên gọi khác nhau nhưng quyền-hạn và chức-vụ như nhau. Cả hai đều trực-thuộc Toàn-quyền Đông-dương và quyết-định về các vấn-đề hành-chính, kinh-tế, chính-trị của mỗi xứ.

(1) « Việt-nam Văn-hóa Sử-cương » của Đ.D.A.

Dưới quyền vị Thủ-hiến có Đồng-lý sự-vụ (Directeur des Bureaux) thường gọi là Phó Khâm-sứ hay Phó Thống-sứ, Giám đốc các sở chuyên-môn địa-phương như sở Học-chính, sở Công-chính, sở Bưu-điện v.v...

Bên cạnh Khâm-sứ Trung-kỳ và Thống-sứ Bắc-kỳ có ba Hội-đồng sau đây:

— *Hội-đồng Bảo-hộ* (Conseil du Protectorat) do Chính-phủ cử ra giúp ý-kiến.

— *Hội-đồng Pháp quyền-lợi Kinh-tế và Tài-chính* (Conseil des Intérêts français Economiques et Financiers) do dân Pháp bàu ra để bảo-vệ quyền-lợi của họ.

— *Viện Dân-biểu* do người Việt-nam bàu lên chỉ có quyền tư-vấn. Ở Bắc-kỳ, Viện Dân-biểu trực-thuộc phủ Thống-sứ còn ở Trung-kỳ thì từ năm 1932 Viện Dân-biểu không đặt dưới quyền Khâm-sứ nữa và trực-thuộc Nam-triều.

Đứng đầu mỗi tỉnh là một viên Công-sứ Pháp nắm trọn quyền cai-trị. Trực-tiếp dưới quyền Công-sứ là Phó-sứ, Chủ-sự các Ty chuyên-môn như Thanh-tra Học-chính, Chủ-sự Bưu-điện, Ngân-khố, Công-chính, Y-tế v.v...

Ở mỗi tỉnh có Hội-đồng hàng tỉnh (Conseil Provincial) là cơ-quan tư-vấn.

Tóm lại tuy là đất Bảo-hộ, Bắc-kỳ và Trung-kỳ biến dần thành thuộc-địa. Triều-đình Huế còn rất ít quyền-hành và vua quan đóng vai bù-nhìn để cho Pháp tha hồ giật dây.

III.— CHÍNH SÁCH « CHIA ĐỂ TRỊ » CỦA PHÁP.

1) Pháp cắt nước Việt-nam ra thành ba xứ.

Nước Việt-nam là một Quốc-gia độc-lập và thống-nhất, từ ải Nam-quan tới mũi Cà-mau. Sau khi đem quân chiếm nước ta Pháp áp-dụng chính-sách « chia để trị ».

Nam-kỳ gồm sáu tỉnh miền Nam là đất thuộc-địa, Trung-kỳ (từ Bình-thuận tới Thanh-hóa) và Bắc-kỳ (từ Ninh-bình tới biên-

giới Hoa-Việt) là hai xứ bảo-hộ. Tuy là công-dân Việt-nam, người Bắc muốn vào Trung-kỳ hay Nam-kỳ phải xin thẻ căn-cước do Chính-quyền Pháp cấp sau cuộc điều-tra kỹ-lưỡng của Sở Liêm-phóng. Không có thẻ căn-cước này, tới địa-đầu tỉnh Thanh-hóa thì bị giữ lại và trả về nguyên-quán.

Chính-quyền địa-phương có toàn quyền trục-xuất những người Việt sinh-quán tại xứ khác dã sinh-cơ lập-nghiệp lâu năm như là đối với người ngoại-quốc. Trong quân-đội cũng như ở học-đường, chính-quyền Pháp thường tìm cách gây mâu-thuẫn giữa người Nam, Trung và Bắc.

Chính-sách « chia để trị » này không đạt được kết-quả mong muốn và đa-số nhà trí-thức Việt-nam hô-hào sự đoàn-kết giữa dân ba miền.

2) Pháp chia rẽ người Việt-nam và các dân-tộc thiểu-số.

Dưới triều-đại cũ, dân-tộc thiểu-số hưởng một quy-chế riêng biệt nhưng vẫn theo luật-lệ Việt-nam và nhiều giống được coi như dân Việt. Sau khi đặt nền thống-trị, Pháp tìm cách loại-trừ ảnh-hưởng của Triều-đình Huế. Miền Thượng-du Bắc-kỳ, Cao-nguyên miền Nam (nay gọi là Cao-nguyên Nam-Trung-phần) do Thổ-quan cai-trị.

Pháp mở trường Tiểu-học dạy người Thượng và chuyển-ngữ là tiếng Pháp. Chính-quyền không cho nhiều người Việt-nam lên sinh-cơ lập-nghiệp trên Cao-nguyên. Kết-quả là nhiều người Thượng nói thạo Pháp-ngữ, không hiểu tiếng Việt và chỉ biết có người Pháp thôi. Mỗi khi xảy ra xích-mích giữa người Kinh và người Thượng, Pháp tìm cách thổi phồng câu chuyện để gây ác-cảm.

Sau trận Thế-giới chiến-tranh thứ nhì, Pháp tái chiếm Đông-dương và lập xứ Thái ở Thượng-du Bắc-kỳ, lập xứ Tây-kỳ ở vùng Cao-nguyên không ngoài mục-đích chia rẽ những dân-tộc anh em đã chung sống trên giải đất hình chữ S.

3) Pháp nâng-đỡ tay sai, nhắm mắt để quan-lại, cường-hào bóc.lột dân-chúng.

Theo chính-sách « dùng người Việt trị người Việt ». Pháp hết sức nâng-đỡ những kẻ tay sai, cấp ruộng đất, cho hưởng nhiều quyền-lợi kinh-tế. Nhóm đại điền-chủ, đại kỹ-nghệ trở nên giàu có nhờ sự che-chở của « Chính-quyền Bảo-hộ » nên thành-thực cộng-tác với ngoại-nhân để củng-cố địa-vị của mình.

Chính-quyền Pháp biết rõ cái tệ « quan tham lại nhũng » nhưng không muốn trừng-phạt để làm giảm uy-tín của các vị « phụ-mẫu dân ». Họ còn nhắm mắt mặc bọn « cướp ngày » bóc-lột, hà-hiếp dân-chúng. Quan-lại thối-nát càng dễ sai-khiến và phải tuân theo ý muốn của người Pháp. Ông quan nào có lương-tâm biết thương dân, không chịu theo ngoại-nhân thì bị gán cho tội « chống Pháp ». Nếu không bị thải-hồi thì cũng suốt đời giữ nguyên chức cũ và chỉ được cai-trị nơi đồng trắng nước trong, còn những kẻ vào hoạn-trường với mục-đích « vinh thân phi gia », khéo bợ-đỡ quan thầy làm giàu bằng mồ-hôi, nước mắt và xương máu của đồng-bào thì được che-chở, thăng trật rất nhanh. Pháp không ngần-ngại đặc-cách cho vài kẻ vô-học giữ nhiệm-vụ cao-quý « chăn dân ». Một tên bồi vì khéo chiều-chuộng quan thầy được đặc-cách bổ Tri-huyện và leo dần tới chức Tuần-phủ cầm đầu một tỉnh ở Bắc-kỳ. Xưa kia quan-lại hãnh-diện sống cuộc đời thanh-bạch như khi còn là thư-sinh và sợ thanh-nghị phê-bình gắt-gao. Dưới thời Pháp-thuộc, ông quan nào tậu nhiều đồn-điền, có xe hơi, nhà lầu là được mọi người kính-nể vì không ai cần biết tiền của này vì sao mà có. Đời sống xa-hoa trụy-lạc của quan-lại và trưởng-giả làm cho dân-chúng oán ghét và cái hố chia rẽ các giới càng ngày càng khơi sâu.

4) Pháp chia rẽ công-chức bằng cách đặt ra nhiều ngạch lương bổng chênh.lệch rất nhiều.

Sau khi chiếm Việt-nam, Pháp đặt ra guồng máy hành-chính riêng biệt gồm hai loại công-chức Pháp và Việt-nam.

a) *Công-chức Pháp* giữ nhiệm-vụ điều-khiển. Trong bất cứ ngành nào, người cầm đầu cũng phải là người Pháp, vì thế nên năm 1942 xứ Đông-dương với 25 triệu dân có tới 5.200 công-chức Pháp nhiều hơn tổng-số công-chức Anh để cai-trị 350 triệu dân Ấn-độ.

Tính trung-bình 1/5 ngân-sách dùng để trả lương công-chức. Một viên Xen-đầm Pháp, học-lực dú để ký tên cũng được hưởng số lương cao hơn quan Tổng-đốc đầu tỉnh.

Sau khi thấy nhiều công-chức Việt-nam nhất là giáo-chức gia-nhập các đảng Cách-mạng chống Pháp, chính quyền Đông-dương đặc-cách cho một ít người bản-xứ đủ điều-kiện văn-bằng vào ngạch Âu với số lương bằng 10/17 lương của một công-chức Pháp cùng đẳng trật (7/17 la phụ-cấp xuất-dương indemnité d'expatriation chỉ người Pháp mới được hưởng).

b) *Công-chức bản-xứ* độ 27.000 chia ra làm ba ngạch Cao-đẳng, Trung-đẳng và Hạ-đẳng. Thang lương-bổng của ba ngạch chênh-lệch nhau rất nhiều.

Lương đồng-niên của một tham-tá tập-sự : 1.380$. (1).

Lương đồng-niên của một thư-ký tập-sự : 450$.

Lương đồng-niên của một tùy-phái tập-sự : 180$.

So với đồng-nghiệp ngạch Trung.đẳng và Hạ-đẳng thì một công-chức ngạch Cao-đẳng Đông-dương được lĩnh một số lương khá lớn, nhưng so với một công-chức Pháp cùng ngạch, cùng trật thì kém từ 5 tới 8 lần. Cái mộng của công-chức thời Pháp-thuộc là gia-nhập ngạch Âu để hưởng lương cao, phụ-cấp gia-đình lớn.

Chính-sách của Pháp đối với công-chức thay đổi luôn. Trong những năm đầu thấy hầu hết sĩ-phu cựu-học đứng vào phe kháng-chiến chống xâm-lăng, Chính-quyền Pháp ưu-đãi công-chức Bảo-hộ về phương-diện lương-bổng.

---

(1) Theo thang lương năm 1928.

Sau vụ khởi-nghĩa của Việt-nam Quốc-dân đảng, vì thấy đa-số quan-lại thẳng tay đàn-áp các nhà Cách-mạng, Pháp tăng lương cho giới này rất nhiều (có trật tăng tới 150%). Ngoài hai ngạch quan Hành-chính và Tư-pháp, Pháp tái-lập ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ ngạch Học-quan để dò xét hành-vi giáo-giới.

KẾT-LUẬN

Chính-sách «chia để trị» đã giúp Pháp đô-hộ Việt-nam trong gần một thế-kỷ Nhưng tinh-thần độc-lập vẫn tiềm-tàng trong tâm-khảm người Việt và chỉ đợi dịp lật-đổ ách thống-trị của ngoại-bang.

TỔ-CHỨC KINH-TẾ VÀ TÀI-CHÍNH

Pháp dùng võ-lực xâm-lăng Việt-nam không ngoài mục-đích trục-lợi Nước ta ở xa, khí-hậu nóng và ẩm, phong-tục khác hẳn phong-tục Pháp nên không thể dùng làm nơi di-dân được. Pháp coi Việt-nam như một thuộc-địa khai-thác và chính-sách kinh-tế tài-chính đều hướng về mục-tiêu phụng-sự quyền.lợi của tư-bản Pháp, bóc-lột dân Việt đến xương tủy.

I.— ĐẶC-TÍNH CỦA NỀN KINH-TẾ PHÁP TẠI VIỆT-NAM·

I) Nền kinh-tế Việt-nam lệ-thuộc nền kinh-tế chính-quốc và phụng-sự quyền-lợi của nhóm tư-bản Pháp.

Việt-nam là thị-trường cung-cấp nguyên-liệu thiên-nhiên cho nền kỹ-nghệ Pháp và là thị-trường tiêu-thụ hàng do chính-quốc sản-xuất. Để thực-hiện mục-tiêu trên, nền kinh-tế Việt-nam lệ-thuộc nền kinh-tế Pháp. Việt-nam phải sản-xuất những nguyên-liệu thiên-nhiên cần-thiết cho nền kỹ-nghệ Pháp như khoáng-sản, gạo, cao-su, cà-phê, trà. Việt-nam không được phép khuếch-trương những ngành kỹ-nghệ có thể cạnh-tranh với kỹ-nghệ Pháp. Năm 1933, dưới áp-lực của tư-bản Pháp, hai công-ty chế tạo thủy-tinh ở Hà-nội và Hải-phòng chỉ được phép làm chai, lọ không được chế-tạo gương và mặt kính (kiếng). Khi chính-phủ Đông-dương xuất-cảng thảm làm bằng sợi dừa sang Pháp và vải bông sang Mã-đão thì báo-chí Pháp phản-đối kịch-liệt nên hai ngành kỹ-nghệ này không phát-triển được. (theo tài-liệu của Robequain trong cuốn « Sự tiến-triển kinh-tế của Đông-Pháp »).

Như vậy chính-sách kinh-tế của Pháp tại Việt-nam không phụng-sự quyền-lợi của dân bản-xứ và Phủ Toàn-quyền Đông-dương phải theo chỉ-thị của Chính-phủ Pháp.

Để bảo-vệ quyền-lợi của tư-bản Pháp, Phủ Toàn-quyền thiết-lập một hàng rào quan-thuế không cho hàng các nước mang vào bán ở Việt-nam. Kết-quả thật tai-hại Dân-chúng phải mua hàng Pháp với giá cao hơn từ 15% đến 20% so với hàng mua của các nước khác.

2) Nền kinh-tế Việt-nam hoàn-toàn trong tay ngoại-kiều nên công-nhân bị bóc-lột đến xương tủy.

Hầu hết các công-ty lớn ở Việt-nam là của người Pháp và trụ-sở chính đặt ở trên đất Pháp. Những công-ty này do nhóm tư-bản có thế-lực điều-khiển.

Toàn-quyền, Thống-sứ, Thống-đốc phải hết sức làm vừa lòng họ để giữ địa-vị được lâu bền. Vì vậy chính-quyền đứng hẳn vào phe chủ, mặc cho họ bóc-lột nhân-công một cách vô nhân-đạo.

Các xưởng thiếu điều-kiện vệ-sinh, làm hại sức-khỏe của công-nhân rất nhiều. Thợ phải làm việc trên 12 tiếng đồng-hồ một ngày, ốm đau nghỉ không được lĩnh lương, bị tai-nạn trong khi hành nghề không có phụ-cấp. Đàn bà, trẻ con cũng làm việc trong các hầm mỏ hoặc làm ban đêm Công việc nặng-nhọc vất-vả, nhưng lương bổng chỉ đủ ăn, không còn tiền để mua thuốc men khi đau ốm, sắm quần áo che thân.

Đã bị chủ bóc-lột, công-nhân còn bị cai xếp hành-hạ, lương bị xén đầu trừ đuôi mà không biết kêu ca vào đâu.

II.— CÁC GIAI-ĐOẠN CỦA SỰ PHÁT-TRIỂN NỀN KINH-TẾ VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP-THUỘC.

Chính-sách kinh-tế của Pháp tại Việt-nam có thể chia ra làm 3 giai-đoạn.

1) Từ 1884 đến 1914 nền kinh-tế Việt-nam tiến chậm.

Sau khi chiếm Nam-kỳ và đặt xong nền đô-hộ trên hai xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ, Pháp phải luôn luôn huy-động quân-đội đàn-áp các cuộc võ-trang khởi-nghĩa. Trước sự thiếu an-ninh này, tư-bản Pháp dè-dặt không dám bỏ nhiều vốn sang Việt-nam.

Chính-sách kinh-tế của Pháp trong giai-đoạn này hướng về việc khai-thác miền tây Nam-kỳ và các mỏ ở Bắc-kỳ.

Nam-kỳ dân-cư thưa-thớt, tập-trung ở miền Đông nhiều hơn. Trong những năm khói lửa, dân quê bỏ quê-hương tản-cư đi nơi khác để tránh mũi tên hòn đạn. Số ruộng đất bỏ hoang rất nhiều. Miền Tây Nam-kỳ còn nhiều đất chưa khai-khẩn. Chính-quyền Pháp thực-hiện chương-trình đào hệ-thống kinh rạch tháo nước tới những nơi úng-thủy và mang nước tới những ruộng khô. Diện-tích ruộng tăng gấp hai, ba lần. Chính-quyền chia số ruộng này cho người Pháp và những tay sai đắc-lực người Việt. Vào đầu thế-kỷ XX cao-su, cà-phê được đem trồng thử ở Việt-nam và có kết-quả mỹ-mãn. Chính-quyền Pháp khai-khẩn miền đất đỏ và nhiều đồn-điền do người Pháp điều-khiển được thành-lập.

Bắc-kỳ nhiều mỏ và có thể cung-cấp khoáng-sản cần-thiết cho kỹ-nghệ Pháp. Năm 1888, một công-ty Pháp khai-thác mỏ than Hòng-gai, Đông-triều. Công-ty này rất phát-đạt nên số người đi cắm đất tìm mỏ mỗi năm một tăng nhiều. Năm 1902, chính-quyền Pháp lập Sở mỏ (Service des mines) để hướng-dẫn ngành hoạt-động này. Bắt đầu từ năm 1905, nhiều mỏ kim-khí được khai-thác và tất cả số quặng đều xuất-cảng sang Pháp.

Trong giai-đoạn này vài kỹ-nghệ được thành-lập để thỏa-mãn nhu-cầu của xứ Đông-dương như :

— Nhà máy dệt vải bông ở Hà-nội và Nam-định (1894).

— Nhà máy xi-măng ở Hải-phòng (1899).

— Nhà máy rượu ở Hà-nội, Hải-phòng, Nam-định (1902) v.v.

Tính tới năm 1914 tổng-số vốn đầu-tư tại Đông-dương độ hơn 400 triệu phật-lăng và số công-nhân chừng 55,000. Hai con số trên chứng tỏ rằng nền kinh-tế Việt-nam còn trong giai-đoạn dò-dẫm.

2) Sau khi thắng Đức thế-lực của Pháp ở Viễn-đông trở nên vững-chắc và nền kinh-tế Việt-nam tiến rất nhanh.

Trong bốn năm chiến-tranh, đường giao-thông giữa Pháp và thuộc-địa bị tàu ngầm Đức cắt đứt. Hàng Pháp không xuất-cảng được, Việt-nam phải tìm cách tự-túc : nhiều xí-nghiệp xuất-hiện và thu được nhiều lợi giữ vững giá đồng bạc trong khi đồng phật-lặng sụt giá. Chiến-tranh kết-liễu, tư-bản Pháp bỏ vốn đầu-tư ở Đông-dương nhiều hơn trước. Trong 5 năm từ 1924 đến 1929, số vốn lên lới 744 triệu gần gấp đôi số vốn từ 1862 đến 1924.

Tất cả các ngành hoạt-động đều tiến nhanh.

Về canh-nông : Diện-tích đồn-điền cao-su tăng từ 30.000 mẫu tây lên 126.000 mẫu ; diện-tích ruộng lúa cũng tăng lên nhiều ; tại miền Trung-du Bắc-phần và Cao-nguyên Nam-Trung-phần, đồn-điền chè và cà-phê mọc lên như nấm. Nông-sản chiếm hàng đầu về xuất-cảng và các nhà trồng tỉa thu được nhiều lời.

Về kỹ-nghệ : Sự thịnh-vượng đưa tới chỗ cần tăng thêm vốn để đủ tiền mua máy-móc, dụng-cụ tối-tân. Nhiều xí-nghiệp nhỏ họp thành Công-ty lớn và gọi thêm cổ-phần. Từ 1918 đến 1929 thêm 12 xí-nghiệp mỏ và mực sản-xuất than đá, kẽm, chì, thiếc tăng gấp ba. Các kỹ-nghệ chuyền-hóa như kỹ-nghệ dệt, làm giấy, chế-tạo xi-măng, làm diêm (quẹt) cũng tiến rất nhanh và đua nhau phát-triển.

Về thương-mại : Chính-phủ Ba-lê cho phép Phủ Toàn-quyền được ấn-định số tiền thuế đánh vào các hàng nhập-cảng. Chế-độ Bảo-vệ mậu-dịch được triệt-để áp-dụng. Từ năm 1928, hàng

Nhật và Trung-hoa không được hưởng giá-biểu đặc-biệt như trước nữa. Dân Việt-nam bị mua hàng đắt hơn trước trong khi các nhà xuất-cảng ở Pháp, các hãng buôn Pháp ở Việt-nam kiếm được số tiền lời rất lớn.

Thời-gian từ 1918 đến 1928 là hoàng-kim thời-đại của giới tư-bản Pháp. Từ thành-thị đến nơi thôn-quê hẻo-lánh cũng như miền rừng núi âm-u, chỗ nào cũng thấy bàn tay của tư-bản Pháp vươn tới.

3) Nạn Kinh-tế khủng-hoảng đưa giới cần-lao Việt-nam vào một tình-trạng đen tối, nhưng tư-bản Pháp được giúp-đỡ nên không bị phá-sản.

Năm 1929, nạn Kinh-tế khủng-hoảng xuất-hiện ở Hoa-kỳ và bắt đầu từ năm 1930 lan vào Việt-nam. Hậu-quả thứ nhất là hàng-hóa ứ đọng không người tiêu-thụ. Để bảo-vệ nền kỹ-nghệ Pháp, Phủ Toàn-quyền đặt một hàng rào quan-thuế ngặt hơn trước để ngăn hàng các nước vào Việt-nam và dành độc-quyền cho hàng Pháp. Nhiều thứ hàng Trung-hoa và Nhật-bản phải nộp thuế-quan cao từ 100% đến 180% trong khi hàng của Pháp chỉ phải nộp thuế từ 20% đến 50% thôi. Đã phải nộp ít thuế, thương-gia Pháp có quyền đặt giá rất cao nên tuy số hàng bán ra ít hơn trước mà số lời vẫn lớn (1)

Dân Việt-nam chỉ được tiêu-thụ hàng của Pháp và cũng chỉ được phép bán nông-sản cho Pháp. Vì không có người mua tranh nên nhà buôn Pháp muốn trả giá nào, nông-dân Việt-nam cũng phải chịu. Nước Nam là một nước sống về nông-nghiệp mà giá lúa sụt đi rất nhiều thì nông-dân tránh sao khỏi cảnh xác-xơ (2).

---

(1) Theo tài liệu cuốn « Vấn-đề kinh-tế Đông-dương » của Bernard thì mỗi năm Pháp lãi tới 12 triệu đồng về việc tăng giá hàng.

(2) Giá gạo : 1929 11$50 một tạ tại Sài-gòn
1931 6$72 — —
1934 3$26 — —

Nhưng nếu các nhà trồng tỉa Việt-nam bị phá-sản thì bọn chủ đồn-điền cao-su và cà-phê Pháp vẫn kiếm được lời nhờ chính-sách cho vay vốn, nhất là nhờ số tiền thưởng mà ngân-sách Đông-dương phải bù cho họ. Từ năm 1930 đến 1934, bọn chủ đồn-điền cao-su đã được vay :

Năm 1930 : 1.789.720$00
— 1931 : 2.489.077$00
— 1932 : 3.040.430$00
— 1933 : 1.392.800$00
— 1934 : 360.480$00

Số tiền bù cho đồn-điền cao-su như sau :

Năm 1932, giá chính 0$65 một kilô ; giá bán 0,25 ; tiền thưởng 0$30.

Năm 1933 giá chính 0,40 một kilô giá bán 0,206 tiền thưởng 0,10.

Nhờ chính-sách này số cao-su và cà-phê xuất-cảng không giảm mà còn tăng, nhưng càng tăng bao nhiêu thì công quỹ Đông-dương càng hao hụt vì phải chịu số tiền thưởng.

Kỹ-nghệ-gia Pháp cũng được nâng đỡ, được trợ-cấp...

Lấy cớ hàng ứ đọng, nhiều xí-nghiệp giảm thợ, làm con số thất-nghiệp tăng nhiều. Theo luật cung cầu khi chỗ làm ít, người xin việc nhiều, chủ-nhân tha hồ hạ lương mà công-nhân cũng phải nhận để vợ con khỏi chết đói.

Tóm lại nạn kinh-tế khủng-hoảng đã làm cho nhiều thương-gia kỹ-nghệ gia Việt-nam và Hoa-kiều phá sản, làm cho nhiều nông-gia phải bán ruộng để nộp thuế. Nhưng bọn tư-bản Pháp được chính-quyền Đông-dương triệt-để giúp-đỡ nên vẫn đứng vững và vẫn có lãi chia cho cổ-đông.

III.— KẾT-QUẢ CỦA CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ PHÁP TẠI VIỆT-NAM.

1) Pháp đã cố-gắng mở-mang hệ-thống giao-thông, đào kinh, khai-thác tài-nguyên.

Sau khi chiếm nước ta, công việc đầu-tiên của Pháp là đắp đường tiếp-tế lương-thực cho đoàn-quân viễn-chinh đóng ở các đô-thị lớn (đường xe lửa Saigon — Mỹ-tho và Hà-nội — Lạng-sơn). Sau đó Pháp mở-mang hệ-thống giao-thông nối ba miền Trung Nam Bắc và nối miền thượng-du, miền cao-nguyên với các đồng-bằng phì-nhiêu. Tính đến năm 1939, Việt-nam có 3.372 km hỏa-xa (trong số này 464 km ở trên đất Trung-hoa) và 39.073 km đường bộ quanh năm xe hơi đi lại được.

Hệ-thống kinh, rạch ở Nam-phần cũng được tăng-cường để chuyên-chở nông-sản miền Hậu-giang lên thương-cảng Saigon.

Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, nhiều đập nước (đập Bái-thượng, đập Vĩnh-yên) dẫn nước sông tới các cánh đồng khô-khan. Sau 80 năm Pháp-thuộc, diện-tích ruộng ở nước ta tăng rất nhiều, nhất là ở Nam-kỳ (400.000 mẫu tây vào năm 1880.— 2.300.000 mẫu vào năm 1935).

Nhiều đô-thị được mở-mang, các thương-cảng có chỗ để tầu cập-bến, có dụng-cụ tối-tân để bốc hàng, có kho rộng. Nhưng tiếc rằng tất cả những công-trình xây-dựng nói trên phụng-sự quyền-lợi của tư-bản Pháp hơn là của dân Việt-nam.

2) Pháp không thực-tâm khai-hóa cho ta nên sau 80 năm Pháp-thuộc kinh tế Việt-nam vẫn lạc-hậu.

Pháp coi Việt-nam như một thuộc-địa khai-thác và chính-sách kinh-tế của Pháp là phụng-sự nhóm tư-bản ở chính-quốc. Chỉ những cải-cách nào có lợi cho nhóm này thì mới được đem ra thi-hành.

Vì vậy sau 80 năm Pháp-thuộc, nền canh-nông cũng như kỹ-nghệ Việt-nam vẫn còn lạc-hậu.

Về canh-nông, chỉ nhưng chủ đồn-điền lớn mới được Chính-phủ cho vay vốn sắm dụng-cụ tối-tân còn nông-dân Việt-nam vẫn dùng chiếc « cày gãi đất », vẫn áp-dụng phương-pháp canh-tác cổ-truyền và quanh năm vất-vả đầu tắt mặt tối không đủ tiền đóng thuế.

Về kỹ-nghệ, Pháp chỉ chú-trọng đến khai-thác mỏ để cung-cấp than đá, quặng kim-khí cho kỹ-nghệ Pháp thiếu nguyên-liệu thiên-nhiên. Vì Việt-nam là thị-trường tiêu-thụ hàng Pháp nên Chính-phủ Ba-lê chỉ cho mở những ngành kỹ-nghệ nào không cạnh-tranh với kỹ-nghệ của chính-quốc. Do đó sau 80 năm Pháp-thuộc, nền kỹ-nghệ tân-tiến của nước ta còn trong thời-kỳ ấu-trĩ. Sản-phẩm tiểu công-nghệ nuôi sống hàng triệu gia-đình bị hàng Pháp cạnh-tranh nên lâm vào tình-trạng sống dở chết dở.

Về thương-mại thì ngành xuất, nhập cảng ở trong tay ngoại-kiều. Dân Việt-nam đóng vai buôn thúng bán mẹt, mua hàng mang về bán lẻ kiếm chút lời.

3) Chính-sách kinh-tế của Pháp bần-cùng hóa dân Việt-nam. Bao nhiêu nguồn lợi quan-trọng đều vào tay tư-bản Pháp, nông-dân cũng như công-nhân bị bóc-lột đến xương tủy. Họ làm việc nhiều mà kiếm rất ít, đóng xong sưu thuế không còn đủ tiền để nuôi sống gia-đình.

Theo thống-kê của một nhà kinh-tế học Pháp thì năm 1931 trung-bình một người Âu mỗi năm kiếm được 5000đ còn một người dân thường Việt-nam chỉ kiếm được 49đ. Với số tiền nhỏ này người dân quê phải nộp thuế cho chính-phủ, phải đóng góp với dân làng, phải nuôi sống gia-đình. Không may bị đau ốm thì phải đi vay nặng lãi và lâm vào tình-trạng bi-đát không sao ngóc đầu lên được. Kiếm không đủ ăn, người nông-dân Việt-nam còn nghĩ đâu đến chuyện cho con cái đi học nên số người mù chữ chiếm tỷ-lệ khủng-khiếp trên 90% dân-số.

Tóm lại chính-sách kinh-tế của Pháp ở Việt-nam có những hậu-quả tai-hại tới nay vẫn còn.

III.— CHÍNH-SÁCH TÀI-CHÍNH CỦA PHÁP TẠI VIỆT-NAM CŨNG PHỤNG-SỰ NHÓM TƯ-BẢN VÀ BÓC-LỘT DÂN-CHÚNG.

Pháp đặt ra chế-độ thuế bất-công đánh vào dân Việt-nam.

Có hai loại thuế là thuế trực-thu và thuế gián-thu.

a) *Thuế trực-thu* do dân chúng nộp thẳng cho chính-phủ gồm có :

— *Thuế-thân* đánh vào tất cả nam công-dân từ 18 đến 60 tuổi : Chế-độ thuế thân thay đổi tùy theo mỗi xứ.

Ở Trung-kỳ trước năm 1939 mỗi xuất phải nộp 2$50 chưa kể tiền phụ-thu. Từ 1939 người không có tài-sản nộp 0$,60, người có tài-sản nộp 1$50. Loại thứ hai này tùy theo tài-sản còn phải nộp thêm một xuất thuế tỷ-lệ.

Ở Bắc-kỳ trước 1938 mỗi xuất đinh cũng phải nộp 2$50 chưa kể phụ-thu. Từ 1938 những người vô-sản hay lương-bổng dưới 120$ một năm nộp 1$00, những người có tài-sản phải nộp 50$. Sau lại chia ra làm 13 hạng : Vô-sản nộp 1$, rồi tăng dần lên tới 200$ cho các đại-phú có trên 300 mẫu ruộng, công-chức lương đồng-niên 600$ hay thương-gia đóng 400$ thuế môn-bài.

Ở Nam-kỳ thì vô-sản đóng 4$50, hữu-sản 5$50. Từ 1-1-1938 hạng hữu sản (Việt-nam và ngoại-quốc) kiếm trên 3.600$ phải nộp thêm thuế lợi-tức nữa.

— *Thuế điền-thổ* cũng thay đổi tùy theo từng miền. Ở Trung-kỳ ruộng chia ra làm 4 hạng thuế nộp từ 0$78 đến 1$95 cho một mẫu, thuế đất (đất lam nhà và trồng cây) chia ra làm 6 hạng đánh thuế từ 0$13 đến 1$95 một mẫu.

Ở Bắc-kỳ ruộng chia ra làm ba hạng nộp thuế từ 1$ đến 1$90, thuế đất thì chia làm năm hạng từ 0$02 đến 2$50 mỗi mẫu. Ở Nam-kỳ ruộng chia ra làm sáu hạng, mỗi mẫu nộp

thuế từ 0$10 đến 2$, thuế đất chia ra làm năm hạng từ 0$10 đến 3$00.

Số tiền thuế trên đây là số chính-thu nộp vào ngân-sách địa-phương (Budget local). Dân Bắc-kỳ và Trung-kỳ còn phải đóng thêm bach-phân phụ-thu nộp vao ngân-sách hàng tỉnh. Nhiều nơi số tiền phụ-thụ lớn gần bằng số chính-thu.

— *Thuế môn-bài* đanh vào cửa hàng ; *thuế chợ* đánh vào các người buôn thúng bán mẹt ; *thuế thuyền bè, thuế kiểm-lâm thuế đo, thuế cầm đồ* v. v.

Tuy các loại thuế đã chia ra làm nhiều hạng nhưng bắt một người không tấc đất cắm dùi hay một người đi làm thuê mỗi năm lương từ 20$ đến 30$ phải nộp thuế có khi trên 2$ thì thực là một việc bất-công. Thuế môn-bài cũng có nhiều hạng nhưng so số tiền mà một người bán hàng rong phải nộp với số tiền thuế của một công-ty lớn thì ta thấy ngay sự chênh-lệch có lợi cho nhóm tư-bản. *Thuế gián-thu* nộp vào ngân-sách chung của xứ Đông-dương và có những loại sau đây :

Thuế thương-chính gồm có thuế nhập-cảng, thuế xuất-cảng, thuế thông-kê (Statistique), thuế thông-qua (transit), thuế sạn-phòng (entrepôt), thuế thương khố (magasins), thuế khai mỏ v. v...

— *Thuế trước-bạ văn-khế* (enregistrement)

— *Thuế tem* (Timbre)

— *Thuế đề-áp* (hypothèque)

— *Thuế động-sản lợi-tức* (revenus mobiliers)

— *Thuế bảo-hiểm* (assurances)

— *Thuế mỏ* (redevances minières)

— *Thuế bưu-chính* (Poste, télégraphe et téléphone)

— *Thuế tiêu-phí* (consommation)

— *Thuế chuyên-mãi* (Régies financières) (1).

---

(1) Trích Việt-nam văn-hóa sử-cương của Đào-duy-Anh.

Trong số thuế gián-thu, loại thuế chuyên-mãi làm dân Việt-nam phẫn-uất. Chính-quyền Pháp giữ độc-quyền về muối, thuốc phiện và rượu. Dân miền duyên-hải không được tự-do làm muối. Những ruộng muối tập-trung vào một vài địa-điểm (Đồ-sơn, Hải-hậu ở Bắc-phần, Phan-thiết, Cà-ná ở Trung-phần v.v...) có nhân-viên nhà Đoan kiểm-soát chặt-chẽ. Dân làm muối phải bán số muối sản-xuất cho chính-phủ rồi phải mua lại với giá đắt gấp nhiều lần.

Lấy cớ bảo-vệ sức-khỏe dân-chúng, chính-phủ Pháp giữ độc-quyền bán thuốc phiện và rượu. Nhưng về thực-tế, Pháp khuyến-khích việc mở tiệm hút để đầu-độc thanh-niên và bắt dân phải uống rượu. Căn-cứ vào số đinh, mỗi làng hàng tháng phải tiêu-thụ một số rượu nhất-định. Các quan Phủ, Huyện có bổn-phận tiếp tay với nhân-viên Thương-chính bắt những người nấu rượu lậu và viên quan nào ép dân uống nhiều rượu thì được coi như là mẫn-cán và chóng thăng trật. Trong những năm kinh-tế khủng-khoảng, dân không có ăn nhưng rượu của Công-ty Fontaine chế-tạo vẫn phải mua uống. Những con số dưới đây thật là khủng-khiếp :

— 1930	số rượu tiêu-thụ là :	24.382.739 lít
— 1931	—	18.044.573 lít
— 1932	—	15.227.285 lít

Thấy số rượu bán ra giảm đi, năm 1934 chính-quyền Pháp ra lệnh buộc mỗi dân-đinh một năm phải mua từ 7 đến 10 lít tùy từng địa-hạt Năm 1942 ngân-sách Đông-dương thu được 454.000.000$ về thuế chuyên-mãi (16,8%), hơn cả thuế Thương-chính.

2) Nhà Đông-dương ngân-hàng giữ độc-quyền phát-hành giấy bạc.

Sau khi đô-hộ Việt-nam, Pháp sửa đổi chế-độ tiền-tệ, lấy bạc làm bản-vị. Trước năm 1895 « Ở Đông-dương chỉ lưu-hành đồng-bạc Mễ-tây-cơ (Piastre mexicaine) nặng 27 gr 073 thành-

sắc 0,902. Đến năm 1895, Chính-phủ thuộc-địa bắt đầu chở vào đồng bạc Đông-dương đúc ở Ba-lê nặng 27 gr thanh-sắc 0,900. Sắc-lệnh ngày 16-5-1900 cho phép nhà Đông-dương Ngân-hàng phát-hành số sao phiếu (tức giấy bạc) nhiều gấp ba số chuẩn-bị kim... Năm 1920, Chính-phủ lại cho sao-phiếu của Ngân-hàng hàng được cưỡng-bách lưu-hành (cours forcé)... Đến năm 1930, Tổng-Thống nước Pháp qui-định đồng bạc Đông-pháp là 655 miligam vàng, theo thành-sắc 0,900 thức theo giá 10 phật-lăng vàng từ đó tệ-chế Đông-pháp bỏ ngân bản-vị mà theo hư-kim bản-vị.

Sắc-lệnh ngày 12-8-1930 cho đúc đồng bạc Đông-Pháp mới nặng 20 gr thành sắc 0,900 (1). Chế-độ tiền-tệ nói trên bóc-lột dân Việt-nam rất nhiều. Mỗi lần thay đổi đồng bạc là Pháp lời một số tiền lớn. Như năm 1930 thay đổi đồng bạc 27 gr bằng đồng bạc 20 g Pháp thừa được một số vàng dùng làm trữ-kim để tiêu vào việc khác, giá-trị đồng bạc mới chỉ bằng 1/6 giá-trị đồng bạc cũ thôi. Thêm vào lợi trên, ngày 14-12-1931 Toàn-quyền Đông-dương ký nghị-định phát-hành đồng bạc mới và hạn cho dân phải đem đổi hết bạc cũ trước ngày 1-1-1932. Quá hạn ấy Chính-phủ đánh hạ đồng bạc cũ xuống 0$80 rồi sau còn 0$40. Pháp chỉ phát-hành có 16 triệu đồng bạc mới mà thu được hơn 30 triệu bạc cũ. Rồi dần dần Pháp thu hết bạc thật và dân Đông-dương chỉ tiêu toàn bạc giấy.

Trong trận thế-giới chiến-tranh thứ hai, vì Chính-phủ Đông-dương phải trả số tiền chi-tiêu của quân-đội Nhật đồn-trú trên bán-đảo nên nạn lạm-phát càng ngày càng trầm-trọng.

Nhà Đông-dương Ngân-hàng phát-hành giấy 200$, 500$ làm đồng tiền mất giá và dân-chúng sống cơ-cực hơn nữa.

3) Hàng năm xứ Đông-dương phải nộp cho Pháp một số tiền lớn.

Ngay từ khi Pháp chiếm nước ta, ngoài việc bóc-lột tài-lực

(1) Trích Văn-hóa Sử cương của Đào-Duy-Anh

vật-lực, Pháp còn bắt Đông-dương hàng năm nộp một số tiền lớn sang Pháp như kiểu nước chư-hầu dưới thời phong-kiến phải nộp cho nước lớn. Số tiền này lên tới 10 triệu đồng.

Trong những năm kinh-tế khủng-hoảng, nền tài-chính của Đông-dương sụt đi rất nhiều, nhưng số tiền phải « cống-nộp » vẫn như trước :

Năm 1930 số tiền nộp cho Pháp : 10.900.000$
— 1931 — : 11.542.000$
— 1932 — : 10.196.000$

Ngoài số tiền chính-thức nói trên, mỗi khi Chính-quốc có tổ-chức gì, quỹ Đông-dương cũng phải góp phần.

Như năm 1931, Đông-dương phải nộp 3 triệu đồng để Pháp tổ-chức cuộc đấu-xảo quốc-tế thuộc-địa. Năm 1930, Nam-kỳ quyên 136.000$ để cứu-tế những tỉnh miền Nam nước Pháp bị nạn lụt, trong khi dân Bắc-kỳ và Trung-kỳ cũng bị điêu-linh về bão, lụt không được trợ-cấp đồng nào.

Trong những năm kinh-tế khủng-hoảng, Pháp mở nhiều công-thái (từ 1930 đến 1935 tới 17 lần) vay tiền của dân thuộc-địa có món hạn giả cuối cùng là những năm 1981, 1982 hoặc 1983. Tổng-số công-thái trong 5 năm kể trên là 157.419.100$.

KẾT-LUẬN.

Chính-sách kinh-tế và tài-chính của Pháp tại Việt-nam phụng-sự tư-bản Pháp và bần-cùng-hóa nhân-dân. Sau hơn tám mươi năm Pháp-thuộc, canh-nông, kỹ-nghệ và thương-mại của nước ta tiến rất chậm. Đa-số dân Việt-nam sống cơ-cực, kiếm không đủ ăn và luôn luôn bị nạn đói đe-dọa.

TỔ-CHỨC VĂN-HÓA, XÃ-HỘI VÀ QUÂN-SỰ

Mục-đích chính của Pháp là biến Việt-nam thành một thị-trường cung-cấp nguyên-liệu và tiêu-thụ hàng-hóa của chính-quốc. Nhưng bề ngoài Pháp phải che đậy mục-đích trục-lợi bằng một nước sơn hào-nháng và luôn luôn đề-cao « sứ-mạng thiêng-liêng đem bỏ đuốc văn-minh khai-hóa cho các dân-tộc chậm-tiến ». Do đó Pháp phải thực-hiện một chính-sách văn-hóa và xã-hội giả-tạo.

CHÍNH-SÁCH VĂN-HÓA

1.— PHÁP BỎ HÁN-HỌC LẬP CÁC TRƯỜNG PHÁP-VIỆT ĐỂ ĐÀO-TẠO LỚP TRÍ-THỨC MỚI.

1) Các bậc học Pháp-Việt.

Dân-tộc Việt-nam có tiếng là hiếu-học. Dưới các triều-đại cũ tuy chính-phủ không dựng ra mở trường nhưng làng nào cũng có một vài ông đồ dạy trẻ học chữ Thánh-hiền.

Sau khi đặt nền đô-hộ trên nước ta, Pháp tổ-chức nền tân-học với mục-đích đào-tạo lớp tri-thức mới thay thế lớp sĩ-phu cựu-học mà đa số có tư-tưởng chống Pháp. Nam-kỳ là đất thuộc-địa nên ngay sau khi chiếm xứ này, Pháp bỏ Hán-học lập trường Pháp-Việt. Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ, Pháp không dám thay đổi đột-ngột, Hán-học còn được giữ đến năm 1915 ở Bắc-kỳ và đến năm 1918 ở Trung-kỳ. Tuy-nhiên ngay từ năm 1908,

Pháp đã lập Hội-đồng cải-cách học-vụ sửa lại chương-trình học và các kỳ thi. Ngoài chữ Hán, học-sinh phải học thêm chữ quốc-ngữ và chữ Pháp (Pháp-văn hồi đó còn là môn học tinh-nguyện).

Ngày 21-12-1917, Nha Tổng Giám-đốc Học-chính Đông-dương (Direction de L'Instruction publique viết tắt là Dirip) ban-hành bộ học-qui áp-dụng trên toàn cõi Đông-dương. Nền giáo-dục Việt-nam gồm ba bậc :

a) *Bậc Tiểu-học* dạy trẻ em từ 6 đến 12 tuổi chia ra làm năm lớp từ lớp năm đến lớp nhất. Chuyển-ngữ là tiếng Pháp, Quốc-ngữ chỉ là môn học phụ. Ngay môn Việt-sử cũng dạy bằng tiếng Pháp.

Học hết lớp Nhất, học-sinh thi bằng Tiểu-học tốt-nghiệp (Certificat de fin d'études primaires).

Về sau Toàn-quyền Merlin thực-hiện kế-hoạch phát-triển nền giáo-dục theo chiều ngang (Plan horizontal) và chia bậc Tiểu-học ra làm hai :

— *Bậc Sơ-học* gồm ba lớp (lớp Năm, Tư, Ba) dạy toàn bằng tiếng Việt. Cuối lớp Ba học sinh phải thi bằng Sơ-học yếu-lược (Certificat d'études élémentaires).

— *Bậc Tiểu-học* gồm ba lớp (lớp Nhì năm thứ nhất, lớp Nhì năm thứ hai và lớp Nhất) dạy toàn bằng tiếng Pháp như cũ.

b) *Bậc Cao-đẳng Tiểu-học* (Enseignement primaire supérieur) gồm có 4 năm : Đệ-nhất niên, Đệ-nhị niên, Đệ-tam niên, Đệ-tứ niên. Cuối năm Đệ-tứ, học-sinh thi bằng Cao-đẳng Tiểu-học Pháp-Việt (Diplôme de fin d'études primaires supérieures franco-indigènes).

— *Bậc Trung-học bản-xứ* (Enseignement secondaire local) gồm có 3 niên học, theo chương-trình Trung-học Pháp nhưng thêm nhiều môn nên nặng hơn. Cuối năm thứ-nhì, học-sinh thi bằng Tú-tài bản-xứ phần I (Baccalauréat local 1ère partie). Cuối năm thứ ba thi lấy phần thứ hai.

c) *Bậc Đại-học* (*Enseignement supérieur*) được tổ-chức từ năm 1917 và có mục-đích đào-tạo một số công-chức chuyên-môn giúp việc người Pháp. Trường Cao-đẳng Y-Dược được mở đầu tiên sau thêm các trường Cao-đẳng Sư-phạm, Công-chánh, Thú-y, Canh-nông, Thương-mại v.v... Vì văn-bằng do các trường Cao-đẳng Hà-nội cấp không có giá-trị tương-đương với văn-bằng do các trường Đại-học Pháp cấp nên nhiều thanh-niên xin du-học bên Pháp. Để có cớ bác đơn của nhiều gia-đình xin cho con sang Pháp, phủ Toàn-quyền đổi trường Cao-đẳng Y-Dược thành Y-dược Đại-học (Faculté de Médecine et de Pharmacie) và trường Cao-đẳng Luật-học và Hành-chính (Ecole supérieure de Droit et d'Administration) thành Đông-dương Cao-đẳng học-hiệu (École des Hautes études indochinoises) và sau thành Luật-khoa Đại-học (Faculté de Droit). Năm 1938 thêm hai trường Nông-lâm và Công-chính. Văn-bằng do các trường Đại-học Đông-dương cấp được tương-đương với văn-bằng do các trường Đại-học Pháp cấp.

Song song với các trường Pháp-Việt, ở các đô-thị lớn đông kiều-dân Pháp có những trường Trung-học Pháp (Lycée français) dạy đúng chương-trình áp-dụng ở bên Pháp. Những trường này chỉ nhận trẻ con Pháp, thỉnh thoảng mới đặc-cách nhận con một vài vị đại-thần hoặc đại thương-gia, đại điền-chủ có thế-lực.

d) *Trường Kỹ-nghệ thực-hành.* (Ecole Pratique d'industrie).

Bên cạnh các trường dạy chữ, Pháp mở tại Thủ-đô ba xứ và ở đô-thị lớn những trường Kỹ-nghệ thực-hành mục-đích đào-tạo một số thợ chuyên-môn để cung-cấp cho các xưởng kỹ-nghệ của người Pháp.

Trong ngân-sách năm 1942, số tiền dành cho tổ-chức giáo-dục có 15 triệu 7 tức 7 % tổng-số nên việc học khó tiến.

2) Các khuyết-điểm của nền giáo-dục Pháp-Việt :

Nền giáo-dục Pháp-Việt có những khuyết-điểm sau đây :

a) Chương-trình giáo-dục không hợp-lý và có tính-cách nhồi-sọ.

Việc dùng tiếng Pháp làm chuyển-ngữ tại các bậc học từ Tiểu-học đến Đại-học là một việc không hợp-lý. Những trẻ em 6, 7 tuổi nói tiếng Việt chưa thông, đã phải nhai những bài bằng tiếng Pháp. Chữ Quốc-ngữ là môn học phụ, không dùng tới trong các kỳ thi nên đa số học-sinh sao-nhãng. Nhiều trẻ hãnh-diện vì không nói sõi tiếng mẹ đẻ. Để thanh-niên quên nguồn-gốc, tại các trường có nội-trú, giáo-sư, giám-thị được lệnh phạt những trò nào trong giờ chơi nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt.

So-sánh chương-trình áp-dụng ở trường Pháp và trường Pháp-Việt ta thấy học-sinh Việt-nam phải học nhiều hơn học-sinh Pháp vì ngoài Việt-sử ra còn có nhiều môn không cần-thiết. Vì chương-trình quá nặng lại phải học bằng ngoại-ngữ nên thanh-niên chỉ vùi đầu vào học không còn thì giờ nghĩ đến chính-trị nữa.

b) Số trường mở ra không đủ để thu-nhận học-sinh.

Chính-quyền Pháp chỉ chú-trọng tới bậc Tiểu-học, cốt dạy cho người Việt-nam nói được dăm ba câu tiếng Pháp để sự giao-thiệp hàng ngày giữa hai giống được dễ-dàng. Các trường Trung-học rất ít. Lúc đầu chỉ ba Thủ-đô Sài-gòn, Huế, Hà-nội có trường Trung-học nhận học-sinh của cả xứ. Về sau Pháp mở thêm nhiều lớp Bổ-túc (Cours complémentaires) cũng dạy chương-trình Trung-học nhưng chỉ có đến lớp Đệ-tứ niên thôi.

Năm 1944, số học-sinh các bậc học như sau :

Tiểu-học 900 000 tức 3, 6% dân-số.

Trung-học 4.000 (5.500 dân mới có một học-sinh Trung-học)

Đại-học 1.500 trong số này 77% là dân bản-xứ

Bậc Đại-học thì mãi đến năm 1917 mới bắt đầu tổ-chức và chương-trình học không theo đúng hẳn chương-trình áp-dụng ở Pháp.

Tuy Pháp đặc-biệt chú-ý tới bậc Tiểu-học mà số trường mở ra cũng rất ít. Thường chỉ tỉnh-lỵ và phủ-lỵ, huyện-lỵ lớn mới có trường Tiểu-học, ở các nơi khác may-mắn lắm mới có một trường Sơ-học. Nhiều trẻ em phải đi bộ bốn năm cây số mới tới trường. Hang năm đến ngày khai giảng, phụ-huynh học-sinh phải chạy chọt, phải năn-nỉ mới kiếm được một chỗ học cho con. Số trẻ em đến tuổi đi học không được nhận vào trường rất nhiều. Hậu-quả tai-hại là số người « mù chữ » lên quá 90%.

c) *Chế-độ thi-cử và tư-thục kìm-hãm bước tiến của dân Việt-nam.*

Vì số trường không đủ để nhận học-sinh và vì không thực-tâm khai-hóa cho dân thuộc-địa nên chính-quyền Pháp đặt ra rất nhiều kỳ thi để loại trừ một số lớn thanh-niên hiếu học. Một trẻ em lên 6 tuổi vào lớp năm, ba năm sau đã phải thi bằng Sơ-học Yếu-lược, song phải thi vào lớp Nhì năm thứ nhất. Đến cuối lớp nhất lại phải thi Tiểu-học rồi thi vào trường Trung-học, bốn năm sau thi Cao-đẳng Tiểu-học rồi thi Tú-tài phần nhất và phần II. Tính ra từ 6 tuổi đến 19 tuổi phải thi tới bảy lần.

Chế-độ thi-cử phức-tạp và có nhiều cạm bẫy nên học hết chương-trình cũng chưa chắc trúng-tuyển. Nhiều thanh-niên xuất-sắc đã phải ôm hận vì không được may-mắn và phải phá ngang.

Trường công ít nhưng quy-chế tư-thục rất ngặt-nghèo. Sau khi đóng cửa trường Đông-kinh Nghĩa-thục, chính-quyền Pháp coi các trường tư như lò cách-mạng nên hết sức dè-dặt trong việc cấp giấy phép mở trường. Nhiều người đủ điều-kiện văn-bằng không được dạy tại các trường tư-thục vì sở Liêm-phóng thấy họ không triệt-để trung-thành với « chính phủ Bảo-hộ ». Ngay những cơ-quan đoàn-thể có mục-đích mở-mang dân-trí như Hội Trí-tri, Hội Truyền-bá Quốc-ngữ cũng bị kiểm-soát chặt-chẽ.

Pháp cho cả tay sai trà-trộn vào đám sinh-viên, học-sinh

và thanh-niên nào tỏ ra yêu nước thương nòi thì bị Sở Liêm-phóng ghi tên vào sổ đen và luôn luôn theo rõi.

d)Những sản-phẩm văn-hóa trụy-lạc được phổ-biến dễ-dàng.

Những sách, báo, phim ảnh có tính-cách đầu-độc thanh-niên được nhập-cảng hoặc xuất-bản dễ-dàng, còn các sách chính-trị, lịch-sử có thể kích-thích lòng ái-quốc thì bị tịch-thu.

Tiệm khiêu-vũ, tiệm hút được phép mở rất nhiều và thanh-niên được tự-do lui tới những nơi trụy-lạc đó.

Trong trận thế-giới chiến-tranh thứ nhì, Toàn-quyền Decoux trao cho Ducouroy nhiệm-vụ phát-động phong-trào thể-thao để hướng hoạt-động của nam, nữ thanh-niên vào việc phá kỷ-lục điền-kinh hoặc tranh giải quán-quân về các môn thể-thao. Những trận vô-địch đá banh, húc côn cầu (Hockey), quần-vợt v.v... được rầm-rộ tổ-chức. Sân vận-động mọc lên như nấm.

Tóm lại chính-sách văn-hóa của Pháp là dạy cho người Việt-nam đủ chữ để giúp công-chức Pháp củng-cố nền thống-trị. Nhưng một số thanh-niên có tâm-huyết biết cố-gắng học hỏi đem cái hay của nền văn-minh Tây-phương phổ-biến cho đồng-bào. Vài người đã can-đảm gia-nhập các phong-trào Cách-mạng tranh-đấu cho nền độc-lập của tổ-quốc.

CHÍNH-SÁCH XÃ-HỘI

Chính-sách xã-hội của Pháp tại Việt-nam cũng chỉ có cái vỏ ngoài hào-nhoáng. Về vấn-đề bảo-vệ sức-khỏe cũng như bảo-vệ quyền-lợi của giới lao-động kết-quả còn mong-manh.

I.— CÁCH TỔ-CHỨC NỀN Y-TẾ Ở VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP-THUỘC.

1) Pháp có công truyền-bá nền y-học Tây-phương vào Việt-nam.

Việt-nam ở miền nhiệt-đới khí-hậu nóng và ẩm không lợi cho sức-khỏe của dân-chúng. Phần tin dị-đoan, phần vì luật

Triều-đình ngăn-cấm, người Việt ở những căn nhà thấp, không có cửa sổ, thiếu ánh sáng mặt trời. Cạnh nhà thường có hồ ao vũng nước đọng, nơi trú-ẩn lý-tưởng của ruồi muỗi. Vấn-đề nước uống giải-quyết một cách cẩu-thả. Thường thường người ta gánh nước sông, nước hồ, hoặc nước ao để lắng rồi dùng vào việc nấu-nướng. Tất cả những điều-kiện trên dễ gây bệnh tật và mỗi khi xảy ra nạn dịch-tễ (đậu mùa, tả, dịch-hạch v.v...) số người chết rất nhiều.

Pháp có công truyền-bá nền y-học Tây-phương vào nước ta. Viện Pasteur Hà-nội, Sài-gòn, Nha-trang khảo-cứu về căn-nguyên những bệnh thường phát-sinh ở Việt-nam và chế-tạo thuốc kiến-hiệu để chữa bệnh và phòng bệnh. Mỗi khi có bệnh thời-khí, chính-phủ bắt dân phải tiêm thuốc trừ bệnh, một hàng-rào y-tế được thiết-lập dọc theo biên-giới và ở các hải-cảng để ngăn không cho người co bệnh truyền-nhiễm vào Việt-nam.

Nhờ công các nhà Bác-học Pháp, một số bệnh truyền-nhiễm như bệnh tả, bệnh đậu mùa, bệnh dịch hạch, bệnh sốt rét rừng không giết hại nhiều người như trước.

Người Pháp đã lập bệnh-viện, phòng khám bệnh, nhà hộ-sinh để chữa người ốm và trông-nom sản-phụ.

Nhờ những tổ-chức y-tế nói trên, số tử giảm, nhất là số tử của trẻ sơ sinh và dân-số có tăng.

2) *Nhưng vì số tiền dành cho Y-tế quá ít-ỏi nên kết-quả mong-manh.*

Dân Việt-nam nhận rõ công-hiệu của nền y-học tây-phương, nhưng vì số bệnh-viện, số thày thuốc ít quá nên dân chúng bó buộc phải tiếp-tục dùng thuốc Bắc. Trong ngân-sách Đông-dương năm 1942 số tiền dành cho y-tế chỉ có 8 triệu bạc tức 3,6% tổng số nên dân được hưởng sự kiến-hiệu của tây-y rất ít. Năm 1936, số bệnh-viện và phòng phát thuốc ở Đông-dương độ 700, số bệnh-nhân được vào chữa chừng 400.000 (cứ 1.000 người dân mới có

17 người được chữa bệnh). Tại nhiều bệnh-viện vì thiếu giường, hai bệnh-nhân nằm chung một tấm phản chiều ngang chưa được một mét, có khi dưới gầm giường cũng có người nằm. Số thầy thuốc cũng rất thiếu. Năm 1936 cả xứ Đông-dương có 364 bác-sĩ và y-sĩ, trong số này có 237 y-sĩ do trường thuốc Hànội đào-tạo, trung bình 60.456 người dân mới có một thầy thuốc : Kết-quả là số tử của Việt-nam tuy đã giảm nhưng vẫn đứng hàng đầu ở châu-Á : Số tử ở Saigon là 24 người trên 1.000, ở Nhật-bản là 16, 5, ở Phi-luật-tân 19 và ở Ấn-độ 21.

II.— MÃI TỚI NĂM 1936 PHÁP MỚI ĐEM ÁP-DỤNG BỘ LUẬT LAO-ĐỘNG Ở VIỆT-NAM MỘT CÁCH RỤT-RÈ.

Chính-sách kinh-tế của Pháp ở Việt-nam là phục-vụ nhóm tư-bản có thế-lực nên chính-quyền đứng hẳn về phía chủ-nhân. Sở Liêm-phóng, quân đội dùng để đàn-áp thợ-thuyền mỗi khi họ đòi được hưởng lương xứng đáng với công việc làm.

Trước Thế-giới chiến-tranh thứ nhất, số công-nhân hãy còn ít (chừng 55.000), sống rời rạc, chưa nhận thức được quyền lợi của mình nên bị giới tư-bản bóc-lột đến xương tủy : mỗi ngày làm việc trên 12 tiếng đồng hồ trong những xưởng tối-tăm, đầy bụi bậm để cuối tháng lĩnh « số lương chết đói ».

Sau năm 1920, nền kinh-tế Việt-nam phát-triển rất mạnh. Các xí-nghiệp, hầm-mỏ, đồn-điền cao-su, cà-phê mọc lên như nấm và đua nhau hoạt-động. Số công-nhân tăng rất nhanh và năm 1929 tới 221.052 người. Được chính-quyền Đông-dương bảo-vệ, giới tư-bản kiếm lời rất nhiều và mỗi năm số lãi chia cho cổ-đông một tăng. Nhưng chủ càng lời bao nhiêu thì công-nhân càng bị bóc-lột áp-chế bấy nhiêu. Sự bóc-lột tàn-nhẫn phu đồn-điền cao-su làm cho cả người Pháp cũng phải động tâm. Nhiều nhà văn, nhà báo tả nỗi thống-khổ của giới cần-lao Việt-nam in thành sách cảnh-cáo Chính-phủ Ba-lê. Ngày 27-10-1927, Phủ Toàn-quyền Đông-dương phải quy-định lao-động khoán-ước (Travail contractuel), lập Sở Tổng Thanh-tra Lao-

động để trừng-trị sự vi-phạm luật lao-động Nhưng vì nhóm tư-bản vẫn còn mạnh, nên đời sống công-nhân chỉ sung-sướng hơn trước một chút thôi.

Mãi năm 1936, Mặt-trận Bình-dân lên cầm quyền ở bên Pháp thì quy-chế lao-động mới được ban-hành tại Việt-nam, nhưng Toàn-quyền Đông-dương có quyền nêu những « điều-kiện riêng biệt » (condition spéciales) để sửa đổi một vài chi-tiết trong việc thi-hành luật lao-động. Quyền-hạn đặc-biệt này đã giúp chính-quyền Pháp ở Đông-dương nhân-nhượng khá nhiều đối với giới chủ và làm thiệt-thòi cho công-nhân. Đến năm 1940, lấy cớ Pháp ở trong tình-trạng chiến-tranh, Phủ Toàn-quyền tạm ngừng thi-hành luật lao-động.

Như vậy quyền-lợi công-nhân chỉ được bảo vệ một cách rụt-rè trong có bốn năm. Ngay lúc Mặt-trận Bình-dân đương mạnh ở Pháp, công-nhân Việt-nam cũng không có quyền lập Nghiệp-đoàn và các vụ đình-công vẫn bị đàn-áp.

Chính-sách lao-động của Pháp có một hậu-quả vô cùng tai-hại. Lợi-dụng lòng công-phẫn của công-nhân, Đệ-Tam Quốc-Tế đã cho cán-bộ Cộng-sản trà-trộn vào các xí-nghiệp tuyên-truyền cho chủ-nghĩa Mác-Lê. Nhiều công-nhân tin lời tuyên-truyền xảo-trá của Cộng-sản gia-nhập các vụ biểu-tình, đình-công và ngã gục dưới làn đạn của quân-đội Pháp hoặc bỏ mình trong chốn lao tù.

III.— CHÍNH-QUYỀN PHÁP KHÔNG ĐẶT CƠ-QUAN CỨU-TẾ XÃ-HỘI ĐỂ GIẢM BỚT SỰ ĐAU KHỔ CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG-CỰC.

Ở bất cứ nước nào — dù giàu như Hoa-kỳ — cũng có hạng người tàn-tật, già yếu cần được giúp-đỡ. Ngay dưới Triều Minh-Mạng, nhà vua đã ra lệnh cho quan-lại ở các trấn lấy tiền kho lập Sở Dưỡng-tế. Những người quan-quả, cô-độc, tàn-tật được đến ở đó và được nhà nước nuôi-nấng.

Tới khi Pháp sang đô-hộ nước ta những sở Dưỡng-tế đều

bãi bỏ Mỗi khi xảy ra lụt-lội, hỏa-hoạn, nạn-nhân chỉ trông vào sự giúp-đỡ của họ hàng,chúng bạn hoặc lân-bang.

Tại các đô-thị lớn, Pháp xây viện tế-bần để nhốt những người hành-khất nhưng vì bị ngược-đãi và ăn uống thiếu-thốn nên họ chỉ tìm cách trốn ra để trông vào lòng thương của người đồng-loại.

Thợ thất-nghiệp không có cơ-quan nào giúp-đỡ và chỉ có cách nhịn đói đợi việc làm. Năm 1945, Bắc-kỳ lâm vào nạn đói trầm-trọng làm hơn một triệu người chết, chính-quyền Pháp phải kêu gọi lòng từ-tâm của dân chúng, nhiều hội thiện đã quyên tiền,quyên gạo của mọi người nấu cháo phát cho đồng-bào húp cầm hơi.

Vấn đề cứu-tế xã-hội đã bị xao-lãng trong suốt thời Pháp-thuộc.

CHÍNH-SÁCH QUÂN-SỰ.

— CHÍNH-SÁCH QUÂN-SỰ CỦA PHÁP TẠI VIỆT-NAM THAY ĐỔI TÙY THEO SỰ BIẾN-CHUYỂN CỦA THỜI-CUỘC.

1) Từ 1862 đến 1905 Pháp bành-trướng thế-lực và củng-cố nền thống-trị trên bán-đảo Đông-dương.

Sau khi chiếm Nam-kỳ, bảo-hộ Cao-mên, Pháp đem quân ra đánh Bắc-kỳ. Việc Pháp chiếm Việt-nam đe-dọa Trung-hoa nên Thanh-triều ngầm giúp vua Tự-Đức. Do đó xảy ra chiến-tranh giữa Pháp và Trung-hoa. Sau nhiều chiến-thắng liên tiếp, nước Tàu ký Hòa-ước Thiên-tân (1885) công-nhận chủ quyền của Pháp ở Việt-nam.

Yên tâm đối với nước láng-giềng phương Bắc, Pháp dự định thôn-tính nốt xứ Lào và chạm trán với Xiêm-la cũng muốn đô-hộ miền này. Chiến-tranh xảy ra giữa Xiêm và Pháp. Thấy quân Pháp thắng, Anh dự định đứng về phía Xiêm. Thấy vậy, Pháp

điều-đình với Anh, công-nhận Xiêm-la là nước đệm « giữa thuộc-địa của Anh và Pháp » Anh bỏ rơi Xiêm nên nước Xiêm phải ký hòa-ước năm 1893 nhận chủ-quyền của Pháp trên đất Lào.

Từ đó Pháp chỉ còn lo đàn-áp các cuộc khởi-nghĩa ở Việt-nam

2) Từ 1905 đến Thế-giới chiến-tranh thứ nhất.

Năm 1905, Nhật thắng Nga và bước lên hàng Cường-quốc. Chiến-thắng oanh-liệt này làm bột-phát phong-trào giải-phóng quốc-gia ở Việt-nam và ở Ấn độ. Phan-Bội-Châu, Cường-Để đưa thanh-niên sang du-học bên Nhật, Tilak, Gandhi hô-hào dân Ấn đuổi người Anh ra khỏi bờ cõi.

Trước sự đe-dọa chung này, Pháp, Anh thắt chặt tình thân-hữu và thỏa-thuận cùng chung-sức giữ nguyên tình-trạng hiện-tại của miền Đông-Nam-Á. Đồng thời Pháp ký Hiệp-ước thương-mại nhượng cho Nhật nhiều quyền-lợi kinh-tế ở Đông-dương và yêu-cầu chính-phủ Đông-kinh trục-xuất những người Việt-nam chống Pháp hiện cư-trú trên đất Nhật.

Nhờ chính-sách ngoại-giao khôn-khéo này nền thống-trị của Pháp ở Đông-dương trở nên vững-chắc. Trong trận Thế-giới chiến-tranh thứ nhất, Pháp chỉ để lại Đông-dương một số quân tối-thiểu mà vẫn giữ được trật-tự.

3) Sau trận thế-giới chiến-tranh thứ nhất Pháp trông vào lực-lượng của Anh, Mỹ để bảo-vệ Đông-dương.

Rút kinh-nghiệm ở trận thế-giới chiến-tranh thứ nhất, Bộ Tổng Tham-mưu Pháp ở Ba-lê cho rằng « Nếu xảy ra một trận thế-giới chiến-tranh một lần nữa thì số phận của Đế-quốc Pháp nói chung và số phận của Đông-dương nói riêng, sẽ giải-quyết ở châu Âu hay là đúng hơn sẽ giải-quyết trên bờ sông Rhin ». (1) Ngoài lãnh-thổ Pháp, Bộ Tổng Tham-mưu chỉ chú-trọng tới các thuộc-địa ở Phi-Châu và Cận Đông (2) còn ở châu Á thì Pháp trông cậy vào sự giúp đỡ của quân Anh và Hoa-kỳ.

---

(1) Theo Toàn quyền Decoux trong cuốn (A la barre de L' Indochine).

(2) Theo Decoux thì trong chương-trình bảo vệ Đế-quốc Pháp không nói tới Đông-dương.

Sau khi Nhật-bản gia-nhập trục Bá-linh, La-mã, Đông-kinh và gây hấn với Trung-hoa (vụ Lư-Câu-Kiều đêm 7-7-1937) thì Pháp đi hẳn với khối Dân-chủ và cho phép Chính-phủ kháng chiến Tưởng-Giới-Thạch sử-dụng đường xe lửa Hải-phòng — Lao-cai —Côn-minh tải vũ-khí qua Bắc-việt, Nhật cực-lực phản-kháng. Sự giao-thiệp giữa hai chính-phủ Đông-kinh và Đông-dương ngày thêm căng-thẳng. Bầu không-khí chiến-tranh bao phủ cả Âu lẫn Á.

Bộ Tổng Tham-mưu Pháp vẫn chỉ lo phòng-thủ Chính-quốc và các thuộc-địa châu Phi, không nghĩ tới tăng-cường quân-lực ở Đông-dương và tin-tưởng vào sự giúp-đỡ của Anh Mỹ và cho rằng Nhật bị sa lầy ở Trung-hoa không còn đủ lực-lượng để gây chuyện với Đông-dương nữa. Sự nhận xét sai lầm nay đã có những hậu-quả tai-hại: Năm 1940, Nhật chiếm Đông-dương một cách rất dễ-dàng và chỉ trong một đêm Nhật lật đổ Pháp (9-3-1945).

I.— LỰC-LƯỢNG CỦA QUÂN-ĐỘI PHÁP TẠI VIỆT-NAM.

1) Số quân-linh không đủ để bảo-vệ Việt-nam.

Trong thời bình cả Đông-dương chỉ có chừng 30.000 linh Pháp, Lê-dương, Khố-đỏ và độ chừng 22.000 lính khố-xanh do sĩ-quan Pháp chỉ-huy.

Năm 1938, trước sự đe-dọa của Nhật-bản, Đông-dương tuyển thêm 10.000 lính khố-xanh. Tới khi chiến-tranh 1939-1945 bùng-nổ Đông-dương được lệnh tuyển 3 Sư-đoàn nữa để mang sang mặt trận Cận-đông. Về sau không có phương-tiện chuyên-chở số lính này ở lại phòng-thủ Đông-dương. Tổng số quân-đội lên tới 60.000 quân chia như sau:

Ở Bắc-kỳ:

— Một trung-đoàn Bộ-binh thuộc-địa (9ème R.F.I.)
— Một trung-đoàn Bộ-binh Lê-dương (5ème R.I.C.)
— Một trung-đoàn Bộ-binh thuộc-địa dã chiến (19e R.M.I.C.)
— Bốn trung-đoàn Bộ-binh bản-xứ.

Trung-đoàn Bộ-binh thuộc-địa và 4 trung-đoàn bản-xứ có nhiệm-vụ đặt những phân-đoàn phòng-thủ miền biên-giới, phần còn lại họp thành lực-lượng trù-bị liên-phòng.

Lực-lượng lưu-động gồm có trung-đoàn Lê-dương 5 và Đội pháo-binh.

Ở Trung-kỳ và Ai-lao :

— Một trung-đoàn bộ-binh thuộc-địa (người Âu)

— Một trung-đoàn bộ-binh bản-xứ.

— Một tiểu-đoàn Mọi.

— Một tiểu-đoàn Sơn-chiến Lào (thành-lập năm 1943)

— Pháo-binh gồm có một pháo-đoàn dã-chiến và những pháo-đội duyên-hải.

Ở Nam-kỳ và Cao-miên :

— Một trung-đoàn bộ-binh thuộc-địa (trung-đoàn 5)

— Một trung-đoàn bản-xứ.

— Một trung-đoàn Cao-miên.

— Một trung-đoàn Mọi.

— Pháo binh tương tự lực-lượng Pháo-binh ở Bắc-kỳ. (1)

2) Vũ-khí vừa ít vừa cổ.

Mối nguy nhứt là chiến-tranh đã trực-tiếp đe-dọa Đông-dương mà số vũ-khí vẫn không được tăng-cường và thay đổi hợp với chiến-thuật mới. Vào năm 1940số, võ-khí ở Đông-dương như sau :

Về không-quân có chừng 15 chiếc phi-cơ kiểu mới Morane và bốn chiếc Breguet, vài chiếc Potez 540 bay chậm nên không thể dùng chiến-đấu ban ngày được. Ngoài ra còn một số phi-cơ thám-thính Potez 25 có một động-cơ.

---

(1) Theo tài-liệu trong cuốn A la Barre de l'Indochine của Đô-Đốc Decoux

Về thủy-quân thì có một tuần-dương-hạm (chiếc Lamotte Piquet trọng-tải 10.000 tấn), bốn thông-tin-hạm kiểu cổ và một số pháo-thuyền đi trên sông.

Về cơ-giới thì ngoài vài chục camion, quân-đội Pháp ở Đông-dương có 15 xe tăng kiểu cũ, máy gần hỏng nên mỗi khi cần chuyển-vận phải để lên trên xe camion kéo ra tới mặt trận mới cho xe tăng chạy (1).

3) Tướng Tổng Tư-lệnh quân-đội đặt dưới quyền viên Toàn-quyền Đông-dương và phải thi-hành chiến lược do Hội-đồng Quốc-phòng ấn-định.

Quân-đội Đông-dương đặt dưới quyền một vị Tướng Tổng Tư-lệnh (Général commandant Supérieur) và chia ra làm 2 Sư-đoàn (Sư-đoàn Bắc-kỳ và Ai-lao, sư-đoàn Nam-kỳ và Cao-mên) do một Trung-Tướng chỉ-huy và Lữ-đoàn đóng ở Thông (Sơn-tây) do một Thiếu-Tướng chỉ-huy.

Dưới quyền Tướng Tổng Tư-lệnh có viên Tư-lệnh Hải-quân và Tư-lệnh Không-quân. Nhưng Tướng Tổng Tư-lệnh đặt dưới sự điều-khiển của Toàn-quyền Đông-dương và chiến-lược phải được Hội-đồng Quốc-phòng chấp-thuận và Chính-phủ Ba-lê chuẩn-y.

Tóm lại, guồng máy quân-sự của Pháp ở Đông-dương vừa nặng-nề vừa thiếu quân-lính, vũ-khí nên khi Nhật đem binh sang Đông-dương quân-đội Pháp không sao chống-cự lại được.

KẾT-LUẬN

Vì không thực-tâm khai-hóa cho dân-tộc Việt-nam nên chính-sách văn-hóa, xã-hội cũng như quân-sự của Pháp ở Đông-dương chỉ có cái vỏ hào-nháng và không thu được kết-quả mong muốn. Chính-sách này để lại cho chúng ta một di-sản tai-hại.

---

(1) Theo tài-liệu cuốn « A la barre de L'Indochine » của Decoux.

CHƯƠNG III

NHỮNG CUỘC TRANH ĐẤU CHỐNG PHÁP

PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG VĂN-THÂN

Lợi-dụng việc Triều-đình Huế tàn-sát giáo-dân, trong số đó có giáo-sĩ ngoại-quốc, Pháp cùng Tây-ban-nha đem quân đánh Việt-nam. Hòa-ước 1862 nhường cho Pháp ba tỉnh phía đông Nam-kỳ. Năm 1867, Pháp lại gây chuyện chiếm nốt ba tỉnh phía tây. Sau đó Pháp đem quân đánh Bắc-kỳ (1874 và 1882). Dưới sức mạnh của vũ-khí tối-tân, Triều-đình Huế ký Hòa-ước năm 1883 và 1884 công-nhận nền đô-hộ của Pháp. Nhưng các vị sĩ-phu ái-quốc luôn luôn nổi lên đánh đuổi xâm-lăng. Mở đầu cuốn Việt-nam tranh-đấu-sử là phong-trào Cần-vương Văn-thân.

I.— PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG.

1) Định-nghĩa. — Ngay từ khi Pháp đặt chân lên 3 tỉnh miền Đông Nam-kỳ, sĩ-phu đất Đồng-nai chiêu-tập binh-mã, dùng võ-khí thô-sơ nổi lên chống Pháp. Để dễ tuyên-truyền trong dân-chúng, nhiều vị nêu khẩu-hiệu Cần-vương. Hai chữ Cần-vương có nghĩa là chịu gian-khổ giúp vua chống quân thù.

2) Ba giai-đoạn của Phong-trào Cần-vương.

Ta có thể chia phong-trào Cần-vương ra làm 3 giai-đoạn chính:

a) Giai-đoạn thứ nhất từ 1862 tới 1885.

Năm 1862, vua Tự-Đức bó buộc ký Hòa-ước Nhâm-tuất nhường 3 tỉnh miền Đông cho Pháp. Tức thì tại nhiều tỉnh trong Nam sĩ-phu nổi lên.

Năm 1874, sau khi Francis Garnier hạ thành Hà-nội và chiếm nhiều tỉnh miền Trung-châu Bắc-kỳ, Vua Tự-Đức lại ký Hòa-ước Giáp-tuất nhận nền đô-hộ của Pháp. Nhiều vị túc-nho miền Nghệ-Tĩnh nổi lên truyền hịch « Bình tây sát tả ».

Phần này đã được học ở lớp Đệ-Nhị nên dưới đây chỉ ghi những cuộc khởi-nghĩa chính và không đi sâu vào chi-tiết :

— Cuộc khởi-nghĩa của Trương-Định (hay là Trương-Công-Định) tại Chợ-lớn, Tân-an, Gò-công (1862 — 1864).

— Cuộc khởi-nghĩa của Dương-Văn-Thiện tại Đồng-Tháp-Mười (1865 — 1866).

— Cuộc khởi-nghĩa của Phan-Liêm, Phan-Tâm, Phan-Ngữ (con Phan-Thanh-Giản) tại Vĩnh-long, Sa-đéc, Trà-vinh, Bến-tre (1867).

— Cuộc khởi-nghĩa của Thủ-khoa Nguyễn-Hữu-Huân tại Mỹ-tho, Tân-an (1868).

— Cuộc khởi-nghĩa của Đoàn-Công-Bửu, Nguyễn-xuân-Phụng tại Trà-vinh (1874).

— Cuộc khởi-nghĩa của Đặng-Như-Mai ở Nghệ-an, Hà-tĩnh (1874).



Vua HÀM-NGHI
linh-hồn của Phong-trào Cần-vương
Văn-thân
(Ảnh của tác giả)

b) Giai-đoạn thứ nhì từ 1885 đến 1888.

Năm 1884, Tôn-Thất-Thuyết gây cuộc binh-biến tại Huế nhưng thất-bại. Thuyết phò vua Hàm-Nghi bỏ Huế chạy ra Hà-tĩnh, thảo hịch

Cần-vương hô-hào sĩ-phu giúp vua đánh đuổi quân xâm-lăng ra khỏi bờ-cõi.

Phong-trào Cần-vương chính-thức bắt đầu và gây nhiều cuộc khởi-nghĩa ở khắp nơi từ Bình-thuận ra tới Bắc-hà.

c) *Giai-đoạn thứ ba từ 1888 đến 1895.*

Năm 1888, tên Trương-Quang-Ngọc làm phản, bắt vua Hàm-Nghi nộp cho Pháp và nhà vua bị đầy sang Algérie. Vua Đồng-Khánh được đặt lên ngai vàng và cộng-tác thành-thực với Pháp. Nhà vua ngự-giá Bắc-tuần kêu gọi sĩ-phu ngừng chiến-đấu và kết-án những nhà ái-quốc còn đương-đầu với quân xâm-lăng.

Thấy danh-từ Cần-vương không còn ý-nghĩa, các vị lãnh-đạo cách-mạng dùng khẩu-hiệu Văn-thân. Sự thực chỉ có tên thay đổi để có chính-nghĩa, còn các nhà lãnh-đạo phong-trào và mục-đích của cuộc khởi-nghĩa vẫn như trước.

II.— CUỘC BINH-BIẾN ĐÊM 4-7-1885 LÀM PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG BỘT-PHÁT.

1) Việc phế-lập ở Huế.

Giữa lúc quân Pháp chiếm xong miền Trung-châu Bắc-kỳ thì vua Tự-Đức băng-hà (1883). Nhà vua không có con, nuôi ba người cháu làm con nuôi. Dục-Đức là người không tài đức, nhưng vì nước đương lâm vào cảnh rối-ren cần người lớn tuổi định-đoạt các việc quan-trọng nên vua Tự-Đức để di-chiếu lập Dục-Đức lên làm vua. Đồng-thời nhà vua cử Tôn-Thất-Thuyết, Nguyễn-Văn-Tường và Trần-Tiễn-Thành làm phụ-chính.

Sau 3 ngày, Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-Văn-Thành lấy cớ vua Dục-Đức không cho tuyên-đọc cả tờ di-chiếu, truất-phế Tân-quân và lập người con nuôi thứ hai của Tự-Đức tên là Chánh-Mông lên làm vua lấy niên-hiệu là Hiệp-Hòa.

Bốn tháng sau, Vua Hiệp-Hòa không chịu được sự chuyên-quyền của hai ông phụ-chính, tìm cách trị Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết nên Thuyết truất-phế nhà vua và ép phải tự-tử.

Người con nuôi thứ ba của vua Tự-Đức là Dưỡng-Thiện mới 15 tuổi lên ngôi, đặt niên-hiệu là Kiến-Phúc. Trị-vì được gần 6 tháng, Kiến-Phúc bị hai vị Phụ-chính đầu-độc chết (1884) và Ưng-Lịch mới 12 tuổi được tôn làm vua, niên-hiệu là Hàm-Nghi.

2) Tình-hình căng-thẳng giữa Pháp và Triều-đình Huế.—

Thấy Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết làm việc phế-lập, đại-diện Pháp ở Huế là Rheinart viết thư yêu-cầu Triều-đình phải làm đơn xin phép lập Ưng-Lịch, đồng thời báo tin cho Thống-tướng Millot ở Hà-nội gửi quân vào làm áp-lực.

Sau khi quân tiếp-viện của Pháp tới Huế, hai vị Phụ-chính phải thảo thơ chữ-nôm xin phép. Rheinart không chiu. Trước sức mạnh của Pháp, Triều-đình Huế làm lại đơn và chịu mở cửa chính cho quan quân Pháp vào điện phong vương cho vua Hàm-Nghi (17-8-1884).

3) Những yêu-sách quá đáng của De Courcy gây cuộc binh-biến đêm 4-7-1885.

Năm 1885, Tướng De Courcy được bổ sang thống-lĩnh đội-quân viễn-chinh Pháp ở Đông-dương. De Courcy biết rõ chính Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết đã gây ra những cuộc phế-lập ở Huế, nên Thống-tướng có ý bắt hai-vị Phụ-chính.

Ngày 2-7, Thống-tướng tới Huế, cho mời Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết sang tòa Lãnh-sự bàn về nghi-lễ ngày De Courcy vào bệ-kiến vua Hàm-Nghi. Thuyết cáo ốm không sang. De Courcy cho bác-sĩ riêng sang thăm bệnh. Thuyết không tiếp lấy cớ không quen dùng thuốc Tây. De Courcy hạ lệnh cho võng Thuyết sang nếu Thuyết không đi được. Thuyết không chịu.

Cuộc điều-đình đi tới chỗ bế-tắc: De Courcy đòi triều-đình Huế mở cửa Ngọ-môn cho cả quân lính Pháp đi Triều-đình Huế nhất định không chịu Tình-hình căng-thẳng. Đức Từ-Dụ cho mang tặng-vật sang, Thống-tướng trả lại.

Thấy yêu-sách của De Courcy quá đáng và nhân có cuộc động đất mới xảy ra ở Huế, Tôn-Thất-Thuyết quyết-định dùng võ-lực đánh úp quân Pháp.

4) Cuộc binh-biến đêm 4-7-1885.



TÔN-THẤT-THUYẾT
cầm quân đánh Pháp đêm 4-7-1855
(Ảnh của tác-giả)

Tôn-Thất-Thuyết gọi binh-sĩ ở các nơi về, quyết-định tấn-công vào Tòa Khâm-sứ và đồn Mang-cá vào hồi 10 giờ đêm mùng 4-7. Nhưng vì trăng mọc muộn nên phải lui lại vào hồi 1 giờ sáng.

Đêm hôm đó, De Courcy thết tiệc kiều-dân Pháp. Tiệc vừa tan thì Nam-quân nã trái phá vào tòa Khâm-sứ và đồn Mang-cá. Vì hỏa-lực của ta không mạnh và không trúng đích mấy nên suốt đêm, Pháp tìm chỗ tránh đạn cốt giữ thế-thủ, ngăn cuộc tấn-công của Nam-quân.

Mờ sáng ngày 5 tháng 7, quân Pháp ở đồn Mang-cá chia ra làm 3 đạo tiến đánh Hoàng-thành. Quân ta kháng-cự anh-dũng nhưng không ngăn được quân địch và 8 giờ sáng quân Pháp chiếm Đại-nội, làm chủ Hoàng-thành.

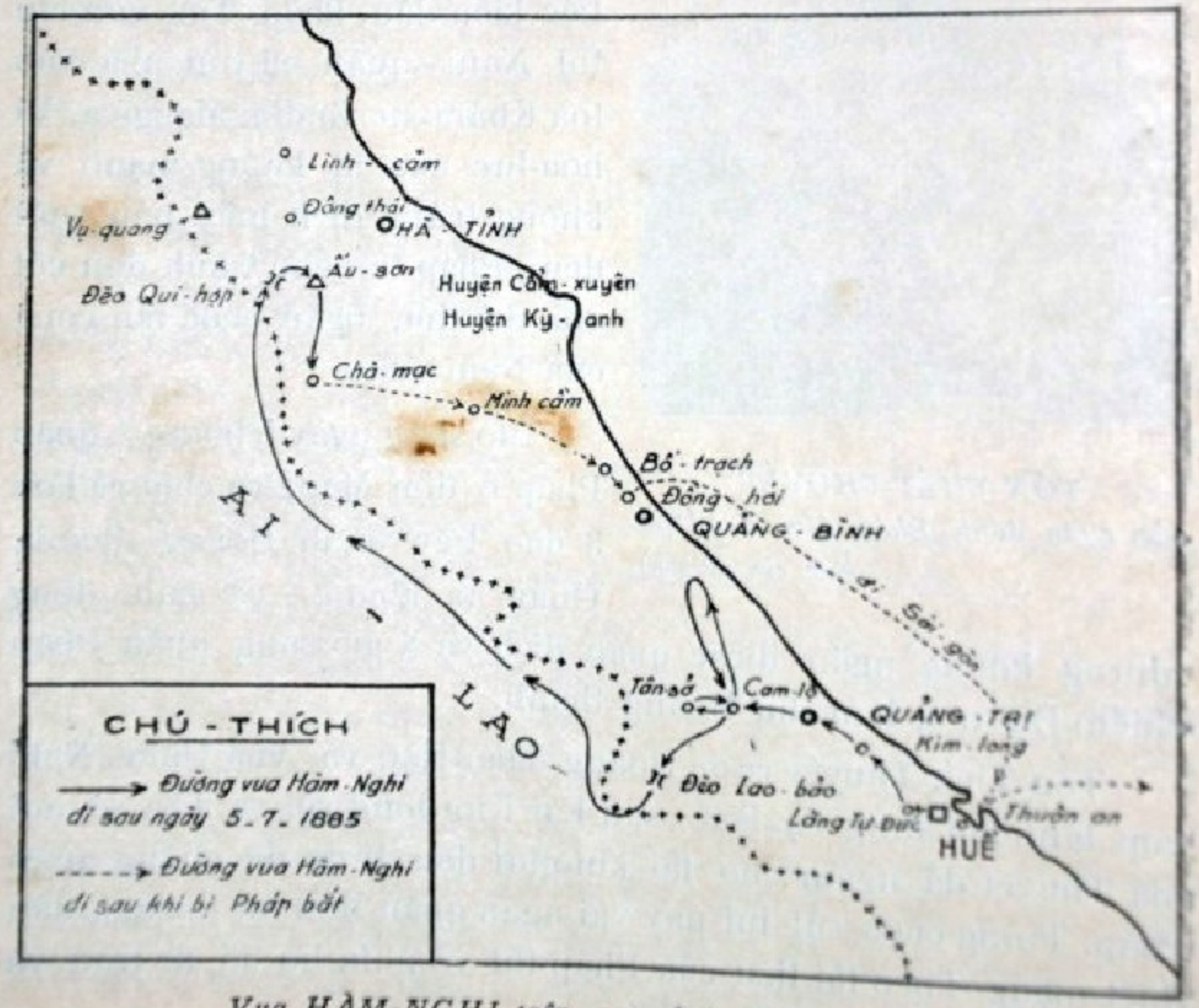
Tôn-Thất-Thuyết rước Hoàng-Thái-Hậu và vua Hàm-Nghi tạm lánh lên lăng Tự-Đức, sau lên Kim-long rồi ra Tân-sở nơi mà Thuyết đã ngầm cho tải khí-giới dạn-dược để chống quân Pháp. Trong cuộc rút lui này vài ngàn quân-lính và thường-dân thiệt-mạng Theo tài-liệu của Pháp thì về phía họ số tử-trận và bị thương chưa tới 100 người.

Thuyết phò xa-giá chạy ra Quảng-trị. Nguyễn-văn-Tường ở lại Huế nhờ giám-mục Caspard đưa ra đầu-hàng. De Courcy hẹn cho Tường trong 2 tháng phải mời vua Hàm-Nghi về Huế và lập lại trật-tự.

Ở Quảng-trị 3 hôm thì Đức Từ-Dụ Thái-hậu đòi trở về Huế. Tôn-Thất-Thuyết vâng lời. Phụ-nữ và một số văn-quan trở về kinh, các tướng-sĩ trung-kiên phò vua Hàm-Nghi chạy ra Tân-sở.

5) Từ Ấu-sơn vua Hàm-Nghi thảo hịch Cần-vương kêu gọi sĩ-phu nổi lên chống Pháp.

Ở Tân-sở được vài ngày, Tôn-Thất-Thuyết thấy nơi này không thuận-tiện cho công việc kháng-chiến nên lại phò xa-giá quay về Quảng-bình tìm đường ra Bắc.



Vua HÀM-NGHI trên con đường lưu-vong.

Được tin này De, Courcy cho 5 chiến-hạm chở quân ra chiếm thành Đông-hải (Quảng-bình) án-ngữ con đường ra Bắc. Tôn-Thất-Thuyết phải đưa xa-giá trở lại Tân-sở, ngược lên Mai-lĩnh qua Lào. Hồi đó gặp mùa mưa, đường sá rất khó đi, đạo Ngự lội suối trèo non rất cực-khổ hơn một tháng mới qua đèo Qui-hợp theo dòng sông Nai về đóng ở Ấu-sơn thuộc Hà-tĩnh.

Quan-lại và sĩ-phu tới chầu rất đông.

Vua Hàm-Nghi sai thảo hịch Cần-vương gửi đi khắp nơi (xem bài đọc thêm).

III.— VUA HÀM-NGHI LÃNH-ĐẠO PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG, CHỐNG PHÁP (1885-1888).

1) — Vua Hàm-Nghi lập chiến-khu ở Ấu-sơn.

Sau khi vua Hàm-Nghi chạy tới Quảng-bình thì De Courcy sai Đại-tá Chaumont đem quân ra đánh. Thấy khó lòng chống được quân Pháp, Tôn-Thất-Thuyết để vua ở lại vùng Tuyên-hóa (thuộc Quảng-bình) rồi cùng Đề-đốc Trần-Xuân-Soạn theo đường thượng đạo ra Lai-châu sang Trung-hoa cầu cứu. Về sau Thuyết chết già ở bên Tàu.

Vua Hàm-Nghi bèn phong Tôn-Thất-Đạm, con trưởng Tôn Thất-Thuyết làm khâm-sai Tán-lý quân-vụ thống lĩnh-đạo quân Cần-vương. Tôn-Thất-Đạm mới ngoài hai mươi tuổi nhưng rất can-đảm và được Lê-Trực, Nguyễn-Phạm-Tuân góp mưu sức đánh tỉa quân Pháp. Em Đạm là Tôn-Thất-Thiệp cùng tướng Mường Trương-Quang Ngọc luôn luôn theo sát bảo-vệ vua Hàm-Nghi.

Sau cuộc binh-biến ở Huế, De Courcy hạn cho Nguyễn-Văn-Tường 2 tháng phải mời được vua Hàm-Nghi về, nhưng thơ của Từ-Dụ Thái-hậu và của Tường đều không có hồi-âm.

Hết hạn, De Courcy đày Nguyễn-Văn-Tường ra đảo Haïti, được ít lâu Tường mất.

De Courcy có ý-định dùng đại-quân từ Bắc đánh vào và từ

Huế đánh ra Hà-tĩnh, nhưng Chính-phủ Pháp không chịu. De Courcy lập Kiến-Giang quận-công lên làm vua lấy niên-hiệu Đồng-Khánh. Tân-quân chịu phục-tùng Pháp, xuống chiếu khuyên sĩ-phu hạ khí-giới, nhưng không ai theo

Thấy tình-hình Việt-nam ngày thêm trầm-trọng. Quốc-hội Pháp không tán-thành chính-sách của Thủ-Tướng Brisson và Chính-phủ từ-chức. Tân Thủ-tướng Freycinet triệt. Thống-tướng De Courcy về, bổ Paul-Bert một vị quan-văn, giữ chức Thống-đốc, dùng chính-trị để giải-quyết các việc.

2) Hịch Cần-vương được sĩ-phu nhiệt-liệt hưởng-ứng.

Hịch Cần-vương tới đâu thì sĩ-phu nổi lên chống Pháp. Từ Bình-thuận ra tới Bắc-kỳ, không mấy tỉnh là không có Nghĩa-quân hoạt-động. Các vị sĩ-phu giàu lòng yêu nước, nhưng thiếu kinh-nghiệm, không có vũ-khí tối-tân nên lần-lượt bị quân Pháp đàn-áp. Dưới đây là những cuộc khởi-nghĩa quan-trọng.

— Ở Bình-thuận, Phú-yên, sĩ-phu lãnh-đạo dân chúng đánh-phá tỉnh thành bắt quan-lại do Triều-đình bổ về cai-trị.

— Ở Bình-định, thí-sinh phá trường thi nổi lên chống Pháp.

— Ở Quảng-ngãi, Quảng-nam, Sơn-phòng sứ Trần-Văn-Dự lập Nghĩa-hội rồi nổi lên đánh phá tỉnh thành.

— Ở Quảng-trị có Trương-Đình-Hội, Nguyễn-Tự-Như, ở Quảng-bình có Đề-đốc Lê-Trực, nguyên Tri-phủ Nguyễn-Phạm-Tuân, ở Hà-tĩnh có Đình-nguyên Phan-Đình-Phùng, ấm-sinh Lê-Ninh, ở Nghệ-an có Đốc-học Nguyễn-xuân-Ôn, Sơn-phòng-sứ Lê-Doãn-Nhạ cầm đầu sĩ phu văn-thân.

— Ở Thanh-hóa, Đinh-Công-Tráng, Cầm Bá-Thước, Phạm-Bành, Tống-Duy-Tân lập chiến-khu Ba-đình gây nhiều thiệt-hại cho Pháp.

— Ở Hải-dương, Tán-tương quân-vụ Nguyễn-Thiện-Thuật, Đề-đốc Tạ-Hiện và Thủ-khoa Nguyễn-Cao nổi lên chống Pháp. Tán-Thuật dùng căn-cứ Bãi-Sậy đánh tỉa quân Pháp.

— Ở Bắc-ninh, Hưng-yên có Đốc Quế, Đốc Sùng, Lãnh Điểm, Đốc Mỹ, ở Thái-bình có Lãnh Ý, Đề Hồng, ở Lục-nam, Đông-Triều có Đốc Thày, Lãnh Thừa, ở Sơn-tây, Hưng-hóa có Đề Kiều, Đốc Ngữ, Đề Thanh cầm quân đánh Pháp. Vụ khởi-nghĩa của Hoàng Hoa-Thám ở Yên-thế làm Pháp phải tốn nhiều xương máu mới dẹp yên.

Tóm lại, hịch Cần-vương có tiếng dội tại khắp các tỉnh ở Trung và Bắc-kỳ. Vì hồi đó Pháp đã củng-cố xong thế lực ở Nam-kỳ nên, tuy vẫn nặng lòng yêu nước, các sĩ-phu ái-quốc đất Đồng-nai không có dịp nổi lên nữa.

3) Pháp định dùng bả vinh-hoa dụ các sĩ-phu ái-quốc nhưng thất-bại.

Paul-Bert một mặt củng-cố nền cai-trị, một mặt dùng bả vinh-hoa chiêu-hàng các phần-tử kháng-chiến. Để khỏi làm náo-động dư-luận ở Pháp, Paul-Bert không cho đại-quân đi đánh, dùng người Việt trị người Việt.

Ở mạn Bình-thuận, Phú-yên, Pháp cử Tổng-đốc Trần-Bá Lộc cùng Thiếu-tá De Lorme đem quân từ Nam-kỳ ra đánh dẹp Nghĩa quân. Trần-bá-Lộc áp-dụng chính-sách khủng-bố, cho quân lính chém giết dân lành không chịu làm điếm-chỉ cho Pháp. Sau khi bắt được cử-nhân Mai-Xuân-Thưởng, Bùi-Điền và Nguyễn-Đức-Nhuận đem chém, Trần-Bá-Lộc dẹp yên được miền Nam Trung-kỳ.

Thấy lực-lượng của Nghĩa-quân ở phía Bắc Trung-kỳ còn mạnh và lòng dân vẫn ngả theo vua Hàm-Nghi rất nhiều, Paul-Bert yêu-cầu vua Đồng-Khánh ra tuần thú miền Bắc kinh-kỳ để yên lòng dân và dụ vua Hàm-Nghi ra đầu-thú. Vua Đồng-Khánh ra tới Quảng-bình (1886), Nghĩa-quân tấn-công mạnh hơn trước. Thấy uy-tín của mình không lung-lạc được ai, Đồng-Khánh lấy cớ bị bệnh, dùng dương thuy về Huế. Năm sau nhà vua phục-chức Hoàng-Kế-Viêm và cử Viêm ra quân-thứ mạn Quảng-bình dụ-dỗ sĩ-phu ái-quốc. Kết-quả thu được không có gì.

4) Pháp thắt-chặt vòng vây dùng nội-ứng bắt vua Hàm-Nghi.

Thấy kế chiêu-hàng không có kết-quả, Pháp quyết-định đem hết lực-lượng vây chặt đại-bản-doanh của vua Hàm-Nghi.

Hồi đó vua Hàm-Nghi đóng ở Huyện Tuyên-hóa có Tôn-Thất-Thiệp và đội quân Mường của Trương-Quang-Ngọc theo hầu. Đề-Đốc Lê-Trực đóng quân ở mạn Thanh-thủy thuộc huyện Tuyên-chánh, còn Tôn-thất-Đạm thì đóng ở huyện Kỳ-anh và Cẩm-xuyên.

Sau khi dò biết vị-trí của Nghĩa-quân, Pháp cử Đại-úy Mouteaux đem quân ra mạn Quảng-bình lập đồn Minh-cầm uy-hiếp Lê-Trực và Nguyễn-Phạm-Tuân. Nhờ có Tortuyaux dẫn đường, quân Pháp tấn-công vào Nghĩa-quân. Lê-Trực phải rút ra mạn Hà-tĩnh, Nguyễn-Phạm-Tuân đóng ở phía Nam sông Gianh.

Năm 1887, đại-úy Mouteaux đem quân vây làng Yên-lộc. Bị tấn-công bất ngờ, Nguyễn-Phạm-Tuân bị đạn ở cạnh sườn được vài ngày thì chết.

Lực-lượng của Nghĩa-quân tuy yếu nhưng quân Pháp không biết rõ vua Hàm-Nghi đóng ở chỗ nào và nếu nhà vua còn thì chiến-tranh không thể kết-liễu được. Đại-úy Mouteaux bèn dùng tiền mua chuộc tên tướng Mường hầu-cận nhà vua là Trương-Quang-Ngọc.

Nửa đêm 1-11-1888 (26 tháng 9 năm Mậu-tý), Trương-Quang-Ngọc đưa một toán quân Mường lên vây chỗ vua Hàm-Nghi đóng. Chúng xông vào giết Tôn-Thất-Thiệp, bắt sống vua Hàm-Nghi đem nộp cho Pháp. Về sau vua Hàm-Nghi bị đày sang Algérie. Được tin nhà vua bị bắt, Tôn-Thất-Đạm giải-tán quân-sĩ vào rừng tự-sát. Đề-đốc Lê-Trực đem thủ-hạ ra đầu thú. Phong-trào Cần-vương tan-rã.

IV.— PHONG-TRÀO VĂN-THÂN THAY THẾ PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG CHỐNG PHÁP.

Sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt và bị đày sang Algérie, Pháp cho chụp ảnh trộm nhà vua gửi đi các tỉnh làm lợi-khí tuyên-truyền. Đồng-thời vua Đồng-Khánh xuống chiếu kêu gọi các nhà ái-quốc hạ khí-giới và kết tội phản-nghịch những người còn tiếp-tục chống lại Pháp.

Thấy hai chữ Cần-vương không còn chính-nghĩa, một số sĩ-phu ái-quốc như Phan-Đình-Phùng, Nguyễn-Thiện-Thuật, Hoàng-Hoa-Thám v.v... lấy khẩu-hiệu Văn-thân và tiếp-tục chiến-đấu.

1) Phan-đình-Phùng cương-quyết kháng-chiến (1886-1895)

a) Tiểu-sử.— Phan-Đình-Phùng sinh năm 1847 tại làng Đông-thái, huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, trong một gia-đình Nho-học. Năm 1876, Phan đậu cử-nhân, năm sau đậu Đình-nguyên Tiến-sĩ, làm quan dưới triều Tự-Đức tới chức Ngự-sử và luôn luôn tỏ ra rất cương-trực.

Năm 1883, sau khi vua Tự-Đức băng-hà, Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-Văn-Tường truất-phế vua Dục-Đức. Giữa triều-đình, không sợ uy-thế của hai vị Phụ-chính đại-thần, Phan-Đình-Phùng lớn tiếng kể tội Tôn-Thất-Thuyết, bị Thuyết lột áo mũ, cách chức đuổi về quê.

Biết trước thế nào cũng xảy ra cuộc binh-đao giữa Triều-đình Huế và quân Pháp, Phan-Đình-Phùng chiêu-tập binh-mã, kết nạp anh-hùng, hào-kiệt đợi ngày phò vua đánh giặc.

Năm 1885, sau khi cuộc binh-biến ở Huế thất-bại, Tôn-Thất-Thuyết phò xa-giá chạy ra Ấu-sơn lãnh-đạo cuộc kháng-chiến. Quên thù xưa, Phan-Đình-Phùng cùng vài bạn đồng-chí ra Ấu-sơn bái-yết vua Hàm-Nghi và được phong chức Tán-lý Quân-vụ thống-lĩnh Nghĩa-quân chống Pháp.

b) Cuộc khởi-nghĩa.

Sau khi ở Ấu-sơn về làng, Phan-Đình-Phùng kéo cờ khởi

nghĩa, phát hịch đi khắp nơi và được thân-sĩ các vùng lân-cận hưởng-ứng tới năm, sáu ngàn người. Phan-Đình-Phùng dùng căn nhà thờ họ làm « nghĩa-sĩ-đường » chia binh ra làm nhiều đồn trại.

Tuy không có óc bài tôn-giáo, cuộc ra binh lần thứ nhất của Phan-Đình-Phùng là đánh mấy làng giáo-dân ở gần căn-cứ. Nguyên một buổi tối, quân tuần-tiễu bắt được một nhóm người nấp gần xưởng đúc khí-giới của Nghĩa-quân. Khám trong người họ thấy có võ-khí và đồ dẫn hỏa. Khi mang ra tra hỏi, họ khai là giáo-dân do các vị Cố-đạo sai tới phá đồn trại. Phan-Đình-Phùng bèn hạ lệnh kéo quân vây hai làng này. Dân làng liều chết phá vòng vây cầu cứu với đồn Pháp. Quân Pháp kéo về giải vây rồi thừa thắng tràn tới làng Đông-thái triệt-hạ cả làng. Phan-Đình-Phùng kéo tan quân đi đóng nơi khác.

Năm 1886, quân Pháp bắt được anh ruột Phan-đình-Phùng hạ ngục rồi sai Tiểu-phủ-sứ Lê-Minh-Hạp gửi thư khuyên Phan nên ra đầu, thú thì làng xóm sẽ được yên-ổn làm ăn và anh ruột sẽ được tha. Phan không thèm trả lời và tiếp-tục chiến-đấu.

Vì không có khí-giới tối tân, Nghĩa-quân bị Pháp truy-nã rất gắt. Năm 1887, Phan-Đình-Phùng phải để Cao-Thắng coi trại và ra Bắc liên-lạc với các nhà chí-sĩ Bắc-hà.

Trong khi Phan ở Bắc, Cao-Thắng tiếp-tục việc chiêu-tập binh mã đợi ngày phản-công. Cao-Thắng phục-kích giết được đội quân tuần-tiễu Pháp, thu được 17 khẩu súng, 600 viên đạn. Cao-Thắng mang về tháo rời từng bộ-phận, vẽ kiểu cho thợ đúc súng. Sau vài tháng, Nghĩa-quân có được hơn 350 khẩu, hỏa-lực không kém súng Pháp mấy. Sau khi đủ khí-giới và mộ được nhiều quân, Cao-Thắng mời Phan-Đình-Phùng về lãnh-đạo cuộc khởi-nghĩa.

Phan-Đình-Phùng dùng đường biển trở về Hà-tĩnh, chọn núi Vụ-quang (1), (tục gọi là Ngàn-Trươi) đóng đại bản-doanh. Nghe tin đó tướng-sĩ các nơi lục-tục kéo về. Phan chia quân ra lập

(1) Xem bản-đồ ở trang 74

đồn trại án-ngữ con đường dài gần một trăm dặm quanh núi Vụ-quang. Quân linh phải hàng ngày luyện tập, mặc binh-phục như nhau và phải triệt-để theo kỷ-luật rất nghiem-minh do chính Phan-Đình-Phùng thảo ra. Về vấn-đề lương-thực, Nghĩa-quân kêu gọi sự đóng góp của dân chúng : mỗi mẫu hang năm nộp một đồng bạc thuế. Vì quân linh không nhũng-nhiễu dân lành, nên mọi người vui lòng giúp-đỡ Nghĩa-quân, thỉnh-thoảng lại mang lợn, gà, thóc gạo ủi g-hộ thêm. Trên núi Vụ-quang có xưởng đúc súng, còn thuốc súng thì mua ở Xiêm về.

Sau khi tổ-chức xong cơ-sở, năm 1893 Phan-Đình-Phùng ra quân len làng Mường vây bắt tên Trương-Quang-Ngọc chém đầu làm gương cho những kẻ bán nước cầu vinh. Vụ ra quân này l à đòn tâm-lý rất cao làm thanh-thế Nghĩa-quân nổi như sóng còn.

c) Pháp lập nhiều đồn bao vây núi Vụ-quang.

Paul Bert không dám dùng đại binh, sợ làm náo-động dân Pháp.

Chiến-thuật của Pháp là lập đồn ở những nơi hiểm-yếu ngăn không cho Nghĩa-quân liên-lạc với ngoai. Địa-điểm đóng binh thứ nhất của Pháp là đồn Minh-cầm và Thuận-bai ở sông Gianh để cản đường Nghĩa-quân tràn vào Huế. Địa-điểm thứ nhì là Hà-tĩnh và Nghệ-an để cắt đường giao-thông với Bắc-kỳ. Địa-điểm thứ ba là đồn Linh-cảm chặn đường lên Vụ-quang và Đại-hàm, hai căn-cứ quan-trọng của Nghĩa-quân.

d) Các chiến-dịch quan-trọng.

Lãnh-binh Nguyễn-Mục phục-kích quân Pháp. Trong thời-kỳ tổ-chức cơ-sở, một hôm các tướng-lãnh đem binh ra ngoài cả, trong đại đồn chỉ còn Phan-Đình-Phùng và độ 20 tên thủ-hạ thân-tín, chợt có 100 tên lính tập do 2 võ-quan Pháp tiến gần tới đồn. Phan-Đình-Phùng sai Lãnh Mục đem quân mai-phục, giết 2 võ-quan Pháp và một số lính tập. Chiến-thắng này làm Pháp e-dè.

Cao-Thắng dùng mưu bắt sống Tiểu-phủ Quân-vụ Đinh Nho-Quang (1892). Đinh-Nho-Quang người Huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh làm quan tới chức Tuần-phủ, sau được Triều-đình Huế phong cho làm Tiểu-phủ Quân-vụ. Đinh tỏ ý khinh-miệt Phan-Đình-Phùng và thẳng tay hành-hạ dân lành. Theo lệnh của Phan, Cao-Thắng cho quân ăn mặc giả làm lính bảo-hộ vào đinh bắt sống Đinh-Nho-Quang mang về giam ở núi Vụ-quang. Vụ này làm Việt-gian mất ăn mất ngủ.

Cao-Thắng đem binh đánh Nghệ-an và tử-trận. Từ Vụ-quang tới Nghệ-an, Cao-Thắng phá được nhiều đồn giặc. Nhưng tới đồn Nỏ thì Cao-Thắng bị phục-kích trúng đạn tử-trận (1893), lúc đó Cao-Thắng mới 29 tuổi. Phan-Đình-Phùng thương-tiếc viên hổ-tướng vô cùng.

e) Những ngày tàn của Phan-Đình-Phùng (1894-1895).

Sau khi Cao-Thắng tử-trận, thế-lực Nghĩa-quân dần-dần suy-sụp. Nhưng Phan-Đình-Phùng cương-quyết đem sức tàn ra báo quân-vương. Phan đã thản-nhiên trước hành-động dã-man của quân Pháp là quật phần mộ tổ-tiên và bắt giam những người thân-thuộc. Phan đã trả lời bức thư chiêu-hàng của Hoàng-Cao-Khải một cách rất mỉa-mai.

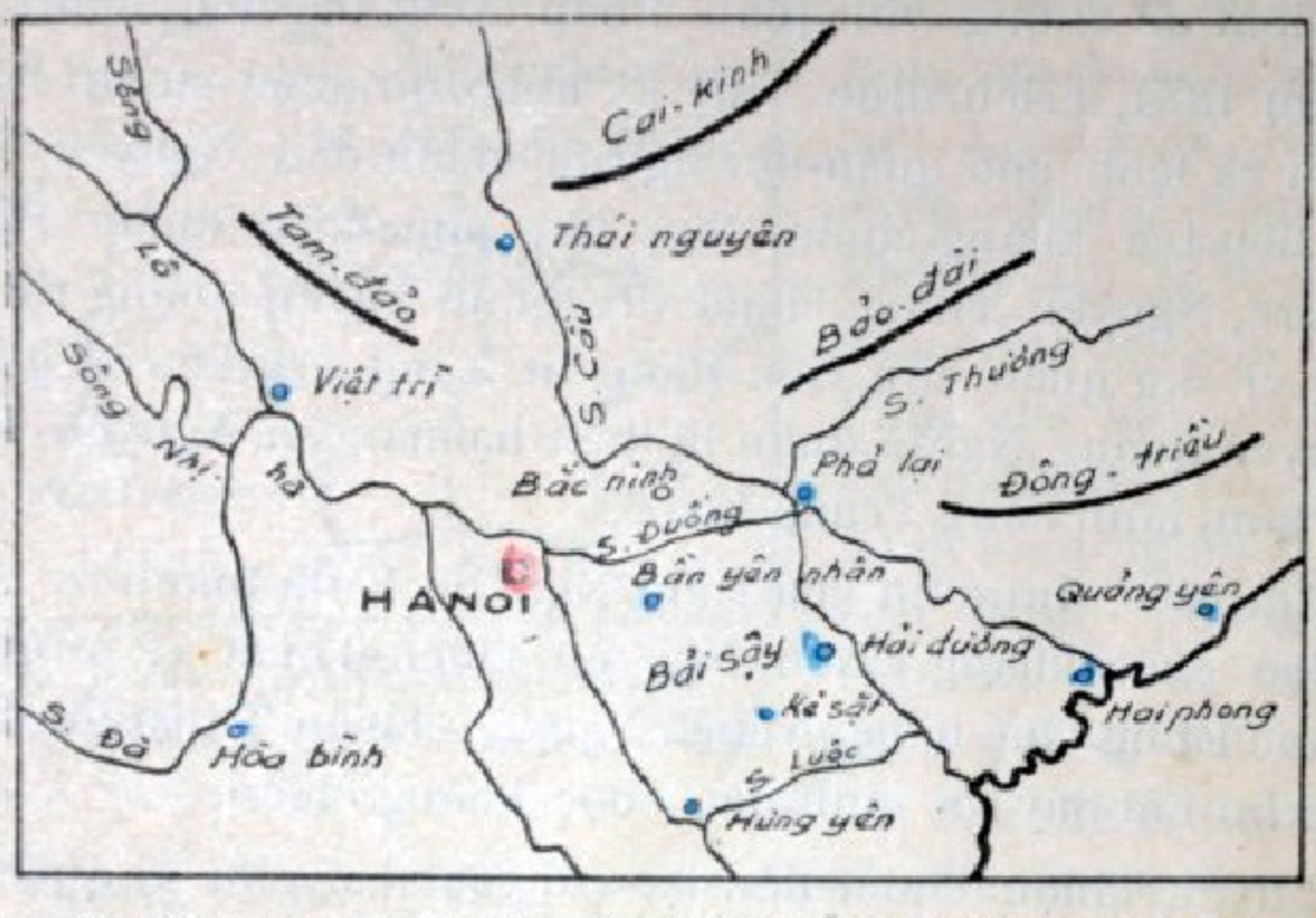
Thấy kế chiêu-hàng không kết-quả, Triều-đình Huế cử Nguyễn-Thân làm Khâm-sứ Tiết-chế quân-vụ đem đại-quân ra Quảng-bình. Từ khi mất Cao-Thắng, Phan-Đình-Phùng phải bỏ Vụ-quang chạy vào núi Đại-hàm (1894) sau bị Pháp tấn-công phải rút vào rừng sâu. Quân-sĩ thiếu-ăn, mắc bệnh rất nhiều. Năm 1895 (ngày 13 tháng 11 năm Mùi), Phan-Đình-Phùng mất và được tướng-sĩ chôn ở dưới chân núi Quạt.

Phan-Đình-Phùng mất rồi, nghĩa-quân tan-rã. Lợi-dụng cơ-hội đó, Nguyễn-Thân sai đào mả Phan-Đình-Phùng đổ dầu đốt ra tro rồi trộn vào thuốc súng bắn xuống sông.

2) Nguyễn-Thiện-Thuật lập chiến-khu Bãi-Sậy.

a) Tiểu-sử. — Nguyễn-Thiện-Thuật sinh năm 1841 ở làng

Xuân-dực, tổng Bạch-xam, huyện Mỹ-hào, tỉnh Hưng yên. Sinh vào buổi đất nước bị ngoại-bang đe-dọa, Nguyễn-Thiện-Thuật vừa theo nghiệp văn-chương vừa luyện-tập võ-nghệ đợi dịp đem tài ra giúp nước. Năm 18 tuổi đậu Tú-tài được bổ Bang-tá Hải-dương.



Bãi-Sậy, căn-cứ bí-hiểm của NGUYỄN-THIỆN-THUẬT

(Theo bản đồ của Bộ Tham-Mưu Pháp)

Năm 1874, vì có công trừ một tên chỉ-điểm cho Pháp, cậy sức mạnh của giặc làm hại dân lành, Nguyễn-Thiện-Thuật được thăng Tri-phủ Từ-sơn và năm 1881 thăng Tán-tương Quân-vụ theo Nguyên-soái Hoàng-Kế-Viêm dẹp giặc Khách quấy-nhiễu miền Thượng du Bắc-kỳ. Sau khi bình-định xong vùng này, Nguyễn-Thiện-Thuật bước mau trên đường danh-vọng và giữ chức Tổng-đốc Hải-Yên (Hải-phòng, Hải dương, Quảng-yên).

b) Cuộc khởi-nghĩa: Năm 1882, Pháp gây hấn ở Bắc-kỳ lần thứ nhì. Henri Rivière chiếm Hà-nội rồi đánh lan ra các tỉnh miền châu-thổ như Hải-dương, Hải-phòng, Nam-định. Nguyễn-Thiện-Thuật bỏ chức-tước rút vào rặng Đông triều, chiêu binh mãi mã đánh đuổi quân xâm-lăng.

Năm 1883, từ Đông-triều Nguyễn-Thiện-Thuật kéo quân vây thành Hải-dương. Sau một đêm liên-tiếp tấn-công, nghĩa-quân không hạ được thành. Sáng hôm sau, quân cứu-viện của Pháp từ Bắc-ninh kéo về, Nguyễn-Thiện-Thuật phải rút lui về Hưng-yên cùng Đồng-Quế bố-trí khu Bãi-Sậy thành pháo-đài kiên-cố và bí-hiểm để chống với quân Pháp (xem bài đọc thêm).

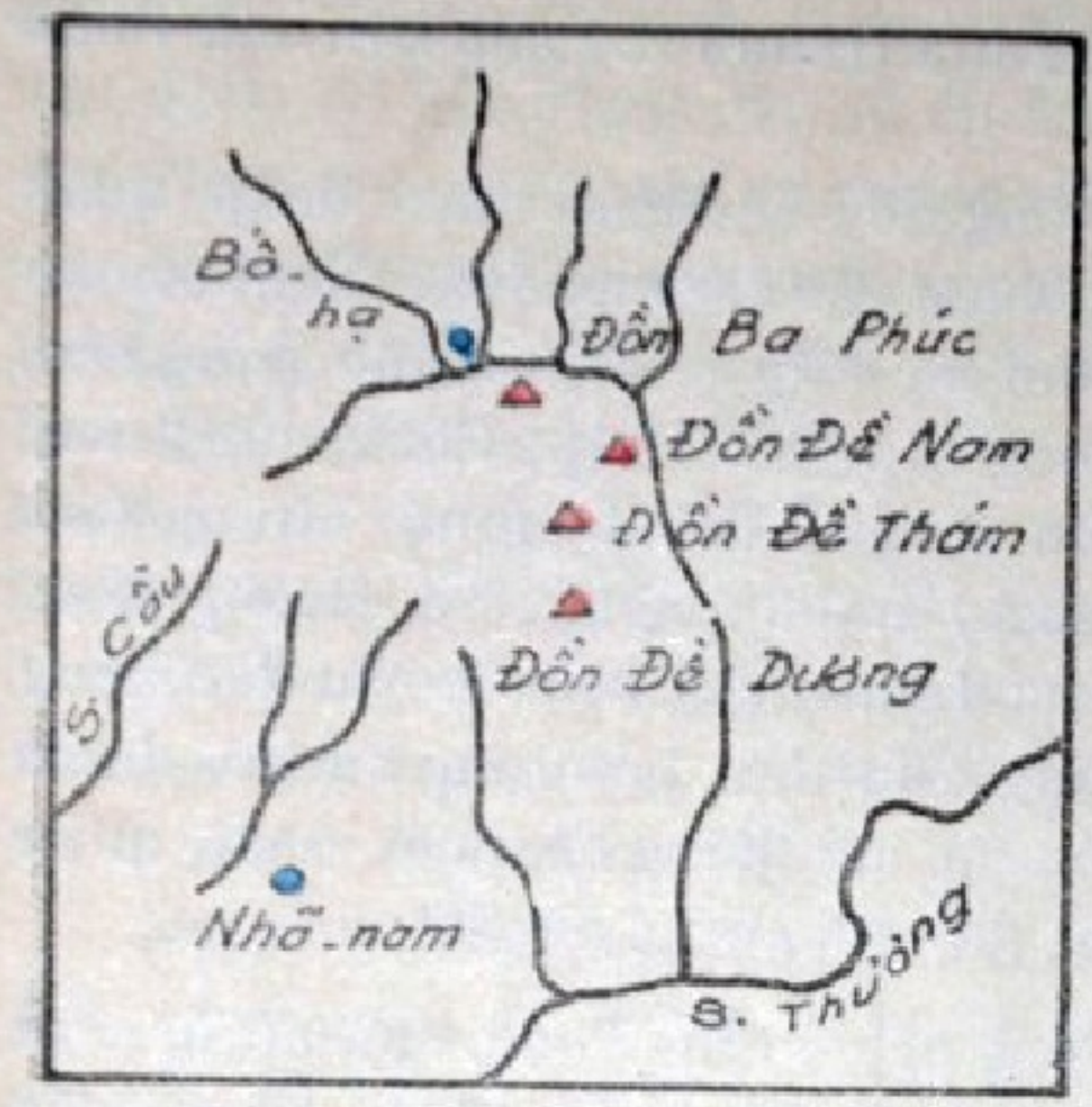
Năm 1884, Triều-đình Huế ký hòa-ước nhận sự đô hộ của Pháp và ra lệnh cho quân-đội ngừng chiến-đấu. Nguyễn-Thiện-Thuật tiếp-tục kháng-chiến. Sau khi phục-kích quân Pháp ở Lạng-sơn, Nguyễn-Thiện-Thuật vây thành Tuyên-quang rất ngặt. Nhưng vì sau quân cứu-viện Pháp từ Lạng-sơn kéo về giải vây cho Tuyên-quang, Nghĩa-quân bị thiệt-hại nặng và Nguyễn-Thiện-Thuật tạm lánh sang Trung-hoa.

Năm 1886, được tin vua Hàm-Nghi bỏ Kinh-thành ra Ấu-sơn lãnh-đạo cuộc kháng-chiến, Nguyễn-Thiện-Thuật về nước vừa đúng lúc Đồng-Quế bị bệnh chết. Nguyễn-Thiện-Thuật tổ-chức lại chiến-khu Bãi-Sậy và lãnh-đạo cuộc kháng-chiến.

Nguyễn-Thiện-Thuật liên-lạc với các vị sĩ-phu ái-quốc khác cũng hưởng-ứng Hịch Cần-vương như cử-nhân Nguyễn-Đức ở Hải-dương, Lãnh Giang ở Bắc-ninh, Đốc Cọp, Đốc Tít, ở Lục-nam cùng nhau đoàn-kết chống Pháp. Thanh-thế của Nghĩa-quân ngày một tăng.

Pháp cử Tổng-đốc Hoàng-Cao-Khải đem đại quân xuống đánh. Tuy quân lính đông, võ-khí tối-tân, Hoàng-Cao-Khải không sao phá được chiến-khu Bãi-Sậy và nhiều phen bị đánh tơi-bời. Nhưng năm 1888, tin vua Hàm-Nghi bị bắt lan một số cựu-thần ngã-lòng thoái-chí. Người thì về quê-quán làm ăn, kẻ ra đầu-thú, Nguyễn-Thiện-Thuật vẫn cương-quyết cùng các đồng-chí trung-kiên tiếp-tục chiến-đấu, nhưng phần thì thiếu khí-giới, phần thì bị Hoàng-Cao-Khải cùng quân Pháp thắt-chặt vòng-vây chung-quanh Bãi-Sậy, lập nhiều đồn ải cắt đứt các đường tiếp-tế lương-thực, năm 1897 Nguyễn-Thiện-Thuật phải bỏ chiến-khu Bãi-Sậy rút sang Trung-hoa rồi bị bệnh mất ở Tàu.

3) Hoàng-Hoa-Thám lập chiến-khu Yên-thế.



Đồn đi của HOÀNG-HOA-THÁM
(Theo bản đồ của Bộ Tham Mưu Pháp)

a) *Tiểu-sử.* — Hoàng-Hoa-Thám tên thật là Trương-Văn-Thám người làng Ngọc-cục. Năm 20 tuổi, Thám tình-nguyện sung vào đoàn Nghĩa-binh của Lãnh-binh Bắc-ninh Trần-Quang-Soạn chống Pháp. Năm 23 tuổi Thám theo dưỡng-phụ là Ba-Phúc qua Vân-nam rồi về chiến-đấu dưới cờ của Cai-Kinh khởi-nghĩa ở Lạng-sơn được phong-chức Đề-đốc vì vậy người ta quen gọi là Đề Thám.

Năm 1888, Cai Kinh bị giết, Hoàng-Hoa-Thám cầm quân thay thế.

b) *Cuộc khởi-nghĩa chống Pháp.*

Tuy vua Hàm-nghi đã bị bắt, Hoàng-Hoa-Thám tiếp-tục chiến đấu. Sau khi tụ-tập được một số chiến-sĩ quan-trọng, năm 1889 Hoàng-Hoa-Thám lập chiến-khu Yên-thế, một vùng núi rừng hiểm-trở nằm lọt giữa rặng núi đá Cai-kinh.

Thám chia quân lập đồn-ải tại nhiều nơi và quấy-rối các tỉnh miền



Yên-Thế, đại bản-doanh của
HOÀNG-HOA-THÁM
(Theo bản đồ của Bộ Tham Mưu Pháp)

Trung-du Bắc-kỳ từ Bắc-ninh tới Bắc-cạn, Thái-nguyên, Vĩnh-yên và uy-hiếp đường xe-lửa Hà-nội — Lạng-sơn mà Pháp bắt đầu khởi công.

Chính-quyền Pháp cử Tổng-đốc Lê-Hoan theo đoàn quân viễn-chinh tiến lên đánh Đề Thám. Từ 1889 tới 1894, Nghĩa-quân dùng chiến-thuật du-kích đánh các đồn lẻ rồi rút vào rừng sâu, lẩn-tránh những cuộc tấn-công ồ-ạt của Pháp. Chiến-thuật này gây cho quân-đội Pháp nhiều sự thiệt-hại nặng-nề, nhưng lực-lượng Nghĩa-quân cũng bị suy-yếu dần. Năm 1894, Hoàng-Hoa-Thám nhờ sự trung-gian của Linh-mục Valesco xin đầu-hàng được Pháp cho cai-quản vùng Yên-thế. Lợi-dụng sự hòa-hoãn này, Thám mua võ-khí, chiêu-tập anh-hùng hào-kiệt và cho quân cải-trang đánh úp các đồn lẻ, gây nhiều vụ ám-sát.

Biết rõ những vụ bạo-động đều do Đề-Thám chủ-mưu, năm 1895 Pháp cử Tướng Gallièni đem đại-quân cùng Tổng-đốc Lê-Hoan lên tấn-công vào Nghĩa-quân. Gallièni áp-dụng chiến-thuật « vết dầu loang » chiếm được nơi nào dựng ngay đồn trại kiên-cố rồi tìm cách mua-chuộc dân chúng kéo họ về phe mình. Đồng-thời Gallièni nhượng-bộ Trung-hoa để họ đóng biên-thùy Hoa-Việt, cắt đường tiếp-tế vũ-khí của Nghĩa-quân.

Sau khi bố-trí cẩn-thận, Gallièni cho 3 đạo quân đánh từ Lạng-sơn, Thái-nguyên ồ-ạt tấn-công Kẻ-thượng (tháng 4-5 năm 1895) nhưng không thu được thắng-lợi.

Pháp bị thiệt-hại nhiều nên năm 1897 chính-quyền Pháp ở Đông-dương nhận đề-nghị xin hòa của Đề-Thám, cho Thám được xử-dụng ấp Phồn-xương thuộc Yên-thế.

Trong thời-gian từ 1897 tới 1908, ngoài mặt thì Hoàng-Hoa-Thám hòa-hoãn với Pháp nhưng bên trong vẫn ngấm-ngầm hoạt-động, cho cán-bộ tổ-chức cơ-sở ở các đô thị lớn quấy-rối địch. Hoàng-Hoa-Thám mật thiết liên-lạc với các sĩ-phu ái-quốc như Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh và nhận được vũ-khí từ ngoại-quốc chuyển về. Chiến-thắng oanh-liệt của Nhật-bản năm 1905 ảnh-hưởng lớn tới phong-trào chống Pháp. Hoàng-Hoa-Thám

lập đảng Nghĩa-hưng mục-đích đánh đuổi người Pháp ra khỏi đất nước. Nhiều binh-sĩ trong quân-đội Pháp gia-nhập đảng và nhiều vụ bạo-động xảy ra tại Hà-nội như vụ đầu-độc quân-đội Pháp, các vụ ám-sát và vụ mưu đánh Hà-nội (1908).

Năm 1909, Pháp quyết-định trừ hẳn Đề-Thám nên huy-động lực-lượng rất mạnh, từ nhiều mặt tấn-công vào Yên-thế. Hoàng Hoa-Thám chia quân chống-cự rất hăng, nhưng trước vũ-khí tối-tân, các tướng lãnh anh-dũng của Đề-Thám lần-lượt tử trận hoặc bị đánh bại phải trốn vào rừng sâu hoặc ra đầu-thú. Tháng 11-1909, gia-đình Hoàng-Hoa-Thám sa vào lưới quân Pháp. Từ đó Hoàng-Hoa-Thám cùng vài thủ-hạ thân-tín thay đổi chỗ ở luôn và bị quân Pháp theo riết.

Năm 1913, Toàn-quyền Albert Sarraut mua được Lương-Tam Kỳ. Lương sai ba thủ-hạ thân-tín lên Thượng yên tìm vào căn-cứ của Đề-Thám giả là người của đảng Cách-mạng Trung-hoa hứa đem giúp võ-khí cho Thám. Đêm 9-2-1913 Thám bị ám-sát.

Từ đó phong-trào Văn-thân hoàn-toàn tan rã.

d) Lý do thất-bại của Phong-trào Cần-vương Văn-Thân.

Phong-trào Cần-vương Văn-thân thất-bại vì nhiều lý-do.

1) Sau cuộc binh-biến đêm 4-7-1885, vua Hàm-Nghi bỏ kinh-thành ra Ấu-sơn lãnh-đạo cuộc kháng-chiến chống Pháp. Hịch Cần-vương được sĩ-phu và văn-thân khắp nơi hưởng ứng, lôi cuốn dân-chúng trong cuộc khởi-nghĩa đánh đuổi quân xâm-lăng. Nhưng vua Hàm-Nghi bị bắt rồi thì Đồng-Khánh cộng-tác với Pháp, cho quan quân đàn-áp những nhà Chí-sĩ yêu nước. Chính sách dùng « người Việt trị người Việt » làm dân-chúng hoang-mang. Nhiều người thấy Triều-đình coi những cuộc khởi-nghĩa là hành-động phản-quốc, nên không ủng-hộ Nghĩa-quân.

Phan-Đình-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám, Nguyễn-Thiện-Thuật có thay đổi khẩu-hiệu nhưng không lôi cuốn được dân-chúng như trước nữa.

2) Đa-số những vị lãnh-đạo các cuộc khởi-nghĩa là văn-

quan, ít kinh-nghiệm về quân-sự, áp-dụng chiến-lược của Tôn, Ngô không thích-hợp với những võ-khí tối-tân. Thêm vào đó, quân ta ô-hợp, không được huấn-luyện cẩn-thận, xử-dụng võ-khí thô-sơ nên chỉ dám đánh du-kích. Chiến-thuật này có làm tiêu-hao lực lượng của quân địch nhưng không mang lại kết-quả quyết-định, quân Pháp vẫn làm chủ tình-thế và quân ta giữ thế-thủ nhiều hơn thế-công.

3) Phong-trào Cần-vương, Văn-thân thiếu sự chỉ-huy duy-nhất : các cuộc khởi-nghĩa nổi lên lẻ-tẻ từng địa-phương một, không phối-hợp với nhau. Pháp có thì giờ dẹp yên một nơi, rồi đem quân đi đàn-áp chỗ khác.

4) Khuyết-điểm lớn nhất của phong-trào Kháng-chiến là quá thiên về quân-sự, bỏ rơi công-tác chính-trị và theo một chủ-trương tôn-giáo hẹp-hòi. Ngay ở những miền do Nghĩa-quân làm chủ cũng không có một tổ-chức nào để tuyên-truyền, giác-ngộ, bảo-vệ và củng-cố tinh-thần dân-chúng. Trong khi phải đoàn-kết mọi tầng lớp nhân-dân chống xâm-lăng thì nhiều vị lãnh-đạo phong-trào Cần-vương, Văn-thân lại tàn-sát giáo-dân, đốt phá giáo-đường Vẫn biết có vài người theo Linh-mục ngoại-quốc làm chỉ-điểm cho giặc, nhưng không thể vì một thiểu-số đó mà coi cả giáo-dân như thù-nghịch. Chủ-trương tôn-giáo hẹp-hòi đó đã làm cho một số lớn tín-đồ Thiên-chúa giáo cũng nặng lòng yêu nước, cũng thù ghét kẻ xâm-lăng, phải buộc lòng theo giặc để bảo-vệ tính-mạng, của-cải, nhất là lòng tín-ngưỡng.

KẾT-LUẬN

Phong trào Cần-vương, Văn-thân nổi lên từ khi quân Pháp giày xéo lên 3 tỉnh miền Đông Nam-kỳ và mở đầu cuốn Việt-Nam tranh-đấu sử. Tuy không đạt được mục-đích là đuổi quân xâm-lăng ra khỏi bờ cõi, Phong-trào này đã làm cho người Pháp phải kính-phục tinh-thần bất-khuất của dân-tộc Việt-Nam.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Chiếu Cần-Vương

« Nước Nam ta ký Hiệp-ước với nước Pháp kể đã có mấy chục năm. Thoạt tiên ta nhường cho Pháp ba tỉnh Nam-kỳ. Hai năm sau, còn ba tỉnh nữa họ lại lấy nốt. Nhưng họ vẫn chưa được thỏa-mãn, họ cho miếng đất ấy là nhỏ mọn, không thấm vào đâu. Dùng mưu-mẹo, họ lập Lãnh-sự ở Huế và Bắc-kỳ, bắt buộc ta phải ký Hiệp-ước mới, rồi thêm bớt, xóa bỏ không biết bao nhiêu lần. Họ quả-quyết xâm-lược xứ Bắc-kỳ để thu lấy những mối lợi mà ông cha ta để lại. Nhân lúc nước ta có tang đức Dực-Tôn Anh Hoàng-Đế (Tự-Đức), quân Pháp kéo vào cướp cửa Thuận-an và đốt cháy ấn-tín của nước Tàu phong cho vua ta. Họ ép uổng ta phải cho họ đóng quân trong Hoàng-thành và nhường chỗ cho họ ràn bày súng ống. Sự hiếp bức đó dù kiên-nhẫn đến thế nào ta cũng không thể chịu được.

« Tháng Năm năm nay, quân Pháp ước hơn vạn người bắt ép ta phải nhường lại Hoàng-thành. Họ bắt vua trị dân theo như luật-pháp riêng của họ. Vì những cớ ấy, Hội-đồng Cơ-mật quyết khởi một trận tập-công ở Huế. Nếu quân ta thắng thì Nguyễn-văn-Tường đón trẫm ra ngự tại Nghệ-an, Hà-tĩnh để Tôn-thất-Thuyết ở lại Huế, lập thế trận. Trước hết bài trừ bọn giáo-dân để thắng quân Pháp sau này, vì chính những dân theo đạo Cơ-đốc đã hiệp nhất với người Pháp mà phản lại Triều-đình. Bằng thua, thì trẫm cùng với triều-thần ra miền Bắc, mưu đồ khôi-phục.

« Cuộc tập-công ngày 23 tháng Năm khởi từ nửa đêm, giữ mãi được đến nửa buổi sáng. Quân Pháp chết vô hạn. Bách-tính đông quá không sao cứu kịp cũng chết rất nhiều. Nhưng đấy là mệnh trời, ta tránh sao được.

« Ngay lúc ấy, Nguyễn-văn-Tường đổi bụng, lén trốn vào nhà giáo Kim-long, còn Tôn-thất-Thuyết thì vẫn theo trẫm, chống nhau với quân Pháp.

« Tới Quảng-trị, có tin quân Pháp sai Tường triệu Trẫm về và trả lại Hoàng-thành.

« Nhưng đấy là mưu của họ lừa ta. Nguyễn-văn-Tường bỏ vua, theo hàng người Pháp để dối dân. Tường lại còn bắt Trẫm nộp cho người

Pháp để giữ toàn phú-quí, tội ấy nặng không biết chừng nào. Mới đây Tường lại sai Tôn-thất-Phấn và Võ-Khưu đi xui quan lại các tỉnh bắt Trẫm. Trẫm tin rằng quan lại không khi nào hạ mình làm những việc đê-hèn ấy... Ngoài ra Tường lại mạo chữ Thái-hậu viết thư dụ Trẫm về. Nhưng Thái-hậu đã ở trong tay người Pháp thì Tường bắt viết gì chẳng được. Vả trong di-chiếu của Tiên-đế có nói việc trị nước chẳng nên trao cho đàn bà. Nếu ai bắt được dụ ấy nên đốt đi và đừng nói đến nữa.

« Núi non cách trở, trẫm đi hai tháng mới tới miền này. Sự chậm trễ đó đã giúp cho quân địch có đủ thì giờ bịa ra những chuyện làm cho lòng dân chán-nản.

« Hiện nay Trẫm cùng với Tôn-thất-Thuyết đã tới Ấu-sơn thuộc huyện Hương-khê. Các quan trong ngoài đều tề-tựu cả ở miền này.

« Văn-thân, dân chúng và binh-sĩ cũng lần-lượt ra dự việc Cần-vương. Thế nước gặp lúc loạn-ly, ta khoanh tay mà nhìn sao được.,.. »

Trích cuồn Vua Hàm-Nghi
của Phan-Trần-Chúc.

* * *

Bài 2.— Vua Hàm-Nghi bị bắt

Ngày 1 tháng một 1888, Trương-Quang-Ngọc và Nguyễn-Tinh-Đình mang 20 tên Mường thuộc các làng Thanh-Long và Thanh-cước vác nỏ và gươm, dáo lên phía Chà-mạc. Tướng Pháp dặn Ngọc nên đãi vua Hàm-Nghi cho có lễ-độ. Còn Thiệp cùng các quan khác thì cứ chém ngay, nếu họ có ý chống lại. Trước khi Ngọc khởi hành ; Đại-úy Boulangier lại hứa nếu việc thành-công sẽ trọng-thưởng.

Mười giờ tối, cả đoàn đến chỗ ở của vua Hàm-Nghi. Túp nhà này mới làm được chừng sáu tháng. Nhà làm trên bờ khe Tá-bào, vách nứa lợp tranh. Trong nhà chỉ có một cái chõng tre rải chiếu. Ngoài hòm quần áo mà Nguyễn-tinh-Đình nói trên, người ta nhặt được một ít nồi niêu bát đĩa lối thường dùng của người Mường. Thấy ở ngoài có động, trong nhà hai người vọt nhảy ra. Hai người này bị Trương-quang-Ngọc đánh chết và dùng dáo đâm qua bụng. Hai người đó là quan Thống-

chế Nguyễn-Thúy và con trai Nguyễn-Thúy giữ chức Tham-biện nội-các trạc độ 45 tuổi.

Tôn-thất-Thiệp vác gươm chạy ra, chực xông vào đánh thì bị một người Mường là Cao-Việt-Lương, người Thanh-cước, phóng một ngọn dáo xuyên qua ngực chết.

Vua Hàm-Nghi đang ngủ sực tỉnh dậy, cũng cầm gươm bước ra. Biết mình bị phản, chĩa gươm bảo Ngọc: « Mày giết ta đi còn hơn là mày mang ta ra nộp cho Tây. »

Nhưng vừa mới nói rứt lời thì bị một tên Mường là Thanh-Cối rút gươm và nhảy vào ôm lấy ngang lưng vua.

Từ đấy, vua Hàm-Nghi không nói năng gì nữa.

Ngọc cho cắt đầu Tôn-thất-Thiệp và cha con Nguyễn-Thúy, ba người còn sót lại trong hàng vạn quân Cần-vương, đã lấy cái chết mà tạ vua Hàm-Nghi, khi vận.

Sáng hôm sau, dân Mường cáng vua Hàm-Nghi đến Ngã-hai rồi đóng bè về đồn Thanh-lạng, Giòng-gĩa hai ngày trời đi bè trên sông Nai, vua Hàm-Nghi không nói năng gì hết, thỉnh thoảng chỉ hỏi han về những làng xóm vừa qua.

Cảnh nước biếc non xanh hình như nhắc lại trong trí nhớ của nhà vua bốn năm dĩ-vãng, hoàn-toàn hy-sinh cho cuộc chiến-tranh.

Cuộc đời bão táp ấy chỉ khi nào nhắm mắt mới là cùng.

Bị bắt, vua Hàm-Nghi tin rằng mình sắp bước vào cõi chết, cho nên nhà vua đã hết lo buồn và có vẻ rất điềm-tĩnh.

Khi bọn Ngọc đọc lá thư của Đại-úy Boulangier gửi cho nhà vua Hàm-Nghi, nhà vua lắc đầu : « Thư ấy gửi cho các người đấy, chứ có phải gửi cho ta đâu ! »

Bọn Ngọc khuyên vua nên về Huế để an-hưởng phú-quý, vua nói :

« Các ngươi bắt ta nộp cho Tây. Bây giờ dù các ngươi ăn thịt ta, ta cũng phải chịu chứ ta biết làm thế nào được ».

Thỉnh-thoảng nếu nhà vua có thốt ra một câu nói thì trước sau cũng vẫn là câu : « Mệnh trời, ta tránh sao được ».

Trích cuốn Vua Hàm-Nghi
của Phan-Trần-Chúc.

Bài 8.— Bãi-sậy căn-cứ của Nghĩa-quân

Bãi-Sậy là cái dấu vết của một trận lụt kinh-khủng do khúc đê Văn-giang thuộc tỉnh Hưng-yên bị vỡ. Dân-cư của bao nhiêu làng qua cơn thủy-lạo này mất hết tài-sản, chẳng còn lấy một mảy may gì để sinh-sống. Nước rút ra rồi, nhưng phù-sa lại phủ xuống mặt đất.

Với những bắp tay gân-guốc, những người dân bị nạn đó rất có thể gây dựng lại cơ-đồ. Nhưng khổ cho họ, bữa ăn cần-thiết cho những ngày đầu tiên khi trở về, cũng chẳng biết đào đâu ra nữa. Như thế hỏi họ còn dở dói được việc gì?

Họ đành bất lực bỏ làng ra đi, mặc cho lau sậy mọc đầy. Chẳng bao lâu mà cả một vùng bị lụt giáp đê Văn-giang đã biến thành Bãi-Sậy rậm-rạp và họa-hoằn mới có một vài bóng người đi lại.

Dân bị lụt lang-thang không nhà cửa, không sinh-kế. Lại gặp phải thời buổi nhiễu-nhương, giặc-giã tứ tung, chỉ còn một đường là theo các hảo-hán đang xưng hùng xưng bá khắp nơi, miễn sao nuôi nổi được thân mình.

Nhắm vào cái kết quả tàn-khốc này, ông Đồng-Quế người xã Thọ-bình đã thu-thập một số trai-tráng nạn-nhân của thủy-lạo, lập thành một đội quân. Lúc khởi-thủy, ông thường đem quân đi các vùng xa cướp của nhà giầu để nuôi quân và tích-trữ lương-thực. Thế-lực sau dần dần mạnh, Đồng-Quế ngang nhiên chống với người Pháp dù rằng Triều-đình Huế đã công-nhận sự bảo-hộ của chính-phủ Pháp.

Mưu đồ nghiệp lớn, tất nhiên phải có một căn-cứ quân-sự để thủ hiểm. Ý định của Đồng-Quế là đóng quân ngay ở đồng-bằng để chống với quân Pháp vì ở miền thượng-du đã có rất nhiều thủ-lĩnh cũng đang tích-cực hoạt-động rồi.

Bãi-Sậy là nơi ông lựa chọn và kiến-thiết rất công-phu, nó đã biến thành một sào-huyệt vô cùng bí-mật.

Từ đấy chiến khu Bãi-Sậy được ghi vào trang lịch-sử tranh-đấu của dân-tộc Việt-nam. Nó là một khu đất danh-dự của tỉnh Hưng-Yên và lại là một kỳ-công của dòng sông Nhị.

Sau ít lâu im hơi lặng tiếng, đảng Đồng-Quế chỉ nghĩ đến sự bành-trướng thế-lực và tổ-chức sào-huyệt cho thật chu-đáo. Các đảng-viên

cũng như các binh-lính tốn bao công sức để hoàn thành chiến-lũy này.

Nhìn xa người ta chỉ thấy bát-ngát một rừng sậy mọc um-tùm và có lẽ người ta chỉ mường-tượng thấy những túp lều tre dựng rải-rác trong đám sậy đấy là nơi ra vào của đảng Đồng-Quế.

Họ đã nhầm, không phải chỉ có thế mà thôi đâu. Nếu họ được một đảng-viên của đảng Đồng-Quế cho đi theo thì họ sẽ được do một lối đường hầm đi xuống. Sau khi qua những đường ngách, ngang dọc tối om, tất họ phải ngạc-nhiên trước một tổ-chức dương-gian dưới âm-ty.

Công cuộc kiến-tạo chiến-lũy này thật vô cùng vĩ-đại. Đường hầm như mắc cửi mà cửa hầm thì thực là vô cùng bí-mật. Không một ai có thể vào lọt trong Bãi-Sậy, vì chỉ có người của đảng Đồng-Quế mới rõ dấu hiệu mà tìm lối xuống hầm. Ngoài ra, còn ai dám bén mảng đến nơi nguy-hiểm này.

Ở ngay Bãi-Sậy đã chi-chít cạm bẫy, người lạ lần mò vào thì đừng hòng mà ra nữa. Nói đến dưới hầm, những gốc cây sậy kia thì thực là nói tất cả nguy-hiểm và bí-mật.

Người đảng Đồng-Quế quen thuộc với đêm tối. Bởi thế nên họ đi lại hay ăn ở dưới hầm như thường. Chỉ một chút ánh sáng của đĩa đèn dầu Nam cũng làm cho họ nhận rõ sự vật xung quanh. Chỗ này kho lương, chỗ kia phòng họp ; nơi quân đóng, nơi ăn ngủ, chốn ẩn-nấp ; đâu ra đấy, chẳng khác gì một tổ-chức thành-trì trên mặt đất vậy.

Trong lòng Bãi-Sậy cũng như dưới hầm, chỗ nào cũng hình như chực nuốt sống ăn tươi những người muốn thám hiểm cơ-quan của đảng Đồng-Quế.

Những phút đắc-chí, trong công-trình kiến-tạo của mình, đảng Đồng-Quế tự coi mình như một đoàn-thể Diêm-Vương, khinh thường tất cả cái gì không thuộc vào phạm-vi Bãi-Sậy.

Trích cuốn Tán-Thuật
Bãi-Sậy khởi-nghĩa của Vân-Hà

* * *

Bài 4. — Những phút cuối-cùng của Hoàng Hoa-Thám

Nnười ta đồn rất nhiều về Thám, kẻ nói Thám chết trận nhưng xác được đem đi chôn ở một nơi kín, người đồn Thám đã tự-vẫn sau khi vợ con bị bắt.

Nhưng tháng 7 năm 1911 lại có tin báo Thám vẫn còn ở Thượng Yên. Ngày 21 tháng 11, quân Pháp đến bao vây ngọn đồn gần Yên-lê, bị thương 7 người và chết 5 ... Thám trốn thoát.

Ngày 12 tháng 3 năm 1912, viên Công-sứ Nhã-nam Bouchet nhận được một phong thư của Thám xin về quy-thuận, Bouchet không trả lời, đem quân truy-nã.

Hạ-tuần tháng 6, Thám lại gửi thư lên chính-phủ Pháp, Toàn-quyền Albert Sarraut trả lời vắn tắt « không ».

Bouchet dò tìm được địa-điểm của Thám, đề-nghị dùng quân-lực diệt-trừ nhưng Sarraut cũng trả lời vắn tắt « không ».

Chủ-trương của Albert Sarraut lúc bấy giờ là : Theo dõi hành-động của Đề-Thám, thế là đủ ! « Bài học những cuộc hành-binh từ trước là những kinh-nghiệm máu cho chính-phủ Pháp. Không nên huy-động lực-lượng quân-sự ồ-ạt tấn-công một nhóm địch trong rừng rậm ».

Sarraut có một âm-mưu khác, mầu-nhiệm hơn vũ-lực. Sau khi bàn luận với viên Thống-sứ Bắc-kỳ Destenay (thay Miribel) và viên Giám-đốc chính-trị phủ Toàn-quyền, Sarraut phái Bosc lên khu chợ Lương-Tam-Kỳ.

Vẫn là một tên giặc cỏ đầu hàng Pháp và được Pháp cho trú-ngụ ở Chợ Chu, Lương-Tam-Kỳ nhận lời tiếp tay cho Pháp hạ Đề-Thám để lãnh 25.000 đồng tiền thưởng.

Ngày 10 tháng giêng năm 1913 Lương-Tam-Kỳ phái ba tên bộ-hạ tâm-phúc đến Thượng-yên tìm vào địa-điểm của Thám, mạo nhận là người của phân-bộ cách-mạng Trung-hoa đến liên-lạc với Thám.

Trước những câu dò hỏi của Thám 3 tên này xuất-trình đủ giấy má và một phong thư có dấu son đỏ chót. Lương-Tam-Kỳ đã giả mạo những giấy tờ này y hệt như giấy thật, nhưng Thám vốn đa-nghi nên chưa muốn tin ngay ba tên lạ mặt.

Trong thư có hứa sẽ gửi cho Thám một số bom và súng đạn nên Thám vẫn nắn-ná đợi chờ.

Ba tên bộ-hạ Lương-Tam-Kỳ ngày đêm lo-lắng rình cơ-hội ra tay nhưng không qua được mắt Thám.

Ngày 9 tháng 2 năm ấy thám nói lóng với hai người tâm-phúc ;

« Ở đây có 3 cái cây làm trở-ngại lối đi phải hạ cây lớn trước, cây bé sau, cho quang đường đi lối lại ».

Ba tên giặc nghe hiểu và bàn nhau ra tay trước.

Đêm ấy Thám phái 2 người tâm-phúc ngồi canh ở cửa rồi bầy mâm đèn ra hút... Mắt lim-dim nửa như dò xét, nửa như thả hết mộng hồn vào trong khói thuốc ánh đèn...

5 giờ sáng, một trong ba tên giặc sẽ nhổm dậy bò vào nhà, luồn đến cạnh giường Thám nằm ngủ, 2 tên khác tiến dần đến phía 2 người gác đang ngủ gật...

Thấy động, Thám hé mắt nhìn rồi quơ tay rút súng lục... nhưng đã muộn, tên giặc to lớn nắm cán cuốc đánh thực mạnh vào sườn Thám, tiếp theo một hồi vào đầu và vào mặt. Thám lịm dần và bên ngoài 2 mũi dao cũng kết thúc xong đời 2 người tâm-phúc cuối cùng của Thám.

Sáng ngày mùng 10 tháng 2 năm 1913, ba tên bộ-hạ họ Lương xách 3 cái đầu đẫm máu đến dinh Bouchet ở Nhã-nam lãnh thưởng.

Trích cuốn Hoàng-Hoa-Thám
của Văn-Quang.

PHONG-TRÀO DUY-TÂN VÀ ĐÔNG-DU
(1904 — 1909)

Sau khi Phong-trào Cần-vương và Văn-thân tan-rã, một số sĩ-phu ái-quốc nhận thấy không thể đem võ-khí thô-sơ chống với khí-giới tối-tân của Pháp được. Muốn lật-đổ nền thống-trị của Thực-dân cần phải nâng-cao dân-trí, gửi thanh-niên ưu-tú xuất-dương du-học và nhờ ngoại-viện. Do đó phong-trào Duy-tân và Đông du xuất-hiện. Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh là linh-hồn của phong-trào này.

I.— SỰ CHUYỂN-HƯỚHG CỦA PHONG-TRÀO CHỐNG PHÁP CÓ HAI NGUYÊN-NHÂN CHÍNH:

1) Nguyên-nhân trong nước: Sau những thất-bại dau-đớn của các cuộc khởi-nghĩa, nhiều nhà ái-quốc nhận thấy khi dân-trí còn thấp kém thì việc võ-trang kháng-chiến khó đạt được kết-quả mong muốn. Đa-số dân-chúng chưa có một quan-niệm rõ-rệt về tinh-thần ái-quốc, chưa cảm thấy cái nhục của kẻ vong-quốc nên khi Nghĩa-quân mạnh thì vì sợ-hãi phải tiếp-tế lương-thực và phải ủng-hộ. Nhưng đến lúc quân giặc tấn-công, họ dễ bị mua-chuộc và nhiều khi vì muốn bảo-vệ sự an-toàn cho gia-đình hoặc vì mối lợi nhỏ, nhiều người sẵn-sàng chỉ nơi trú-ẩn của Nghĩa-quân để địch càn-quét.

Một số người ham quyền cao, chức trọng của giặc ban cho, cộng-tác hẳn với quân thù và đem quân giết-hại những chiến-

sĩ anh-hùng tranh-đấu cho sự sống còn của dân-tộc. Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khải, Lê-Hoan là những tay sai đắc-lực đã giúp Pháp đặt ách nô-lệ lên đầu lên cổ dân-tộc Việt-nam.

Biết nhược-điểm trên, người Pháp thực-hiện chính-sách dùng người Việt đánh người Việt. Họ bắt Triều-đình Huế cử quan-lại theo đoàn quân Viễn-chinh Pháp đi dẹp những cuộc khởi-nghĩa, họ mộ lính khố-đỏ, khố-xanh làm bia đỡ đạn cho toán quân da trắng. Các tướng-lĩnh Pháp áp-dụng chiến-thuật « Vết dầu loang », chiếm được địa-điểm nào họ xây đồn ải cho quân đóng án-ngữ, đắp đường giao-thông thọc sâu vào các miền rừng núi hiểm-trở mà các lãnh-tụ của phong-trào Cần-vương, Văn-thân dùng làm căn-cứ quân-sự.

Thực-trạng này thức-tỉnh các sĩ-phu ái-quốc và chuyển-hướng phong-trào chống Pháp : Muốn giành được độc-lập thì trước hết phải nâng-cao dân-trí, tuyên-truyền sâu rộng và cầu ngoại-viện.

2) Nguyên-nhân ngoài nước.

Cuối đời Mãn-Thanh, nước Trung-hoa bị liệt-cường xâu-xé. Trước hiểm-họa mất nước, một nhóm sĩ-phu Trung-hoa như Lương-Khải-Siêu, Khang-Hữu-Vi dâng sớ xin vua Quang-Tự canh-tân nền hành-chính, kinh-tế và quân-sự. Việc này tuy không thành-công nhưng đã gây được một tiếng vang ở Trung-hoa và ngay cả ở Việt-nam. Các sách của Lương, Khang được sĩ-phu nước ta chuyền tay nhau đọc và phổ-biến.

Năm 1905, Nhật thắng Nga. Những chiến-thắng của một dân-tộc da vàng là tiếng sét thức-tỉnh giới sĩ-phu Việt-nam và đem lại sự tin-tưởng cho những nhà ái-quốc. Nhật-bản được coi như là một dân-tộc đàn anh ở châu Á và Nhật sẽ giúp các nước nhược-tiểu thoát khỏi ách nô-lệ của người da trắng. Mọi người không ngớt ca-tụng sức mạnh của con cháu Thái-dương Thần-nữ

và đặt hy-vọng vào dân-tộc Phù-tang (1). Phong-trào gửi sinh-viên du-học bên Nhật và nhờ thế-lực của Nhật để thắng Pháp xuất-hiện, đó là phong-trào Đông-du.

II.— NHỮNG VỊ LÃNH-TỤ CỦA PHONG-TRÀO DUY-TÂN VÀ ĐÔNG-DU.

Ba vị lãnh-tụ chính của phong-trào Duy-tân và Đông-du là:

1) Tăng-Bạt-Hổ quê ở Bình-định, sung vào quân-đội và được thăng chức Cai-cơ. Khi vua Hàm-Nghi nổi lên chống Pháp thì Tăng-Bạt-Hổ khởi-nghĩa ở Bình-định nhưng bị Nguyễn-Thân đem quân đàn-áp. Tăng-Bạt-Hổ trốn sang Xiêm rồi sang Trung-hoa làm thuỷ-thủ trên một chiếc tàu buôn chạy đường Trung-hoa — Nhật-bản.

Khi Nhật — Nga chiến-tranh bùng nổ, Tăng đầu quân ở Nhật lập công lớn trong các trận Đại-liên, Lữ-thuận và được thưởng huy-chương quân-công. Sau khi Nhật thắng trận, Tăng-Bạt-Hổ quen nhiều chính-khách Nhật và nhân cơ-hội đó yêu-cầu Nhật giúp Việt-nam đuổi người Pháp ra khỏi nước. Khuyển-Dưỡng Nghị, một chính-khách Nhật, sau giữ chức Thủ-tướng, khuyên Tăng về nước tìm một vị Minh-chủ và đưa thanh-niên sang du-học bên Nhật.

Tăng bèn lẻn về nước vừa gặp lúc Phan-Bội-Châu đi chu-du trong nước cổ-động cho Duy-Tân hội. Tăng đưa Phan-Bội-Châu sang Trung-hoa và Nhật-bản.

2) Phan-Bội-Châu hiệu Sào-Nam, người xã Đông-

---

(1) Trong bài « Đề tỉnh quốc-dân » Phan-Bội-Châu đã viết :

Cờ độc-lập dựng đầu phất trước,
Nhật-bản kia vẫn nước đồng-văn.
Á-đông mở hội Duy-tân,
Nhật-hoàng là đấng anh-quân ai bì.
Giống Thần-nữ trông về một họ,
Vầng Phù-tang soi tỏ gốc trời.

(Bản dịch của Lê-Đại.)



PHAN-BỘI-CHÂU
Lãnh-tụ phong-trào Đông-du
(Ảnh cửa nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

liệt, tỉnh Nghệ-an, có chí lớn ngay từ buổi thiếu-thời. Năm 1900, Phan đậu Giải-nguyên nhưng không chịu ra làm quan và đi khắp trong Nam ngoài Bắc liên-kết với dư-đảng Văn-thân cùng các nhà ái-quốc với mục-đích đánh đuổi người Pháp ra khỏi bờ cõi. Phan viết tập « Lưu-cầu Huyết-lệ thư » gửi sĩ-phu cổ-động cho phong-trào chống Pháp. Năm 1904, Phan lập Duy-Tân hội, năm 1905 được Tăng-Bạt-Hổ đưa sang Nhật-bản gặp Lương-Khải-Siêu và Khuyển-Dưỡng-Nghị. Theo lời khuyên của Khuyển-Dưỡng-Nghị, Phan-Bội-Châu về nước đưa Kỳ-Ngoại-hầu Cường-Để sang Nhật.

Phan soạn tập « Hải-ngoại huyết-thư » đưa Phan-Chu-Trinh mang về nước phổ-biến và khuyến-khích thanh-niên sang Nhật du-học.

Năm 1913, sau vụ bạo-động ở Thái-bình, Hội-đồng Đề-hình xử tử vắng mặt Phan-Bội-Châu.

Sau gần 30 năm hoạt-động cách-mạng, Phan-Bội-Châu bị Pháp bắt ở Thượng-hải và đưa về nước xử. Hội-đồng Đề-hình kêu án khổ-sai chung thân. Nhưng trước cao-trào tranh-đấu

của toàn dân, Toàn-quyền Varenne tha Phan-Bội-Châu, bắt an-trí ở Huế. Phan dựng một gian nhà nhỏ trên bờ sông Hương và mất năm 1940.

3) Phan-Chu-Trinh, hiệu Tây-Hồ, người làng Tây-lộc, tỉnh Quảng-nam. Năm 13 tuổi, Phan bỏ văn, luyện-tập võ-nghệ để kịp giúp nước. Thân-phụ Phan-Chu-Trinh hưởng-ứng hịch Cần-vương giúp vua Hàm-Nghi chống Pháp, sau bị sát hại, Phan-Chu-Trinh bỏ phong-trào kháng-chiến về làng tiếp-tục việc học và đậu Cử-nhân khoa 1900, năm sau đậu Phó-bảng, được bổ chức Hành-tẩu Bộ Lễ. Nhận rõ những thối-nát của đám quan-lại thời đó và bị kích-thích mạnh bởi chiến-thắng oanh-liệt của Nhật-bản, năm 1905 Phan-Chu-Trinh từ quan đi chu-du khắp nước kết giao cùng các nhà ái-quốc. Tới Bình-định vừa gặp kỳ sát hạch. Phan đổi tên vào thi làm bài thơ « Chí-thành thông-thánh » để cảnh-tỉnh sĩ-phu (1). Sau đó Phan định vào Nam liên-lạc với các nhà ái-



PHAN-CHU-TRINH
từ quan, lãnh-đạo phong-trào chống Pháp
(Ảnh của nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

(1) Đây là bài thơ Chí-thành thông-thánh :

« Thế-sự hồi đầu dĩ nhất không.
« Giang-san hòa lệ khấp anh hùng ?
« Vạn dân nô-lệ cường-quyền hạ.
« Bát cổ thi-văn tủy mộng trung.

(Xem tiếp trang 102)



Mộ TĂNG-BẠT-HỔ, nhà cách-mạng đã lập công lớn trong trận Nhật — Nga chiến tranh

(Ảnh của nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)



Mộ nhà cách-mạng PHAN-BỘI-CHÂU ở Huế. Ngôi nhà lá cạnh mộ là nơi PHAN-BỘI-CHÂU sống sau khi được ân-xá.

(Ảnh của tác-giả)

quốc miền Đồng-nai. Qua Vịnh Cam-ranh, Phan xuống thăm chiến-hạm Nga trú-ẩn ở đó. Tới Phan-thiết, Phan bị bệnh phải trở về Huế.

Sau khi bình-phục, Phan-Chu-Trinh ra Bắc liên-lạc với các nhà ái-quốc Bắc-hà như Lương-Văn-Can, Đào-Nguyên-Phổ, Võ Hoành rồi lên Yên-thế thăm Hoàng-Hoa-Thám, năm 1906 cùng Phan-Bội-Châu sang Nhật. Ở Nhật được một thời-gian, Phan-Chu-Trinh về nước với ý định đem những điều hay của người truyền-bá cho dân-chúng. Phan tiên-sinh giúp Lương-Văn-Can mở trường Đông-kinh Nghĩa-thục.



Kỳ-Ngoại-Hầu CƯỜNG-ĐỂ

« *Trường thử bách niên cung thóa mạ,*
« *Bất tri hà nhật xuất lao lung.*
« *Chư quân vị tất vô tâm-huyết*
« *Thỉnh bả, tư văn khán nhất thông* »,

Bản dịch của báo Tân-dân :

« *Cuộc đời ngoảnh lại vẳng không,*
« *Giang-sơn nào khác anh hùng được đâu.*
« *Cường quyền đậm đạp mái đầu,*
« *Văn-chương tám vẻ say câu mơ-màng.*
« *Tháng ngày uất giận đành cam*
« *Xó lồng thảo cũi biết làm sao đây ?*
« *Những ai tâm huyết vơi đầy,*
« *Dốc lòng văn-đạo, thơ này thầu cho !*

(Trích cuốn Phan-Chu-Trinh của Thế-Nguyên.)

Phan-Chu-Trinh gửi cho Toàn-quyền Pháp tại Đông-dương một bức thư nêu rõ những khuyết-điểm của chính-sách bảo-hộ và mạt-sát quan-lại Việt-nam. Năm 1908, Triều-đình Huế bắt giam Tiên-sinh và kết án tử-hình. Hội Nhân-quyền can-thiệp nên án tử-hình được cải sang án khổ-sai và Tiên-sinh bị đầy ra Côn-đảo. Năm 1911, Tiên-sinh được ân-xá bị câu-thúc tại Mỹ-tho.

Năm 1911, Phan-Chu-Trinh và con là Phan-Văn-Dật sang Pháp. Vì không chịu để Pháp mua chuộc, Tiên-sinh phải làm công cho một hiệu ảnh lấy tiền nuôi con trai ăn học.

Khi chiến-tranh Pháp—Đức bùng nổ, Pháp ngờ Tiên-sinh là gián-điệp của Đức nên bắt giam vào ngục La Santé. Năm 1915, Phan-Chu-Trinh được tha thì con mắc bệnh lao phải về nước tới Sàigòn thì mất. Phan-Chu-Trinh tiếp-tục viết báo, làm ảnh, sống ở Ba-lê.

Năm 1922, Khải-Định sang Pháp dự cuộc đấu-xảo Marseille, Phan-Chu-Trinh gửi thư kể tội Khải-Định (1). Bức thư được dịch đăng trên nhiều báo làm dư-luận Pháp sôi-nổi.

Năm 1925, Phan-Chu-Trinh về nước, lưu ở Nam-kỳ viết báo, diễn-thuyết bênh-vực thuyết «Pháp — Việt đề-huề». Năm 1926, Tiên-sinh từ-trần. Toàn quốc đề tang và vụ này gây ra cuộc bãi-khóa của học-sinh Trung-học.

III.— HOẠT-ĐỘNG CỦA PHONG-TRÀO DUY-TÂN.

1) Phan-Bội-Châu lập Duy-Tân hội (1904).

Sau những buổi gặp gỡ giữa Phan-Bội-Châu và các vị sĩ-

---

(1) Phan-Chu-Trinh kể 7 tội sau đây của Khải-Định:

1 — Tôn bậy quán quyền
2 — Lạm hành thưởng phạt
3 — Thích chuộng sự quỳ lạy
4 — Xa-xỉ quá độ.
5 — Ăn bận không phải lối
6 — Chơi-bời vô độ
7 — Chuyến này đi Tây có một sự ám-muội

(Trích cuốn Phan-Chu-Trinh của Thế-Nguyên.)

phu ái-quốc, tháng 5 năm 1904, tại Sơn-trang Nam-thạch của Tiểu-la Nguyễn-Thành thuộc tỉnh Quảng-nam. Phan-Bội-Châu cùng một số đồng-chí như Đặng-Thái-Thân, Đặng-Tử-Kính, Lê-Võ, Kỳ-Ngoại-hầu Cường Để lập Duy-Tân hội. Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để, cháu đích-tôn 5 đời của Hoàng tử Cảnh, được bầu làm Minh-chủ.

Mục-đích chính của Hội là gây lực-lượng chống Pháp ở trong nước và ở ngoại-quốc.

Chương trình hoạt-động gồm 3 điểm chính sau đây :

a) Kết-nạp tất cả những phần-tử chống Pháp.

b) Thảo chương-trình bạo-động.

c) Cử đại biểu sang Nhật xin cứu-viện.

Phan-Bội-Châu được bầu là Tổng Đại-biểu của Hội, phụ-trách về việc ngoại-giao với các nhà Cách-mạng Nhật-bản và Trung-hoa.

2) Phan-Bội-Châu tiếp-xúc với các lãnh-tụ cách-mạng Trung-hoa và với các chánh-khách Nhật-bản.

Nhờ Tăng-Bạt-Hổ hướng-dẫn, thang 1 năm 1905, Phan-Bội-Châu tới Đông-kinh.

Phan gặp Lương-Khải-Siêu, một nhà cách-mạng Trung-hoa bị Mãn-Thanh truy-nã phải trốn sang Nhật xuất-bản tờ Tân-dân Tùng-báo. Lương-Khải-Siêu khuyên Tiên-



Tiểu-la NGUYỄN-THÀNH
một sáng-lập viên Duy-Tân hội
(Ảnh của nhà xuất bản Anh-Minh Huế)



PHAN-CHU-TRINH và con trai là PHAN-VĂN-DẬT

(Ảnh của nhà xuất-bản Anh-Minh Huế).

sinh viết sách, báo lột trần tội ác của Pháp để kích-thích lòng dân rồi tìm những thanh-niên ưu-tú có tâm-huyết đưa sang Nhật để đào-tạo về phương-diện chính-trị và quân-sự.

Nhờ sự giới-thiệu của Lương-Khải-Siêu, Phan-Bội-Châu được hai lãnh-tụ của Dân-đảng Nhật là Bá-Tước Đại-Ôi và Khuyển-Dưỡng-Nghị tiếp. Họ Khuyển khuyên Tiên-sinh nên đưa Kỳ-Ngoại-hầu sang Nhật để việc tranh-đấu được danh-chính ngôn-thuận. Đại-Ôi và Khuyển-Dưỡng-Nghị hứa sẽ giúp sinh-viên Việt-nam có chỗ học-tập.

3) Phan-Bội-Châu đưa một số thanh-niên Việt-Nam qua Nhật.

Theo lời khuyên của Lương-Khải-Siêu, Phan-Bội-Châu viết nhiều cuốn sách kích-thích lòng ái-quốc của dân-tộc Việt-nam và gửi về phổ-biến ở trong nước. Vài tác-phẩm nổi tiếng như :

— Việt-nam Vong-quốc sử.

— Hải-ngoại Huyết-thư.

— Việt-nam Nghĩa-liệt sử.

— Khuyến thanh-niên du-học văn.

— Khuyến quốc-dân tu-trợ du-học văn, vân vân.

được bí-mật phổ-biến sâu rộng trong giới sĩ-phu.

Duy-Tân hội lập ra nhiều hiệu buôn dùng làm cơ-quan bí-mật đưa thanh-niên vượt biên-giới qua Trung-hoa để sang Nhật. Hồi đó ở Hà-nội có hiệu Đồng-lợi-tế, ở Sàigon có hiệu Nam-đồng-hưng, ở Mỹ-tho có Khách-sạn Minh-tâm.

Cuối năm 1905, Phan-Bội-Châu đưa được 3 học-sinh Việt-nam sang Nhật đầu-tiên là Trần-Hữu-Công, Lương-Lập-Nham (tức Lương-Ngọc-Quyến) và Nguyễn-Thần-Hiến (có sách ghi là Nguyễn-Điền).

Sau khi Kỳ-Ngoại-hầu Cường-Để sang Nhật, số thanh-



NGUYỄN-THẦN-HIỀN
biệt hiệu Phác-đình đại-biểu Nam-kỳ
trong phong trào Đông du
(Ảnh nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

niên xuất - dương tăng nhanh : năm 1907 đã có hơn 100 người (40 sinh-quán Nam-kỳ, hơn 60 sinh-quán Bắc và Trung - kỳ), năm 1908 con số tăng lên hơn 200 (hơn 100 sinh - viên Nam - kỳ, 50 người ở Trung và hơn 40 người Bắc).

Học - sinh Việt - nam được nhận vào học tại trường Chấn - Võ (một trường võ-bị Nhật mở cho du-học-sinh Trung - hoa), trường Đồng - văn (do Đông-Á Đồng-văn hội mở riêng dạy du - học - sinh Việt-nam), và vài trường khác.

Chương-trình học tập chia ra làm 2 phần :

Sáng học các môn thường - thức như Toán, Sử-học, Địa-lý, Khoa-học, chiều dành riêng cho các giờ quân-sự. Du-học-sinh Việt-nam đều đặt dưới sự đôn-đốc và kiểm-soát của hội Cống-hiến thành-lập năm 1907 do Cường-Để làm Hội-trưởng.

IV.— PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU TAN-RÃ.

1) Sở Mật-thám Pháp theo rõi Phong-trào Đông-du.

Phong-trào Đông-du phát-triển mạnh nhất trong những năm 1907 và 1908. Tại Nam-kỳ một số phụ-huynh học-sinh đi

Hương-cảng để rồi sang Nhật thăm con em du-học tại các trường trên bán-đảo Phù-tang. Sở Mật-thám Pháp để ý cử nhân-viên theo rõi. Cuối năm 1907, Pháp đã nắm được đầu dây nhờ mấy bài tuyên-truyền kín-đáo cho Phong-trào đăng trên tờ Lục-tỉnh Tân-văn. Năm 1908, Sở Bưu-điện Sài-gòn bắt được thư của một phụ-huynh học-sinh báo cho Phan-Bội-Châu biết đã quyên được một số tiền lớn cho Hội. Hai hội-viên từ Nhật về lấy tiền bị bắt, nhờ đó Sở Mật-thám Pháp có nhiều tài-liệu về sự hoạt-động của Phong-trào Đông-du ở trong nước cũng như ở Nhật-bản.

2) Pháp đàn-áp Phong-trào ở trong nước.

Lợi-dụng các vụ biểu-tình chống thuế ở Trung-kỳ và vụ Hà-thành đầu-độc (xem bài sau), Pháp bắt giam gần hết các vị sĩ-phu giữ một vai trò quan-trọng trong Duy-Tân hội và đầy ra Côn-đảo.

Những cơ-quan kinh-tế làm tiền cho Hội đều lần-lượt bị đóng cửa. Những hệ-thống bí-mật để chuyển tiền từ Việt-nam sang Trung-hoa và Nhật-bản đều bị cắt đứt. Chính-phủ Pháp bắt giam và ép phụ-huynh du-học-sinh viết thư gọi con em về nước. Một số được Pháp cho phép gửi tiền lấy vé tầu đón con về để chúng dễ kiểm-soát.

3) Chính-phủ Pháp ký Hiệp-ước nhường cho Nhật nhiều quyền-lợi kinh-tế ở Đông-dương (1907 — 1908).

Sau khi bắt giam những vị sĩ-phu tích-cực tham-gia vào Phong-trào Đông-du và đóng cửa các cơ-quan kinh-tế của Duy-Tân hội, Chính-phủ Pháp cử sứ-thần giao-thiệp thẳng với Chính-phủ Đông-kinh Nhận rõ nền kinh-tế của Nhật cần nhiều thị-trường tiêu-thụ sản-phẩm, Pháp bèn ký thương-ước nhường cho Nhật nhiều quyền-lợi ở Đông-dương với điều-kiện là Nhật phải bắt du-học-sinh Việt-nam còn trú-ngụ trên đất Nhật trao trả cho Pháp.

Tháng 9-1908, Chính-phủ Nhật hạ lệnh giải-tán tất cả các tổ-

chức của học-sinh Việt-nam, tịch-thu hết giấy tờ và trục-xuất những người Việt đương sống trên đất Nhật.

Một số lớn học-sinh Việt phải bán quần áo, sách vở lấy tiền mua vé trốn sang Trung-hoa.

Tháng 2-1909, Phan-Bội-Châu và Cường-Để cũng bị Nhật trục-xuất ra khỏi đất Nhật. Hai vị lãnh-tụ của Phong-trào Đông-du được Khuyển-Dưỡng-Nghị báo trước trốn thoát sang đất Tàu. Nhưng vì hồi đó Chính-phủ Mãn-thanh đương ráo-riết truy-tầm các nhà cách-mạng Trung-hoa nên Phan-Bội-Châu và Cường-Để phải trốn sang Xiêm làm ruộng và lo chuyển sinh-viên Việt-nam từ Trung-hoa sang Vọng-các. Từ đó Phong-trào Đông-du tan rã hẳn.

V.— NGUYÊN-NHÂN THẤT-BẠI VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU.

1) Phong-trào Đông-du thất-bại vì những nguyên-nhân sau đây:

a) Sau khi đưa được một số du-học-sinh sang Nhật, các vị lãnh-đạo Phong-trào Đông-du vẫn phải trông vào tiền tiếp-tế từ Việt-nam gửi sang để trả tiền ăn, học cho sinh-viên. Chính sự tiếp-tế này đã giúp cho Pháp tìm ra manh-mối của Phong-trào.

b) Chính-phủ Nhật không thực-tâm giúp Việt-nam lật đổ ách thống-trị của Pháp, nên sau khi được hưởng vài quyền-lợi kinh-tế ở Đông-dương, Nhật dở mặt giải-tán các tổ-chức du-học-sinh Việt-nam, giúp Pháp bắt những người yêu nước đem về làm tội.

2) Tuy vậy Phong-trào Đông-du đã có những ảnh-hưởng quan-trọng.

a) Những tác-phẩm cách-mạng của Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh được bí-mật phổ biến sâu rộng và đã hun-đúc tinh-thần ái-quốc cổ-truyền của dân-tộc Việt-nam. Những vụ biểu-tình chống thuế, phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục, các vụ bạo-



LÝ-TUỆ người đã có công đưa các nhà cách-mạng Việt-nam qua Trung-hoa, Nhật-bản. Những chữ để trên ảnh là thủ bút của các nhà cách-mạng

(Ảnh nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

động sau khi trường Đông - kinh Nghĩa-thục tan rã là hậu-quả của Phong-trào Đông-du.

b) Đây là lần đầu-tiên mà giới sĩ-phu không hoạt-động lẻ-tẻ như trước, biết lợi-dụng lòng ái-quốc của một số thương-gia để thành - lập nhiều hiệu buôn, biết tuyên - truyền cả trong hàng ngũ binh-sĩ, công-nhân làm tàu biển (1) và giới công-giáo để có một lực-lượng chống ngoại-xâm quan-trọng.

c) Phong - trào Đông - du đã đưa được nhiều thanh-niên yêu nước đi du-học ở ngoại - quốc. Một số, sau khi thâu-thái được những cái hay của người, trở về giúp nước (như Lương-Ngọc-Quyến) và lãnh-đạo phong-trào chống Pháp.

---

(1) Trong số công-nhân làm tàu biển, Lý-Tuệ là người đã có công đem nhiều thanh niên xuất-dương. Chính Lý-Tuệ đã giúp các nhà lãnh-đạo phong-trào Đông-Du đi lại dễ-dàng không bị Sở Mật-Thám bắt.

大道之行也 天下爲公
選賢與能 講信修睦
故人不獨親其親 不獨子其子 使老有所終 幼有所
長 壯有所用 矜寡孤獨
廢疾者皆有所養
男有分 女有歸 貨
惡其棄於地也 不必藏
於己 力惡其不出於身也
不必爲己 是故謀閉而
不興 盜竊亂賊而不
作 故外戶而不閉
是謂大同

Thủ bút của PHAN-BỘI-CHÂU

(Ảnh của nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

POSTES ET TELEGRAPHES

RÉCÉPISSÉ N° 517-2.

(Sept. 1921. — Sp. 666 a.)

à remettre au déposant.

Timbre à date.

(A remplir par l'expéditeur.)

Nom et adresse du destinataire

M Khải Định

Rue

à empereur d'Annam

Huế

(A remplir par l'agent des Postes.)

Nature de l'objet : L.R.

Valeur déclarée (1) :

Remboursement :

Poids :

(1) Voir notice spéciale au verso.
(2) Coller ici l'étiquette gommée extraite du livre.

Signature de l'agent.

Biên-lai thơ bảo-đảm của Phan-Chu-Trinh gửi vua Khải-Định

(Ảnh nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

KẾT-LUẬN

Hai nhà cách-mạng họ Phan đã chuyển hướng phong-trào chống Pháp và gây được nhiều ảnh-hưởng quan-trọng : nhờ sự vận-động ở Nhật-bản và Trung-hoa, nhờ các bài báo tố-cáo hành-động dã-man của Pháp, thế-giới chú-ý đến Việt-nam, về sau nhiều thanh-niên về nước lãnh-đạo phong-trào chống Pháp.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Trích bức thư của Phan-Chu-Trinh gởi chánh-phủ Pháp

« Kể từ khi nước Pháp qua bảo-hộ nước Nam tới giờ, sửa-sang đường sá cầu cống, tàu thủy, xe lửa giao-thông, dây thép báo tin, tiện-tiệp mau chóng, những sự ích-lợi ấy người nước Nam ai cũng nhận biết cả ; duy còn một điều không đừng được mà không nói là cái lưu-tệ của quan trường, cái bệnh lâu ngày của nhân-dân, đều có quan-hệ đến cái đại-mạng mạch của dân-tộc Việt-nam, thì chính-phủ vẫn ngó lơ không xử-trí gì đến, mặc-kệ cho đổ nát tới cùng. Mấy chục năm gần đây, ở trong chốn trào-đình thì mấy anh quan đại-thần khúm-núm cho qua ngày tháng, làm việc vụ tại cho chiếu-lệ thì thôi, còn các quan ở các tỉnh, phủ, huyện thì ăn đút ăn lót, cầu-cạnh chạy-chọt không còn biết liêm-sĩ là cái gì.

Máu thịt của dân càng ngày càng khoét, làm cho dân đến hết thế làm ăn, hiện-tình trong nước bây giờ, cảnh-tượng thì tiêu-điều, lương-hai mươi triệu người, cái thời-kỳ đã bán-khai mà bây giờ đã sắp trở lại dã-man. Trong nước những người có trí thấy thế thì thở vắn than dài tìm phương chạy chữa, người nào có can-đảm thì bỏ đi ngoại quốc, có lẽ đến gởi xương đất khách mà không còn mong được trở về ; còn mấy kẻ nhút-nhát thì cúi đầu mà chịu quanh năm không ra khỏi xó nhà...

1) Chính-phủ bảo-hộ dung-dưỡng cho bọn quan-lại An-nam để gây nên tệ lậu.

Xưa nay chính-phủ bảo-hộ đối với thuộc-quốc đại-để đặt ra hai

ba quan đại-thần, hiệp với chính-phủ thuộc-quốc mà làm những việc lớn-lao, còn những các quan-lại địa-phương, dẫu có đặt quan bảo-hộ, mà thế không được không dùng người trong nước để cùng làm việc nước, rồi ra nước trị hay không trị, dân yên hay không yên, coi ở người trong nước có tài giỏi cùng không mà thôi. Nước Nam hơn bốn chục năm nay, vận nước suy-đồi, chế-độ tồi-bại, bao nhiêu nhân-tài đều vùi-lấp mất cả, kẻ trên thì ký-cóp bóc-lột để nuôi sự giàu sang của mình, kẻ dưới thì lòn-cúi chạy-chọt, để cầu được làm quan, một người như thế, trăm người như thế, ngàn muôn ức triệu người như thế, lần lần thành ra thói quen; kẻ chưa được làm quan, thì cúi đầu rụt cổ chầu-chực ở chỗ quyền-môn, kẻ đã được làm quan, thì cậy quyền, hoành-hành ở nơi làng xóm, ngoài những sự trai gái ăn uống ra, không còn biết một việc gì, những nghề cần-yếu của quốc-dân như làm ruộng, làm thợ, buôn-bán, thì thú phong-lưu không thèm màng đến, còn ngó đến những chỗ thành-thị, những nơi thôn-dã, kẻ nào gian-xảo thì lanh như con thỏ, kẻ nào ngu xuẩn thì dốt như con heo, gian-tham dối-trá, không cái gì là không làm, đánh-đập roi-vọt cũng không hề dám giận, cả nước đều gian-xảo nhút-nhát, không còn gì là nhân-cách cả.

...«Nước Nam khi xưa, phép-luật dẫu không được công-bằng cho lắm, song về phần quan-lại cũng không đến nỗi quá tệ như bây giờ, đó là do chính-phủ bảo-hộ dung-túng bọn quan-lại để gây nên cái tệ như thế đó.

2) Chính-phủ Bảo-hộ khi-thị sĩ-dân Việt-nam thái quá, khiến cho đôi bên phải xa-cách nhau.

« Người Pháp ở chung với người Nam đã lâu thấy cái thói dối-trá gian-tham của quan-lại cùng cái bệnh ngu-xuẩn dốt-nát của nhân-dân không có tư-cách, nên mỗi khi viết lên trên báo hoặc gửi thư-từ, cùng là nói cười bàn-bạc, đều tỏ ra cái bộ chán ghét, mục cho là dã-man, ví như là chó lợn, không những không cho là bình-đẳng với mình, lại coi như là một vật thối-tha nhơ-nhớp không dám gần nữa. Mấy chục năm nay không cứ là quan, là dân, có tội hay không tội, mỗi khi chọc giận một quan Tây nào, thì đều bị chưởi mắng không còn thể-diện gì cả. Những dân nghèo đi làm mướn cùng phụ-dịch ở trong làng, bị người Pháp đánh đập đến nỗi bỏ mạng không phải là ít, vì vậy cho nên xa gần đồn-đại, ai cũng nhận là người Pháp coi người Nam như trâu chó, như gỗ đá, dám giận mà không dám nói; còn những dân quê không biết gì, thì coi như thiên thần, sợ như sấm sét, muốn lánh cho xa.

Gián hoặc trong đám sĩ-phu cũng còn có người còn biết chút liêm-sỉ, biết rằng làm quan như thế là nhục nên không thèm làm, còn những kẻ hoặc khát-khao muốn làm quan, hoặc vì cảnh nhà cùng quẫn, thì hình như quên không biết đến, rồi có khi đêm thanh ngày vắng, hồi tâm tỉnh lại, thường thường phát ra những câu nói tủi-hổ, song vì đã để mình vào trong cuộc, còn biết làm thế nào, rồi lần lần cũng tập lấy làm quen, bao nhiêu những sự nhục nhã, những sự xấu-xa, cũng không ngượng-ngùng gì nữa. Hãy coi như ngày nay các quan-lại An-nam không cứ lớn hay nhỏ, mỗi khi giáp mặt quan Tây, thì tựa hồ như gà phải cáo, chỉ sợ ứng-đáp không hiệp, rồi nữa quan Tây nổi xung mà quở phạt rầy la. Về phần các quan thì như thế, còn về phần dân giả mỗi khi bước chân ra khỏi cửa gặp một người nào là người Tây thì người Tây đó bất cứ là quan hay lính, hay Tây buôn đều cúi đầu trông trộm, rảo bước mau, chỉ sợ láng cháng đây rồi nữa mấy cái đá đít, mấy cái bạt tai sẽ cống-hiến cho mình....

8) Quan-lại nhân cái sự lỵ-gián ấy mà hành-hạ dân.

« Chính-phủ bảo-hộ cùng với dân Nam tình ý không thông nhau cùng là quan-lại bóc-lột của dân, như trên kia tôi đã nói. Song ví thử không có cái gì ngăn-cách, thì quan bảo-hộ ở lâu ngày rồi tất cũng rõ thấu tình dân, và có khi sĩ-dân vì khổ quá không thể chịu nổi mà bày tỏ ra, vậy thì đôi bên sẽ thấy rõ nhau, mà không còn phải oán-hận gì nữa, song nếu thế thì bọn quan-lại sợ, vì họ không còn được trổ mòi ra, nên họ phải kiếm thế mà làm cho ngăn-cách. Lại do biết chính-phủ bảo-hộ đối với quan-lại, hễ anh nào làm việc quan giỏi, thâu sưu-thuế đủ thì thương, còn anh nào sưu-thuế bê-trễ, việc quan không mau chóng thì ghét, bọn quan-lại dòm biết cái sự thương ghét như thế rồi, nên muốn cho được lòng thương thì càng phải hết lòng rán sức chạy-chọt nịnh-hót để mua lòng người, dẫu có lột da dân, uống máu dân, khoét xương dân cũng chẳng cần, miễn là được giữ bền cái địa-vị chức phủ chức huyện của mình thì thôi. Trong khi lòn cúi quan trên để cầu lại vác mặt vênh mày, hăm he nạt-nộ, đeo cái lốt nô-lệ để lòe người, mượn cái quyền-thế hão để ăn hiếp dân ; trong dân-gian nếu có ai cứng-cỏi mà chống-cự lại thì hoặc vu cho là âm-mưu phản-nghịch, hoặc buộc cho là ngăn-trở việc quan, mượn tay chính-phủ mà sát-hại lương-dân, mấy câu nói dẫu hồ-đồ không có chứng-cớ gì, song nhiều

khi cũng làm cho chính phủ phải tin, vì thế mà lắm người phải mang án mang tội....

Than ôi, cái nước Nam này là một nước bán-khai hay một nước dã-man chăng nữa, thì mấy ngàn năm nay sách vở truyền lại, cũng dạy rằng thương dân là có công, hiếp dân là có tội, các quan-lại cũng là người có đọc sách biết cho cả, thế mà sao đến nỗi coi quan-trường như cái chợ, coi nhân-dân như cá thịt, bảo người lo dân là điên, cho việc hưng-lợi là nghịch ; ngày nay đây đen trắng lẫn-lộn, phải trái hỗn-loạn, nói bướng làm càn ; không kiêng-nể gì cả. Đó là thật do ở dân Nam cùng chính-phủ bảo-hộ xa cách nhau, nên bọn quan-lại kia mới thừa cái cơ ly-gián mà tác-tệ ra như thế....

« Than ôi! Cái thân người Nam ngày nay chẳng khác gì cái thân trâu ngựa, tự ý người ta trói buộc, tự ý người ta đánh đập, có miệng mà không dám nói, sợ chết mà không dám kêu, cái oai-thế của chính-phủ bảo-hộ hiệp với chính-sách bất-nhân của bọn quan-lại An-nam, vậy thì muốn gì mà không được, làm gì mà không xong, những kẻ giàu mà không mấy chút đã thấy khốn, anh nào ốm-yếu mà nhát-nhúa thì đi ăn-mày, anh nào khỏe-mạnh và bạo gan thì đi ăn cướp ăn trộm, trong vài năm làng xóm đã thấy tiêu-điều, trẻ già chết lần chết mòn đi hết, không chết về đói-rét thì chết về tù-tội, không chết ở dọc đường thì chết ở trong tay quan-lại, đến nỗi ruộng không có người cày, việc không có người làm, rồi nữa sưu-thuế cũng không lấy vào đâu được, dẫu có chặt đầu lột xác cũng chẳng làm gì, cái dân-tộc này rồi cũng đến tuyệt-diệt như giống da đỏ ở bên châu Mỹ mà thôi....

« Tôi nay phẫn-uất đầy bụng, không biết kêu nói cùng ai nên phải cầm ngọn bút nói ngay, dầu ai có thù oán ghen ghét cũng trối-kệ. Nếu quan-lớn bảo-hộ mà quả có tấm lòng thành_thật khoan-đãi dân Nam, thì nên lượng tấm lòng của tôi, nhận lời nói của tôi, cứ gọi tôi đến tôi sẽ nói cho mà nghe, may ra chính-phủ bảo-hộ có nghe lời, thì thật là hạnh-phúc của dân Nam lắm. Còn như chính-phủ bảo-hộ cứ cố lòng thi-hành cái chính-sách ngược-đãi dân Nam, muốn đem cả hai mươi triệu dân này mà giết cho chết đi, thì cứ đem tôi mà trị vào cái tội hủy-báng cho thật nặng, để làm gương cho các thân-sĩ trong nước khóa cổ ngậm miệng mà lánh cho xa, chớ có bắt chước như tôi đường-đột dám nói mà mắc tội. Trong hai điều ấy thế nào, xin quan lớn định liệu lấy.

Trích cuốn Phan-Chu-Trinh
của THÊ-NGUYÊN

Bài 2.— Phan-Bội-Châu trước Hội-Đồng Đề-Hình

Hội-đồng Đề-hình nhóm ngày 23-11-1925, xử án Phan-Bội-Châu.

Chủ-tọa : Viên Giám-đốc Bride

Phụ-thẩm : Hai ông Đốc-lý Hà-nội Dupuy và quan ba Bellie

Bồi-thẩm : Viên Biện-lý Boyer

Lục-sự : Arnoux Patrich.

Trạng-sư cãi cho cụ Phan là hai ông : Bona ở Hà-nội và Larre ở Hải-phòng.

Dưới đây xin trích dẫn theo tài liệu ở « Tập án Phan-Bội-Châu »

Tờ trạng-cáo buộc 8 điều :

1) Khi ở Xiêm, ở Tàu có lấy lời hứa, lấy uy-bức, xui-giục và chủ sự tên Phan-văn Tráng tức là Cháng, ném bom giết quan Tuần-phủ Thái-bình Nguyễn-Duy-Hàn ngày 12-4-1923.

2) Cấp hung khí cho tên Tráng làm việc ấy.

3) Khi ở Xiêm và ở Tàu xui-giục và chủ sự tên Nguyễn-Văn-Quí tài-xế và Nguyễn-Khắc-Cần tức là Nguyễn-Văn-Túy liệng trái bom vào Hà-nội Hôtel ngày 28 tháng 4-1923, giết hai ông quan tư tây là Montgrand và Chapuis.

4) Cấp bom cho tên Quý và tên Cần làm việc ấy.

5) Dự vào việc âm-mưu xui-giục cho nhân-dân ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ để phá-hoại Chính-phủ bảo-hộ.

6) Cấp khí-giới cho nhân-dân về việc âm-mưu hại Chính-phủ bảo hộ Trung-kỳ và Bắc-kỳ.

7) Âm-mưu làm những việc bạo-động để cốt khuấy-rối sự trị-an trong nước, và sinh ra nhiều sự rối-loạn về chính-trị.

8) Dự vào những hội-đảng mục-đích là để làm hại sinh-mạng, tài-sản của tư-nhân.

Đại-ý bài cãi của cụ Phan :

« Nước Nam cũng là một nước xưa nay chịu ở dưới quyền chuyên-chế, dân tình khổ-cực đã lâu.

Vua quan đối với dân xa cách nhau, ức-chế nhau, lại tệ dân tình không có cách gì thượng-đạt. Nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ là một nước văn-minh, nói rằng sang khai-hóa cho, tôi đã chắc rằng dân Giao-chỉ

mấy nghìn năm đã đến kỳ mở mày mở mặt. Chẳng ngờ Chính-phủ sang cai-trị 20 năm mà chính-sách không có điều gì thay đổi. Đến năm 1904 mà Trung, Bắc-kỳ chỉ có hai trường Hà-nội và trường Huế, mà là trường chỉ dạy làm thông-ngôn. Người du-học không cho, lối thi cũ vẫn để, hình-luật không chịu thi-hành hình-luật Pháp, quan tham, lại nhũng, hối lộ công hành. Tôi là người nước Nam, tôi muốn đánh thức cho dân-tộc Việt-nam. Tôi thấy thế sinh ra cái tư-tưởng phản-đối chính trị. Nếu mà tôi, trong tay có mấy trăm vạn hải-quân, mấy mươi vạn lục-quân, tinh binh, lương túc, súng đủ, đạn nhiều, tàu chiến có, tàu bay có, thì có lẽ tôi hạ chiến-thư, đường đường chính chính đánh lại với Chánh-phủ. Nhưng tôi là một kẻ thư-sinh, túi không có một đồng tiền, tay không có một tấc sắt, không thể lấy vũ-lực mà phản đối được. Vậy tôi chỉ dụng văn-hóa, nghĩa là trước thư, lập ngôn để cổ-động nhân-dân yêu-cầu Chính-phủ cải-lương chính-trị. Chẳng ngờ Chính-phủ ngờ vực bất bớ, tôi phải trốn ra ngoại-quốc để hành-động cho đạt cái mục-đích của tôi.

Tôi có chiêu-tập các bạn đồng-chí, gom tiền, góp sức để phái người đi du-học, và làm sách gửi về cho nhân-dân. Việc làm của tôi chỉ là dụng cái lưỡi và ngòi bút, mục-đích của tôi chỉ là cải-lương chính-trị, cử-động của tôi rất là chính-đại quang-minh. Nếu tôi là người có tội thì tôi chỉ có bốn tội như sau này :

1) Chính-phủ sang bảo-hộ nước Nam, không có ai phản-đối, mà chính tôi phản-đối, muốn cho nước Nam độc-lập.

2) Nước Nam xưa nay là chính-thể chuyên-chế mà tôi muốn cho nước Nam thành một nước dân-quốc.

3) Nhà nước cấm không cho người đi du-học ngoại-quốc mà tôi trốn đi và rủ người đi ngoại-quốc.

4) Tôi trước thư, lập ngôn để cổ-động dân Nam thức dậy, yêu-cầu Chính-phủ cải-lương chính-trị làm hết cái thiên-chức khai-hóa của mình.

Tòa lại hỏi :

— Ông phản-đối chính-trị của Chính-phủ bảo-hộ, hay là chính-trị của nước Nam ?

— Tôi phản-đối chính-trị của Chính-phủ bảo-hộ, chứ nước Nam

có nước đâu và có chính-trị đâu mà tôi phản-đối ? Ấy, tội lỗi chỉ có thế, Chính-phủ chiếu luật gia-hình bất tội thế nào tôi cũng chịu . . . »

✣

Cụ Phan hùng biện, Hai trạng-sư Larre và Bona lại kế tiếp chống cãi cho cụ Phan. Phiên tòa xử từ hồi 8 giờ 25 sáng đến 8 giờ tối, tòa mới nghe xong lời bị-cáo và lời chống cãi của trạng-sư.

Hội-đồng Đề-hình vào trong nghị án, rồi trở ra tuyên án : khổ-sai chung-thân.

Khổ-sai chung-thân ? Cụ Phan lại cảm nghĩ thế nào khi nghe tuyên án ấy ? Hẳn cụ mỉm cười. « Văn là hào-kiệt vẫn phong-lưu. Chạy mỏi chân thì hãy ở tù ».

Trong khám lại bao nhiêu huyết-lệ tuôn dầm khi cảm nghĩ đến tương-lai tổ-quốc ?

Trích cuốn Phan-Bội-Châu
của THÈ-NGUYÊN



Thư bút của PHAN-CHU-TRINH
(Ảnh nhà xuất bản Anh Minh Huế)

PHONG-TRÀO ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC

Song song với Phong-trào Đông-du, một nhóm sĩ-phu Bắc-hà tổ-chức trường Đông-kinh Nghĩa-thục. Phong-trào này chịu ảnh-hưởng của cuộc vận-động Duy-tân ở Trung-hoa và nhất là của Khánh-ứng Nghĩa-thục do nhà chí-sĩ Nhật tên là Phúc-Trạch mở ra để phát-triển văn-hóa.

Phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục tan-rã sau gần 1 năm hoạt-động nhưng đã gây nhiều ảnh-hưởng tốt-đẹp.

I. CÁC VỊ SÁNG-LẬP TRƯỜNG ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC.

Năm 1906, sau khi ở Nhật về nước, Tăng-Bạt-Hổ, Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh liên-lạc với các sĩ-phu Bắc-hà mưu việc khôi-phục đất nước. Trong một phiên họp tại nhà Lương-văn-Can, toàn thể các vị có mặt đều đồng-ý mở trường Đông-kinh Nghĩa-thục để nâng-cao dân-trí Ba nhà cách-mạng Tăng-Bạt-Hổ, Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh không trực-tiếp hoạt-động. Những vị lãnh-đạo phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục là :

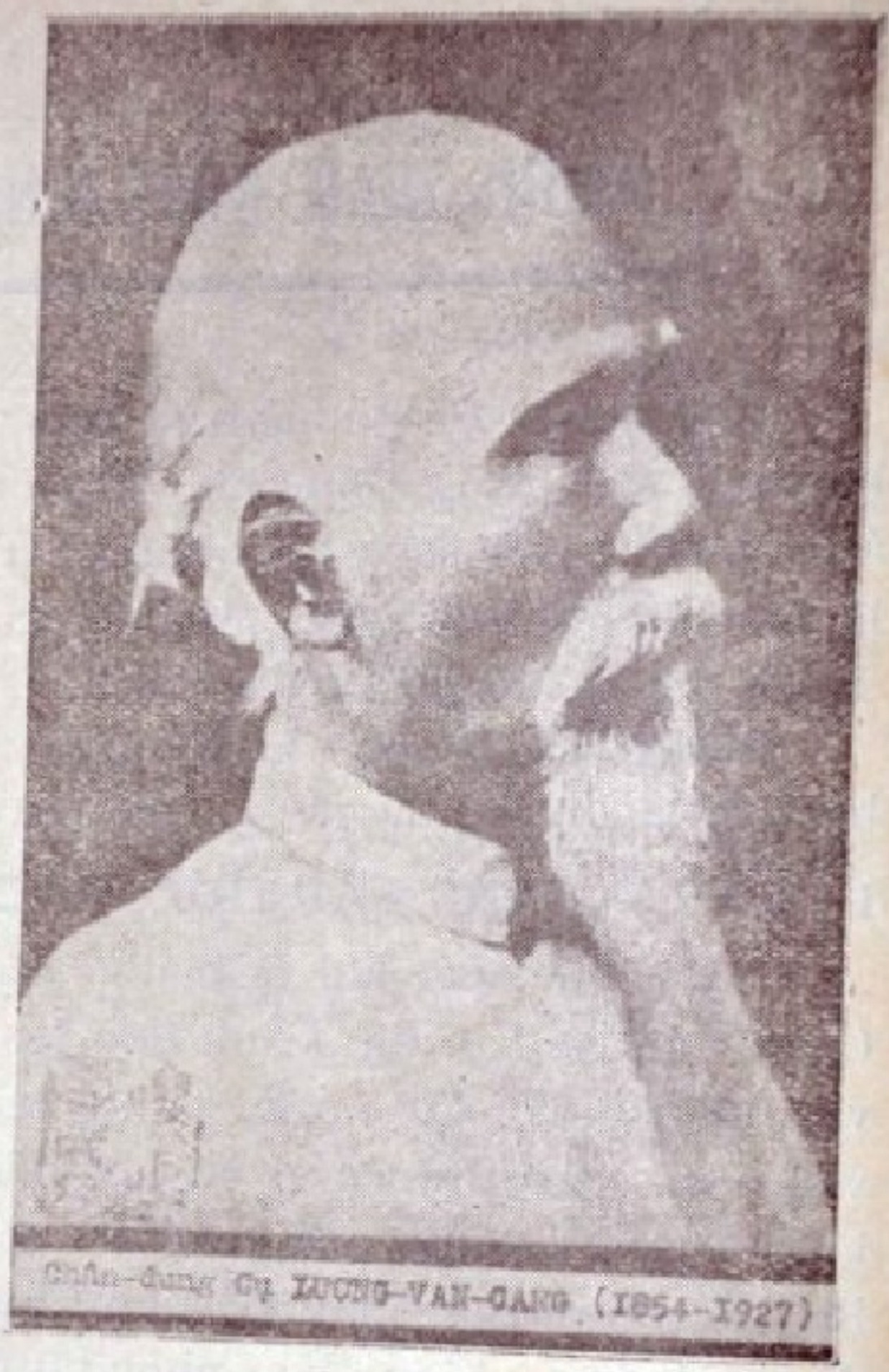
Lương-Văn-Can, sinh năm 1857, người làng Nhị-khê, tỉnh Hà-đông. Năm 21 tuổi đậu cử-nhân, năm sau thi Hội được phân số (được vào 2 kỳ trong 4 kỳ). Triều-đình Huế bổ làm Giáo-thụ phủ Hoài-đức nhưng Tiên-sinh từ-chối. Sau Pháp mời làm Hội-viên thành-phố Hà-nội, cũng không nhận.

Sau khi nhận chức Thục-trưởng, Lương-Văn-Can hy-sinh thì giờ và của cải cho phong-trào. Nhà trường đặt ngay tại số 4 phố Hàng Đào tức là nhà riêng của Tiên-sinh. Năm 1914 bị Pháp đưa đi an-trí tại Nam-vang và năm 1924 mới trở về Hà-nội.

2) Dương-Bá-Trạc, người làng Phú-thị, tỉnh Hưng-yên. Năm 17 tuổi đậu cử-nhân nhưng không chịu ra làm quan và gia-nhập phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục phụ-trách về việc soạn sách dạy học và diễn-thuyết.

Năm 1914 bị Pháp bắt và đưa đi đầy. Sau khi được tha về, Dương-Bá-Trạc làm báo, viết sách, sau chết ở Tân-gia-ba.

3) Đỗ-Chân-Thiết người làng Thịnh-hào, tỉnh Hà-đông có tinh-thần khoáng-đạt. Thi hỏng một lần, Đỗ-Chân-Thiết bỏ nghiệp khoa-cử. Khi vua Thành-Thái ngự giá yết Lăng miếu ở Thanh-hóa, Tiên-sinh dâng bảng Hưng-quốc-sách xin nhà vua đòi Pháp thi-hành đúng Hiệp-ước Giáp-thân (1884) Sau gia-nhập phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục, phụ-trách phần kinh-tế kiếm tiền giúp trường. Sau khi phong-trào tan rã, Đỗ-Chân-Thiết trốn sang Trung-hoa.



Chân-dung Cụ LƯƠNG-VĂN-CAN (1854-1927)

LƯƠNG-VĂN-CAN
Thục-trưởng Đông-kinh Nghĩa-thục
(Ảnh của nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

4) Nguyễn-Thượng-Hiền người làng Liên-bạt tỉnh Hà-đông, năm 17 tuổi đậu cử-nhân, năm sau đậu Đình-nguyên, nhưng chưa tuyên-bố kết-quả thì kinh-thành thất-thủ và khóa thi phải bỏ. Bảy năm sau, Nguyễn-Thượng-Hiền đậu Nhị-giáp tiến-sĩ, bổ Đốc-học Ninh-bình và Nam-định. Khi Pháp truất-phế Thành-Thái, Tiên-sinh bỏ quan về sống ẩn-dật, sau trốn sang Trung-hoa mưu việc phục-quốc.

Ngoài bốn vị kể trên còn có Lê-Đại, Võ-Hoành, Hoàng-Tăng-Bí chuyên việc soạn bài học và vài nhà tân-học như Nguyễn-Văn-Vĩnh, Phạm-Duy-Tốn phụ-trách việc dạy Pháp-văn.

II.— MỤC-ĐÍCH CỦA TRƯỜNG ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC.



NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN
từ quan khởi-nghĩa chống Pháp

Theo đơn xin phép thì Đông-kinh Nghĩa-thục là một trường tư dạy không lấy tiền. Trường lập tại Hà-nội nên lấy tên là Đông-kinh Nghĩa-thục, và đặt tại nhà vị Thục-trưởng Lương-Văn-Can số 4 phố Hàng Đào. Giám-học là Nguyễn-Quyền.

Nhưng mục-đích của trường là phổ-biến những tư-tưởng mới để nâng-cao dân-trí và kích-thích lòng ái-quốc của toàn dân dự-bị cho cuộc tranh-đấu giành độc-lập.

1) Trường đả-phá những tư-tưởng lạc-hậu của đa số hủ-nho.

Nhận thấy đám hủ-nho tự-cao, tự-đại, khư khư ôm lấy quan-niệm «duy ngã độc tôn», nhất quyết chống lại mọi việc cải-cách, mọi tư-tưởng mới, là bức tường kiên-cố ngăn cản bước tiến của dân-tộc nên các vị nho-học tân-tiến của trường Đông-kinh Nghĩa-thục phải đả-phá những học-thuyết lạc-hậu. Những bài «Điếu hủ nho», «Tế sống hủ-nho», «Văn-minh tân-học sách» được soạn ra và phổ-biến sâu rộng để thức-tỉnh những kẻ chìm đắm trong giấc mê dài mấy ngàn năm. Nhiều bài có những đoạn rất kịch-liệt.

Trường trích dịch tác-phẩm của một số văn-gia chính-trị châu Âu như cuốn Dân-ước luận (1) (Contrat social) của Jean Jac-

(1) Có sách dịch là Xã-ước-luận ; chúng tôi dùng danh-từ Dân-ước-luận vì đã được phổ-thông.

ques Rousseau, Vạn-pháp tinh-lý (Esprit des lois) của Montesquieu, Tiến-hóa-luận (Evolutionnisme) của Spencer và phổ-biến những tư-tưởng cách-mạng của Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu.

2) Trường chống óc khoa-cử nên chương-trình không chú-trọng tới cách dạy học-sinh làm thơ phú, không dạy họ tiểu-xảo cần-thiết để dự các kỳ thi. Trường cốt dạy cho mọi người biết những điều thường-thức về khoa-học, địa-lý, sử-ký và luôn luôn tìm cách đề-cao tinh thần ái-quốc.

Lối học « Chi-hồ, giả, dã » bị cực-lực bài-trừ và một số sĩ-phu đã từng có tên trên « bảng vàng » như Phan-Chu-Trinh, Phan-Bội-Châu, Dương-Bá-Trạc không ngớt mạt-sát đám người còn khư khư ôm cái mộng « Võng anh đi trước, võng nàng theo sau » (1).

Nhận thấy chữ quốc-ngữ dễ học và có thể trở nên một khí-cụ sắc bén để truyền-bá những tư-tưởng mới, trường Đông-kinh Nghĩa-thục dùng quốc-ngữ dạy tại bậc Tiểu-học và Trung-học. Các sách Đông, Tây được dịch ra quốc-văn, các danh-từ Triết-học, Toán-học cũng được phiên dịch (2).

3) Trường bài-trừ hủ-tục như nạn hương-ẩm chốn thôn quê và nhất là cách phục-sức của dân Việt. Theo nền luân-lý cổ-truyền, móng tay, sợi tóc là của cha mẹ ban cho con cái, nên khi xưa đa-số các vị túc-nho đều để móng tay dài uốn hình long, phượng và có búi tóc trên đầu. Phan-Chu-Trinh hăng-hái mở đường cho phong-trào Duy-tân, hô-hào dân-chúng cắt tóc ngắn như người Âu Mỹ, bỏ tục nhuộm răng. Trong những

---

(1) *« Phường mặt trắng lững-lờ vòng hủ bại,*
« Bia mà chi, bảng mà chi, nghênh ngang võng lọng nữa mà chi !
(Phan-Chu Trinh)

« Khoa danh bước đã qua rồi,
« Giật mình tỉnh dậy răng thôi xin chừa »
(Dương Bá-Trạc)

(2) *« Chữ quốc-ngữ là hồn trong nước,*
« Phải đem ra tỉnh trước dân ta.
« Sách các nước, sách Chi-na,
« Chữ nào nghĩa ấy dịch ra cho tường ».
(Bài ca Đông-kinh Nghĩa-thục)

năm 1907-1908, phong-trào hớt tóc, vận âu - phục bằng nội-hóa lan mạnh nhất Hà-thành. (1)

Phong trào bài-trừ hủ-tục được Phan-Chu-Trinh phổ-biến ở Trung-kỳ và được hầu hết sĩ-phu Quảng-nam, Quảng-ngãi, hưởng-ứng. Tại hai tỉnh này cũng có trường dạy quốc-ngữ, cũng tổ-chức các buổi diễn-thuyết và cũng có việc hô-hào hớt tóc, bỏ hủ-tục. Về sau, lợi-dụng những vụ biểu-tình chống thuế ở Nam, Ngãi, chính-quyền Pháp hạ lệnh bắt giam những người hớt tóc ngắn.

4) Trường hô-hào chấn-hưng công-thương.

Đau lòng trước sự suy-yếu của đất nước vì bao nhiêu nguồn lợi kinh-tế đều ở trong tay ngoại-kiều nên một số sáng-lập-viên trường Đông kinh Nghĩa-thục bỏ vốn mở hiệu buôn hàng nội-hóa để thực-hiện những bài ca khuyến công, thương mà trường phổ-biến.

Vài hiệu buôn được thành-lập ở Hà-nội và ở nhiều tỉnh. Quan-trọng nhất là hiệu Đồng-Lợi-Tế chuyên bán đồ nội-hóa do Đỗ-Chân-Thiết làm chủ, hiệu Tụy-Phương bán thuốc Bắc ở gần ga Hàng Cỏ, Hiệu Đông-Thành-Xương, ở Hàng-gai của Hoàng-Tăng-Bí vừa dệt xuyến vừa bán các đồ nội-hóa. Ở các tỉnh thì có hiệu Phúc-Lợi-Tế ở Phúc-yên, hiệu Hưng-Lợi-Tế ở Hưng-yên và hiệu Sơn-Thọ ở Sơn-tây.

Dần dần phong-trào lan vào Trung-kỳ và Nam-kỳ. Ở Saigon có Minh-Tân khách-sạn, Chiêu-nam-lầu, ở Bến-tre có Hiệu Tử-Bình-đường. ở Long-xuyên có Tân-Hợp-Long v.v...

Một số khác mở đồn-điền, khai-mỏ.

---

(1) Để cổ-động cho phong-trào hớt tóc, bài ca sau đây được phổ-biến sâu rộng.

1 « Tay trái cầm lược,
2 « Tay mặt cầm kéo.
3 « Cúp hề, cúp hề
4 « Thúng thẳng cho khéo
5 « Bỏ cái ngu mày
6 « Đừng gian đừng xảo.
7 « Học theo người Tây
8 « Hãy còn ăn mặn.
9 « Hãy còn nói láo
10 « Phen này tao cúp
11 « Phen này tao cạo »

(Theo báo Tiếng-dân)

Phong-trào chấn-hưng công, thương sôi-nổi một thời-gian. Sau vì thiếu kinh-nghiệm và nhất là phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục bị chính-quyền Pháp khủng-bố nên các hiệu buôn đều lần-lượt đóng cửa (1)

III.— CÁCH TỔ-CHỨC TRƯỜNG ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC.

Đông-kinh Nghĩa-thục là một trường tư-thục không thu học-phí. Trường đứng vững được trong gần một năm trời nhờ sự sốt-sắng, tinh-thần hy-sinh của các vị sáng-lập hội-viên. Việc tổ-chức trường trao cho 4 ban :

1) Ban giáo-dục phụ-trách việc giảng dạy và gồm có một số giáo-viên Hán-học như Nguyễn-Quyền, Hoàng-Tích-Phụng, Vũ-Trác thường gọi là Kép Canh và vài giáo-viên Tây-học như Trần-Huy-Đức, Nguyễn-Văn-Vĩnh, Phạm-Duy-Tốn. Đặc biệt có nữ giáo-viên phụ tránh các lớp phụ-nữ (con gái Lương-Văn-Can là một nữ giáo-viên)

Vì hầu hết giáo-viên không được huấn-luyện về phương-diện sư-phạm, vì chương-trình học không ấn-định rõ-ràng nên-cách dạy không theo phương-pháp, giáo-viên thích điểm nào thi tha-hồ bàn-rộng, nhiều khi lời giảng không ăn-nhập gì với đầu bài.

Trường vừa khai-giảng, học-sinh xin học khá đông. Trong thời-kỳ có nhiều học-sinh nhất trường có từ 400 đến 500 người chia ra làm 8 lớp học, một số lớp học ban ngày, một số lớp học buổi tối.

Đặc-biệt là trường thu nhận tất cả những người xin học, không phân biệt già, trẻ, trai, gái. Phụ-nữ có lớp riêng.

Học-sinh không phải trả học-phí, còn được nhà trường cấp không giấy bút và bài in bằng thạch-bản. Một số học-sinh quê ở xa được ăn ở ngay trong trường.

Để biết rõ ưu, khuyết điểm, Ban Giám-đốc cho treo ngay ngoài

---

(1) Theo cuốn Đông-kinh Nghĩa-thục của Nguyễn-Hiến-Lê.



HUỲNH-THÚC-KHÁNG và NGÔ-ĐỨC-KẾ
soạn bài học cho trường,
(Ảnh của nhà xuất-bản Anh-Minh Huế)

cửa vào một hộp thơ nhận những lời phê-bình của học-viên cũng như của những người có cảm-tình với trường.

Tóm lại, Đông-kinh Nghĩa-thục được tổ-chức chu-đáo, khác hẳn với một trường dạy chữ nho khi xưa.

2) Ban Cổ-động gồm những vị ăn nói hoạt-bát, có tài hùng-biện như Hoàng-Tăng-Bí, Dương-Bá-Trạc, Trần-tán-Bình. Ban này tuyên-truyền cho trường.

Hai hình-thức cổ-động của Đông-kinh Nghĩa-thục là các buổi diễn-thuyết và các buổi bình-văn.

Các lớp học chỉ thu nhận được một số học-sinh có hạn-định. Để phổ-biến sâu rộng những tư-tưởng mới, nhà trường tổ-chức vào ngày mồng một và ngày rằm âm-lịch mỗi tháng những buổi diễn-thuyết. Lúc đầu các cuộc diễn-thuyết được tổ-chức ngay tại đền Ngọc-Sơn trên hồ Hoàn-Kiếm. Các buổi diễn-thuyết này thu hút được một số thính-giả rất đông. Mỗi khi qua Hà-nội, Phan-Chu-Trinh đều nói chuyện với đồng bào và được nhiệt-liệt hoan-nghênh. (1)

---

(1) *« Buổi diễn-thuyết người đông như hội,*
« Kỳ bình văn khách tới như mưa »

Trích bài ca Đông-kinh Nghĩa-thục.

Trường còn tổ-chức những buổi bình-văn. Công-chúng được tự-do tới nghe. Nhờ giọng ngâm nga trầm bổng của người bình-văn, những tư-tưởng mới dễ ăn sâu vào tâm-khảm thính-giả.

Nhờ sự cổ-động khoa-học này, số người quyên tiền cho trường tăng nhanh và tại nhiều nơi có mở phân-trường.

3) Ban Tài-chính do Lê-Đại phụ-trách có nhiệm-vụ kiếm tiền cho trường. Khi mới thành-lập, quỹ nhà trường không có đồng nào. Những chi-phí buổi ban đầu đều do Lương-Văn-Can đài-thọ.

Về sau ban Tài-chính khai-thác hai nguồn-lợi sau đây để lấy tiền chi tiêu cho việc giảng dạy.

Nguồn-lợi thứ nhất là tiền hàng tháng mà một số phụ-huynh học-viên tự-ý góp vào quỹ nhà trường.

Số tiền này từ vài ba hào tới 4, 5 đồng.

Nguồn lợi thứ hai là tiền ủng-hộ do các vị hảo-tâm có cảm-tình với phong-trào gửi tặng. Danh-sách những vị hảo-tâm này có niêm yết ở trường. Sau khi chính-quyền Pháp đóng cửa trường, một số các nhà hảo-tâm bị Sở Mật-thám đòi hỏi lôi-thôi.

Tuy chỉ trông vào hai nguồn lợi trên, quỹ nhà trường đồi-dào vì hầu hết giáo-viên dạy ủng-hộ hoặc chỉ nhận một số tiền thù-lao nhỏ đủ tiền xe pháo thôi.

4) Ban Tu-thư do Lương-Văn-Can, Lê-Đại phụ-trách chuyên soạn bài học, in thạch-bản phát cho học sinh.

Tài-liệu thường rút ở sách mới xuất-bản tại Trung-hoa và Nhật-bản hoặc những bài văn cổ. Thể văn được dùng nhiều nhất là thể thơ vừa dễ nhớ, vừa dễ phổ-biến. Chưa đầy một năm trường đã soạn được hơn 10 cuốn sách hầu hết nói về Lịch-sử và Địa-lý Việt-nam (1).

Ngoài những nhân-viên chính-thức của Ban Tu-thư, nhiều

(1) Các bộ sách do trường Đông-kinh Nghĩa-thục soạn : Quốc-văn Độc-bản, Việt-nam quốc giai sự, Quốc-văn giáo-khoa-thư, Việt-nam quốc-sử lược, Nam-quốc Địa-dư, Nam-quốc vĩ nhân v.v.

vị túc nho như Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh, Ngô-Đức-Kế v.v. gửi bài về góp phần vào công việc trước-tác.

Đặc-biệt nhất là trường tổ-chức một Thư-viện mà ai cũng có thể tới xem sách hoặc mượn về nhà. (1)

IV.— TRƯỜNG ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC BỊ ĐÓNG CỬA NHƯNG ĐÃ GÂY ĐƯỢC ẢNH-HƯỞNG QUAN-TRỌNG.

1) Phái bạo-động của Phong-trào giúp Pháp có cớ đóng cửa trường. Sau khi ký Nghị-định cho phép trường Đông kinh Nghĩa-thục khai giảng, Pháp luôn luôn cho tay sai trà-trộn vào số học-viên để dò xét. Lúc đầu Chính-quyền Pháp thấy trường truyền-bá những điều thường thức về Khoa-học, Toán-pháp, Sử-ký, Địa-lý v.v. tức là những điều dạy tại các trường Pháp-Việt nên không ngăn cản. Nhưng về sau thấy mục-đích chính của Phong-trào là truyền-bá những bài ca ái-quốc chống Pháp nên họ tìm cách đóng cửa trường.

Phái bạo-động của trường như Đỗ-Chân-Thiết, Võ-Hoành, Lương-Trúc-Đàm, Lương-Ngọc-Quyên v.v... muốn dùng võ-lực lật đổ chính-quyền Pháp nên liên-lạc với Phan-Bội-Châu hồi đó đương ở Nhật-bản. Phái bạo-động buôn thuốc phiện lậu lấy tiền mua võ-khí đợi ngày hành-động và gửi sang tiếp-tế cho du-học-sinh Việt-nam ở hải-ngoại.

Xu-hướng bạo-động xuất-hiện trên những bài thơ « Thiết tiền ca » của Nguyễn-Phan-Lãng, bài « Tiếng cuốc kêu » và nhất là bài ca gửi lính Việt-nam trong hàng ngũ quân-đội Pháp (xem bài đọc thêm).

Nắm được những tài-liệu đó, hồi tháng 12 năm 1907 (2) Chính-quyền Pháp thu hồi giấy phép và ra lệnh đóng cửa trường Đông-kinh Nghĩa-thục.

Sau vụ chống thuế ở Quảng-nam và vụ Hà-thành đầu độc, Chính quyền Pháp đổ cho là có các vị sáng-lập-viên Đông-kinh Nghĩa-thục nhúng tay vào nên Sở Mật-thám bắt gần hết những

---

(1) Theo tài-liệu của một vị lão thành cách-mạng muốn giấu tên.

(2) Theo Nguyễn-Hiến-Lê thì là đầu năm 1908.

nhân-viên của trường. Người bị giữ vài ngày để lấy khẩu cung, người thì bị đày hoặc bị đưa đi an-trí.

Phong-trào Đông-kinh Nghĩa thục tan rã.

2) Trường Đông-kinh Nghĩa-thục có nhiều ảnh-hưởng quan-trọng.

Tuy chưa hoạt-động được một năm mà trường Đông-kinh Nghĩa-thục gây được nhiều ảnh-hưởng quan-trọng.

a) Những bài ca, những buổi diễn-thuyết của trường Đông-kinh Nghĩa-thục được phổ-biến nhanh chóng và thức tỉnh lòng yêu nước của dân-tộc Việt-nam. Ở thành-thị cũng như ở thôn-quê, từ các vị sĩ-phu học-vấn uyên-thâm đến các bà nội-trợ thất học nhiều người thuộc lòng một vài đoạn của những bài thơ cách-mạng. Nhờ vậy mà sau khi trường đóng cửa, các vị sáng-lập-viên đốt hết tài-liệu mà một số bài ca còn được lưu-truyền tới nay.

b) Trường Đông-kinh Nghĩa-thục là trung-tâm của phong-trào cải-cách về văn-hóa và xã-hội. Ở nhiều tỉnh Bắc-kỳ cũng như Trung-kỳ và Nam-kỳ, một số sĩ-phu tân-tiến liên-lạc với trường xin bài học và cũng mở trường, cũng tổ-chức những buổi diễn-thuyết, bình-văn. Phong trào lên cao nhất ở hai tỉnh Quảng-nam và Quảng-ngãi Các sĩ-phu đồng ý nên dùng Quốc-ngữ thay chữ Hán và phổ-biến sách của các nhà cách-mạng từ hải-ngoại gửi về.

c) Trường Đông-kinh Nghĩa-thục gây được phong-trào kết-đoàn : các vị túc-nho biết bỏ những ganh-tị nhỏ-nhen, cùng nhau hợp-lực tổ-chức một trường tư-thục dạy không lấy học-phí, biết hùn vốn mở thương-điếm, khai-khẩn đồn-điền để giành lại quyền-lợi kinh-tế do ngoại-kiều nắm giữ.

KẾT-LUẬN

Phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục đánh dấu sự chuyển-hướng của cuộc cách-mạng chống Pháp và ảnh-hưởng lớn đến các cuộc bạo-động xảy ra trong thời-kỳ chiến-tranh 1914-1918 sau này.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Điếu hủ nho

. . . . . .

Sao không đập mạnh thét dài,
Cho người mê ngủ ai ai tỉnh dần ?
Sao không chống mảng mê tân,
Cho người chìm đuối dần dần vớt lên ?
Tiếc thay thói hủ giữ bền
Khác nào như mọt nghiến bên mình người.
Đau thay thói lậu giữ hoài,
Những là làm lỡ cả đời người ta.
Khôi làng mất chửa thấy xa,
Lại toan mai mỉa hai nhà Khang, Lương.
Ở nhà chân chửa ra đường,
Lại toan ngang dọc bốn phương giang-hồ.
Hỏi ông tu những đường mô ?
Ông rằng tu những nhà nho đã thừa.
Hỏi ông mô những gì xưa ?
Ông rằng mô những người xưa là thày ...

. . . . . ,

Nho ơi ! nhắn bảo mọi nhà
Khăng khăng nho thế sao ra cái đời.
Cỏ ơi ? nhắn bảo mọi nơi,
Khư khư cỏ mãi đến đời nào đây ?
Thương thương thay, thương thương thay !
Vắn than dài thở, sự này hỡi ai ?
Người sao trời rộng đất dài,
Ta sao chui rúc một nơi xó nhà ?
Người sao nhảy thẳng bay xa,
Ta sao co quắp xó nhà với nhau ?
Người sao làm chủ hoàn cầu,
Ta sao nô-lệ cái đầu làm tôi ?
Người sao sáng sủa tầy trời,
Ta sao hôn tối như người đi đêm ?
Lấy gương thử ngẫm mà xem,

Ra gì mặt mũi mà đem khoe đời.
Bước ra những ngại với người,
Cũng toan cố gắng mà tài ai cho.
Lòng thì lạnh ngắt như tro,
Thân thì như thể hình rù cây khô.
Mắt tuy sáng cũng như mù,
Ai đem đèn khí mà cho soi cùng?
Tai tuy có cũng như không,
Ai đem chuông não mà rung bên mình? »

∴

Bài 2.— Cổ-động học Quốc-ngữ

« Đứng làm trai trong vòng trời đất,
Phải làm sao? rõ mặt non sông.
Kìa kìa, mấy bực anh-hùng,
Cũng vì thừa trước học không sai đường.
Cuộc hoàn-hải liệt-cường tranh cạnh,
Mở trí dân giàu mạnh biết bao
Nước ta học-vấn thế nào,
Chẳng lo bỏ dại, lẽ nào được khôn?
Chữ Quốc-ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tinh trước dân ta.
Sách các nước, sách Chi-na,
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra cho tường,
Nông, công cổ trăm đường cũng thế,
Họp đoàn nhau thì dễ toan lo.
Á, Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư-cách mới cho ra người.
Một người học muôn người đều biết,
Trí ta khôn muôn việc đều hay.
Lợi quyền nắm được trong tay,
Có cơ tiến-hóa, có ngày văn-minh.
Chuông độc-lập vang lừng diễn-thuyết,
Pháo hoan-nghênh dậy biển Nam-dương.
Ngành xem khoa cử mấy tràng,
Hỏi ai khôn dại rõ ràng chẳng sai?

Bài 3.— Thiết tiền ca.

Tiền với bạc đó là mán mũ,
Không có tiền no đủ làm sao ?
Một ngày là một tiêu hao,
Máu rơi, mủ hết sống sao được mà !
Trời đất hỡi ! Dân ta khốn khổ !
Đủ các đường thuế nọ thuế kia,
Lưới vây trai quét trăm bề,
Róc xương, róc thịt còn gì nữa đâu ?
Chợt lại thấy bắt tiêu tiền sắt,
Thoạt tai nghe băn-bặt khúc lòng.
Trời ơi, có khổ hay không ?
Khổ gì bằng khổ mắc trong cường-quyền ?
Họ khinh lũ dân đen không biết,
Lấy mẹo lừa giết hết chúng ta.
Bạc vào, đem sắt đổ ra,
Bạc kia thu hết, sắt mà làm chi ?
Họ tính lại, suy đi đã kiệt,
Trời chân tay để chết nước mình.
Anh em thử nghĩ cho tinh,
Sẽ đem soi xét tâm tình họ xem.
Họ không muốn người Nam buôn bán,
Để một ngày một cạn của đi,
Còn trơ đồng sắt đen sì,
Bạc kia không có lấy gì thông thương ?
Dầu có muốn xuất-dương, thương-mại,
Đem sắt đi ai đại với mình ?
Rồi ra lấn-quấn loanh-quanh,
Vốn kia không có, lợi sinh được nào ?
Nó lại thấy lương cao muốn chiết,
Sợ người mình thấy thiệt thì kêu.
Nó đưa tiền sắt cho tiêu,
Tuy rằng không chiết mà hao thiệt nhiều.
Ấy nó nghĩ mưu cao nhường thế,
Chỉ tìm đường làm tệ nước ta,

Làm cho kẻ xót người xa,
Làm cho nhớn bé, trẻ già bỡ nhau,
Làm cho muốn cất đầu không được,
Làm cho đi một bước không xong.
Thế mà ta vẫn ngay lòng,
Tưởng làm như thế cũng không hại gì ;
Rồi chỉ sợ đến khi hết cả,
Muốn làm gì cũng chả làm xong,
Muốn công cũng chả nên công,
Muốn nông không vốn thì nông thế nào ?
Muốn buôn bán không đào lưng vốn,
Muốn học hành phí tốn lấy đâu ?
Bây giờ ta mới biết đau,
Dại rồi cắn rốn vật đầu được chi !
Nếu họ có bụng vì ta nữa,
Sao họ không mở cửa thông đồng ?
Nhà đoan, kho bạc tiêu chung,
Lúc buôn, lúc bán, lúc cùng vào ra ?
Sao nó chi bắt ta tiêu lẫn,
Mà nó không chịu bận tới mình ?
Chẳng qua giở thói ma tinh,
Ra tay hiểm độc lừa quanh đó mà, (1)

. . . . . .

(Thiếu đoạn dưới).

*
* *

Bài 4.— Bài ca lính tập

Các chú tập binh !
Chú ở An-nam sinh,
Chú ở An-nam trưởng,
Chú sung, chú sướng,
Chú hả chú hê,
Chú mãn chú về,
Thuế sưu chú chết.
Họ đương chú quệ kiệt,

(1) Mong quý vị độc-giả gửi cho phần thiếu để khi tái-bản in thêm.

Thân thích chú xác xơ,
Chú nghĩ đã biết chưa,
Tây công ơn gì chú ?
Tây thương yêu gì chú ?
Yếm bà lại buộc cổ bà.

✻

Bài 5.— Phong-trào Duy-Tân.

Cụ Tây-Hồ là người mở đường cho phong-trào Duy-Tân ở nước nhà. Lập Nghĩa-thục, một phần công lớn của cụ, gây tư-tưởng mới ở Quảng-nam là cụ, đi khắp nơi diễn-thuyết là cụ, khuyên quốc-dân cắt tóc là cụ, liệng cái Tiến-sĩ mà ra lập hiệu buôn cũng là cụ, bỏ tục nhuộm răng, vận Âu-phục bằng nội-hóa thì người đầu tiên cũng lại là cụ.

Phong-trào cắt tóc lan mạnh nhất ở Hà-thành. Người thì nhờ bạn bè, người thì cầm dao cứa đại cái búi tóc. Có người không muốn nhưng bị thân-hữu cưỡng-bách rồi cũng chịu. Nhiều việc xảy ra hơi vui-vui, chúng tôi xin phép kể lại đây một chuyện để độc-giả thấy lòng bồng-bột duy-tân và tính nghịch-ngợm của vài cụ thời đó. Ta cứ tưởng các nhà nho ái-quốc nửa thế-kỷ trước phải nghiêm-trang, đạo-mạo lắm ; nhưng không, các cụ nhỏ tuổi cũng giỡn như chúng ta ngày nay và có khi cuộc vận-động Duy-Tân đối với các cụ chỉ là một trò chơi hứng-thú.

Một buổi sáng cuối thu, cụ Phượng-Sơn, mới tung chăn ra, gọi giật người em trai.

— Chú Tư, tiết sắp qua đông rồi, cái loài « xuẩn-xuẩn vi-trùng» đó sắp được thuận thiên-thời mà sinh-sản mãnh-liệt.

Ta phải diệt chúng giùm cho anh H.T. chứ ?

Cụ em vỗ tay reo :

— Phải lắm. Nhưng hai anh em mình sợ không đủ sức.

Phải cần thêm ngoại-viện, anh nghĩ sao ?

— Ai bây giờ ?

— Thì chú Ba Đỗ (tức cụ Đỗ-Chân-Thiết).

— Được, sửa-soạn đi thôi.

Thế là hai cụ thắng bộ âu-phục đúng « mốt Tây-Hồ », nghĩa là một

cái áo bành-tô và một chiếc quần bằng vải nội-hóa Quảng-nam nhuộm đen, thắt cái cà-vạt cũng bằng vải đen, đi đôi giầy « dôn » (1) mỏ vịt, và đội cái nón « cát » (2) trắng rồi khoác tay nhau, y như tây, bước ra cửa, mỗi cụ phì-phèo một điếu thuốc « quả đất » (3).

Tới hàng Bạc hai cụ rẽ vào một hiệu kim-hoàn, nện giầy cồm-cộp, nói bô-bô:

— Chú Ba đâu? còn ngủ ư? Dậy mau, dậy mau, việc trọng-đại.

Cụ Chân-Thiết vùng dậy, hỏi:

— Cái gì vậy?

Khi đã hiểu chuyện thì cười ha-hả, bận áo dài, chít khăn rồi cả ba cụ cùng ra bến xe điện ở Bờ hồ.

Tới ô Chợ Dừa, ba cụ xuống xe, rẽ vào làng Thịnh-hào tìm nhà cụ H.T. Chủ-nhân chăm-chú ngó bộ đồ tây, mỉm cười.

Thấy cuốn tả truyện đặt trên bàn, cụ Phương-Sơn hỏi:

— Vẫn còn thích vác lều chõng sao? À lúc này, anh còn tới trường cụ Thám nữa không?

Cụ H. T. bẽn lẽn, cười gượng:

— Anh thì chỉ được cái thế.

— Chịu khó tập được cái giọng thơ của cụ đi, tôi cam đoan với anh là nắm chắc cái thủ-khoa trong tay. Bài hát nói đó ra sao nhỉ. Có phải: « Ngô khởi hiếu biện tai, Ngô bất đắc dĩ dã » (4) không?

---

(1) Giầy da vàng (2) Casque. (3) Globe

(4) Cụ Thám Vũ-Phạm-Hàm người làng Đôn-thư (Hà-đông), đậu cùng khóa thi đình với cụ Nguyễn-Thượng-Hiền rất ưa thú ả đào, làm một bài hát nói, trong đó cụ đã lảo xược đến cực điểm, dùng ngay một lời nghiêm-trang nhất của Mạnh Tử (Ngô khởi hiếu biện tai? Ngô bất đắc dĩ dã: Ta có thích biện-thuyết đâu? Ta bất đắc dĩ vậy) để chỉ cái việc mà nhà nho cho là tục tằn nhất, việc hợp-hoan.

Bài hát đó ở miệng mấy ả đào phố hàng Giấy truyền ra, nhiều nhà Nho chau mày và số môn sinh của cụ Thám thưa lần.

Người ta còn truyền hai câu thơ này cũng giúp ta hiểu thêm tính tình nhà thơ lãng-mạn ấy:

Hà nhân thọ ngã hoàng kim bách,
Khứ tác tiên sinh hiệu Bạch-vân
(Nào ai tặng tớ vàng trăm lạng
Để đi như ông hiệu Bạch-vân)

Bạch-Vân cư-sĩ tức Trạng-Trình Nguyễn-Bỉnh-Khiêm.

Ai nấy ôm bụng cười, còn cụ H.T.tái mặt :

— Đờ quỷ ! Nhắc lại làm chi chuyện đó? Thật là « Ngũ kinh tảo địa» (1). Một cao đệ cửa Khổng sân Trình mà như vậy, nhục cho nho-làm quá... Ái, ái ; Làm gì thế? Buông người ta ra !

Thì ra ba cụ kia thừa lúc cụ H.T. sơ ý đè nghiến cụ ra, một người thì ôm mình, một người khóa chặt hai tay, một người móc túi lấy ra cái kéo cắt búi tóc cụ. Búi tóc rớt xuống đất, cụ được buông ra, chạy đi lấy gương soi, rồi phì cười, yêu cầu hớt gọn hai bên cho dễ coi.

Cụ Phương-Sơn vỗ tay :

— Có thế chứ ! Lẽ nào thời này mà còn nuôi hoài lũ « thực-dân » ấy ở trên đầu trên cổ nữa.

Trích cuốn « Đông-kinh Nghĩa-thục »
của Nguyễn-Hiền-Lê

---

(1) Đem ngũ kinh ra quét đất.

NHỮNG CUỘC BẠO-ĐỘNG VÀ KHỞI-NGHĨA SAU KHI PHONG-TRÀO ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC TAN-RÃ

Sau 9 tháng hoạt-động, Phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục tan rã. Những hạt Cách-mạng mà nhà trường gieo rắc khắp nơi đâm chồi nảy lộc và ảnh-hưởng lớn đến những cuộc bạo-động và khởi-nghĩa đã xảy ra từ năm 1908 đến hết chiến-tranh 1914-1918.

I.— NHỮNG CUỘC BIỂU-TÌNH CHỐNG THUẾ Ở TRUNG-KỲ TỪ THÁNG 3 TỚI THÁNG 5 - 1908.

1) Nguyên-nhân : Phong-trào cải-cách và những bài thơ ca, gợi lòng ái-quốc ăn sâu vào tâm-khảm của người nông-dân và hun-đúc lòng phẫn-uất vì sưu cao, thuế nặng làm cho đời sống của dân chúng ngày thêm khổ-sở.

Lòng phẫn-uất này chỉ đợi dịp bùng nổ. Dịp đó đã tới : Năm 1908 chính-quyền Pháp tăng thuế điền 5 %. Dân tâm xao-xuyến và tại nhiều tỉnh ở Trung-kỳ phong-trào chống thuế nổi lên.

2) Các cuộc biểu-tình chống thuế :

a) Ở Quảng-nam : ngày 10-3-1908, độ 200 dân kéo lên huyện Đại-lộc xin giảm « xâu » và giảm ngày đi phu. Viên tri-huyện không chịu xét. Đám biểu-tình lên Hội-an vào Tòa sứ kiện Tri-huyện Đại-lộc. Viên Công-sứ hứa sẽ xét, nhưng bắt giam

6 đại-biểu. Tức thì một số người biểu-tình đi các vùng lân cận hô-hào dân-chúng kéo tới Tòa sứ xin giảm thuế. Số người biểu-tình đem theo cả nồi, niêu, gạo, muối và chia phiên vây quanh Tòa sứ không sợ roi vọt, báng súng của bọn lính canh. Cuộc bao vây này kéo dài tới nửa tháng.

Trong khi có cuộc biểu-tình ở Hội-an thì tại nhiều nơi khác dân-chúng cũng kéo tới vây các phủ huyện đòi giảm thuế.

Pháp cho quân lính đàn-áp ; số người bị giết khá nhiều. Gần hai nghìn người bị giam ở Hội-an và đưa ra xét xử. Trần-Quý-Cáp bị xử-tử, Phan-Chu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng, Trần-Cao-Vân bị đầy ra Côn-đảo.

b)Ở Quảng-ngãi, tuy chính-quyền Pháp đã bố-trí trước mà vào cuối tháng 3 năm 1908 dân chúng cũng kéo lên vây Tòa sứ đòi giảm thuế thân, thuế điền, bãi bỏ thuế muối, thuế chợ và trừng-trị bọn quan tham, ô lại như Nguyễn-Thân và Tuần-vũ Lê-Từ.

Viên Công-sứ Quảng-ngãi đòi dân chúng giải-tán rồi sẽ đệ lên Tòa Khâm-sứ những yêu-sách trên. Đồng thời hắn mời một số người cầm đầu phong-trào vào Tòa-sứ hội-thương rồi bắt giam lại.

Ngày 15 tháng 4, quân lính từ Bắc-kỳ vào đóng ở Quảng-ngãi và đàn-áp các cuộc biểu-tình. Số người bị bắt và bị giết lên tới vài ngàn. Hội-đồng Đề-hình kêu 4 án tử-hình, 6 án đày chung-thân ra Côn-đảo, còn số người bị kết án từ 3 đến 7 năm lên tới vài trăm.

c) Ở Bình-định, ngày 13 - 4 - 1908, hàng ngàn nông-dân phủ Hoài-nhơn biểu-tình lên Phủ-lỵ xin giảm thuế. Viên Tri-phủ chạy trốn. Dân chúng chiếm đóng phủ-lỵ.

Thấy vậy dân các phủ, huyện khác nổi lên. Đám biểu-tình mang theo dao, kéo và hớt tóc những người còn để tóc dài. Họ kéo nhau tới hàng vạn lên vây thành Bình-định.

Chính-quyền Pháp gọi quân Pháp về đàn-áp. Từ 26-4, đến 30-4, ba đạo quân Lê-dương tấn-công vao đám biểu-tình, giải-vây

cho Bình-định rồi kéo về khủng-bố các làng tinh-thần cao. Số người bị giết và kết-án lên tới hơn ngàn.

d) Ở Thừa-thiên và Phú-yên, dân chúng cũng tổ-chức những cuộc biểu-tình vào khoảng tháng 4 và tháng 5, nhưng chính-quyền Pháp đề-phòng trước nên phong-trào bị dẹp tắt ngay.

e) Ở Hà-tĩnh và Nghệ-an, Nguyễn-Hàng-Chi, Trịnh-Khắc-Lập, và Ngô-Đức-Kế lãnh-đạo phong-trào chống thuế. Từ ngày 17-5-1908 dân tám phủ, huyện biểu-tình lên tỉnh xin giảm «xâu». Các viên Tri-phủ, Tri-huyện bỏ nhiệm-sở trốn lên tỉnh. Tại nhiều nơi Pháp cho sĩ-quan Pháp về đóng giữ.

Viên Công-sứ Hà-tĩnh ra hiểu-dụ dân bị một cụ già ôm đầu cắn chảy máu. Về sau hắn phải hạ lệnh cho quân lính đàn-áp đám biểu-tình.

Số người bị bắt từ đây rất nhiều. Nguyễn-Hàng-Chi và Trịnh-Khắc-Lập bị xử-tử, Ngô-Đức-Kế bị đày.

Ở Thanh-hóa, phong-trào chưa bùng-nổ vì chính-quyền Pháp ra tay trước bắt hết những người tình-nghi.

3) Kết-quả.— Cuộc chống thuế kéo dài từ tháng 3 đến cuối tháng 5 và lan từ Quảng-nam xuống Bình-định và lên tới Thanh-hóa. Số người biểu-tình bị tàn-sát, số sĩ-phu ái-quốc bị xử-tử và tù đày khá nhiều. Nhưng kết-quả thâu lượm được khá quan-trọng. Chính-quyền Pháp phải giảm thuế thân, hủy bỏ nghị-định tăng thuế điền, giảm ngày « xâu » và trừng phạt một số quan-tham lại-nhũng.

II.— VỤ HÀ-THÀNH ĐẦU-ĐỘC (27-6-1908).

Trong khi chính-quyền Pháp đương lúng-túng về các cuộc biểu-tình chống thuế ở Trung-kỳ thì tại Hà-nội xảy ra vụ đầu-độc quân-đội Pháp. Sự thực thì vụ này là một cuộc khởi-nghĩa không thành-công.

1) Chương-trình khởi-nghĩa.— Cuộc tuyên-truyền cải-cách và cuộc vận-động cách-mạng của trường Đông-kinh Nghĩa-thục có tiếng vang trong quân-đội Việt-nam đóng ở Hà-nội.

Một số hạ sĩ-quan Việt-nam trong cơ Công-binh pháo-thủ số 9 như Cai Ngà, Đội Nhân, Đội Bình, Đội Cốc bắt liên-lạc với thủ-hạ của Hoàng-Hoa-Thám và dự-định khởi - nghĩa đánh úp quân Pháp. Trong phiên họp đầu, các lãnh-tụ phong-trào đã chọn ngày 15-11-1907 nhưng vì quân tiếp-ứng của Đề - Thám không chuẩn-bị sẵn-sàng nên sau phải dời đến 27-6-1908.

Chương-trình khởi-nghĩa gồm có 2 phần :

a) Chiều ngày 27, những lính khố đỏ phụ-trách việc nấu bếp sẽ bỏ thuốc độc vào đồ ăn để đầu - độc sĩ-quan và lính Pháp.

Một số Nghĩa-quân lấy gỗ bịt miệng súng đại - bác và phục sẵn ở những nơi xung-yếu.

b) Sau khi binh lính đã trúng độc, thì quân trong thành bắn súng làm hiệu và mở cửa thành cho quân Đề - Thám tràn vào chiếm thành cùng những điểm quan-trọng như Đồn-Thủy, khu Cửa Bắc, Phủ Toàn-quyền v.v...

Thành-công xong, quân lính sẽ đem quân chẹn đường tiếp-viện từ Bắc-ninh, Sơn-tây, Hải-phòng về.

2) Cuộc khởi-nghĩa bại-lộ.— Vì một nghĩa-quân phản-bội nên ngay từ ngày 24-6, viên Tướng Pháp chỉ-huy đội pháo-binh đã được tin mật-báo rằng sẽ có cuộc bạo-động nên đã đề-phòng.

Sau bữa cơm tối ngày 27-6, chừng hơn 200 tên vừa sĩ-quan vừa lính Pháp trúng độc ngã lăn ra trong phòng ăn. Biết có biến, cấp chỉ-huy Pháp vội-vàng cứu-chữa cho người trúng độc, đồng-thời hạ-lệnh giới-nghiêm, tước khí-giới của lính Việt-nam và giữ cả trong trại. Quân Pháp ra đóng ở các cửa ô để chặn quân tiếp-viện và mật-thám Pháp đi khám xét các nhà bắt người tình-nghi.

Quân tiếp-ứng của Đề-Thám đợi quá giờ, không thấy súng hiệu, biết công việc bại-lộ nên rút-lui.

Chính-quyền lập Hội-đồng Đề-hình kết-án xử-tử 13 người thủ-mưu và đày một số khác ra Côn-đảo.

Lợi-dụng vụ này, chính-quyền Pháp bắt giam và đày nhiều vị sĩ-phu của phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục.

III.— VỤ NÉM BOM Ở THÁI-BÌNH VÀ HÀ-NỘI (1913)

1) Phan-Bội-Châu bị chính-phủ Nhật trục-xuất trốn sang Trung-hoa lập Việt-nam Quang-phục-hội (1911).

Sau khi Pháp nhượng-bộ cho Nhật nhiều quyền-lợi kinh-tế thì chính-phủ Nhật giở mặt khủng-bố các nhà ái-quốc Việt-nam sống trên đất Nhật. Phan-Bội-Châu, Cường-Để trốn sang Trung-hoa. Năm 1911, cách-mạng Tân-hợi thành-công. Phan-Bội-Châu lập Việt-nam Quang-phục-hội rồi cử người về nước tuyên-truyền.

2) Vụ ném bom ở Thái-bình và Hà-nội: Sau những cuộc chém giết và từ đây các nhà cách-mạng, phong-trào chống Pháp sụt mạnh. Muốn kích-thích dân chúng và gây một tiếng vang lợi cho việc tuyên-truyền, Quang-phục-hội hạ lệnh ám-sát viên Toàn-quyền Albert Sarraut, Hoàng-Cao-Khải nguyên Kinh-lược sứ và Nguyễn-Duy-Hàn Tuần-phủ Thái-bình.

Cuối năm 1912, ba nhóm cảm-tử của Việt-nam Quang-phục-hội mang bom về nước, một nhóm theo đường Lạng-sơn và hai nhóm qua Xiêm về Trung-kỳ và Nam-kỳ.

Chỉ có nhóm thứ nhất vượt được biên-giới về Hà-nội, nhưng không ám-sát được Toàn quyền Albert Sarraut.

Ngày 13-4-1913, một đảng-viên Quang-phục-hội ném bom giết chết Nguyễn-Duy-Hàn Tuần-phủ Thái-bình. Ngày 26-4-1913, mạng liệng một quả lựu đạn giết Trung-tá Mongrand và Chapuis đương ngồi uống rượu khai-vị. Một số Pháp-kiều khác bị thương.

Cuộc đàn-áp dân lành rất dã-man. Số người bị bắt lên tới vài trăm. Hội-đồng Đề-hình tuyên án xử-tử 7 người nhúng tay vào hai vụ ném bom, kết án tử-hình vắng mặt Phan-Bội-Châu, Cường-Để, Nguyễn-Hải-Thần; số người bị đày và an-trí rất nhiều.

Hội Việt-nam Quang-phục còn gây nhiều cuộc bạo động khác

như đánh đồn Phú-thọ, đồn Tà-lùng (1915) nhưng không thành-công.

IV.— CUỘC ÂM-MƯU KHỞI NGHĨA CỦA VUA DUY-TÂN (1916).

1) Vua Duy-Tân: Sau khi vua Đồng-Khánh mất, Pháp đặt Bửu-Lân, con vua Dục-Đức lên ngai vàng lấy niên-hiệu là Thành-Thái. Tân-quân không chịu theo ý người Pháp nên năm 1907 lấy cớ nhà vua mắc bệnh điên, chính-quyền Pháp bắt Thành-Thái thoái-vị và đưa đi an-trí ở đảo Réunion.

Hoàng-tử Vĩnh-San mới 8 tuổi lên ngôi lấy niên-hiệu là Duy-Tân. Tuy còn ít tuổi, Tân-quân thông-minh lỗi-lạc và có chí lớn. Đau lòng về cảnh nước mất nhà tan, vua Duy-Tân tìm cách liên-lạc với các nhà cách-mạng và năm 1916, lợi-dụng việc Pháp bận đánh nhau với Đức, nhà vua âm-mưu khởi-nghĩa.



Vua THÀNH-THÁI trước khi bị Pháp đày sang đảo Réunion
(Bản kẽm của nhà cách-mạng Hoàng-Nam-Hùng)

2) Những vị lãnh-đạo cuộc khởi-nghĩa này là:

a) Trần-Cao-Vân, người phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam. Năm 1908, Trần-Cao-Vân đã tham gia phong-trào chống thuế

ở Trung-kỳ và bị Pháp dày ra Côn-đảo. Năm 1913, Tiên-sinh được Pháp tha về và tiếp-tục tranh-đấu. Biết vua Duy-Tân có chí lớn, Trần-Cao-Vân cải-trang là ngư-phủ ngày ngày tới câu gần Hoàng-thành để lân-la làm thân với toán lính gác. Rồi Trần-Cao-Vân được lính cho vào câu ở hồ Tĩnh-tâm trong thành-nội. Nơi đây Trần-Cao-Vân gặp vua Duy-Tân dâng biểu xin nhà vua lãnh-đạo phong-trào chống Pháp (1) và được vua phong cho chức Thống-lĩnh quân-đội đem mật-chiếu đi liên-kết với các nhà ái-quốc.



Vua DUY-TÂN
Trong thời-gian bị Pháp đày sang đảo Réunion
(Bản kẽm của ông Hoàng-Nam-Hùng)

b) *Thái-Phiên* sinh ở Đà-nẵng là một nhà cách-mạng hăng-hái đã cộng sự một cách đắc-lực với Phan-Bội-Châu. Thái-Phiên đã lãnh-đạo phong-trào chống Pháp ở Quảng-ngãi.

c) Ngoài ra còn *Phan-Thành-Tài* giáo-sư, *Võ-Văn-Trứ* thư-ký Tòa-Khâm ở Huế, *Lê-Đình-Dương* y-sĩ.

---

(1) Trong tờ biểu có hai câu làm vua cảm-động :

Phụ-hoàng Hoàng-Đế hà tội kiển-thiên ?
« Dực-Tôn tôn-lăng hà cố kiển quật ?

Dịch nôm : Phụ-hoàng Thành-Thái vì tội gì mà bị đày ? Lăng-tẩm vua Dực-Tôn vì cớ gì mà bị khai quật ?

3) Kế-hoạch khởi-nghĩa. — Sau nhiều cuộc hội-kiến giữa vua Duy-Tân và Trần-Cao-Vân, kế-hoạch sau đây được đặt ra :

Đêm mùng 2 tháng 5 năm 1916 (tức là mùng 1 tháng 4 năm Bính-Thìn), vua Duy-Tân sẽ bỏ Cung-điện xuống thuyền ra sông Phú-cam lãnh-đạo cuộc khởi-nghĩa chống Pháp. Hiệu-lệnh là một tiếng pháo lớn.

Lực-lượng chính là đám lính mộ đóng ở Huế đợi ngày xuống tàu sang Pháp dự chiến-tranh chống Đức. Đa số bị bó buộc ra lính nên trước khi bỏ nước ra đi họ bịn-rịn nhớ vợ con làng nước. Thêm vào đó những tin đồn về các cuộc bại-trận của Phap, về những tàu chở lính mộ bị tàu ngầm của Đức đánh đắm làm nao-núng tinh-thần của binh lính.

Lợi-dụng yếu-điểm trên, các nhà cách-mạng tuyên-truyền cho binh lính quay súng bắn lại giặc và được nhiều người hưởng-ứng.

Ở các tỉnh, nhất là ở Quảng-nam, Quảng-ngãi nhờ sự tuyên-truyền của các nhà chí-sĩ cách-mạng, lính khố đỏ, khố xanh hưởng-ứng cuộc khởi-nghĩa rất đông và đợi ngày nổi lên chiếm đồn Pháp và tỉnh-lỵ.

4) Âm-mưu khởi-nghĩa bại-lộ. — Gần ngày khởi-sự, vì lo cho sự an toàn của gia-đình, một số binh lính cho vợ con, về quê. Việc này làm Pháp sinh nghi. Rồi ở Quảng-ngãi một binh-sĩ có chân trong đảng chống Pháp phải thuyên-chuyển đi nơi khác. Trước khi lên đường hắn khuyên em là lính cơ trong dinh Tuần-vũ nếu đêm mùng 1 tháng 4 thấy tiếng súng thì đừng ra khỏi nhà mà mang họa. Tên lính cơ đem câu chuyện đó trình với viên Tuần-vũ. Tên này vội vàng trình với Công-sứ Pháp và viên công-sứ Quảng-ngãi đánh điện báo cho Khâm-sứ ở Huế.

Thấy công việc bại-lộ, Võ-Văn-Trứ bèn ra thú và kể tỉ-mỉ kế-hoạch của cuộc khởi-nghĩa. Khâm-sứ Charles ra lệnh tước khí-giới của toàn thể binh-sĩ Việt-nam và không cho phép

một người nào ra khỏi trại. Đồng thời quân Pháp được lệnh bố-trí những nơi hiểm-yếu.

Theo đúng chương-trình hoạch-định, đúng 10 giờ đêm, vua Duy-Tân cải trang ra khỏi Hoàng-thành và được Trần-Cao-Vân tâu rõ cơ-mưu đã bại-lộ rồi đưa vua lên tạm ẩn ở một ngôi chùa gần đàn Nam-giao.

Vì âm-mưu bại-lộ nên ở Huế cũng như ở các tỉnh, Nghĩa-quân không thể hành-động. Chỉ có Phú Tam-kỳ là bị Nghĩa-quân đánh phá, viên Tri-phủ chạy trốn, hôm sau quân Pháp-chiếm lại Phủ-lỵ và tàn sát Nghĩa-quân.

Ngày 6-5, Pháp bắt được vua Duy-Tân và Trần-Cao-Vân. Nhà vua bị đày sang đảo Réunion và sống ở đó trong gần 30 năm. Năm 1946 Pháp đưa Duy-Tân về nước song phi-cơ rớt và nhà vua tử-nạn năm 47 tuổi (1).

Sau khi cuộc khởi-nghĩa thất-bại, Pháp khủng-bố mạnh. Trần-Cao-Vân, Thái-Phiên, Phan-Thành-Tài bị xử-tử. Các người khác bị tù-đầy.

Cuộc khởi-nghĩa của vua Duy-Tân thất-bại nhưng làm cho Pháp lo sợ vì chúng nhận rõ tinh-thần bất-khuất của dân-tộc Việt-nam.

V.— CUỘC KHỞI-NGHĨA THÁI-NGUYÊN (1917).

Trong khi Pháp phải chống nhau với Đức thì Việt-nam Quang-Phục-hội có gây nhiều cuộc bạo-động như vụ đánh đồn Phú-thọ (tháng giêng 1915) vụ đánh đồn Tà-lùng (tháng 3-1915).

Nhưng cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên quan-trọng nhất.

1) Những vị lãnh-tụ của cuộc khởi-nghĩa:

a) Trịnh-Văn-Cấn, người phủ Vĩnh-tường tỉnh Vĩnh-yên, gia-nhập lính khố xanh và được thăng chức Đội nên người ta thường gọi Đội Cấn. Trong khi theo quân Pháp đánh Đề Thám, Trịnh-Văn-Cấn đã được chứng kiến lòng can-đảm và tinh-thần

(1) Theo tài-liệu đăng trong tạp-chí Phổ-thông số 6 và số 7 năm 1952.

ái-quốc của Nghĩa-quân nên Cấn đã có ý khởi-nghĩa chống Pháp từ lâu. Hồi đóng ở Chợ Chu, Trịnh-Văn-Cấn đã dự-định chiếm đồn, nhưng chưa kịp hành-động thì Đội Cấn phải thuyên-chuyển về Thái-nguyên.

Hồi đó viên Công-sứ Thái-nguyên là Darles nổi tiếng về tính hung-dữ (1) nhất là đối với chính-trị phạm.

Đau lòng thấy dân-chúng rên-siết dưới bàn tay sắt của viên Công-sứ tàn-ác, Trịnh-Văn-Cấn liên-lạc với nhóm tù chính-trị giam trong khám và định ngày khởi-nghĩa. Một số hạ-sĩ-quan hưởng-ứng phong-trào như Đội Giá, Đội Trương, Đội Lữ, Cai Xuyên v.v...

Lương-Ngọc-Quyến con của Lương-Văn-Can, nhà lãnh-tụ phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục. Năm 1900, Quyến đậu Tú-Tài và năm 1905 một mình mạo-hiểm trốn sang Nhật. Tới Hoành-tân, trong túi Lương chỉ còn vài xu. Gặp Phan-Bội-Châu, Lương-Ngọc-Quyến được vào học trường Chấn-võ. Sau khi tốt-nghiệp, Lương-Ngọc-Quyến sang Trung-hoa sung vào đội quân cách-mạng được đeo lon Đại-úy (do đó có tên là Ba Quyến) và lập được nhiều chiến-công. Năm 1915, Lương-Ngọc-Quyến bị Anh bắt ở Hương-cảng rồi trả cho Pháp. Hội-đồng Đề-hình tuyên-án khổ-sai chung-thân và sau khi bị giam ở đề-lao Hà-nội, Quyến bị phát-vãng lên Phú-thọ và Thái-nguyên. Vì suốt ngày bị cùm nên một chân bị tê-liệt (2). Tuy bị giam trong sà-lim tối, Lương-Ngọc-Quyến vẫn tìm cách tuyên-truyền cho phong-trào chống Pháp. Sau khi bị bắt, liên-lạc được với Trịnh-Văn-Cấn, Lương-Ngọc-Quyến đặt kế-hoạch khởi-nghĩa.

2) Cuộc khởi-nghĩa được ấn-định vào tháng sáu năm 1917 nhân vụ viên Giám-binh đi thu thuế ở các huyện về thì quân

---

(1) Các công-chức Hành chánh có câu vè về Tứ hung như sau:
Nhất Đạc (Darles) nhì Ke (Eckert) ba Be (De Galembert) tứ Bích (Bride)

(2) Có sách ghi Lương-Ngọc-Quyến bị viên Công-sứ Darles ra lệnh chọc thủng bàn chân lấy chỗ xâu giây xích để khỏi vượt ngục.

lính sẽ hạ sát và tiến về dánh tỉnh. Nhưng sau có việc trở ngại phải hoãn ngày khởi-nghĩa.

Vào khoảng cuối tháng 8, khi có tin một số hạ-sĩ-quan và binh-lính bị thuyên-chuyển đi nơi khác, Trịnh-Văn-Cấn quyết định khởi-sự vào đêm 30-8 nhân dịp một số đồng-chí đóng các đồn lẻ về tỉnh lĩnh lương.

Theo chương-trình, thì công việc đầu tiên là hạ-sát viên Giám-binh coi đồn khố-xanh và tay sai đắc-lực của hắn là Quản Lạp. Hồi nửa đêm 30-8, viên Giám-binh đang ngủ,thì Đội Trường tới gõ cửa nói là có công-điện tối khẩn từ Hà-nội đánh lện, Viên Giám-binh vừa hé cửa thì bị chém, hắn chạy trốn. Đội Trường phải rút súng lục kết liễu đời hắn. Sau khi giết được viên Giám-binh và Quản Lạp, Đội Trường mang thủ-cấp về. Trịnh-Văn-Cấn sai đề trên một cái mâm và mời tất cả anh em binh-sĩ lại tuyên-bố khởi-nghĩa cứu-quốc. Trong trại có 175 người thì độ ba chục bỏ trốn, vài người chống lại lệnh khởi-nghĩa bị giết, còn 131 người nhiệt-liệt hưởng-ứng.

Điểm thứ hai của chương-trình là phá đề-lao thả chính-trị-phạm và tù-nhân. Việc này trao cho Đội Giá phụ-trách. Viên Cai ngục người Pháp bị bắn chết, Nghĩa-quân phá cửa thả hết tù-nhân rồi cõng Lương-Ngọc-Quyến sang trại khố xanh. Toàn thể Nghĩa-quân tôn Trịnh-Văn-Cấn làm Thái-nguyên Quang-phục-quân Đại-Đô-đốc, Lương-Ngọc-Quyến làm quân-sư. Lá cờ Ngũ-tinh (năm sao) của Quang-phục-quân phất-phới bay trên nóc trại.

Sau đó Nghĩa-quân chia nhau chiếm các công-sở. Vì Nghĩa-quân không cắt đường giây điện-tín nên viên chủ-sự Bưu-điện báo tin kịp về Phủ Thống-sứ. Đến mờ sáng, trừ đồn Lê-dương còn ở trong tay quân Pháp, tất cả tỉnh Thái-nguyên thuộc về Nghĩa-quân. Hai tờ tuyên-ngôn được đọc và dán ở khắp nơi.

Viên Công-sứ Darles nghỉ phép ở Đồ-sơn nên thoát chết, một số người Âu ở gần trại Lê-dương chạy kịp vào ẩn trong trại.

Sau khi chiếm tỉnh, công việc khó-khăn nhất là chiếm đồn Lè-dương và cắt quân chẹn đường của quân tiếp-viện từ Hà-nội và các tỉnh gửi về. Nghĩa-quân làm chủ tình-thế từ đêm 30-8 tới ngày 5 tháng 9 thì rút khỏi tỉnh-lỵ để tránh gọng kìm của những toán quân Pháp khép chặt lại. Trịnh-Văn-Cấn dự-bị cõng Lương-Ngọc-Quyến đi, nhưng không muốn làm chậm trễ cuộc rút lui của Nghĩa-quân, Lương-Ngọc-Quyến cắn lưỡi tự tử (1).

3) Cuộc chiến-đấu anh-dũng của Trịnh-Văn-Cấn sau khi mất Thái-nguyên. Sau khi bỏ Thái-nguyên, Trịnh-Văn-Cấn chia quân ra làm 3 đội tiến về phía biên giới Trung-hoa, hy-vọng bắt liên-lạc với phái cách-mạng Việt-nam ở Quảng-tây. Nhưng quân Pháp không ngớt tấn-công và chẹn đường ra biên-giới, nên trong mấy tháng, Trịnh-Văn-Cấn cố bám lấy giải núi rừng từ Thái-nguyên qua núi Tam-đảo tới Vĩnh-yên. Trong cuộc rút lui này, ngoài việc đương đầu với địch, Nghĩa-quân còn phải đối-phó cả với những sự phản-bội ở bên trong. Trải qua bao nhiêu nguy-hiểm, ngày 10-9, Trịnh-Văn-Cấn đóng binh trên núi Tam-đảo, Pháp cho quân bao vây núi. Nghĩa-quân tìm cách vượt qua sông Hồng-hà sang Sơn-tây, Hòa bình nhưng luôn luôn bị quân Pháp chẹn đường. Ngày 30-9, Trịnh-Văn-Cấn bỏ Tam-đảo quay về Thái-nguyên, quân số chỉ còn chừng 80 người. Trong tháng 10, Nghĩa-quân đóng trong khu rừng Bảo-nàng cách Thái-nguyên chừng 15 cây số. Quân Pháp nhiều lần tấn-công bị đánh bại nên chúng tìm cách bao vây và triệt đường tiếp-tế lương-thực của Nghĩa-quân. Chúng bắt dân Thiểu-số nộp hết thực-phẩm và hàng ngày đến lĩnh số gạo đủ ăn cho gia-đình. Tuy vậy nhiều đồng bào Thiểu-số nhịn ăn để tiếp-tế cho Nghĩa-quân.

Qua tháng 11, Nghĩa-quân chia ra làm nhiều toán vượt vòng vây của địch, nhưng hầu hết bị tiêu-diệt dần, hoặc bị cường-hào bắt nộp cho Pháp.

---

1) Theo tài liệu cuốn Lương-Ngọc-Quyến của Đào-Trinh-Nhất.

Hạ tuần tháng chạp năm 1917, Trịnh-Văn-Cấn chỉ còn 25 Nghĩa-quân chạy lên Pháo-sơn (gần Phả-lại). Thám-tử báo tin cho Pháp. Tức thì một đạo quân từ Thái-nguyên tiến lên Pháo-sơn. Pháp bắt mẹ và vợ Trịnh-Văn-Cấn đem theo tới Pháo-sơn để dụ Cấn ra hàng, nhưng vị anh-hùng đất Thái-nguyên tiếp-tục chiến-đấu. Ngày 10-1-1918, Trịnh-Văn-Cấn bị thương ở đùi và chỉ còn hai Nghĩa-quân trung-thành theo sát bên người để bảo-vệ. Không muốn lọt vào tay quân địch, Trịnh-Văn-Cấn sai đào sẵn một cái hố, mặc quân-phục chỉnh-tề rồi rút súng lục tự-sát.

Những chiến-sĩ khởi-nghĩa ở Thái-nguyên lần-lượt rơi vào lưới của Pháp. Người thì bị kết án tử-hình, người thì bị đưa đi đày. Tính ra cuộc khởi-nghĩa Thái-nguyên kéo dài được gần 5 tháng và Pháp phải huy-động đại-binh mới dẹp nổi (1).

KẾT-LUẬN

Trong chiến-tranh 1914-1918, các nhà cách-mạng Việt-nam không ngớt nổi lên đánh Pháp song vì thiếu sự vận-động quần-chúng nên các cuộc khởi-nghĩa đều thất-bại.

---

(1) Dương-Bá-Trạc có bài thơ khóc Lương-Ngọc-Quyến sau đây :

« Đoạn-tuyệt gia-đình với núi sông,
Phất cờ Đông học trẩy tiên-phong,
Lục-quân Nhật-bản tinh thao luyện,
Chiến-địa Trung-hoa thỏa vẫy vùng,
Bắc-hải vẫn ghi lời thoại biệt,
Long-xuyên bao xiết truyền trùng-phùng,
Thái-nguyên độc lập 5 ngày trọn,
Cho biết tay đây cọp sổ lồng.

Trích Lương-Ngọc-Quyến.
của ĐÀO-TRINH-NHẤT

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1. — Vua Duy-Tân bị bắt

Ngày 6 tháng 5 dương-lịch, thám-tử báo tin cho ông Khâm-sứ biết vua Duy-Tân còn đang ẩn-trú tại một ngôi chùa ở trên núi gần Nam-giao cách kinh-thành Huế mấy cây số. Ông liền phái Le Fol và viên Chánh liêm-phóng Léon Sogny đến đấy tìm Ngài. Hai người này đến nơi vào lúc sáng, không gặp vua. Nhưng Trần-Cao-Vân và hai đồng-chí đều bị bắt tại đây. Hỏi vua đâu, họ không chỉ. Sogny trông thấy xa xa một bóng người mặc y-phục của dân quê, đang đứng chăm chú nhìn mặt trời rạng đông tươi đỏ. Sau lưng người ấy có hai người khác hình như hộ-vệ. Le Fol và Sogny tiến tới, người trẻ tuổi đang mơ tưởng một bình-minh rực-rỡ nghe tiếng động quay lại. Le Fol cất nón chào hỏi vua.

— Eh bien, Sire ! Vous avez fini cette randonnée ? (Thế nào, Hoàng Thượng ngự-giá đến đây là hết rồi chứ ?)

Vua Duy-Tân nhún vai, cũng đáp lại bằng tiếng Pháp :

— Vous ne pouvez pas comprendre.

(Các ông chả biểu được đâu).

Ngay lúc ấy, Võ-Văn-Trứ, cùng đi với hai ông Le Fol và Sogny tiến đến trước mặt vua.

— Tâu Bệ-hạ tôi là người cùng với Trần-Cao-Vân hội-kiến với Ngài đêm mồng một ở hồ Tĩnh-Tâm, chẳng hay Bệ-hạ có nhớ mặt không ?

Vị Hoàng-Đế 17 tuổi, từ nãy giờ vẫn giữ nét mặt điềm-nhiên lạnh-lùng bằng cặp mắt trêu-ngươi.

— Phải ta nhớ mặt mi ; đồ phản vua phản nước !

Rồi vua ngoảnh mặt một cách khinh-bỉ. Lúc bấy giờ, ông Léon Sogny trông thấy vua dấu dưới áo một vật gì khả-nghi. Một khẩu súng lục chăng ? Có lẽ nhà vua trẻ tuổi định dùng nó để bắn những người đến bắt Ngài, hay là để tự-sát. Viên Chánh liêm-phóng cung-kính hỏi. Ngài mỉm cười chua chát :

— Ông tưởng tôi dấu khẩu súng sáu ? Ông đừng sợ. Tôi làm việc đại-sự lỡ bị thất-bại, còn cần chi những việc của tiểu-nhơn ?

Rồi Ngài đưa cho xem : hai ấn vàng của nhà vua.

Ông Le Fol liền bảo người chạy kiếm một chiếc kiệu và một cây lọng để rước vua Duy-Tân xuống xe hơi đậu trên đường cái lớn ở chân đồi. Nhà vua làm thinh, nghiêm-nghị từ chối kiệu và lọng vàng, lủi-thủi đi bộ. Le Fol và Sogny lẽo-đẽo theo sau với đoàn tùy tùng. Đúng 10 giờ sáng, xe đưa nhà vua về đến Tòa Khâm. Ông Khâm-sứ Charles mỉm cười bắt tay Ngài.

— Eh bien ! Sire, vous êtes content de votre équipée ? (Bệ-hạ bằng lòng cuộc du-ngoạn chứ) ?

Vua Duy-Tân trả lời xẵng một câu bằng tiếng Pháp :

— Non ! Puisqu'elle n'a pas réussi !

(Không ! Bởi vì nó đã thất bại).

Từ đó, vua Duy-Tân không nói thêm một lời. Ngài giữ thái-độ oai-nghi lãnh-đạm. Cho đến khi Ngài bị đầy qua đảo Réunion ở Phi-châu, ghé lại Vũng-tàu (Ô-cấp) để thăm đức Thành-Thái cũng đang bị giam lỏng tại đây, Ngài bị Phụ-hoàng rầy la, Ngài vẫn cúi đầu kính-cẩn, nhưng cũng không hở miệng nói một câu.

Trích Phổ-thông Tạp-chí
Số 6 và 7 năm 1952

* * *

Bài 2.— Tuyên-ngôn thứ nhất, phát hồi nửa đêm, lúc mới khởi nghĩa.

Đại-Hùng đế-quốc năm thứ nhất, tháng 7 ngày 14

Thái-nguyên tỉnh, Quang-phục-quân Đại-Đô-Đốc Trịnh, bố-cáo cho dân chúng đồng bào được biết :

Nước Việt-nam nhà ngày nay gồm trong cõi Đông-dương, nguyên xưa là đất Tượng-quận (?). Dân-tộc ta vốn dòng dõi rồng-tiên. Ruộng đất ta phì-nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non linh-tú. Kể từ Hồng-Bàng lập quốc đến giờ, lịch-sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các triều-đại Kinh-Dương-Vương, Đinh-Tiên-Hoàng, Lê-Đại-Hành, Lý, Trần, Hậu-Lê rồi đến bản-triều Nguyễn-thị, mỗi đời kế tiếp mở-mang bờ cõi thêm to, tô-điểm non sông thêm đẹp. Phải biết

tổ-tiên ta đã tốn bao nhiêu thông-minh, bày tỏ biết bao nhiêu nghị-lực, hy-sinh bao nhiêu máu thịt, mới xây-dựng lên được giang - sơn gấm-vóc này để lại chúng ta.

Chẳng may đến giữa thế-kỷ thứ XIX vừa rồi, Pháp tặc ở Âu-châu, giả lấy danh nghĩa thông-thương truyền-giáo cướp mất hương-hỏa quí hóa của ta.

Thừa cơ lúc đó triều-đình ta còn mài-miệt trau-dồi lối học khoa-cử từ chương, không lo gì võ-bị, chúng giở ngay thủ-đoạn bạo-ngược xâm-lăng nước ta. Thoạt-tiên chiếm đoạt sáu tỉnh Nam-kỳ rồi sau dần dần sinh truyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn-sát những người có nhiệt-tâm yêu nước, phá hủy đền đài thành quách ta, bóc-lột tiền-tài sản-nghiệp ta.

Cũng may ta còn những bậc anh-hùng chí sĩ, những người danh-vọng tài-năng, biết đồng-tâm hiệp - lực, kháng cự lũ giặc ngoại-xâm. Binh-lực chẳng có mấy, khí-giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách-mạng tiền phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm-yếu để làm chỗ căn-cứ mà đương đầu với giặc khá lâu. Ta kể ví dụ như ông Hoàng-Hoa-Thám một thời oanh-liệt ở Nhã-nam, hay ông Phan-Đình-Phùng mười năm kháng - chiến ở Hà-tĩnh, ấy là chứng cớ hiển-nhiên.

Có điều, các vị anh hùngdân-tộc ấy có chỗ thủ hiểm vững-vàng mà không gặp thời-cơ may-mắn, đến nỗi ngoại-viện là thứ rất cần-dùng thiết-yếu mà cũng không có. Thành ra khí giới thiếu-thốn, lực-lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu-diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh-dũng của các cụ tiền-bối, không thấy người nào có đủ tài lực nối chí làm theo.

Ngoài những người lỗi-lạc hy-sinh như thế, trong xứ ta còn lại toàn là anh em quê mùa, chất phác vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực-dân không còn trở lực gì phải kiêng-kỵ nữa, tha-hồ hoành-hành bạo-ngược, thôi thì phá-hoại ngay những luật-lệ tự chúng đặt ra, áp-dụng những thói bán quan buôn chức, tìm đủ cách làm cho nòi-giống ta càng ngày càng đi đến họa diệt-chủng, kết-án cực nặng, hành-vi tột-bực dã-man, luôn luôn nói truyện hứa-hẹn khi trả. Lại còn tàn-nhẫn đến nỗi khai quật cả lăng-tẩm một vị tiên-đế bản-triều để lấy vàng-bạc châu-báu, truất ngôi hai vị hoàng đế, đưa đi an-trí ở một hoang-đảo thật xa. Kể từ khi hạ thành Hà-nội tới giờ, chúng đã tự-do thay đổi ngôi vua nước

Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm xỉa gì đến dân tâm dư-luận.

Thuế má thì mỗi ngày một tăng lên mãi, bà con ta chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt-nam, như phải tròng cổ vào sợi giây, càng ngày càng xiết chặt thêm, mười nhà hết chín lâm vào cảnh khốn cùng ghê-gớm.

Vạn nhất có người nhiệt-tâm với quốc-gia, hơi ra mặt chống chính-sách đô-hộ, liền bị tố-giác với quân thù, làm cho sở nguyện bị đè ép chôn vùi tức-tốc.

Chao ôi! mỗi khi tưởng nhớ cơ-nghiệp tổ-tiên đã đổ bao nhiêu máu đào mới xây dựng nên, mỗi khi nghĩ đến tình cảnh nước nhà bấy lâu gian-truân khốn-khổ, chúng ta thấy bầm gan tím ruột thương xót vô cùng.

Chúng ta nhẫn nhục đã tới cực điểm, tắc lòng bi-thống giang-sơn chủng-tộc sôi-nổi như nung như đốt.

Kẻ thù ta đang bị công-kích ở Âu-châu, chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn, chúng bóc-lột tài-sản xứ sở mình để tiếp-tế quân-nhu. Bà con ta bị bắt đem sang Tây từ mấy năm nay, tội nghiệp người sống phải trần lực ra làm lụng vất-vả, người chết cũng chẳng được chôn cất tử-tế. Thương hại con côi vợ góa, ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc lóc. Tình cảnh nước nhà đau khổ không thể tưởng tượng. Những nỗi đau-đớn kể sao cho xiết. Tóm lại cái kiếp sống của dân ta điêu-đứng đến nông-nỗi này, không tài nào cam chịu được nữa.

Nước ta khổ-sở kiệt-quệ, sống giở chết giở, cảnh-ngộ có khác gì một sợi chỉ mong-manh sắp đứt, chịu đựng đau-đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt trên giường bệnh, hấp-hối tất hơi.

Phen này chúng ra sa sức phấn-đấu để khôi-phục độc-lập cho tổ-quốc, nếu bất-hạnh mà mục-đích không đạt, đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục-nhã khốn-khổ.

Bản chức Thái nguyên Quang-Phục-quân Đại-đô-đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lãng nỗi khổ của đồng-bào dân-ruộng, lòng hằng băn-khoăn tức tối về thảm-họa vong-quốc. Nhiều lần

ta đã lập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc, nhưng rồi lại phải ngậm hờn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời-cơ nào thuận-tiện cho được thực-hành chí muốn. Vì thế ta đành ẩn-nhẫn ra đi lính tập, hơn mười năm trường được sống chung chạ với bao nhiêu anh em cường-tráng nước nhà mà phải ngậm miệng làm thinh, nhưng lúc nào cũng nuôi hoài bão cừu-thù Pháp tặc, chớ hề biến tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực-lượng chưa đủ, ngoại-viện chưa có, theo như ý ta mong-mỏi cho nên ta chưa muốn mưu toan đại sự một cách cho-vơ tháo-thứ.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng-tâm đồng-chí cùng ta tuốt gươm chĩa súng, đánh giết quân thù, bên ngoài thì có những nhà cách-mệnh ta bấy lâu trú-ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp-sửa đem quân-nhu khí - giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu-tập những anh em có tinh-thần tự-do độc lập, có nhiệt-tâm lập-thành những đạo binh cứu-quốc, và hôm nay bắt đầu lấy tỉnh Thái-nguyên. Lá cờ năm-ngôi sao đã kéo lên phấp-phới trên kỳ đài, ta đã tuyên-bố Thái-nguyên độc-lập.

Cùng là con dân nước Việt-nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh, học-thức, có thể đến đây vì ta trù mưu hoạch sách, làm những việc ích-lợi chung, ai là người có sức khỏe-mạnh thì mau-mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp-đỡ ta trong cuộc chiến-đấu.

Anh em ta cố sức phấn-khởi phen này, đồng-tâm hiệp-lực, đả-đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan-nghênh, ta để cho mỗi người được thi-thố tài-năng sáng-kiến trong cuộc tranh-đấu tự-do độc-lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn mang tâm nô-lệ, phò-tá quân thù, thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha.

Nay bố-cáo

(Ký tên và đóng dấu son)

Trích cuốn Lương-Ngọc-Quyền
của ĐÀO-TRINH-NHẤT

Bài 8.— Tuyên-ngôn thứ nhì, sáng hôm lấy xong Tỉnh-thành công-bố Độc-Lập

Đại-Hùng Đế-Quốc năm thứ nhất tháng 7 ngày 14.

Thái-nguyên tỉnh, Quang-Phục-Quân Đại-đô-đốc Trịnh... bố-cáo đồng-bào Việt-nam biết:

Than ôi! Trời giáng tai-họa, nước Nam nghèo-nàn. Trận gió xâm-lược từ Tây-phương thổi tràn sang Đông, nhiều thế-hệ ta bị lôi cuốn tiêu-diệt bởi nó.

Kể cả năm chục năm nay, cơ-đồ hương-hỏa chúng ta trơ-trụi giống như một bãi sa-mạc. Những tinh-hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô-lệ bi-thảm, bốn mươi triệu anh chị em đồng-bào khóc than rền-rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa nóng, tình-cảnh tổ-quốc đồng-bào khiến cho những chiến-sĩ ái-quốc phải động lòng xót-xa.

Bao nhiêu nỗi khổ-sở bấy lâu trời hành chúng ta, hôm nay là hết.

Đấng Hoàng-thiên bắt chúng ta phải chịu đau đớn để thử tinh-thần khí-tiết chúng ta, nay Ngài rủ lòng đoái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung-sướng thịnh-vượng.

Bên ngoài, ta có những bậc tài-năng lỗi-lạc đã hấp-thụ ánh sáng ở các nước văn-minh ngoại-dương giờ đem ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến-hành, trong nước thì có những người nhiệt-tâm học-thức, đem ra áp-dụng vào việc báo-thù cứu-quốc.

Năm Mậu-thân, chúng ta đã giết quân thù ở giữa Hà-nội làm chúng kinh hồn hoảng vía.

Năm Kỷ-dậu, cuộc khởi-nghĩa ở Lạng-sơn khiến lòng phẫn-uất của người mình được hả hơi ít nhiều.

Ngoài ra phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục đã kích-thích tinh-thần ái-quốc một-độ rất sôi-nổi; tỉnh Quảng-nam nổi lên phản-kháng sưu thuế, một người học-sinh mạo-hiểm ném bom giữa thành phố Hà-nội; trong Nam-kỳ Xích-long kéo cờ xướng nghĩa chống cự kẻ thù. Tóm lại chúng ta vì văn-minh, vì chủ-quyền của tổ-quốc, ra sức phấn-đấu hơn mười năm nay, tinh-thần ái-quốc càng ngày càng mạnh. Những việc làm nổ-

lực cứu-quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp-đảm, đồng-thời lại gọi được hồn độc-lập của quốc-dân tỉnh-ngộ phấn-phát.

Hiện thời cả Âu-châu đang rối-ren lục-đục, tàn-sát lẫn nhau, Pháp đương nguy-khốn ở trong ngay đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giảng hòa riêng, thế là Pháp cô-lập, mất hai tay tả phù hữu bật trọng-yếu. Thổ và Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa chỗ chí mạng, thành Ba-lê không thể giữ nổi sắp mất đến nơi.

Bản-thân Pháp đã bị nguy-ngập đến thế, làm sao còn khoe-khoang bảo-hộ chúng ta được không biết ?

Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu thế thừa lấy cơ-hội hiếm-hoi thiên tải nhất thì này mà báo thù tuyệt hận, khôi-phục giang-sơn.

Nay phụng-mệnh Hoàng-đế, ta tổ chức quân-đội, hợp lực trong ngoài đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Ta đã liên-kết với Trung-quốc, võ-quan với quân-sĩ ta từng chịu huấn-luyện binh-học tân-thời của các trường Trung-quốc và Nhật-bản ai nấy đã trải nhiều chiến-trận, kinh-nghiệm quân-sự, cùng hăm hở đem tài học và tính-mạng về, sẵn-sàng hy-sinh cho tổ-quốc.

Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi-cơ ở ngoài đem về, ta sẽ đánh quân thù những trận đòn sấm-sét, chỉ trong nay mai ta sẽ chiến-thắng thành-công.

Quân-đội cách-mạng ta có nghĩa-vụ với dân với nước, quyết không sách-nhiễu và không tơ hào xâm-phạm đến tài-sản của dân, bất cứ trong lúc hành-binh hay khi đồn-trú nơi nào, Quang-phục-quân chỉ có một việc là thu-phục bờ cõi của tổ-tiên, giết trừ quân giặc bạch-chủng, để cho toàn-thể quốc-dân đồng-bào, được hưởng độc-lập tự-do, an cư lạc-nghiệp.

Hỡi đồng-bào, ta phải cùng nhau gắng công ra sức phen này hầu làm cho trọn sự-nghiệp vĩ-đại, lá cờ Ngũ tinh được phấp-phới vẻ-vang khắp năm châu, không phụ lòng trông mong tin cậy của tổ-quốc.

Hỡi đồng-bào, một quốc-gia tân-tạo, vững bền thiên-thu vạn-tuế, bắt đầu xây-dựng tự ngày hôm nay. Toàn thể đồng-bào cùng trách-nhiệm tháo ách nô-lệ đè đầu đè cổ chúng ta bấy lâu.

Nay bố-cáo

(Ký tên và đóng dấu son)

Trích cuốn Lương-Ngọc-Quyền
của ĐÀO-TRINH-NHẤT.

PHONG-TRÀO CHỐNG PHÁP GIỮA HAI TRẬN THẾ-GIỚI CHIẾN-TRANH (1919-39)

Sau khi cuộc khởi-nghĩa của vua Duy-Tân và của Trịnh-Văn-Cấn thất-bại, nhất là sau khi Pháp thắng Đức và tăng-cường đạo quân viễn-chinh ở Việt-Nam, chia đi đóng giữ những nơi hiểm-yếu thì phong-trào chống Pháp kém phần sôi-nổi. Các nhà ái-quốc Việt-nam ngấm-ngầm hoạt-động và đoàn kết các giới, lập đảng Chính-trị đợi dịp khởi-nghĩa.

Trong giai-đoạn từ 1919 đến 1930, các đảng chính-trị đều có khuynh-hướng quốc-gia thuần-túy. Từ năm 1930, đảng Cộng-sản xuất-hiện đưa khẩu-hiệu giai-cấp đấu-tranh và có khuynh-hướng quốc-tế vô-sản.

I.— NHỮNG ĐẢNG CHÍNH-TRỊ Ở VIỆT-NAM GIỮA HAI TRẬN THẾ-GIỚI CHIẾN-TRANH.

Trong thời-kỳ chiến-tranh 1914-1918, Pháp cần mộ binh lính làm bia đỡ đạn và quyên tiền của các thuộc-địa để mua võ-khí, Toàn-Quyền Albert-Sarraut, trong bài diễn-văn đọc ở Văn-miếu Hà-nội phác-họa những cải-cách sẽ thực-hiện và hứa hẹn cởi mở chính-sách cai-trị ở Đông-dương. Chiến-tranh kết-liễu, chính-quyền Pháp nuốt lời hứa, làm cho dân Việt-nam phẫn-uất. Nhiều đảng chính-trị xuất-hiện và tranh-đấu chống chế-độ thực-dân. Trong số các chính-đảng này một vài đảng hoạt-động công-khai còn thì đều là những đoàn-thể bí-mật luôn luôn bị Sở Mật-thám Pháp truy-nã.

1) Đảng Lập-hiến.

Vào khoảng năm 1923, một số đại trí-thức tốt-nghiệp ở các trường Đại-học Pháp và đại điền-chủ như Bùi-Quang-Chiêu, Nguyễn-Phan-Long, Trương-Văn-Bền, Phan-Văn-Trường v.v... lập đảng Lập-hiến (Parti constitutionnaliste). Tuy là một đảng chính-trị, đảng Lập-hiến không có một hệ-thống tổ-chức rõ-rệt, không có một lập-trường tranh-đấu vững-chắc. Đảng Lập-hiến chủ-trương thắt-chặt sự « hợp-tác Pháp-Việt với những sự cởi mở cần-thiết về chính-trị và kinh-tế khiến cho nước Việt-nam dần dần có thể theo kịp ngoại-quốc » (1).

Đảng Lập hiến xuất-bản hai tờ báo viết bằng Pháp-ngữ là tờ L'Echo Annamite (An-nam hướng-truyền) và tờ La Tribune indochinoise (Đông-dương Diễn-đàn) dùng làm cơ-quan tranh-đấu.

Đảng Lập-hiến hoạt-động rất mạnh trong vụ bầu-cử Hội-đồng Thuộc-địa (Conseil colonial) năm 1925 và toàn thể đảng-viên của đảng Lập-hiến đều trúng-cử. Sau đó, Bùi-Quang-Chiêu với tư-cách lãnh-tụ đảng Lập-hiến sang Pháp, tiếp-xúc với các chính-khách Pháp, viết báo, diễn-thuyết ở nhiều tỉnh, đòi Pháp thi-hành quyền tự-do dân-chủ ở Đông-dương. Cuộc vận-động chính-trị này thu được vài kết-quả.

Ngày 24-3-1926, lúc tàu chở Bùi-Quang-Chiêu cập bến Sàigòn, một cuộc biểu-tình vĩ-đại hơn 5 ngàn người (2) hoan-hô nhà lãnh-tụ đảng Lập-hiến.

Về sau, đảng Lập-hiến chỉ chú-trọng đến quyền lợi của giới-đại tư-bản và trí-thức như đòi tự-do ngôn-luận, tự-do gia-nhập Luật.sư-đoàn, sửa đổi sắc-lệnh về việc cho người Việt-nam nhập Pháp-tịch, thay đổi luật-lệ về việc bầu-cử Hội-đồng Thành-phố và Hội-đồng Thuộc-địa, khuếch-trương tổ-chúc Nông-gia Tín-dụng v. v... (3) nên dân-chúng không ủng-hộ nữa.

---

(1) Theo lịch-trình diễn-tiến của Phong-trào Quốc-gia Việt-Nam của Nghiêm-Xuân-Hồng.
(2) Theo Đông-Pháp thời báo.
(3) Theo lịch-trình tiến-diến của Phong-trào Quốc-gia Việt-nam của Nghiêm-Xuân-Hồng.

2) Đảng Thanh-niên.— Đảng Thanh-niên xuất hiện ở Sài-gòn vào khoảng tháng 3 năm 1926. Một nhóm thanh-niên gồm có giáo-sư, ký-giả, công-chức, thương-gia họp nhau tại Khách-sạn Nam-kinh quyết-định lập một đảng chính-trị lấy tên là đảng Thanh-niên. Hôm sau đảng ra mắt đồng-bào trong cuộc biểu-tình tổ-chức ở xóm Lách với trên 3.000 người dự. Đảng có tờ báo «Jeune Annam» (Tân An-nam) là cơ-quan tranh-đấu, nhưng mới ra được số đầu thì báo bị tịch-thu và chủ-nhiệm bị bắt cùng một lúc với Nguyễn-An-Ninh.

Đảng Thanh-niên không có chương-trình hoạt-động rõ-rệt và thu-nhận đảng-viên một cách ồ-ạt nên cạnh những thanh-niên hăng-hái đầy nhiệt-huyết có một số phần-tử lưu-manh vào đảng để làm bậy. Vì lẽ đó Sở Mật-thám Pháp có cớ đàn-áp phong-trào.

Đảng Thanh-niên đã có công vận-động dân chúng ra bến tàu đón rước Bùi-Quang-Chiêu, dự đám tang Phan-Chu-Trinh và rải truyền-đơn hô-hào đồng-bào tổng đình-công để phản-đối việc Pháp bắt giam Nguyễn-An-Ninh.

Tháng 4 năm 1927, tờ báo Le Nhà-quê (người Nhà-quê) do hai đảng-viên Thanh-niên phụ-trách ra số đầu thì bị tịch-thu. Trong khi khám trụ-sở của đảng Thanh-niên đặt tại Lạc-long Lữ-quán (ở đường Espagne nay là Lê-Thánh-Tôn) sở Mật-thám Pháp tịch-thu được nhiều tài-liệu và một số đảng-viên bị bắt đưa ra xử trước Tòa-án.

Từ đó đảng Thanh-niên tan rã.

3) Đảng Tân-việt : Vào dịp Tết Nguyên-Đán năm 1925, một nhóm sinh-viên các trường Cao-đẳng sinh quán Trung-kỳ và Nam-kỳ không về quê ăn Tết nhóm họp tại một địa-điểm gần Hà-nội và Việt-nam Nghĩa-đoàn được thành-lập. Chương-trình hoạt-động và đường lối tranh đấu không rõ-rệt. Đoàn-viên đóng nguyệt-liễm 2$ phải tuân theo 10 điều như: không sợ chết, không tiếc tiền, phục-tùng mệnh-lệnh của đoàn, giúp-đỡ những nhà cách-mạng bị nạn v.v..

Tới kỳ nghỉ hè năm 1925, một số sinh-viên Thanh Nghệ Tĩnh liên lạc với hai nhà Cách-mạng ở Côn-đảo về là Lê-Văn-Huân và Hoàng-Văn-Khải. Ngày 14-7-1925, nhóm sinh-viên Cao-đẳng họp với các vị Cách-mạng cựu học trên ngọn núi Quyết gần Bến-thuỷ lập đảng Phục-việt. Tôn-Quang-Phiệt (sinh-viên trường Cao-đẳng Sư-phạm) được cử làm Hội-trưởng Chi-đảng Phục-việt Bắc-kỳ.

Cuối năm 1925, nhân dịp Hội-đồng Đề-hình xử án Phan-Bội-Châu, đảng Phục-việt rải truyền đơn hô-hào đòi ân-xá cho nhà Cách-mạng. Dưới truyền đơn ký rõ là Phục việt.

Sợ lộ bí-mật đảng đổi tên là Hưng nam rồi tháng 7 năm 1927 lại đổi thành Tân-việt Cách-mạng đảng.

Về thành-phần, hầu hết đảng-viên là những nhà trí-thức và tư-sản. Đảng-viên họp thành các tiểu-tổ (6 người), sáu tiểu-tổ họp thành đại-tổ. Các chỉ-huy đại-tổ họp thành Huyện-bộ, các chỉ huy Huyện-bộ họp thành Tỉnh-bộ, các chỉ-huy tỉnh-bộ họp thành Kỳ-bộ và trên hết là Tổng-bộ.

Các đảng-viên được huấn-luyện theo tài-liệu của trường Huấn-luyện Quảng-châu.

Mục-đích của đảng là khởi-nghĩa giành độc-lập cho Tổ-quốc.

Năm 1928, đảng Tân-việt bắt liên-lạc với Nguyễn-An-Ninh ở Sài-gòn, năm sau cử đại-biểu sang Quảng châu họp với các đảng cách-mạng ở Hải-ngoại. Nhưng khi đại-biểu về nước thì vừa gặp lúc cuộc Khởi-nghĩa của Việt-nam Quốc-dân đảng thất-bại, chính-quyền Pháp đàn-áp phong-trào Cách-mạng. Nhiều đảng-viên Tân-việt bị bắt. Đảng tan rã và một số đảng-viên gia-nhập đảng Cộng-sản Đông-dương.

Trong mấy năm hoạt-động, đảng Tân-việt làm được vài việc quan-trọng như hô-hào học-sinh bãi khóa sau vụ toàn quốc đề tang nhà chí-sĩ Phan-Chu-Trinh, phổ-biến nhiều loại sách chính-trị.

4) Việt-nam Quốc-dân-đảng — Vào khoảng năm 1926, ký giả Hoàng-Phạm-Trâm bút hiệu Nhượng-Tống cùng Nguyễn

Thái-Học sinh-viên Cao-đẳng Thương-mại, Hồ-Văn-Mịch, Phạm-Tuấn-Tài giáo-viên lập Nam-đồng Thư-xã tại Hà-nội, xuất-bản loại sách chính-trị bán rẻ tiền để phổ-biến tư-tưởng cách-mạng ngõ hầu kích-thích lòng yêu nước, thương đồng-bào của dân chúng. Sau khi in được vài cuốn nói về đời tranh-đấu của Tôn-văn, Gandhi, thì Sở Mật-thám Pháp để ý tới Thư-xã và tìm cách phá. Những cuốn sách in về sau đều bị tịch-thu. Nam-đồng Thư-xã hết vốn phải đóng cửa và căn nhà gần hồ Trúc-bạch biến thành trụ-sở của nhóm thanh-niên ái-quốc bàn về việc lập đảng Cách-mạng.



NGUYỄN-THÁI-HỌC
Lãnh-tụ Việt-nam Quốc-dân-đảng.
(Ảnh của ông Võ-Trí-Dũng mang từ Côn-đảo về)

Ngay từ hồi tháng 5 năm 1927, cuộc vận-động tổ-chức một đảng Cách-mạng đã bắt đầu. Sau nhiều kỳ hội-nghị sơ-bộ, ngày 24-12-1927 (tức ngày lễ Thiên-Chúa Giáng-sinh) một số đại-biểu các Chi-bộ Bắc-kỳ và Bắc-Trung họp đại-hội ở Nam-đồng Thư-xã quyết định thành-lập Việt-nam Quốc-dân đảng. Nguyễn-Thái-Học được bầu làm Đảng-trưởng.

a) Mục-đích của đảng là đẩy mạnh cuộc Cách-mạng dân-tộc, xây-dựng nền Dân-chủ trực-tiếp và giúp đỡ các dân-tộc bị áp-bức.

b) Cách tổ-chức đảng.

Đảng có một tổ-chức chặt-chẽ và từ dưới lên trên có Chi-bộ, Tỉnh-bộ, Kỳ-bộ và Tổng-bộ (1).

Mỗi nhóm 19 đảng-viên họp thành Chi-bộ do một Chi-bộ-trưởng điều-khiển.Mỗi Chi-bộ cử một đại-biểu lên tỉnh họp thành Tỉnh-bộ. Nếu trong tỉnh có trên 19 chi-bộ thì sẽ họp thành Tỉnh-bộ số 2,3 v.v. Đại-biểu các Tỉnh-bộ họp thành Kỳ-bộ. Từ Chi-bộ tới Kỳ-bộ có 4 ban: Tài-chính, Tuyên-truyền, Trinh-thám, và Tổ-chức. Mỗi Kỳ-bộ cử 6 đại-biểu họp thành Tổng-bộ. Ngoài 4 ban kể tren, ở Tổng-bộ thêm 4 ban là những ban Tư-pháp, Ám-sát, Quân-sự vào Ngoại-giao.

Đảng kết-nạp đảng-viên trong mọi tầng lớp dân chúng, đặc-biệt chú ý tới quân-nhân. Chi-bộ quân-nhân họp thành một ngành riêng để khỏi lộ bí-mật. Muốn gia-nhập đảng phải được ít nhất là 2 đảng-viên giới-thiệu và phải tuyên-thệ trước bàn thờ Tổ-quốc là sẵn-sàng hy-sinh tính-mạng, tài-sản cho đảng.

Cơ-quan tuyên-truyền của Đảng là báo Hồn Cách-mạng in bằng thạch-bản, chỉ truyền tay giữa đảng-viên. Đảng tổ-chức Việt-nam Khách-sạn ở phố Hàng Bông Hà-nội kiếm lời cho quỹ và là nơi các đảng-viên tới nhận ám-hiệu.

Chương-trình hoạt-động của Đảng chia ra làm ba thời-kỳ: Thời-kỳ thứ nhất là thời-kỳ bí-mật gây cơ-sở cho đảng. Thời-kỳ thứ hai là thời-kỳ dự-bị và bán công-khai. Đảng xuất-bản báo, sách cổ-động cho Đảng, cử người ra ngoại quốc theo học các trường võ-bị, các xưởng chế-tạo vũ-khí. Thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ khởi-nghĩa.

Vì việc kết-nạp đảng-viên ồ-ạt nên một số tay sai của Sở Mật-thám Pháp lọt được vào và chúng báo-cáo mọi hoạt-động của Đảng. Sở Mật-thám theo rõi nhưng chưa ra tay vì chúng muốn nuôi béo phong-trào để quét một mẻ lớn.

c) Vụ ám-sát Bazin chủ mộ phu đi Tân-thế-giới làm đảng bị tan-vỡ.

---

(1) Theo đảng-cương năm 1928. Về sau sửa đổi lại nhiều khoản.

Đêm hôm 30 Tết năm Kỷ-tị (9-2-1929) hồi 7 giờ 30, Bazin vừa đi xe hơi tới cửa nhà thì một thanh-niên đưa cho hắn phong bì có bản án tử-hình, trong khi một bạn đồng-hành hạ-sát tên chủ mộ phu.

Sau vụ này, Sở Mật-thám Pháp ra lệnh truy-nã đảng-viên Việt-nam Quốc-dân-đảng. Hầu hết các Ủy-viên của Tổng-bộ, Kỳ-bộ, Tỉnh-bộ và Chi-bộ đều bị bắt. Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu tức Xứ-Nhu trốn thoát. Hội-đồng Đề-hình tuyên gần 100 án từ 2 năm tới 20 năm.

Tuy bị truy-nã gắt-gao, Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc Nhu vẫn lén-lút liên-lạc với các đồng-chí chưa sa vào lưới của Mật-thám Pháp. Trong thời-gian này, Pháp dùng hai chị em Thị-Uyển và Thị-Nhu lùng bắt Nguyễn-Thái-Học, nhưng hai nữ gián-điệp bị ám-sát tại Hải-phòng. Nguyễn-Thái-Học triệu-tập Hội-nghị tại một địa-điểm gần ga Lạc-đạo và quyết-định khởi-nghĩa. Để chuẩn-bị, Nguyễn-Thái-Học hạ lệnh chế-tạo bom và rèn đao kiếm. Nhưng vì công việc phải làm một cách bí-mật, về cuối năm 1929 nhiều xưởng chế-tạo bom nổ (vụ Mỹ-điền Bắc-giang) và sau đó Sở Mật-thám Pháp khám phá được nhiều hầm bí-mật chôn khí-giới ở Phúc-yên, Kiến-an. Ngày 25-12-1929, Nguyễn-Thái-Học triệu-tập một Hội-nghị quan-trọng tại làng Võng-la, tỉnh Phú-thọ Đội-Dương, một đảng-viên quan-trọng, mật báo cho Pháp và đưa người về bắt Nguyễn-Thái-Học. Nhưng nhờ có sự che chở của dân làng, tất cả những nhân-vật quan-trọng đều trốn thoát. Sau vụ phản Đảng này, Đội Dương bị ban ám-sát, kết án tử-hình và bị bắn thủng ruột. Giáo-Du, thân-sinh ra Đội Dương, cũng bị ám-sát.

d) Cuộc khởi-nghĩa ngày 10.2.1930.

Sau Hội-nghị Võng-la, Nguyễn-Thái-Học hạ lệnh khởi-nghĩa vào ngày 10-2-1930.

Chương-trình khởi-nghĩa như sau:

— Phó-Đức-Chính chỉ-huy việc đánh Yên-bái. Tại đây đảng đã kết-nạp được một số hạ-sĩ-quan trong đội lính khố đỏ như Quản Cầm, Cai Thinh, Cai Thuyết và Cai Hoàng. Sau khi chiếm

đ ược tỉnh, Nghĩa-quân sẽ đánh lên Lào-cai liên-lạc với đạo quân Hải-ngoại của Nguyễn-Thế-Nghiệp ở Vân-nam về.

— Nguyễn-Khắc-Nhu tức Xứ Nhu đánh Hưng-hóa, Phú-thọ, Sơn-tây.

— Nguyễn-Thái-Học đánh Bắc-ninh, Hải-dương

— Giáo Giản đánh Hải-phòng, Kiến-an.

— Để gây hoang-mang cho địch, ban ám-sát ném bom vào các đồn Cảnh-sát ở Hà-nội.

Gần ngày khởi-nghĩa, Nguyễn-Thái-Học ra lệnh hoãn lại tới 15-2. Nhưng vì sự liên-lạc chậm trễ, nên ở Yên-bái và Hưng-hóa cuộc khởi-nghĩa bùng nổ vào ngày giờ đã định trước.

Nửa đêm ngày 9 rạng 10 tháng 2 năm 1930, Nghĩa-quân chiếm trại lính khố đỏ, giết một số sĩ-quan Pháp (1) nhưng không hạ-sát được Trung-tá Tacon chỉ-huy-trưởng. Lấy được đồn Hạ rồi, Nghĩa-quân chiếm các công-sở và tấn công đồn Thượng nhưng không thành-công.

Sáng 10-2, quân Pháp phản-công lấy lại được trại lính khố-đỏ. Nghĩa-quân rút lui. Pháp bắt nhiều người tình-nghi và xử bắn tại chỗ.

Cùng đêm 9-2-1930, Nguyễn-Khắc-Nhu khởi-nghĩa ở Hưng-hóa chiếm phủ Lâm-thao, nhưng sáng hôm sau quân Pháp từ Phú-thọ về đánh đuổi Nghĩa-quân.

Nguyễn-Khắc-Nhu bị thương và bị bắt, trong khi quân địch giải về Hà-nội, Nguyễn-khắc-Nhu cắn lưỡi tự-tử.

Đêm 10-2-1930, Đoàn-Trần-Nghiệp chỉ-huy việc ném bom vào nhiều đồn Cảnh-sát làm quân Pháp không dám rời Hà-nội đi cứu viện các nơi.

Ngày 15-2 1930, Trần-Quang-Diệu khởi-nghĩa ở Vĩnh-bảo, bắt viên Tri-huyện Hoàng-Gia-Mô, xử-tử ngay tại chỗ và chiếm

---

(1) Như Đại Úy Jourdan, Thiếu-Úy Robert, Quản Cunéo, đội Chevalier, Sĩ-quan Damour, Bouhier bị giết. Đại-Úy Grinza, Thiếu-Úy Reul, Sĩ quan Renaudet và Roland bị thương nặng.

Huyện. Hôm sau, Pháp đem phi-cơ dội bom xuống Huyện Vĩnh-bảo. Nghĩa-quân tan rã Làng Cồ-am bị triệt-hạ.

Trong khi Trần-Quang-Diệu đánh Vĩnh-bảo thì Giáo Thê chiếm huyện Phụ-dực (Thái-bình) nhưng khi thấy Vĩnh-bảo bị Pháp chiếm lại, Nghĩa-quân rút lui.

Sau những vụ bạo-động trên, Sở Mật-thám Pháp thắt chặt lưới, họa hình Nguyễn-Thái-Học và treo giải thưởng lớn cho ai bắt được hoặc giết được Thái-Học. Ngày 20-2-1930, Nguyễn-Thái-Học và Sư Trạch bị bắt tại làng Cổ-vịt thuộc Đông-triều, Hải-dương.

Hội-đồng Đề-hình xử-tử 13 đảng-viên Việt-nam Quốc-dân đảng. Ngày 17-6, bản án được đem thi-hành. Mười ba vị liệt-sĩ lần-lượt lên máy chém, miệng hô « Việt-nam độc-lập vạn tuế ». Nguyễn-Thị-Giang cố len-lỏi trong đám đông chứng-kiến cái chết oanh-liệt của vị hôn-phu là Nguyễn-Thái-Học rồi về làng Thổ-tang tự-sát.

Sau khi Nguyễn-Thái-Học bị giết, một số đảng-viên chưa sa lưới của Pháp trốn sang Trung-hoa hoạt-động.

Phong-trào Việt-nam Quốc-dân đảng tan-rã.

5) Đảng Cộng-sản Đông-dương.

Sau chiến-tranh 1914-1918, tư-bản Pháp bỏ vốn khai-thác Việt-nam. Số công-nhân làm việc trong hầm mỏ, đồn-điền cao-su, xí-nghiệp tăng mạnh. Bị bóc-lột tàn-nhẫn, họ nổi lên tranh-đấu đòi quyền-lợi. Trong giai-đoạn từ 1924 đến 1929, giới công-nhân tranh-đấu lẻ-tẻ, từ năm 1929, đảng Cộng-sản thành-lập và lãnh-đạo cuộc tranh-đấu gây những vụ biểu-tình, đình-công đại qui-mô.

Như trên đã trình bày, sau khi Việt-nam Quốc-dân đảng bị Pháp đàn-áp thì đảng Tân-việt cũng bị truy-nã. Một số đảng-viên hăng-hái có ý định cải-tổ lại đảng. Giữa lúc đó thì Việt-nam Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí hội ở Trung-hoa do Nguyễn Ái-Quốc lập từ 1925 bị Tưởng-Giới-Thạch đàn-áp phải thiên sang Hương-cảng.

Năm 1927, Nguyễn.Ái-Quốc triệu-tập Hội-nghị ở Hương-cảng có cả đại-biểu các đảng ở trong nước sang dự. Những đại-biểu này không đồng ý-kiến nên sau khi về nước họ lập nhiều đảng chống đối nhau. Bắc-kỳ có Đông-dương Cộng-sản đảng, Nam-kỳ có An-nam Cộng-sản đảng. Ở Trung-kỳ thì tổ-chức các đoàn công-nhân, nông-dân, phụ-nữ, học-sinh v. v., và tất cả họp thành Đông-dương Cộng-sản Liên-đoàn.

Thấy sự phân-tán lực-lượng không lợi, năm 1930 Nguyễn-Ái-Quốc triệu-tập Hội-nghị thứ nhì ở Hương-cảng và thống-nhất 3 đảng Cộng-sản nói trên thành đảng Cộng-sản Việt-nam sau lấy tên cũ là đảng Cộng-sản Đông-dương. Đảng được Đệ Tam Quốc-tế công-nhận và thu-hút được nhiều đảng-viên vì hồi đó nạn kinh-tế khủng-hoảng tràn sang Việt-nam, lũng-đoạn nền kinh-tế, đưa nông-dân, công-nhân vào cảnh đói rét, lầm-than. Đảng Cộng-sản tổ-chức những vụ đình-công đại qui-mô ở Đồn-điền cao-su Phú-giềng, nhà máy sợi Nam-định, nhà máy diêm, máy cưa Bến-thủy, mỏ than Mông-dương và nhà máy Ba-son Sài-gòn (1930). Ở Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quãng-ngãi, Cao-lãnh, nông-dân biểu-tình đòi giảm thuế, có nơi dân nổi lên chiếm ruộng đất của điền-chủ và chia nhau (1931).

Chính-quyền Pháp dùng quân-đội đàn-áp các vụ biểu-tình, số người bị bắn chết lên tới vài ngàn. Lao tù chật nich chính-trị-phạm. Phong-trào bị tê-liệt.

III.— CÁC ĐẢNG CÁCH-MẠNG Ở HẢI-NGOẠI.

1) Việt-nam Quang-phục hội.

Sau khi thành-lập Duy-Tân hội ở trong nước, Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để và Phan-Bội-Châu sang Nhật cầm đầu phong-trào Đông-du. Đến năm 1903, Pháp ký thương-ước nhường cho Nhật nhiều quyền-lợi kinh-tế và buộc Nhật giải-tán nhóm sinh-viên và đoàn-thể Việt-kiều rồi bắt đem trao trả Pháp. Được tin cấp báo, Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để và Phan-Bội-Châu đưa thanh-niên qua Trung-hoa và Xiêm (nay là Thái-lan).

Năm 1912, Phan-Bội-Châu đổi Duy-Tân hội thành Việt-nam Quang-phục hội, bỏ chủ-trương Quân-chủ theo Dân-chủ.(1) Đến năm 1924, Phan-Bội-Châu lại cải-tổ Quang-phục hội làm Việt-nam Quốc-dân đảng dập theo cách tổ-chức của Quốc-dân đảng Trung-hoa. Sau khi Phan-Bội-Châu bị bắt, đảng tiếp-tục hoạt-động.

2) Tâm-tâm-xã chỉ-huy vụ ám-sát Toàn-quyền Merlin năm 1924.

Một nhóm đảng-viên trẻ tuổi của Việt-nam Quang-phục hội không tán-thành chủ-trương ôn-hòa của các vị lão-thành Cách-mạng và tách ra khỏi Hội lập một đảng chính-trị cấp-tiến lấy tên la Tâm-tâm xã. Mục-đích của tân đảng là dùng vỏ-lực lật đổ nền thống-trị của Pháp.

Năm 1924, được tin Toàn-quyền Merlin sắp sang Nhật-bản và Trung-hoa bề ngoài là để ký thương-ước với hai nước này nhưng bề trong là điều-đình để Chính-phủ Nhật và Nam-kinh trục-xuất những nhà Cách-mạng Việt-nam. Tâm-tâm xã quyết-định ám-sát Merlin và trao trọng-trách đó cho Phạm-Hồng-Thái.

Phạm-Hồng-Thái tên thật là Phạm-Thành-Tích, sinh năm 1896 tại Nghệ-an trong một gia-đình Cách-mạng. Năm 20 tuổi, Phạm-Hồng-Thái ra Bắc rồi tìm đường sang Trung-hoa gia-nhập Việt-nam Quang-phục hội rồi sau sang Tâm-tâm xã.

Nhận ám-khí, Phạm-Hồng-Thái và một đồng-chí ra Cửu-long lấy vé xuống chiếc tàu chở Merlin sang Nhật. Trong thời-gian ở trên tàu cũng như trên đất Nhật, Phạm không có dịp ra tay vì sự canh-phòng rất cẩn-mật. Sau khi điều-đình xong với chính-phủ Đông-kinh, Merlin về Đông-dương và ghé lại Quảng-châu vài bữa để đàm phán với Trung-hoa. Đêm 18-6-1924, Merlin dự

---

(1) Việt-nam Quang-phục hội đẻ ra từ đây. Chương-trình hội Quang-phục này do tôi thảo sáng ra, được toàn-thể hội-viên thừa-nhận Tôn-chỉ hội về điều thứ nhất:
— Khôi-phục Việt-nam, kiến-lập Việt-nam Cộng-hòa Dân-quốc, ấy là tôn-chỉ độc nhất của bản hội.
— Hội chức viên đặt làm 3 bộ phận:
— Tổng-vụ bộ
— Bình-nghị bộ
— Chấp-hành bộ.

bữa tiệc tại Khách-sạn Victoria ở Sa-diện trong Tô-giới ngoại-quốc.

Phạm-Hồng-Thái cải-trang là nhiếp-ảnh-viên của một tờ báo Trung-hoa, lén vào phòng ăn tiến gần bàn danh-dự. Phạm Hồng-Thái liệng một trái bom vào chỗ Merlin ngồi ăn. Bom nổ nhưng Merlin nhanh chân nằm vội xuống sàn không việc gì Phạm-Hồng-Thái bị cảnh-binh rượt bắt. Chạy tới sông Châu-giang, Phạm-Hồng-Thái lâm vào thế cùng nhảy xuống sông bị dòng nước cuốn đi. Hôm sau dân Trung-hoa vớt được thi-hài nhà Cách-mạng trẻ tuổi chôn ở ven sông. Năm 1925, các nhà Cách-mạng Trung-hoa tặng Phan-Bội-Châu một số tiền để dời mộ Phạm-Hồng-Thái cải-táng trên một hòn núi nhỏ trước gò Hoàng-Hoa-Cương nơi an-nghỉ của 72 liệt-sĩ Trung-hoa (1).



Mộ nhà chí-sĩ PHẠM-HỒNG-THÁI
trên gò Nhị-Vọng-Cương ở Quảng-Châu
(Bản kẽm của ông Hoàng-Nam-Hùng)

---

(1) Đến tháng 12 năm ấy (Giáp-tý) Trung-quốc Dân-đảng các người như Liêu-Trọng-Khải, Uông-Tinh-Vệ họ muốn kỷ-niệm Phạm liệt-sĩ để biểu-thị cảm-tình người Trung-quốc đối với đảng ta, mới đem bạc công 3000 đ. giao cho người đảng ta dời mộ Phạm liệt-sĩ cải-táng nơi một hòn núi nhỏ, ở trước Hoàng-Hoa-Cương. Hoàng-Hoa-Cương là mộ 72 liệt-sĩ, vì cách-mệnh với nhà Mãn-thanh mà đồng-thời tuẫn-quốc, bây giờ hợp tán ở chỗ này, đối-diện thì là mộ Tiên-sinh, kiến trúc hùng vĩ, có dựng bi-đình, chữ mặt bia to lớn đề rằng « Việt-nam liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái tiên-sinh chi mộ ».

Trích Tự-phán của Phan-Bội Châu

Vụ ám-sát hụt Merlin được các báo Trung-hoa đăng tải và được các báo ngoại-quốc trích dịch nên gây được một tiếng vang rất lớn.

3) Việt-nam Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí hội.

Đầu năm 1925, Nguyễn-Ái-Quốc, một tín-đồ của đảng Cộng-sản, theo phái-đoàn Liên-xô Borodine sang Quảng-châu Nguyễn-Ái-Quốc bắt liên-lạc với các sĩ-phu Cách-mạng Việt-nam và cùng đại-biểu Ấn-độ, Triều-tiên lập «Mặt-trận các nhược-tiểu dân-tộc bị áp-bức». Sau đó Nguyễn-Ái-Quốc lập Việt-nam Thanh-niên Cách-mạng Đồng-chí Hội gọi tắt là Thanh-niên hội, giấu chiêu-bài Cộng-sản dưới mặt-nạ giải-phóng Quốc-gia để dễ thu hút các sĩ-phu ái-quốc. Thanh-niên hội cho cán-bộ về nước len-lỏi vào đảng Tân-việt để gây cơ-sở.

Năm 1927, Tưởng-Giới-Thạch nhận rõ hiểm-họa của Cộng-sản, tuyệt-giao với Nga, trục-xuất phái-đoàn Borodine, giải-tán đảng Cộng-sản Trung-hoa. Nguyễn-Ái-Quốc phải chạy ra Hương-cảng.

Ngày 1-5-1929, một hội-nghị Thanh-niên Hội được triệu-tập tại Hương-cảng có đại-biểu của 3 Kỳ sang dự. Sau Hội-nghị này, các đại-biểu Việt-nam về nước hoạt-động. Năm 1930, một Hội-nghị thứ nhì được triệu-tập tại Hương-cảng để hợp nhất ba đảng Cộng-sản Việt-nam (xem phần trên về đảng Cộng-sản Đông-dương). Nguyễn-Ái-Quốc được cử giữ chức Bí-thư Đông-phương Chi-bộ Cộng-sản, phụ-trách đảng Cộng-sản Đông-dương. Năm 1931, Nguyễn-Ái-Quốc bị bắt tại Hương-cảng. Phong-trào Cộng-sản sụp đổ. Các cán-bộ nòng-cốt không bị bắt rút vào vòng bí-mật đợi ngày hoạt-động.

KẾT-LUẬN

Giữa hai trận Thế-giới chiến-tranh các nhà ái-quốc Việt-nam tiếp-tục tranh-đấu giành độc-lập dưới hình-thức lập các đảng

chính-trị hoạt-động bí-mật ở trong nước hoặc ở Hải-ngoại. Tuy thất-bại và bị đàn-áp, các chính đảng báo hiệu cao-trào tranh-đấu của toàn dân trong trận Thế-giới chiến-tranh thứ nhì để đi tới Độc-lập.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Truyền đơn phát tại Hà-nội ngày 5-12-1925.

Hỡi đồng-bào,

Hơn năm chục năm nay, nước ta đã mất hết tự-do và chúng ta chỉ còn là một bầy nô-lệ! May sao, chúng ta còn có cụ Phan-Bội-Châu là bậc Chí-sĩ đã bỏ cửa bỏ nhà vì lòng yêu nước, quyết tâm phấn-đấu với cường-quyền áp-chế để đòi lại quyền độc-lập cho non-sông. Nay cụ Phan-Bội-Châu vừa mới bị bắt và bị xử khổ-sai chung thân. Đối với cụ, ta đã phải chịu món nợ về tinh-thần, sao ta lại chịu để thi-hành cái án tàn-bạo ấy?

Quyết nhiên không! Kìa coi dân Ấn-độ. Họ không chịu để cho Cam-địa bị đày-đọa. Vậy mà cụ Phan-Bội-Châu đối với chúng ta còn có ơn đức hơn là Cam-địa đối với dân Ấn-độ. Các con cháu Rồng-Tiên chúng ta quyết không chịu ngồi nhìn cho chúng làm tội cụ Phan-Bội-Châu!

Đồng-bào! Không kể là kỹ-nghệ, thương-mại, nông-dân, giáo-viên, học-sinh, đi làm công-sở hay tư-sở, hãy đồng-tâm hợp nhau làm đơn yêu cầu Chính-phủ, họ sẽ không thể không tha nhà ái-quốc chân-chính của ta là :

PHAN-BỘI-CHÂU

Anh em! hãy hợp sức nhau lại!!!

HỘI PHỤC-VIỆT

★

Bài 2.— Đảng-cương thứ nhất của Việt-nam Quốc-dân đảng năm 1928

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Điều thứ nhất.— Tên đảng : Việt-nam Quốc-dân đảng viết tắt là V. N. Q. D. Đ.

Điều thứ hai.— Chủ-nghĩa xã-hội dân-chủ.

Mục-đích : đoàn-kết các lực-lượng cả nam lẫn nữ để :

a) Đẩy mạnh Cách-mạng dân-tộc,

b) Xây dựng nền dân-chủ trực-tiếp.

c) Giúp-đỡ các dân-tộc bị áp-bức.

Điều 3.— Đảng gồm 4 cấp bộ : Chi-bộ, Tỉnh-bộ, Kỳ-bộ, Tổng-bộ.

CHƯƠNG THỨ HAI

Điều 4.— Các đảng-viên một xóm, một làng, một tổng, một huyện, hay một thành-phố họp thành một Chi-bộ.

Điều 5.— Mỗi Chi-bộ tối-đa có 19 đảng-viên, quá con số 19 có thể lập thêm một hay nhiều Chi-bộ nữa.

Điều 6.— Chi-bộ thực-hành đứng-đắn những chỉ-thị của Tỉnh-bộ. Chi-bộ kết-nạp đảng-viên mới phải đưa Tỉnh-bộ thông-qua.

Chi-bộ mỗi tháng họp một lần. Tất cả các đảng-viên đều bắt buộc phải dự buổi họp, nếu không tới dự được thì phải báo trước.

Các quyết-nghị đều lấy theo đa-số tuyệt-đối, bí-thư Chi-bộ được quyền bỏ 2 phiếu.

Ban Trị-sự Chi-bộ có quyền triệu-tập họp bất-thường khi đa-số đảng-viên của Chi-bộ yêu-cầu.

Điều 7.— Chi-bộ bầu bằng phiếu kín bốn trị-sự viên để phụ-trách các công việc : tuyên-truyền, trinh-thám, tài-chính, kinh-tế. Bốn ủy-viên đó họp thành ban Trị-sự của Chi-bộ. Các đảng-viên khác thì tùy theo năng-lực phân-phối vào công-tác trên.

. . . . . .

CHƯƠNG THỨ BA

Điều 11.— Các đại-biểu của các Chi-bộ trong tỉnh họp thành Tỉnh-Bộ.

Điều 12.— Tỉnh-bộ nào có trên 19 Chi-bộ thì có thể lập thành 2 hay nhiều Tỉnh-bộ mang số thứ-tự khác nhau. Thí dụ : Thành-bộ Hà-nội số 1, Thành-bộ Hà-nội số 2, 3...

Điều 12.— Tỉnh-bộ bầu bằng phiếu kín lấy một đại-biểu của Tỉnh, một Tỉnh-bộ Trưởng và 4 ủy-viên phụ-trách tuyên-truyền, trinh-thám và thanh-tra, tài - chính, kinh - tế. Tất cả 6 người đó họp - thành ban Chấp-hành Tỉnh-bộ.

Các đại-biểu khác tùy theo khả-năng phân-phối vào 4 ban trên.

. . . . . .

CHƯƠNG THỨ TƯ

Điều 18.— Các đại-biểu của Tỉnh-bộ họp thành Kỳ-bộ.

Điều 20. – Kỳ-bộ ba tháng họp một lần. Những đại-biểu được triệu-tập và thảo-luận như các trị-sự viên của Chi-bộ như đã nói ở trên.

Điều 21.— Kỳ-bộ bầu bằng phiếu kín lấy 6 đại-biểu lên Tổng-bộ và Chủ-nhiệm Kỳ-bộ cùng 4 ủy-viên phụ-trách tuyên-truyền, trinh sát, tài-chính, kinh-tế, tất cả họp thành ban Chấp-hành Kỳ-bộ. Các đại-biểu khác đều phân-phối tùy theo khả-năng vào bốn công-tác trên.

. . . . . .

CHƯƠNG THỨ NĂM

Điều 24.— Tổng-bộ gồm ba ban :

a) Ban Lập-pháp và Giám-sát.

b) Ban Hành-chính.

c) Ban Tối cao.

Điều 25.— Các đại-biểu của ba Kỳ họp thành ban Lập-pháp và Giám-sát.

Điều 26.— Ban này 6 tháng họp một lần. Các đại-biểu được triệu tập và thảo-luận như các trị-sự viên của Chi-bộ nói ở trên.

Điều 27.— Ban Lập-pháp bầu bằng phiếu kín lên ban Chấp-hành của ban gồm:

Chủ-tịch, phó chủ-tịch và 7 ủy-viên tuyên-truyền và huấn-luyện, tài chính, kinh-tế, quân-sự, tư-pháp, trinh-sát, ngoại-giao.

. . . . . .

Điều 31.— Ủy-viên ban Hành-chính đều tuyển trong các ủy-viên trong Đảng có đủ tài-năng và ảnh-hưởng để đưa mọi công việc của Đảng đến thành công.

. . . . . .

Điều 34.— Ban Hành-chính bầu bằng phiếu kín lên ban Chấp-hành của nó gồm:

Chủ-tịch.

Phó chủ-tịch kiêm Tổng thơ ký.

Chín ủy-viên phụ-trách : giao-thông và thanh-tra, tuyên-huấn, tài chính, kinh-tế, quân-sự, tư-pháp, trinh-thám, ám-sát, và ngoại-giao. Các đại-biểu khác thì phân-phối tùy theo khả-năng vào các công-tác trên.

. . . . . .

CHƯƠNG THỨ SÁU.

Điều 41.— Muốn được kết-nạp vào Đảng phải :

a) Là người Việt-nam không phân-biệt nam nữ, tôn-giáo, nghề-nghiệp.

b) Tin-tưởng vào chủ-nghĩa của Đảng và tuân theo chỉ-thị của Đảng.

c) Sẵn sàng hy-sinh địa-vị, tài-sản, tính mệnh, đời sống cho Đảng.

d) Được một hay nhiều đảng-viên giới-thiệu và tuyên-thệ trong Hội-nghị hoặc trước ban Chấp-hành Chi-bộ lời thề sau đây (không được bỏ sót chữ nào).

« Trước mặt giang-san Tổ-quốc, trước các đồng-chí có mặt ở đây, tôi. . . . . tuổi được kết-nạp vào Đảng, tôi lấy danh-dự mà thề làm tròn nhiệm-vụ một đảng-viên, chấp-hành nghiêm-chỉnh chỉ-thị của Đảng, tuyệt-đối giữ bí-mật công việc của Đảng, hy-sinh tính-mạng, tài-sản địa-vị cho Đảng, nếu sai lời thề xin chịu tội trước Đảng ».

Điều 42.— Các đảng-viên đều phải :

a) Cung-cấp chi-tiêu cho Đảng,

b) Tự rèn luyện về tinh-thần, đạo-đức và thân-thể,

c) Hợp lực vào việc đào-tạo đồng-chí để lập Chi-bộ mới.

Điều 43.— Đảng-viên nào mắc một hay nhiều lỗi nặng hay nhẹ sau đây :

a) Phản-bội,

b) Biển-thủ quỹ đảng.

c) Tiết-lộ công việc của đảng.

d) Bỏ Đảng đi gia-nhập Đảng khác.

e) Chống lại Đảng,

f) Làm hại đến danh-dự của các cán-bộ Đảng hay các đảng-chí.

g) Ba tháng không nộp sinh-hoạt phí cho Đảng, thì tùy theo lỗi

nặng nhẹ: Bắt buộc phải nhận lỗi trước Hội-nghị, Chi-bộ, trục-xuất, tước bỏ chức-vụ cho đến bị tử-hình. Lỗi nhẹ do Chi-bộ xét, lỗi nặng do Tổng-bộ xét.

. . . . . .

Trích đảng-cương thứ nhất (năm 1928)
Việt-nam Quốc dân đảng.

* * *

Bài 3.— Mười ba liệt-sĩ Việt-nam lên đài vinh-dự.

Nguyễn-Thái-Học bị giam hơn ba tháng trời. Chiều ngày 16 tháng 6, anh và các đồng-chí trong số án chém, tất cả 13 người bị giải đi Yên-báy. Từ trong buồng kín bước ra qua trại giam ngoài, anh chào anh em nghỉ lại.

Anh vừa đi vừa nói :

— Chúng tôi chắc đi chết đây ; các anh sống lại, cứ công nào việc ấy nhé. Cờ độc-lập phải nhuộm bằng máu, hoa tự-do phải tưới bằng máu. Tổ-quốc còn cần đến sự hy-sinh của con dân nhiều nữa nhiều nữa. Rồi thế nào Cách-mệnh cũng có ngày thành-công.

Anh em chào tiễn các anh. Và buổi sáng hôm sau suốt cả Hỏa-lò, thường-phạm cũng như quốc-sự phạm đều bỏ cơm không ăn, để tỏ tình liên-lạc. Anh và 12 đồng-chí với đội lính khố-xanh, đi chuyến tàu đêm lên Yên-báy. Theo sau là bọn mật-thám cùng hai người Cố-đạo. Trên tàu, các anh vẫn cùng nhau nói chuyện phiếm.

Anh Chính cười :

— Đến Yên-báy, chúng ta sẽ được đón tiếp long-trọng lắm ! Thế nào bốn anh Thinh, Hoàng, Thuần, Thuyết, chẳng đứng chực sẵn chúng ta ở sân ga. (Bốn anh này đã bị chúng giết ở Yên-báy cũng một ngày trước các anh).

Anh Học thì cãi lý với cố Ân :

— Việc gì chúng tôi phải ăn-năn? Chúng tôi chỉ là kẻ thất-bại, chứ đâu là phải kẻ có tội ! Rồi anh đọc mấy câu thơ tiếng Pháp, dịch nghĩa là :

« Cái chết vì Tổ-quốc,
« Cái chết vinh-quang !
« Lòng ta sung-sướng !
« Trí ta nhẹ-nhàng !... »

Khi đến Yên-báy, chúng giam các anh vào nhà pha. Rồi bắt đầu từ 5 giờ rưỡi sáng hôm 17 tháng sáu, các anh đã lần-lượt bước lên đài vinh-dự.

Đó là một khoảng đất ở gần trại khố-xanh, chung quanh có lính ta, lính Lê-dương vác súng đứng vòng tròn. Các anh từng người một, do lính Lê-dương dẫn từ trong ngục-thất Yên-báy bước ra. Trước khi ra, chúng đưa rượu cho anh uống. Nhưng Anh từ chối, chỉ đòi hút thuốc lào. Người chết trước nhất là Nguyễn-Như-Liên, đến người thứ mười một là Nguyễn-văn-Chuân, chỉ hô được hai tiếng « Việt-nam... » thì tên lính lê-dương đứng cạnh đã bịt mồm không hô ra tiếng nữa ! Anh Phó-Đức-Chính thứ mười hai, đòi đặt anh nằm ngửa để xem lưỡi máy chém nó xuống như thế nào ! Anh hô được đủ bốn tiếng « Việt-nam vạn-tuế » Anh Học lên cuối cùng, tỏ ra vẻ cực-kỳ bình-thản : Anh mỉm miệng cười, đưa mắt nhìn công-chúng, nhìn quân lính, nhìn máy chém, rồi cất giọng đĩnh-đạc, trầm-hùng mà hô thật lớn bốn tiếng « Việt-nam vạn-tuế !... » Nhưng không biết trong khi nhìn quanh ấy, tia mắt anh có gặp tia mắt một người... không ?

Trích cuộn Nguyễn-Thái-Học
của NHƯỢNG-TỐNG

*
* *

Bài 4.— Thư gửi ông Toàn-quyền Đông-dương.

Yên-báy, ngày... tháng 3 năm 1930.

Gửi ông Toàn-quyền Đông-dương ở Hà-nội.

Ông Toàn-quyền,

Tôi Nguyễn-Thái-Học ký tên dưới đây, chủ-tịch đảng cách-mệnh Việt-nam Quốc-dân Đảng, hiện bị giam ở ngục Yên-báy, trân-trọng nói ông rõ rằng :

Hoặc trực-tiếp, hoặc gián-tiếp, tôi thực có trách-nhiệm về tất cả mọi chính-biến phát-sinh ở trong nước do Đảng tôi chỉ-huy từ năm 1927 tới nay, vì tôi là chủ-tịch của Đảng, và là người sáng-lập nữa. Vậy xin ông giết một mình tôi, chứ đừng giết các người đảng-viên hay gọi là đảng-viên, hiện bị giam ở các ngục, bởi vì người ta vô tội ! Người ta vô tội vì trong số đó thì một phần là các đảng-viên, nhưng họ vào đảng là vì tôi khuyến-khích họ, cho họ biết thế nào là nghĩa-vụ một

người dân đối với Quốc-gia, thế nào là những nỗi khổ nhục của một tên dân mất nước, còn ngoài ra thì là những người bị vu-cáo bởi bọn thù-hằn bởi lũ mật-thám, bởi những bạn-bè bán mình cho Chính-phủ Đông-dương. Tôi nhắc lại một lần nữa để ông biết rằng chỉ cần giết một mình tôi, vì tôi mới chính là thủ phạm. Mà nếu còn chưa đủ hả, thì xin tru-di cả nhà tôi, nhưng tôi đem nước mắt mà xin ông tha cho những người khác! Sau nữa tôi mong ông nghĩ đến danh-dự nước Pháp, đến công-lý, đến nhân-đạo mà thôi, đừng ra lệnh ném bom hay đốt phá những làng vô tội như ông vừa mới làm! Đó là một lệnh giết người. Những đồng-bào của tôi sẽ vì thế mà chết đói, chết rét lấy vạn mà kể!

Sau cùng kết luận bức thư, tôi nói cho ông biết rằng: Nếu người Pháp muốn ở yên ở Đông-dương mà không phải khốn-đốn vì phong-trào cách-mệnh thì:

1) Phải thay đổi cái chương-trình chính-trị hung-tàn và vô-đạo hiện-hành ở Đông-dương.

2) Phải cư-xử cho ra vẻ người bạn của dân Việt-nam, chứ đừng có lên bộ ông chủ bạo-ngược và áp-chế.

3) Phải để lòng giúp đỡ những nơi đau khổ về tinh-thần, về vật-chất của người Việt-nam, bằng cách trả lại các nhân-quyền, như tự-do du-lịch, tự-do học hành, tự-do hội hợp, tự-do ngôn-luận, đừng có dong-túng bọn tham-quan, ô-lại, và những phong-tục hủ-bại ở các hương-thôn, mở-mang nền công thương bản xứ, cho nhân-dân được học-tập những môn cần-thiết.

Ông Toàn-quyền, hãy nhận lấy tấm lòng tôi tôn-kính và cảm kích, với sự nhiệt-liệt tạ ơn.

Kẻ thù của ông,

Nhà Cách-mệnh Nguyễn-Thái-Học

Trích cuốn Nguyễn-Thái-Học
của Nhượng Tống

☆

Bài 5.— Tiếng bom Sa-điện

Bữa tiệc được tổ-chức tại Khách-sạn « Victoria ». Nó là một Khách-sạn lớn vào bực nhứt ở Quảng-châu do tư-nhân người Anh làm chủ.

Trên con đường từ khách-sạn trở ra Tây-hào-khẩu, nhà cầm quyền

Anh, Pháp đã tung ra nhiều đội tuần-phòng đặc-biệt để tra xét canh gác theo dõi mọi người khả-nghi.

Quan khách được mời phần đông do đường này mà tới khách-sạn. Mỗi chiếc xe hơi hay xe song-mã của khách dự tiệc chạy qua đều bị chặn lại xét giấy tờ. Có giấy mời mới được vào bằng không phải quay lại.

Tại thành-phố Quảng-châu, ban do-thám, gián-điệp, tay sai của thực-dân ráo-riết làm việc, không một khả-nghi nào bỏ qua.

Biết rằng đế-quốc thực-dân dùng đủ biện-pháp để giữ thể-diện, các chiến-sĩ cách-mạng « Tâm-tâm Xã » vẫn ngang-nhiên hoạt-động. Nhờ bôn-ba hải-ngoại lâu ngày, lại tinh-thông Hán-học, nói tiếng Quảng-châu rất thạo, cách ăn mặc giống đặc người Trung-hoa, nên họ dễ len-lỏi hoạt-động khiến đám tay sai thực-dân khó mà biết đặng.

Khi bóng tối vừa rủ xuống, Phạm-Hồng-Thái đã có đủ cả y-phục, giấy tờ để cải-trang làm một nhà báo Trung-hoa, vai mang máy ảnh, ăn vận thật sang. Quả bom thì đã giấu trong máy ảnh, còn khẩu súng lục của « Hư-Vọ Đảng » riêng tặng để phòng thân thì bó vào ống chân tránh sự tra xét.

Sắm sửa đâu đó xong xuôi, Phạm-Hồng-Thái dượt lại trước mặt các đồng-chí nhiều lần rồi mới ra đi.

Merlin đến khách-sạn từ 8 giờ kém 15, cùng đi với y có Yves Châtel, Jeandreaux và viên lãnh-sự Pháp. Khi đọc diễn-văn xong, y ngồi xuống cười nói với Lãnh-sự Anh xem có vẻ thích-chí lắm.

Vừa lúc ấy Phạm-Hồng-Thái lọt vào khách-sạn.

Thái đến trễ hơn 15 phút vì bị sự ngăn-cản tra-xét ở dọc đường. Vả lại, thà đến trễ một chút không ai để ý, chớ đến sớm Thái sợ có người nhìn ra mặt thì hại vô cùng.

Phạm-Hồng-Thái lọt vào khách-sạn không ai biết và cũng không ai ngờ.

Từ đám quan khách đang vui với rượu nồng đến lính canh gác bên ngoài thản-nhiên không hay có người mang bom vào khách-sạn.

Lọt vào khách-sạn rồi, Phạm Hồng-Thái không để mất một phút, chàng tiến lại bàn tiệc đưa máy ảnh lên ngắm, kỳ thật để tìm mặt Merlin, vài chánh-khách đưa mặt nhìn không nghi-kỵ, đinh-ninh Thái là phóng-viên nhà báo.

Chưa lần nào Phạm-Hồng-Thái được gần Merlin nhận rõ mặt mày của y. Những lần ở trên tàu từ Hương-cảng sang Đông-kinh, Thái chỉ đứng xa nhìn tới hay nhìn ảnh đăng trên báo, nên khó nhận được Merlin trong bữa tiệc đông người.

Chính vì thế mà Thái nhận lầm một người khác.

Cứ tưởng người đó là viên Toàn-quyền hung-ác, tức thì Phạm-Hồng-Thái bấm mạnh vào nút bom lia thật nhanh đến chỗ người kia ngồi rồi quay lưng bỏ chạy.

Một tiếng nổ kinh hồn làm rung chuyển khách-sạn « Victoria » và những ngôi nhà gần đó khiến cho thực-dân kinh-khủng rụng-rời.

Trong khách-sạn tán loạn, mạnh ai nấy chạy trốn.

Cả khách-sạn vụt tối đen vì giây điện đứt. Bầu không-khí bao trùm cả sự hãi-hùng kinh-khủng.

Quả là một sự hỗn-độn chưa từng thấy.

Hồi nẫy quang cảnh vui-vẻ, tưng-bừng bao nhiêu thì bây giờ ghê-rợn kinh-sợ bấy nhiêu. Đây là một vố chua cay đánh vào đầu thực-dân vậy.

Trước hết quả bom trúng cái bàn đầy chai cốc văng vào Louis Cordeaux. Sau tiếng nổ Cordeaux ngã ra chết tốt.

Đồng-thời, bốn người khác ngồi gần cũng bị giết chết ngay tức khắc. Trong số đó có một vũ-nữ Thượng-hải, một quan khách Trung-hoa và hai người ngoại-quốc. Ngoài ra còn có mười người khác bị thương.

Tại sao Merlin thoát chết ?

Như trên đã nói, một phần do sự ngộ-nhận của Phạm-Hồng-Thái, phần khác ngay lúc quả bom vừa ném tới Merlin và đám tùy tùng ngồi gần đó thì Jeandreaux, viên Giám-đốc chánh-trị và Sở Liêm-phóng Đông-dương, lanh mắt thấy nguy liền xô ghế nhào xuống gạch và la lớn : « À terre ! ».

Đang ngồi khuất sau bình hoa, chợt nghe tiếng kêu hoảng-hốt của Jeandreaux, Toàn-Quyền Merlin cả kinh xô ghế đứng dậy chạy trốn.

Một mảnh bom bay đến trúng vào Merlin làm toạc một miếng da đầu chớ không chết. Y trốn vào một bức tường cho tới khi trật-tự vãn-hồi.

Ánh sáng vừa rọi vào gian chính của khách-sạn, một quang-cảnh hỗn-độn, bừa-bãi diễn ra trước mắt. Nhiều xác người gục xuống, cái mất đầu, cái cụt tay, ruột gan văng tứ tung hòa với máu lẫn-lộn trong đám chai cốc bể ngổn-ngang,

Lính tuần-cảnh vừa lo dọn-dẹp, chở người chết vào nhà xác, cứu chữa kẻ bị thương.

Thấy ánh đèn vừa lóe lên, đội tuần-cảnh ập vào, Jeandreaux liền kêu lên cầu-cứu, lính đến đỡ y dậy rồi lùng kiếm Merlin và Yves Châtel đang núp sau vách tường, áo quần xốc-xếch, mặt mày hãy còn đầy vẻ kinh-sợ. Nhứt là Merlin với vết thương trên đầu, làm máu chảy xuống cái áo trắng tinh.

Lính tuần-cảnh lập tức đưa y và các bạn y ra xe thẳng về Lãnh-sự quán rồi gọi bác-sĩ đến băng bó.

Trích cuốn Phạm-Hồng-Thái
của TÔ-NGUYỆT-ĐÍNH

CHƯƠNG IV

XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP - THUỘC

XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP-THUỘC

Từ thời cổ, Việt-nam theo chính-thể Quân-chủ, trên có vua, dưới là dân chia ra làm 4 giới Sĩ, Nông, Công, Thương. Hai tôn-giáo chính là đạo Phật và sự thờ cúng tổ-tiên. Những nguyên-tắc căn-bản của Khổng-giáo như Tam-cương, Ngũ-thường được mọi người tôn-trọng và là nền tảng của xã-hội.

Sau khi đặt nền đô-hộ trên toàn lãnh-thổ Việt-nam, Pháp tìm cách phổ-biến những tư-tưởng mới, học-thuyết mới, ngõ hầu phá hủy cơ-cấu cũ. Chính-sách kinh-tế của Pháp làm xuất-hiện giới trưởng-giả và giới cần-lao, khơi sâu sự chênh-lệch giữa người giàu và người nghèo.

I.— TRIỀU-ĐÌNH HUẾ VẪN TỒN-TẠI NHƯNG UY-TÍN NGÀY THÊM SUY-SỤP.

Việt-nam ở xa Pháp-quốc, khí-hậu nhiệt-đới không thích-hợp với người Âu nên bị coi như một thuộc-địa khai-thác. Mục-đích chính của Pháp là biến nước ta thành một thị-trường cung-cấp nguyên-liệu và tiêu-thụ hàng-hóa của chính-quốc. Để dễ thực-hiện mục-tiêu trên, Pháp dùng bộ máy hành-chính cũ để khỏi mất công thay đổi và khỏi làm xao-xuyến nhân-tâm.

Hòa-ước 1883 và 1884 đã quy-định rõ mối bang-giao Việt Pháp. Theo hai hòa-ước này thì Pháp không có quyền can-thiệp vào nội-trị của Việt-nam, nhưng đại-diện Pháp luôn luôn tìm cách lấn quyền Triều-đình Huế biến vua quan thành bù-nhìn để sai khiến.

Sau cuộc binh-biến đêm 4-7.1885, vua Hàm-Nghi bỏ ngai vàng ra Ấu-sơn lãnh-đạo cuộc kháng-chiến. Hịch Cần-vương được đa-số sĩ-phu nhiệt-liệt hưởng-ứng và từ Bình-thuận ra tới Bắc-hà không mấy tỉnh là yên-ổn làm Pháp phải đem quân đánh dẹp trong mấy chục năm trời.

Nhận rõ ảnh-hưởng của Triều-đình Huế đối với dân-chúng, Pháp bèn tìm cách tước dần quyền hạn nhà vua, giảm uy-tín Nam-triều.

Trước hết Pháp tách Bắc-kỳ ra khỏi Triều-đình Huế, rồi họ giảm dần quyền của vua ngay trên giải đất Trung-kỳ. Sau đạo Dụ năm 1925, Bảo-Đại không còn chút thực-quyền nào. Mang danh là vua một nước mà Bảo-Đại không có quyền bổ-nhiệm hoặc cách-chức một viên quan nhỏ, chỉ còn giữ việc tế-tự và phong chức cho bách-thần (xem lại bài Pháp vi-phạm hòa-ước 1884).

Trong nước mọi việc lớn nhỏ đều do người Pháp định-đoạt. Viên Toàn-quyền là chúa-tể, nắm mọi quyền-hành. Pháp còn khôn khéo chia ra hai nền hành-chính. Làm được điều hay thì họ nhận là công của « Chính-phủ Bảo-hộ » còn những việc làm dân-chúng bất-mãn thì họ gán cho Nam-triều. Nhà cầm-quyền Pháp nhắm mắt để quan tham tại những hà-hiếp, bóc-lột dân lành làm uy-tín Triều-đình ngày thêm suy-sụp.

Tuy vua chỉ còn hư-vị, Pháp vẫn chưa yên-tâm. Họ đem tay sai đắc-lực đặt vào những chức quan-trọng ở kinh-đô, luôn luôn theo sát vua làm tai mắt cho họ và làm bức trường thành chia rẽ Hoàng-gia và dân-chúng.

Trước chính-sách thực-dân này, những vị vua yêu nước, thương dân không chịu đóng vai bù-nhìn thì bị truất-phế, đày ông vua chỉ nghĩ tới tư-lợi, nước mất mặc nước, dân khổ kệ dân thì được Pháp để yên và ngự trên ngai vàng lâu năm.

II.— GIỚI TRÍ-THỨC :

Sau khi đặt chân lên đất Việt-nam, Pháp nhận rõ ảnh-hưởng của phái trí-thức đối với dân-chúng nên tìm cách mua chuộc làm tay sai đắc-lực, nhưng âm-mưu này không hoàn-toàn thành-công. Trong giới trí-thức cũ cũng như trí-thức mới vẫn có người chống lại thực-dân.

1) Giới cựu trí-thức chia ra làm ba nhóm :

a) Nhóm sĩ-phu chống Pháp.

Trước cảnh đất nước bị ngoại-nhân dày-xéo, đa-số sĩ-phu hưởng-ứng hịch Cần-vương, trả ấn triều-đình, chiêu-tập binh-mã nổi lên đánh đuổi quân xâm-lăng. Phong-trào Cần-vương Văn-thân, Đông-du, Đông-kinh Nghĩa-thục đều do các sĩ-phu lãnh-đạo và gây nhiều khó khăn cho Pháp (Phan-Đình-Phùng, Nguyễn-Thiện-Thuật, Phan-Chu-Trinh, Nguyễn-Thượng-Hiền v.v...)

b) Nhóm sĩ-phu thỏa-hiệp.

Một thiểu-số nhà Nho để tư-lợi trên Tổ-quốc, cộng-tác với quân thù, theo đoàn quân viễn-chinh Pháp đàn-áp các nhà ái-quốc đương hy-sinh tính-mạng tài-sản tranh-đấu cho sự sống còn của dân-tộc. Trần-Bá-Lộc (Nam-kỳ), Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khải (Trung-kỳ), Lê-Hoan (Bắc-kỳ) đã tỏ ra tàn-ác hơn cả ngoại-nhân trong công việc mà họ gọi là « tiễu-trừ phiến-loạn ».

Nhóm sĩ-phu thỏa-hiệp này được Pháp đặc-biệt ưu-đãi. Họ giữ những chức-vụ quan-trọng, hưởng lương cao, bổng hậu. Họ được Pháp ban cho ruộng đất và dựa vào thế-lực ngoại-nhân họ tha hồ bóc-lột dân lành làm giàu trên xương máu đồng-bào.

c) Nhóm sĩ-phu ẩn-dật.

Sau khi lên ngôi, vua Đồng-Khánh thành-thực đi với người Pháp, lên án sĩ-phu đương hy-sinh tính-mạng chống ngoại-xâm và nhà vua ca-tụng công ơn « chính-phủ Bảo-hộ ». Phần thấy lực-lượng quân-sự của Pháp rất mạnh, phần thấy Triều-đình cộng-

tác với Pháp, nhiều nhà nho không còn ý chống Pháp nữa. Họ dự các kỳ thi và sau khi trúng tuyển ra làm quan. Một vài người có tiết-tháo, sau khi nhận rõ cái « hư-vị » của Triều-đình Huế hoặc treo ấn từ quan hoặc cáo bệnh về sống ẩn-dật, bạn cùng cây cỏ, ngày ngày uống rượu ngâm thơ cho quên cái buồn mất nước. Nguyễn-Đình-Chiểu, Tam-nguyên Yên-Đổ tiêu-biểu cho đám sĩ-phu ẩn-dật này.

Một số sĩ-phu khác sau khi thi đỗ ra làm quan với thiện-chí che-chở đám dân lành khỏi bị đè-nén, bóc-lột. Không đủ can-đảm khởi-nghĩa, không có điều-kiện lui về sống ẩn-dật ở quê nhà, nhóm quan-lại này không chịu làm theo ý muốn của người Pháp, không tìm cách bóp nặn dân.

Tóm lại trong số sĩ-phu cựu-học chỉ một thiểu-số thành-thực cộng-tác với quân xâm-lăng, hại dân hại nước, còn đa-số thì hoặc công-khai, hoặc ngấm-ngầm chống Pháp.

2) Giới tân trí-thức chịu ảnh-hưởng của nền giáo-dục mới nhưng một thiểu-số cũng chống Pháp.

Sau khi củng-cố xong nền đô-hộ, Pháp muốn có một thế-hệ quan-liêu mới dễ sai khiến hơn nên bỏ Hán-học, mở trường Pháp-Việt đem cái văn-minh vật-chất thay thế cho lý-tưởng Khổng-học. Mục-đích của Pháp là đào-tạo một thế-hệ trí-thức vong-bản chỉ biết phụng-sự kim-tiền chạy theo khoái-lạc vật-chất. Pháp nhắm mắt cho quan-lại tha hồ hà-hiếp, bóp nặn dân-chúng làm giàu bằng mồ-hôi, nước mắt của đồng-bào.

Tuy có nhiệm-vụ cai-trị một tỉnh, một phủ, hoặc một huyện, các quan Tổng-đốc, Tuần-phủ, Tri-huyện phải làm theo ý muốn của quan thầy. Từ việc lớn đến việc nhỏ đều phải trình viên công-sứ đầu tỉnh. Chỉ những người khéo luồn-lọt biết bợ-đỡ, mới thăng trật nhanh chóng, mới được bổ đi những tỉnh « bở xôi ruộng mật ». Với số lương chỉ đủ nuôi gia-đình, nhiều ông quan sau vài năm làm việc có tiền cho con du-học bên Pháp, tậu nhà ở tỉnh, tậu đồn-điền, ruộng ấp ở thôn quê. Họ sống

một đời trưởng-giả, cách-biệt hẳn đám dân mà họ có bổn-phận chăn dắt.

Bên cạnh đám quan-lại thối-nát đó là một số công-chức cao cấp do các trường Pháp đào-tạo ra. Nhiều người hãnh-diện không nói sõi tiếng mẹ đẻ, cố chạy chọt vào Pháp-tịch để được hưởng quyền-lợi như người Pháp. Những ông « Tây Việt-nam » này nhiều khi lại tàn-ác hơn « Tây chính-cống ».

Tuy nhiên trong số những nhà trí-thức tân-học cũng có người thâu-thái được cái tinh-túy của nền văn-minh Tây-phương đồng-thời vẫn giữ vững căn-bản của nền Khổng-học. Bên cạnh đám quan tham lại những có những vị biết coi thường danh-lợi không để bả vinh-hoa phú-quý làm mờ ám lương-tâm. Việc quan Lại-bộ Thượng-thư Ngô-Đình-Diệm trả ấo, mũ Triều-đình, không chịu làm tay sai cho Pháp đã cứu-vãn được phần nào thanh-danh của giới quan-lại mới. Một số nhà trí-thức đã từng sống lâu năm ở bên Pháp, hoặc do các trường Pháp ở Việt-nam đào-tạo ra cũng cảm thấy cái nhục mất nước, cũng đau lòng vì những điều trông thấy hàng ngày nên đã can-đảm viết báo công-kích chế-độ thực-dân, lập đảng bí-mật lật-đổ nền thống-trị của Pháp.

Tóm lại trong giới trí-thức tân-học, một thiểu-số biết để quyền-lợi dân-tộc lên trên hết và đã thay-thế các vị sĩ-phu Nho-học lãnh-đạo cuộc cách-mạng giải-phóng dân-tộc.

III.— GIỚI TRƯỞNG-GIẢ :

Giới trưởng-giả xuất-hiện sau khi Pháp đặt nền đô-hộ trên lãnh-thổ Việt-nam. Giới này chia ra làm hai nhóm :

1) Người Pháp coi nước ta như một thuộc-địa khai-thác, nhưng bề ngoài họ vẫn nêu chiêu-bài « đem bó đuốc văn-minh khai-hóa cho dân Việt-nam ». Muốn che mắt thế-giới, Pháp phải để một số nhỏ người Việt tham-gia vào công cuộc khai-khẩn đất nước về phương-diện kinh-tế. Nhờ tài kinh-doanh, nhờ chí kiên-nhẫn, tuy không được chính-quyền Pháp thành-thực giúp-đỡ, một vài người đã thành-công rực-rỡ và trở nên đại-phú như Bạch-Thái-Bưởi, Nguyễn-Hữu-Thu trong ngành chuyên-chở bằng tàu

thuỷ, Trương-Văn-Bền, Lê-Quảng-Long trong ngành kỹ-nghệ chế-tạo xà-phòng và kỹ-nghệ dệt. Thấy công việc của những người này cạnh-tranh với tư-bản Pháp, Phủ Toàn-quyền Đông-dương ngầm phá và nhiều người đi dần đến chỗ thất-bại. Một vài người khôn ngoan biết cộng-tác với tư-bản Pháp, chịu chia cho họ số lời lớn nên đứng vững được. Bên cạnh vai kỹ-nghệ gia là nhóm đại điền-chủ. Họ có những thửa ruộng mênh-mông, thẳng cánh cò bay, quanh năm sống trên tỉnh, thỉnh-thoảng về làng thu địa-tô. Đa-số bóc-lột tá-điền, cho vay nặng lãi và dựa vào thế-lực của người Pháp chiếm dần ruộng đất của dân ở quanh vùng. Số đại điền-chủ nay ở Nam-kỳ nhiều hơn ở Bắc và Trung. Vì quyền-lợi của họ gắn chặt vào sự vững-bền của nền thống-trị Pháp nên đa-số tỏ ra rất trung-thành với chính-phủ Bảo-hộ. Nhiều người khong ngại tốn kém cố chạy chọt vào Pháp-tịch, lấy tên Pháp và sống như người Pháp.

Tóm lại đa-số đại điền-chủ, đại kỹ-nghệ gia cấu-kết với thực-dân, thỉnh-thoảng mới có người biết nghĩ đến quyền-lợi của đất nước.

2) Giới trung-lưu.

Thành phần của giới trung-lưu rất phức-tạp và gồm có :

a) Công, tư-chức : Công-chức làm việc cho chính-phủ Bảo-hộ và tư-chức tòng-sự tại các xí-nghiệp, nhà buôn làm việc vất-vả và cuối tháng lĩnh một số lương đủ nuôi sống gia-đình. Họ chỉ là kẻ thừa-hành đặt dưới quyền điều-khiển của những viên xếp (chef) người Âu. Dù thông-thạo công việc, dù thừa năng-lực, họ đóng vai phụ-thuộc không bao giờ nhảy lên địa-vị chỉ-huy cả. Người nào khéo dành-dụm thì sau một đời tận-tụy, may lắm dủ tiền tậu ngôi nhà nhỏ ở tỉnh, vài mẫu ruộng ở thôn-quê.

Làm việc nhiều, lương - bổng ít lại còn bị người Pháp đè-nén khinh-miệt nên đa-số công, tư-chức bất-mãn. Nhiều người gia-nhập các đảng cách-mạng và lãnh-đạo cuộc chiến-đấu giành độc-lập.

b) Các nhà trung-nông, tiểu-thương, tiểu-công-nghệ :

Nhóm này cũng đông và cũng bất-mãn với chính-quyền Pháp. Những nhà trung-nông có một vài mẫu ruộng phải nai lưng làm việc từ đầu năm tới cuối, hai sương một nắng may ra mới đủ ăn. Năm nào hạn-hán hay lụt-lội thì số thu-hoạch không đủ nộp thuế phải vay nặng lãi, nhiều khi mất cả ruộng phải bỏ làng ra tỉnh kiếm việc hoặc lĩnh canh ruộng đất của phú-hào sống qua ngày.

Tiểu-thương, tiểu-công-nghệ bị tư-bản Pháp và Hoa-kiều chi-phối. Chỉ những hãng Âu lớn mới đủ thế-lực, đủ vốn xuất-nhập-cảng. Thương-gia Việt-nam đóng vai mua buôn (mua sĩ) hàng mang về bán lẻ kiếm lời nuôi gia-đình. Những tiểu-công-nghệ bị bóc-lột vì thiếu vốn nên phải bán rẻ sản-phẩm cho các nhà buôn lớn.

Tóm lại giới trung-lưu không được ưu-đãi, sống chật-vật nên bất-mãn đối với chính-sách thực-dân và nhiều người gia-nhập phong-trào chống Pháp.

IV.— GIỚI CẦN-LAO :

Giới cần-lao là con đẻ của chính-sách thực-dân bị bóc-lột đến xương tủy. Giới này gồm có nông-dân ở thôn-quê và thợ-thuyền, phu ở xí-nghiệp, hầm mỏ.

1) Nông-dân :

Việt-nam là một nước nông-nghiệp, đa-số dân sống ở thôn-quê. Trước thời Pháp thuộc, các Triều-đại cũ đã đặt chế-độ công-điền, (1) có những biện-pháp hạn-chế diện-tích đại điền-chủ làm cho sự chênh-lệch giữa người giàu và người nghèo không sâu-sắc lắm. Đa-số dân đều có tư-điền hoặc công-điền và nếu họ chịu khó làm ăn thì cũng tạm đủ sống.

Đến khi Pháp đem quân xâm-chiếm nước ta, chiến-tranh làm nhiều làng bị tàn-phá. Để tránh cuộc tàn-sát dã-man, dân

(1) Dưới triều Minh-Mạng làng nào nhiều tư-điền thì lấy ra một nửa làm công-điền cho dân nghèo cày cấy.

quê bỏ ruộng-nương, nhà cửa, tản-cư đi xa. Chính-quyền sung-công đất đai bỏ hoang và cấp cho tay sai đắc-lực. Vì vậy nên số đại điền-chủ tăng thì số dân nghèo không « tấc đất cắm dùi » cũng nhiều hơn trước.

Chính-sách thuế-má bất-công làm một số tiểu-nông phải vay nặng lãi (có khi tới 200, 300% một năm). Năm nào mưa thuận gió hòa thì đến mùa còn trả nợ được. Không may gặp thiên-tai hạn-hán thì tiền lãi cộng vào tiền vốn, người nông-dân chỉ còn cách gạt ruộng cho chủ nợ ra tỉnh làm phu, hoặc làm tá-điền ngay trên mảnh đất cũ của mình.

Đời sống của đám bần-nông thật là khổ-sở điêu-đứng. Họ chen-chúc trong túp lều xiêu vẹo, giữa cảnh bùn lầy nước đọng. Công việc vô cùng nặng-nhọc, trời chưa sáng đã ra đồng cày bừa, tát nước hay gặt hái, nhổ cỏ, buổi trưa nghỉ tay một lúc, ăn vội-vàng rồi lại tiếp-tục làm việc dưới ánh nắng gay-gắt của mặt trời hay dưới làn gió bấc rét thấu xương cho tới xàm-xầm tối mới trở về nhà. Họ làm ăn vất-vả mà vẫn thiếu ăn, thiếu mặc vì phải sưu cao thuế nặng, bị quan tham lại nhũng, bị cường-hào, điền-chủ bóc-lột đến xương-tủy. Những năm mưa thuận gió hòa thì còn được no ấm, không may xảy ra hồng-thủy hay hạn-hán thì phải ăn khoai, ăn sắn, nhiều khi phải đào củ chuối, hái lá cây ăn cho đỡ đói lòng. Số người chết bệnh, chết đói có khi lên tới hàng triệu (như nạn đói năm 1945 ở Bắc-Việt).

Vì sống khổ-sở như súc-vật nên nông-dân dễ theo những người hứa mang lại cơm áo, giúp họ ra khỏi cảnh địa-ngục trần-gian này. Trong các vụ biểu-tình chống xâu ở Trung-kỳ, chống thuế ở Bắc-kỳ, số nông-dân tham-dự rất đông và nhiều người hăng-hái xông vào trước miệng súng lưỡi lê.

2) Thợ và phu.

Dưới các Triều-đại cũ, mỗi khi cần nhân-công đắp đường, đào sông, làm các việc công-ích thì chính-quyền bắt dân các làng lân-cận ra làm phu trong một thời-hạn nhất định, sau hạn

đó lại trở về làng cày cấy (dưới triều Minh-Mạng trai tráng phải đi xâu 48 ngày trong một năm) Trong những năm đầu, Pháp áp-dụng lệ cũ và bắt tráng đinh làm xâu để đắp đường dụng binh hoặc đường hỏa-xa Thời-hạn phải đi xâu tăng và nhiều khi họ đem nhân-công miền đồng-bằng lên tận Thượng-du. Không quen thủy-thổ, thiếu ăn, bị bành-hạ, nhiều người bỏ mình nơi rừng thiêng nước độc.

Sau khi vãn hồi được trật-tự, Pháp thực-hiện chương-trình khai-thác Việt-nam Từ 1890 tới thế-giới chiến-tranh 1914 — 1918, nhiều hầm mỏ, xí-nghiệp xuất-hiện thu hút những nông-dân phá-sản vì sưu cao thuế nặng, vì bị quan tham lại nhũng cường hào bóc-lột. Tính đến năm 1914, số thợ và phu dộ chừng 55.000 người. Sau khi thắng Đức, địa-vị của Pháp ở Đông-dương trở nên bền vững; số vốn do tư-bản Pháp bỏ ra đầu-tư tại Việt-nam tăng lên rất nhiều. Năm 1929 số thợ và phu lên tới trên 200.000.

Vì chính-quyền Pháp bênh-vực quyền-lợi của tư-bản Pháp nên giới cần-lao bị bóc-lột, số giờ nhiều, lương hạ, không được luật Lao-động bảo-vệ.

Các xí-nghiệp Pháp như nhà máy dệt Nam-định, nhà máy xi-măng Hải-phòng được phép dùng cả đàn ông, đàn bà, trẻ con. Mỗi ngày thợ phải làm việc tới 11, 12 giờ đồng hồ và lĩnh số lương « chết đói ». Theo Niên-giám Thống-kê Đông-dương, (năm 1939-1940) thì năm 1934 ở Bắc-kỳ lương công-nhật của thợ đàn ông là 0$29, của đàn bà là 0$19 và của trẻ con là 0$11.

Thợ đi chậm, có lỗi thì bị cúp tiền và hàng tháng còn phải lo tiền chè lá cho cai để khỏi bị đánh đập.

Đời sống của phu mỏ, phu đồn-điền cao-su còn bi-đát hơn nữa. Sau khi lĩnh số tiền ứng-trước để lại cho gia-đình và ký tên vào bản giao-kèo, người công-nhân mất tự-do không khác gì nô-lệ dưới thời Trung-cổ.

Họ bị đưa đi những miền xa-xôi hẻo-lánh đầy sơn-lam chướng-khí hoàn-toàn lệ-thuộc vào người chủ, không được pháp-

luật che-chở. Họ sống chen-chúc trong những căn nhà tối-tăm, dựng dưới thung-lũng ẩm-thấp hay giữa rừng cao-su đầy muỗi gieo-rắc vi-trùng bệnh sốt-rét có định-kỳ. Họ phải thức dậy từ 3, 4 giờ đêm để kịp tới nơi làm việc. Suốt ngày trừ lúc dùng cơm trưa, họ không được nghỉ tay phút nào và mãi tối xẩm mới trở về nhà. Làm nhiều, lương ít, ăn uống kham-khổ, họ là mồi ngon của bệnh-tật. Ốm đau không người săn-sóc, thiếu thuốc-men nên tại nhiều đồn-điền số phu bị chết lên tới 54 phần nghìn (theo tờ trình của viên thanh-tra kinh-tế Delamarre).

Sự thống-khổ của giới cần-lao Việt-nam đã làm cho vài nhà báo Pháp động tâm. Họ viết sách viết báo (1) tả đời sống địa-ngục tại các hầm mỏ, xí-nghiệp, đồn-điền cao-su làm chấn-động dư-luận ở Pháp. Năm 1927, Phủ Toàn-quyền Đông-dương phải hạ số giờ làm việc xuống 10 giờ một ngày, ấn-định điều-kiện vệ-sinh tối-thiểu trong nhà máy, hầm mỏ, đồn-điền và đặt ra Sở Tổng Thanh-tra Lao-động để kiểm-soát và trừng-phạt vi-phạm luật lao-động. Đời sống của giới cần-lao tương-đối có bảo đảm hơn trước, nhưng tới khi nạn kinh-tế khủng-hoảng lan tới Việt-nam thì Chính-quyền Pháp lại bỏ rơi họ. Số thất-nghiệp tăng làm lương-bổng hạ tới mực tối-thiểu. Lợi-dụng sự thiếu-thốn đói khổ của công-nhân, đảng Cộng-sản tuyên-truyền mạnh và tìm cách tổ chức họ thành một lực-lượng quan-trọng.

Những vụ biểu-tình, đình-công ở Bắc-kỳ ở phía bắc Trung-kỳ bị đàn-áp tàn-nhẫn và tăng lòng căm-hờn của giới cần-lao.

Năm 1936, Mặt-trận Bình-dân lên cầm quyền ở Pháp và quy-chế lao-động được áp-dụng ở Việt-nam : luật làm việc 40 giờ một tuần, mỗi năm nghỉ 15 ngày có lương, cấm đàn bà, con nít làm việc đêm v. v. Những đạo-luật trên làm cho đời sống của giới cần-lao có bảo-đảm hơn trước. Lợi-dụng sự có mặt của « Ủy-ban điều-tra » do Mặt-trận Bình-dân phái sang Đông-dương, các đoàn-thể công-nhân cử đại-diện thảo « bản thỉnh cầu » và dự-

---

(1) Paul Monet tác-giả cuốn « Les Jauniers » Louis Roubaud, tác-giả cuốn « Việt-nam » và Andrée Violis tác-giả cuốn « Việt-nam SOS » v.v...

định triệu-tập « Đại hội công-nhân » (1). Đảng Cộng-sản cũng lợi-dụng cơ-hội này tuyên-truyền chủ-nghĩa Mác-Lê (Karl Marx, Lénine) cử cán-bộ trà-trộn với thợ-thuyền, phu-phen để dễ lôi cuốn họ và gây nhiều vụ biểu-tình, đình-công. Chính-quyền Pháp dùng quân-đội đàn-áp tàn-nhẫn, nhưng càng chém giết, từ đấy, càng làm cho giới lao-động đoàn-kết chặt-chẽ và tranh-đấu quyết-liệt hơn.

Tóm lại giới cần-lao, con đẻ của chính-sách thực-dân, chiếm tới hơn 90% dân-số bị bóc-lột đè-nén, làm ăn vất-vả, lương ít, không được pháp-luật bảo-vệ. Họ sẵn-sàng hy-sinh tính-mạng tranh-đấu để cho con cháu ra khỏi địa-ngục mà họ sống quằn-quại trong bao nhiêu năm trời.

V.— CÁCH SINH-HOẠT CỦA DÂN VIỆT DƯỚI THỜI PHÁP-THUỘC.

Pháp thường đem cái vẻ hào nháng như hệ-thống đường giao-thông, xi-nghiệp, các đô-thị lớn với nhà lầu, đèn điện, máy nước để chứng-minh rằng dưới « chính-thể bảo-hộ » dân Việt-nam sống sung-túc hơn dưới Triều-đại cũ. Nhưng sự thực thì chỉ một thiểu-số hoàn-toàn đi với Pháp, làm tay sai cho họ, mới có một đời sống sung-sướng còn đa-số thì cơ-cực hơn xưa và sự chênh-lệnh giữa người giàu người nghèo trở nên phũ-phàng hơn.

Như ta đã biết, các Triều-đại cũ đặt ra pháp-luật nghiêm cấm thường-dân xây nhà lầu, mặc đồ gấm vóc. Ngay các quan đại-thần cũng không dám sống xa-hoa, hoang-phí vì theo đạo-lý Thánh-hiền, quan là cha mẹ dân, có bổn-phận chăn dắt dân, lo sao cho mọi người được no ấm. Nhiều ông quan làm tới chức Thượng-thư, Tổng-đốc mà vợ con vẫn quần nâu áo vải, làm ăn vất-vả như thường dân. Ông quan nào bóc-lột dân-chúng trở nên giàu có thì nếu không bị pháp-luật trừng-phạt cũng bị thanh-nghị phê-bình gắt-gao.

---

(1) Theo tài liệu cuốn Le Việt-nam của L.T.K.

Ở thôn-quê số đại điền-chủ bách mẫu tư-điền rất hiếm vì Triều-đình tìm cách hạn-chế số ruộng của dân. Trong làng đa-số dân là trung-nông và tiểu-nông, thường ai cũng có một vài sào ruộng hoặc công-điền để cầy cấy. Số cùng đinh không tấc đất cắm dùi rất ít. Giữa điền-chủ và tá-điền, thợ gặt, không có sự phân chia giai-cấp. Ngày mùa thì tất cả mọi người đều ra đồng gặt hái. Bữa ăn, chủ-điền cùng người làm đều ngồi ăn với nhau. Ngay những phú-hào cũng không dám cất nhà lầu, không dám ăn mặc là-lượt vì sợ « cướp đêm cướp ngày ».

Ngoài đô-thị, người Việt-nam thường là những nhà tiểu-thương buôn thúng bán mẹt, kiếm đủ nuôi gia-đình. Bên cạnh là thợ-thuyền làm ăn khó-nhọc, không thừa tiền để có xe hơi nhà lầu.

Tóm lại dưới các Triều-đại cũ, tuy nước ta có 4 giới nhưng giữa các giới không có sự cách biệt như giữa các giai cấp ở Ấn-độ, con một người nông-dân, một người thợ, học giỏi thi đỗ cũng được bổ làm quan và tiến lên hàng kẻ sĩ. Trái lại, con quan mà dốt-nát thì cũng bị khinh-khi. Đời sống của mọi người sàn-sàn như nhau, giữa kẻ giàu người nghèo không có một cái hố qua sâu.

Sau khi đặt nền đô-hộ trên toàn lãnh-thổ Việt-nam, người Pháp đem « cá-nhân chủ-nghĩa » phổ-biến sâu rộng. Từ thành-thị tới thôn-quê, ai cũng nghĩ đến mình, đến gia-đình, cố-gắng kiếm nhiều tiền để sống sung-sướng, không để ý tới những người chung-quanh, ai khổ mặc ai. Cá-nhân chủ-nghĩa đưa tới chỗ bóc-lột đồng-bào và khơi sâu hố chia-rẽ giữa các giới.

Chính-quyền Pháp khuyến-khích tình-trạng này vì dân Việt-nam càng chia rẽ thì sự đoàn-kết không còn, sức chiến-đấu chống ngoại-xâm suy-yếu và nền đô-hộ thêm vững-vàng. Những tay sai đắc-lực được Pháp cấp cho đồn-điền, ruộng ấp, được hưởng lương cao bổng hậu, tha-hồ áp-bức bóc-lột dân-chúng. Họ sống xa-hoa trưởng-giả cách biệt hẳn mọi người.

Nhờ đường giao-thông tiện-lợi, nền kinh-tế mở mang hơn

trước. Nhiều xí-nghiệp, hầm mỏ được khai-thác, đồn-điền cao-su, cà-phê xuất-hiện. Nhưng chỉ có các nhà tư-bản ngoại-quốc và một vài người Việt có thế-lực trở nên giàu có, còn thợ-thuyền, phu-phen và nông-dân lại nghèo túng hơn xưa. Sống chui rúc trong túp lều xiêu vẹo trên đống bùn lầy nước đọng hay trong những căn nhà ổ chuột dựng bên cạnh những biệt-thự rộng-rãi đầy đủ tiện-nghi, họ cảm thấy khổ hơn xưa. Chính sự chênh-lệnh phũ-phàng giữa người giàu và người nghèo đã giúp Cộng-sản lợi-khí tuyên-truyền sắc bén.

Nếu cách sinh-hoạt của dân-tộc Việt-nam dưới thời Pháp thuộc không khác xưa mấy thì đời sống tinh-cảm thay đổi nhiều. Trước hết về phương-diện tín-ngưỡng, nếu hầu hết người Việt-nam vẫn thờ cúng tổ tiên, đạo Phật không còn giữ địa-vị độc-tôn nữa. Ngay từ triều Gia-Long, đạo Thiên-chúa đã bành-trướng mạnh và số giáo-hữu tăng nhanh, tuy các vua kế-nghiệp tàn-sát người theo đạo mới. Về sau, nhiều tôn-giáo khác xuất-hiện nhất là ở Nam-kỳ như đạo Cao-đài, Hòa-hảo. Những « giá trị tinh-thần » cố-hữu của dân Việt bị các tư-tưởng mới như tự-do, bình-đẳng làm mai-một dần. Lòng tôn quân, kính thầy, sợ cha không còn mạnh như xưa. Ngay các vị túc-nho như Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh cũng muốn đem chính-thể Dân-chủ thay thế cho nền buân-chủ lạc-hậu. Bức thư của Phan-Chu-Trinh gửi « ông Khải-Định » (1) kể tội nhà vua là một bằng-chứng cụ-thể. Quan-lại không còn là cha mẹ dân lo cho dân no ấm. Đa-số bị coi như là « quân cướp ngày » (2) và mỗi khi dân chúng nổi lên thì quan tham lại những bị tàn-sát (Hoàng-Gia-Mô, Cung-Đình-Vận v.v.) Quyền-hạn của cha mẹ giảm dần. Thanh-niên nam, nữ tìm cách thoát-ly gia-đình để được sống tự-do. Từ thành-thị tới thôn-quê cách phục-sức thay đổi. Đàn ông cắt búi tóc, để răng trắng rồi dần dần cả phụ-nữ cũng ăn vận theo lối mới. Phong-tục chịu ảnh-hưởng lớn của nền văn-minh Tây-phương. Những hủ-tục về hôn-

---

(1) Monsieur Khải-Định, xem bài Phong-trào Đông-du.

(2) Ca dao có câu : « Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan ».

nhân tang lễ bị đả-phá, óc xôi thịt, những điều mê-tín dị-đoan mất dần.

KẾT-LUẬN

Để củng-cố cuộc đô-hộ Việt-nam, Pháp tìm cách phá hủy cơ-cấu xã-hội cũ, cố đào-tạo một thế-hệ trí-thức mới thay thế sĩ-phu Nho-học và dùng bả danh-lợi mua chuộc tay sai đắc-lực. Nhưng Pháp không hoàn toàn thành-công vì chỉ một thiểu-số thành-thực đi với quân thù. Chánh-sách kinh-tế của Pháp phụng-sự nhóm tư-bản và bần-cùng-hóa nông-dân, công-nhân nên giới cần-lao lúc nào cũng sẵn-sàng hy-sinh tính-mạng lật-đổ ách thống-trị của ngoại-nhân.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Quan-trường

Ngày xưa, hồi đạo Khổng toàn-thịnh, làm quan, không phải chỉ là để làm ấm cho thân, danh-giá cho nhà, cho họ. Làm quan, còn là đem tài lực phụng-sự một lý-tưởng : dìu dắt dân ngu lên con đường đạo-lý của thánh hiền. Làm quan, còn mong làm cha mẹ dân.

Tuy nhiên, lý-tưởng ấy xây móng trên một điều sai lầm lớn. Các cụ ngày xưa quá tin vào sự nhiệm-mầu của đạo Khổng. Họ tưởng rằng lẩu thuộc tứ thư, ngũ kinh, học hết mấy pho sử, làm được câu thơ, bài phú, là đủ có đức-hạnh để dạy-dỗ dân, đủ tài kinh-luân để đưa dân đến cõi hạnh-phúc. Họ tưởng rằng đã là sĩ-phu, thì là một người hoàn toàn, một đấng thánh-hiền, nên họ mới phó-thác cho trách-nhiệm quá nặng, quyền-hành quá to. Nhưng, sự thực sĩ-phu vẫn chỉ là một người, một người với hết thảy dục-vọng, hết thảy sự kém hèn của người đời. Sĩ-phu tài đức vẹn toàn, chỉ là một số rất ít, một số không đáng kể.

Một điều sai lầm khác. Các cụ đem quyền làm cha mẹ giao cho quan-lại, tức là coi dân như một đàn con trẻ thơ-ấu, cần có người hướng-dẫn. Cái tư-tưởng ấy, đối với một dân mọi rợ, mới phôi-thai,

có lẽ có ý nghĩa, nhưng đối với một dân-tộc sẵn một kỷ-vãng vẻ-vang, thì thật là điều vô lý, một sự trở ngại cho cuộc tiến-hóa của dân-tộc ấy. Là vì những phần-tử của một dân-tộc như thế, hẳn phải đủ sức tự luyện lấy một tinh-thần độc-lập, cương cường để phát-triển bản-năng của mình.

Những điều sai lầm ấy là nguyên-nhân của các mối tệ hiện có trong quan-trường. Vì chính những điều ấy đã khiến người ta trao quyền-hành quá lớn cho một bộ-phận không có bộ phận nào khác kiểm-soát công việc.

Những quyền hành quá lớn ấy, từ xưa đến nay, quan-trường vẫn nắm trong tay, tuy rằng cuộc sinh-hoạt của dân-chúng đã đổi thay nhiều lắm. Một ông quan, một ông huyện chẳng hạn, không biết rằng chức-phận mình là phải làm những gì nữa. Trong hạt mình, ông huyện phải chịu hết trách-nhiệm phải làm đủ mọi việc. Ông ta là một ông quan - tòa lúc xử việc kiện-tụng, một ông cẩm lúc coi sóc đến việc trị-an, một viên-chức sở lục-lộ lúc đốc-thúc dân hộ đê, một viên-chức nhà đoan lúc khám rượu lậu, một ông biện-lý và một ông dự-thẩm lúc bắt đầu khám-phá một vụ hình-án, một viên-chức sở kho-bạc lúc thu tiền thuế... đó là không kể công việc cai-trị là công việc chính của ông ta.

Bấy nhiêu nhiệm-vụ hỗn-độn, lẫn-lộn là một điều khó-khăn cho ông quan, mà cũng là cái mầm cho sự lạm quyền. Và đối với những ông quan không theo đuổi một lý-tưởng gì cao-siêu, đó lại là một cái mầm cho sự ăn tiền.

Ăn tiền ! ăn tiền là một tệ đoan hiện đương tác hại ở thôn quê. Tệ đoan ấy, không thể nào chối được, vì nó hiển-nhiên lắm. Cả đến báo *Xứ sở* là một tờ báo lúc nào cũng lăm lăm bênh-vực quan trường, cũng phải thú thật rằng ngạch quan lại có nhiều cái « hư, nát ». Cả đến hội ái-hữu quan-lại cũng có lần hô hào « chăn-chỉnh quan-trường ». Nếu quan-trường là một bộ-phận đáng quý, đáng kính của nước, thì can gì phải tìm phương chấn-chỉnh !

(Trích « Bùn lầy nước đọng »
của HOÀNG-ĐẠO)

* * *

Bài 2.— Đời sống cơ-cực của nông-dân Việt-nam

...Nỗi đói khó của dân quê sau lũy tre xanh đã đến cực điểm. Dân quê trở nên dốt nát cũng đã đến cực điểm. Dốt nát vì đói khó, đói khó lại vì dốt-nát, cứ như thế mãi trong cái vòng luẩn-quẩn, không bao giờ ngóc đầu lên nổi, nếu không có sức gì đưa họ ra ánh-sáng.

Làng nào cũng như làng nào, cũng đầy những túp nhà tranh lụp-xụp, trơ-vơ mấy cái cột tre và cái bàn-thờ xiêu-vẹo. Đó là những lâu-đài của dân cày, đó là nơi:

... Giường nan bẩn-thỉu, chiếu hôi-hám.
Bố cu mẹ đĩ rúc vào nằm...

sau một ngày nặng nhọc vất-vả trong ruộng lầy, dưới ánh-nắng cháy da hay gió lạnh cắt thịt.

Tuy vậy được no cơm ấm cật họ cũng có thể lấy làm tự-mãn. Nhưng sự ước-ao ấy chỉ là truyện chiêm-bao. Chỉ những lúc mùa-màng là vợ con đề-huề chung-quanh giá cơm đầy, chỉ những buổi việc làng là được miếng thịt lợn, đĩa lòng. Còn quanh năm, nhịn đói là lẽ thường, ăn no là một sự bất thường.

Với sự đói kém, sự khổ-cực ấy, còn lấy đâu ra tiền mà nuôi con cho hợp vệ-sinh, mà thuốc thang cho vợ cho mình lúc yếu-đau, mà tìm những sinh-thú... Đời họ chỉ còn một mục-đích, một mục-đích chán-nản vô cùng: miễn là sống được, còn sống thế nào thì sống.

Cứ như thế, cho đến lúc chết. Chết, tức là thoát khỏi một đời khốn-nạn, một đời trâu ngựa.

Tình cảnh của dân quê đã buồn-thảm như vậy, mà nào họ có được yên-ổn mà sống trọn cái đời đáng thương. Họ còn là cái thân chịu những điều nhũng-nhiễu, những sự lạm-quyền, những nỗi áp-bức. Họ không có một chút quyền gì cả, ngoài cái quyền được nhẫn-nại chịu khổ, chịu đòn, chịu nhục.

Bọn nhà giầu cho vay nặng lãi thì bóp hầu-bao của họ để lấy tiền; bọn cường-hào thì đè-nén họ cướp lấy hết cả những lợi-lộc chung của một làng. Lại còn cái họa ăn tiền, cái họa ăn hối-lộ, một điều đê-mạt xấu chung cho cả nước ta, cái họa nhân-mãn ở trung-châu miền Bắc và ở miền Trung... và nhiều cái họa khác.

Đó, tình cảnh dân quê. Một cảnh-huống khốn-khổ có một, khốn-khổ về vật-chất, về tinh-thần, không có bút nào tả hết.

(Trích « Bùn lầy nước đọng » của HOÀNG-ĐẠO)

☆

Bài 3.— Vũng nước tù

... Sau lũy tre óng ả, cuộc đời vẫn như trước. Không tin, tôi xin mời đến thăm những làng hẻo-lánh. Ta sẽ phải qua những ngõ lầy-lội, bẩn-thỉu ; vào những gian nhà chật hẹp, mái thấp tỏa xuống đất như bị một mãnh-lực nào đè bẹp, không cất lên được.

Bên cạnh những căn nhà ấy, là những vũng ao tù nước cáu đen. Trong ao người ta rửa chân hay rửa mặt tùy-thích, người ta giặt quần áo hay vo gạo tùy thích. Nước ao còn có khi lại dùng để ăn nữa, vì có nhiều làng không có giếng ăn. Nếu vạn hạnh có giếng, nước giếng cũng không khác nước ao là mấy. Trong cái cảnh nền thơ ấy, sống những đứa trẻ xinh xẻo nếu không có cái bụng òng hay mặt mũi nhem nhuốc như vừa ở dưới bùn nhô lên.

Dân quê sống như vậy, hết đời này sang đời khác. Vệ-sinh đối với họ, chẳng khác gì chuyện dưới đất đối với người cung-trăng. Nhưng không phải là vì họ đần-độn, ngu-muội. Chỉ vì họ không được ai chỉ bảo cho họ đó thôi.

Ừ, ai là người nói cho dân-quê biết đến các phương-pháp phòng-ngừa bệnh-hoạn ? Ở thôn-quê, đâu là những cơ-quan coi về việc vệ-sinh chung hay săn-sóc đến hàng vạn hàng ức người ốm ? Những nhà hộ-sinh chăng ? Hiếm có như vàng. Nhà thương lại hiếm hơn nữa.

Ở những đô-thành lớn, đành rằng có đủ. Nhà thương Phủ-doãn ở Hanoi, nhà thương Robin ở Bạch-mai, dân quê đi qua hẳn phải khâm-phục về vĩ-đại hùng-tráng. Nhưng họ không mấy khi được hưởng cái hạnh-phúc sống ở trong những tòa lâu đài ấy. Chỉ những lúc bệnh đã nguy kịch lắm, họ mới dám xin vào nằm, song những lúc đó, họ không còn hưởng được lâu nữa. Vả số nhà thương có hạn, không đủ chứa bệnh-nhân ở bốn phương đem tới. Chắc người làm việc ở nhà thương bảo-hộ còn nhớ đến những buổi đông khách, hai người có bệnh phải nằm chung một giường mà vẫn không đủ chỗ.

Có người hỏi : còn nhà thương riêng ? Ngoài vài tỉnh lỵ lớn, không thấy một cái nào. Là vì tiền chữa hết sức đắt, và tiền thuốc lại đắt gấp mười. Dân quê không bao giờ dám hy-vọng được họ trông nom tới.

Đã không có người săn sóc chữa chạy lúc ốm đau, lại không có ai bảo-ban những điều vệ-sinh cần-thiết, dân quê đành sống theo sự may, rủi. Họ chỉ còn nhờ ông lang, với thang thuốc bắc, nhưng nếu thuốc có thể hay được, các ông lang phần nhiều chỉ là lang băm. Vì thế, họ không biết vệ-sinh là gì ; vì thế, những lúc ông dịch tác hại, họ lấy cách lễ tạ quan ôn làm thượng sách ; vì thế, trẻ con sài rồi chết, họ cho là một sự quá thường.

(Trích « Bùn lầy nước đọng » của HOÀNG-ĐẠO)

Trang 104 — 105

SỰ TIẾN-DIỄN TƯ-TRÀO DƯỚI THỜI PHÁP - THUỘC

Trong mấy ngàn năm dân-tộc Việt-nam bị ảnh-hưởng sâu xa của nền văn-minh Trung-hoa. Từ văn-học tới mỹ-thuật và âm-nhạc, ta đều theo người Tàu. Tới cuối thế-kỷ XIX người Pháp dùng võ-lực xâm-chiếm Việt-nam, gieo rắc những tư-tưởng mới làm chuyển hướng hẳn trào-lưu tư-tưởng của nước ta: văn-học, mỹ-thuật, âm-nhạc Việt-nam thay đổi nhiều trong 80 năm Pháp-thuộc.

VĂN-HỌC

I.— VĂN-HỌC VIỆT-NAM CHỊU ẢNH-HƯỞNG CỦA NỀN VĂN-HỌC MỚI TRUNG-HOA VÀ NỀN VĂN-HỌC TÂY-PHƯƠNG.

1) Ảnh-hưởng của nền văn-học mới Trung-hoa.

Trận Nha-phiến chiến-tranh mở đầu giai-đoạn Trung-hoa bị liệt-cường xâu-xé. Những thất-bại liên-tiếp của Thanh-triều làm sĩ-phu Tàu tỉnh-ngộ. Nhiều người bỏ lối học từ-chương, xuất-dương du-học và sau khi về nước chủ-trương duy-tân nền văn-học. Họ dịch tác-phẩm Âu Mỹ, viết sách, báo phổ-biến những học-thuyết tư-tưởng mới. Họ đặt ra lối văn « bạch-thoại » vừa giản-dị vừa sáng-sủa hơn lối văn cổ. Trong số các nhà văn mới này, Khang-Hữu-Vi và Lương-Khải-Siêu ảnh-hưởng

lớn tới nền văn-học Việt-nam vì tác-phẩm của hai nhà văn này được sĩ-phu nước ta đọc nhiều.

2) Ảnh-hưởng của nền văn-học Tây-phương.

Sau khi bỏ Hán-học, chính-quyền Pháp ở Đông-dương mở trường Pháp-Việt. Buổi đầu dân Việt-nam không ưa lối chữ ngoằn-ngoèo như « dun bò » nhưng về sau số người theo tân-học tăng nhanh vì thấy chữ quốc-ngữ vừa dễ học vừa đủ khả-năng diễn-đạt cả những tư-tưởng phức-tạp và tế-nhị.

Nhiều người sau khi tốt-nghiệp ở trường Trung-học và Đại-học dịch sách Âu, Mỹ và những học-thuyết, tư-tưởng mới được trực-tiếp phổ-biến trong nước.

Những học-thuyết mới như cá-nhân chủ-nghĩa, những ý-tưởng tự-do, bình đẳng, bác-ái lan tràn từ thành-thị tới thôn-quê lay chuyển cả nền tảng của nền văn-minh cổ-truyền Việt-nam.

II.— NỀN QUỐC-VĂN MỚI ĐƯỢC THÀNH-LẬP VÀ CÓ NHIỀU ĐIỂM KHÁC NỀN VĂN NÔM CỔ.

Sự tiếp-xúc với nền văn-minh Tây-phương làm người Việt-nam trọng Quốc-văn và đặt tin-tưởng vào chữ Quốc-ngữ. Văn-hào Nguyễn-Văn-Vĩnh đã cho rằng « Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở chữ Quốc-Ngữ ».

Trong thời-kỳ đầu các học-giả dịch tiểu-thuyết Tầu và soạn vài cuốn sách giáo-khoa. Về sau nhờ báo-chí nền Quốc-văn có cơ-sở vững-vàng, càng ngày càng thêm nhiều danh-từ mới lấy ở chữ Hán và chữ Pháp. Số người đọc và viết sách quốc-ngữ tăng, và nền quốc-văn thay thế nền văn nôm cũ.

So-sánh hai nền văn cũ, mới, ta thấy có những điểm khác nhau sau đây :

1) Văn nôm cũ thiên về vận-văn, trong Quốc-văn mới, văn xuôi chiếm địa-vị quan-trọng.

2) Văn nôm cũ có tính-cách cao quý, Quốc-văn mới có tính cách bình-dân, ưa tả cảnh sinh-hoạt của người thường dân.

3) Văn nôm cũ thiên về lý-tưởng, Quốc-văn mới **ưa tả cảnh vật** có ở trước mắt ta.

4) Văn nôm cũ thường nói về các việc nước Tầu, Quốc-văn mới khai-thác Quốc-sử, phong-tục và tín-ngưỡng của dân-tộc Việt-nam.

5) Về lối hành văn thì văn nôm cũ chuộng hoa-mỹ, dùng nhiều điển-tích cầu-kỳ, quốc-văn mới chú-trọng tới lời văn sáng-sủa, tự-nhiên, và gẫy-gọn.

III.— VĂN XUÔI GIỮ ĐỊA-VỊ QUAN-TRỌNG VÀ CÓ BA KHUYNH-HƯỚNG.

Trong văn-học cũ của nước ta chỉ có vận-văn, văn xuôi mới xuất-hiện vào cuối thế-kỷ XIX, nhưng tiến rất nhanh và chiếm địa-vị quan-trọng, bỏ xa các thể văn khác. Văn xuôi biến-chuyển theo ba khuynh-hướng rõ-rệt.

1) Văn nôm chịu ảnh-hưởng của Hán-văn.

Các giáo-sĩ Pháp, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha đặt chữ Quốc-ngữ để truyền giáo. Mãi tới cuối thế-kỷ XIX, một số học-giả miền Nam mới dùng chữ Quốc-ngữ để diễn-đạt tư-tưởng. *Trương-Vĩnh-Ký* đã công lớn soạn bộ tự-điển Việt-Pháp và sau này các nhà văn miền Bắc và miền Trung căn-cứ vào đó để viết văn Quốc-ngữ.

Trong buổi đầu đa số các nhà văn đều thuộc phái Nho-học nên văn xuôi chịu ảnh-hưởng của Hán-văn rất nhiều. Về ý thì các nhà văn thường theo phép tổng-hợp cốt phô-diễn ý của mình không phân-biệt ý chính và ý phụ. Vì vậy câu văn thường dài và không rõ-ràng khúc-chiết. Vì âm-điệu được đặc-biệt chú-trọng nên lối văn biền-ngẫu rất thịnh-hành. Trong một bài, đoạn văn trên phải cân-đối với đoạn dưới, trong một câu, các phần cũng phải đối nhau. Về lời thì các nhà văn thích dùng thành-ngữ Hán và điển-tích lấy trong văn-chương Tàu.

2) Văn-xuôi chịu ảnh-hưởng của Pháp-văn.

Sau khi nền học Pháp-Việt bành-trướng, các nhà Tây-học viết quốc-văn và nhận rõ những khuyết-điểm của bài văn rườm-

rà, lời nhiều ý ít. Họ bèn tìm cách bắt chước lối diễn ý đặt câu của người Pháp. Các nhà văn nhóm Đông-dương Tạp-chí và nhóm Nam-phong theo lối hành-văn Âu-tây một cách rụt-rè, câu văn có sáng-sủa gẫy-gọn hơn trước nhưng chưa thoát khỏi ảnh-hưởng của Hán-văn. Về sau, một sinh-viên du-học ở Pháp về là *Hoàng-Tích-Chu* tìm cách đả-phá lối văn cổ, bắt chước hoàn toàn cách hành văn của Pháp. Câu đặt rất ngắn, thường chỉ có một mệnh-đề độc-lập. Thỉnh-thoảng giữa một mệnh-đề lại đặt xen một mệnh-đề phụ. Về lời thì dịch các từ-ngữ của Pháp-văn và dùng những tiếng liên-lạc một cách ép-uổng. Lối văn này được một nhóm nhà văn trẻ tuổi phổ-biến trên tạp-chí Đông Tây nhưng không lôi cuốn được độc giả.

3) Văn-xuôi hợp với tinh-thần người Việt và có tính-cách tự-lập.

Thấy cả hai lối văn trên không được độc-giả ưa thích, những nhà văn đứng-đắn biết tránh những khuyết-điểm và tạo nên một « lối văn hợp với tinh-thần tiếng Nam và có tính-cách tự-lập. Lời văn trọng sự bình-giản, sáng-sủa, nhưng trong cách đặt câu không quá thiên về bên nào, biết châm-chước cả cú pháp của Hán-văn có giọng êm-đềm, uyển-chuyển và cú-pháp của Pháp-văn tách-bạch, rõ-ràng.

Câu đặt khi dài khi ngắn, khi đối khi không, tùy theo tình ý trong văn mà thay đổi.

Chữ dùng tham-bác cả từ-ngữ mượn ở chữ nho và dịch ở chữ Pháp, miễn là lựa chọn cho cẩn-thận và xác-đáng » (1).

4) Các nhóm văn-gia chính.

a) Nhóm văn-gia tiền-phong

Nhóm văn-gia tiền phong gồm các học-giả miền Nam sớm được tiếp-xúc với các giáo-sĩ ngoại-quốc.

Trong nhóm này nổi tiếng nhất là *Trương-Vĩnh-Ký* và

(1) Trích « Việt-nam Văn-học Sử-yếu » của Dương-Quảng-Hàm.

Huỳnh-Tịnh-Của đã có công soạn hai bộ Tự-điển (1) làm nền móng cho Quốc-văn về sau này. Trong « Chuyện đời xưa », « Chuyện khôi hài » (Trương-Vĩnh-Ký) và « Chuyện giải buồn » (Huỳnh-Tịnh.Của) lối hành-văn còn lủng-củng, câu dài, cách diễn-đạt tư-tưởng chưa được rõ-ràng lắm.

b) Nhóm Đông-dương Tạp-chí.

Vào khoảng năm 1913, *Nguyễn-Văn-Vĩnh* xuất-bản tờ Đông-dương tạp-chí. Ban biên-tập gồm có một số nhà văn Tây học và một số tinh-thông Nho-học. Các bài đăng trong Tạp-chí ảnh-hưởng tới nền Quốc-văn và có công làm cho tiếng nước ta trở nên phong-phú, điêu-luyện hơn trước.

Đứng đầu nhóm Đông-dương Tạp-chí là *Nguyễn-Văn-Vĩnh* nổi tiếng về những bản dịch sách ngoại-quốc (2). Với lối hành-văn giản-dị sáng-sủa, ít dùng chữ Hán, Nguyễn-Văn-Vĩnh đã làm cho người ta tin-tưởng vào khả-năng của chữ quốc-ngữ. Bên cạnh Nguyễn-Văn-Vĩnh là *Phan.Kế-Bính* có công sưu-tầm phong-tục Việt-nam trong cuốn « Việt-nam phong-tục » và giới-thiệu văn-học-sử Trung-hoa (Việt-Hán văn-khảo). Bộ « Tam quốc chí diễn nghĩa » được coi như là « khuôn mẫu của truyện dịch », *Nguyễn.Đỗ-Mục* chuyên dịch các tiểu-thuyết Tàu ra quốc-văn và đã để lại nhiều cuốn có giá-trị. (3)

c) Nhóm Nam-phong Tạp-chí.

Tháng 7 năm 1917, *Phạm-Quỳnh* xuất-bản Tạp-chí Nam-phong. Tạp-chí nay ra được 210 số và có một ban biên-tập đầy đủ hơn tờ Đông-dương Tạp-chí.

---

(1) Pháp Việt Tự-điển và Việt Pháp Tự-điển của Trương-Vĩnh-Ký — Đại-Nam quốc âm tự-vị của Huỳnh-Tịnh-Của.

(2) Tác-phẩm chính : Thơ ngụ ngôn La Fontaine, Chuyện trẻ con của Perrault. Truyện Gil Blas de Santillane, Qui-li-ve du-ký, Tê-lê-mạc phiêu-lưu ký, Mai-nương Lệ-cốt, Truyện miếng da lừa, Ba người Ngự lâm pháo thủ, Những kẻ khốn-nạn, Bệnh tưởng, Trưởng giả học làm sang, Người biển lận, Giả đạo-đức v.v..

(3) Tác-phẩm chính : Đông-Chu liệt-quốc, Tây-Sương ký, Song-phượng kỳ-duyên, Tái-sinh-duyên, Tục Tái-sinh duyên v.v.. và tập Chinh-Phụ ngâm-khúc diễn-giải.

Trong 17 năm trời, Nam-Phong Tạp-chí đã có công rất lớn với nền quốc-học và « được coi như là một bộ bách-khoa toàn-thư bằng quốc-văn ». (Nhà văn hiện đại của Vũ-Ngọc-Phan).

Linh-hồn của nhóm Nam-phong là *Phạm-Quỳnh*, một học-giả uyên-thâm, tinh-thông Hán-văn và Pháp-văn. Tác-phẩm của Phạm-Quỳnh rất nhiều, có thể xếp thành ba loại dịch-thuật, trứ-tác và khảo-cứu 1). Bất cứ về loại nào, Phạm-Quỳnh cũng tỏ ra có một nền học-vấn uyên-thâm, một khối óc phê-bình sáng-suốt và cặp mắt quan-sát rất tinh-tường. Phạm-Quỳnh đã có công rất lớn đối với nền quốc-học vì « đã xây đắp cho nền móng quốc-văn được vững-vàng bằng những bài bình-luận và khảo-cứu rất công-phu..... Nhiều người thanh-niên trí-thức đã có thể căn-cứ vào những bài trong Nam-phong Tạp-chí bồi-bổ cho cái học còn khuyết-điểm của mình. Thậm chí có người đã lấy Nam-phong làm sách học mà cũng thâu-thái được tạm đủ tư-tưởng học-thuật Đông-Tây ». (Nhà văn hiện đại của Vũ-Ngọc-Phan).

Nhóm Nam phong còn có nhiều cây bút xuất-sắc như *Nguyễn-Bá-Học*, *Phạm-Duy-Tốn* chuyên viết đoản-thiên tiểu-thuyết (2), *Nguyễn-Hữu-Tiến* khảo về học-thuyết Khổng-Mạnh và thơ văn cổ Việt-nam (2) và *Nguyễn-Trọng-Thuật* tác-giả cuốn phiêu-lưu tiểu-thuyết thứ nhất của ta là cuốn Quả dưa đỏ.

d) Nhóm độc-lập.

Nhóm độc-lập gồm những văn-gia không có chân trong ban biên-tập của Đông-dương Tạp-chí và Nam-phong Tạp-chí. Nhóm này chia ra làm hai loại:

---

(1) Loại dịch-thuật : Phương pháp luận của Descartes. Đời đạo-lý của Caton. Tuồng Lôi-Xích, Tuồng Hòa-lạc của Corneille.
Loại trứ-tác : Mười ngày ở Huế, Một tháng ở Nam-kỳ, Pháp-du hành-trình nhật-ký chính-trị nước Pháp. Lịch-sử và học-thuyết của Rousseau. Montesquieu, Voltaire. Phật-giáo lược-khảo. Người Quân-tử trong triết-học đạo Khổng. Tục-ngữ ca-dao Việt-nam ; Văn-chương trong lối hát à-đào ; Việt-nam thi ca v.v...
(2) Của Nguyễn-Bá-Học : Câu chuyện gia-đình, Chuyện ông Lý Chẩm, Chuyện cô Chiêu nhì — Của Phạm-Duy-Tốn : Sống chết mặc bay, Con người Sở-Khanh.
(3) Cổ-xúy nguyên-âm, Nam-âm thi-văn khảo-biện, Linh-nam dật-sử.

— *Các nhà khảo-cứu và dịch-thuật :*

Trần-Trọng-Kim có công lớn đối với môn quốc-sử. Trong khi học-sinh trường Cao-đẳng Tiểu-học và Tiểu-học đều học Việt-sử bằng tiếng Pháp thì Trần-Trọng-Kim đã dày công sưu-tầm tài-liệu, soạn bộ Việt-nam Sử-lược. Tuy cách trình-bày sử-liệu chưa được khoa-học, tập Việt-sử này tới nay vẫn được coi như bộ sách quý mở đường cho các sử-gia tương-lai. Ngoài ra Trần-Trọng-Kim còn khảo-cứu về Nho-giáo, Phật-giáo và viết vài cuốn sách giáo-khoa có giá-trị (1). *Phan-Khôi*, *Bùi-Kỷ* (2), *Nguyễn-Văn-Tố*, *Lê-Dư* có công khảo-cứu trong sách cổ, đính-chính lại những chữ in sai trong các văn-phẩm đã xuất-bản và thêm phần chú-thích (2), *Đào-Duy-Anh* nổi tiếng về bộ « Hán-Việt tự-điển » và « Việt-nam Văn-hóa Sử-cương ».

— *Các tiểu-thuyết gia :*

Hoàng-Ngọc-Phách (3) và *Hồ-Biểu-Chánh* (tên thật là Hồ-Văn-Trung là hai tiểu-thuyết gia tiền-phong. Bộ-môn này tiến rất nhanh và chia ra làm nhiều khuynh-hướng .

Khuynh-hướng lịch-sử :

Phan-Trần-Chúc, *Đào-Trinh-Nhất*, *Trần-Thanh-Mại*, *Nguyễn-Triệu-Luật*, *Ngô-Văn-Triện*, lấy đề-tài trong Việt-sử và làm sống lại những nhân-vật cổ (5). Vì tác-giả tiểu-thuyết

---

(1) Tác-phẩm của *Trần-Trọng-Kim* — Nho-giáo (3 cuốn) — Phật lục — Sơ-học luân-lý — Sư-phạm khoa yếu-lược — Sơ-học An-nam Sử-lược

(2) Tác-phẩm của *Bùi-Kỷ* : Quốc-văn cụ-thể — Truyện Thúy-Kiều — Truyện Trê Cóc.

(3) Tác-phẩm của *Hoàng-Ngọc-Phách* : Tố-tâm — Thời-thế và văn-chương — Đâu là chân-lý

(4) Tác-phẩm của *Hồ-Biểu-Chánh* : Vì nghĩa vì tình — Con nhà giàu — Cay đắng mùi đời — Chút phận linh đinh — Ai làm được ? — Thầy thông-ngôn — Kẻ làm người chịu — Tỉnh mộng v.v...

(5) Tác-phẩm của *Phan-Trần-Chúc* : Lê-Hoan — Vua Quang-Trung — Triều Tây-Sơn — vua Hàm-Nghi — Dưới lũy Trường-dục.

Tác-phẩm của *Đào-Trinh-Nhất:* Thế lực khách trú và vấn-đề di dân vào Nam-kỳ — Cái án Cao-đài — Ba mươi năm Nhật-bản duy-tân — Cô Tư Hồng — Phan-Đình-Phùng — Đông-kinh Nghĩa-thục.

Tác-phẩm của *Trần Thanh-Mại* : Trông giòng sông Vị — Hàn Mạc Tử — Tuy-Lý-Vương.

Tác-phẩm của *Nguyễn-Triệu-Luật* : Bà Chúa Chè — Loạn Kiêu-binh - Chúa Trịnh Khải v.v...

Tác-phẩm của *Ngô-Văn-Triện* : Cao-Bá-Quát, Nguyễn-Trãi.

lịch-sử muốn hấp-dẫn độc-giả nên thỉnh-thoảng trình-bày sử-liệu một cách thiên-lệch. Tuy nhiên những cuốn lịch-sử tiểu-thuyết này cũng giúp ích cho sử-gia ít nhiều.

Khuynh-hướng xã-hội.

Nhóm Tự-lực Văn-đoàn do *Nguyễn-Tường-Tam* bút hiệu Nhất-Linh chủ-trương đã thành-công trong việc soạn tiểu-thuyết xã-hội, mục-đích đả-phá hủ-tục và trình bày những lý-tưởng mới về cuộc sinh-hoạt trong gia-đình và ngoài xã-hội. Tuy một số văn-gia nhóm Tự-lực Văn-đoàn đã đem những phong-tục không đáng chỉ-trích ra đả-phá (như tục đàn bà góa ở vậy thờ chồng nuôi con) các tiểu-thuyết của *Nhất-Linh* (Nguyễn-Tường-Tam), *Khái-Hưng* (Trần-Khánh-Dư), *Thế-Lữ* (Nguyễn-Thứ-Lễ), *Trần-Tiêu*, *Hoàng-Đạo* (Nguyễn-Tường-Long) đã gây được nhiều ảnh hưởng (1). Các nhà văn trong nhóm Tự-lực Văn-đoàn có một lối hành-văn « bình-thường giản-dị, ít dùng chữ nho, theo cú-pháp mới » nên tác-phẩm của họ được nhiều người ưa đọc.

Khuynh-hướng tả-chân :

Hầu hết các tiểu-thuyết gia, nhất là nhóm Tự-lực Văn-đoàn, đều chú-trọng đến sự tả-chân nhưng vì mỗi tác-phẩm theo một mục-đích nhất định nên « sự quan-sát, lựa chọn, mô tả các nhân-vật trong xã-hội có phần thiên về một mặt và không hình-dung được cái cảnh-tượng sinh-hoạt toàn-thể trong xã-hội » (Dương-Quảng-Hàm). Một nhóm tiểu-thuyết-gia cố-gắng đem ngòi bút tả một cách tỉ-mỉ những điều mà họ khám-phá ra được.

---

(1) Tác phẩm của *Nhất-Linh* : Đoạn-tuyệt — Tối-tăm — Lạnh-lùng — Gánh hàng hoa — Đời mưa gió — Anh phải sống v, v...

Tác phẩm của *Khái-Hưng* : Hồn bướm mơ tiên — Nửa chừng xuân — Tiếng suối reo — Giọc đường gió bụi — Trống mái — Tục lụy gia đình — Thoát-ly v.v.

Tác phẩm của *Thế-Lữ* : Bên đường thiên lôi — Vàng và máu — Mai-Hương và Lê Phong v. v.

Tác phẩm của *Trần-Tiêu* : Con trâu — Chồng con.

Tác phẩm của *Hoàng-Đạo* : Con đường sáng — Trước vành móng ngựa — Mười điều tâm niệm v. v.

Nguyễn-Công-Hoan, *Tam - Lang* (Vũ-Đình-Chí), *Nguyễn-Lan - Khai*, *Vũ - Trọng - Phụng*, *Trọng - Lan* (Trần - Tán - Cửu) *Nguyễn-Lân* bút hiệu Từ-Ngọc và *Ngô-Tất-Tố* tả cuộc sinh-hoạt cực-khổ của giới lao-động hoặc bộ mặt trái của xã-hội Việt-nam dưới thời Pháp-thuộc với tất cả những nét bỉ-ổi, đê-tiện của nó, hoặc tả cảnh vật, phong-tục nơi thôn-quê hay miền thượng-du (1).

Ngoài ba khuynh-hướng trên còn phải kể loại trinh-thám tiểu-thuyết. Trong ngành này thành công nhất là *Thế-Lữ* và *Phạm-Cao-Củng* với những cuốn Mai-Hương và Lê-Phong (Thế-Lữ), Vết tay trên trần, Kỳ phát giết người, Người một mắt v.v. (Phạm-Cao-Củng).

Về kịch : đồng thời với chèo cải-lương xuất-hiện lối kịch viết bằng văn-xuôi theo lối viết kịch của Pháp *Vũ-Đình-Long với* « Chén thuốc độc », « Tòa án lương-tâm »; *Nguyễn-Hữu-Kim* với « Bạn và vợ » là hai kịch gia tiền - phong. Về sau, *Vi-Huyền-Đắc* nổi tiếng nhờ 2 vở kịch « Kim-tiền », « ông Ký Cóp » và *Đoàn-Phú-Tứ* với lời văn dí-dỏm, nhẹ nhàng đã thành-công trong các vở kịch « Ghen », « Hận ly tao », « Gái không chồng ». Bộ môn kịch chưa có nhiều tác - phẩm và số kịch - gia cũng thưa thớt.

---

(1) Tác-phẩm của *Nguyễn-Công-Hoan* : Cô giáo-Minh - Tắt lửa lòng — Tấm lòng vàng — Lá ngọc cành vàng — Tay trắng trắng tay — Kép Tư-Bền — Hai thằng khốn-nạn — Đào kép mới — ông Chủ báo v. v.

Tác-phẩm của *Tam-Lang* : Đêm sông Hương — Người ngợm — Tôi kéo xe — Lọng cụt cán v. v.

Tác-phẩm của *Lan-Khai* : Cô Dung — Lầm-than — Truyện đường rừng — Mực mài nước mắt — Tội nhân hay nạn nhân — Tiếng gọi của rừng thẳm và nhiều cuốn lịch sử tiểu-thuyết như : Ai lên Phố-Cát — Chiếc ngai vàng — Gái thời loạn v.v.

Tác phẩm của *Vũ-Trọng-Phụng* : Cạm bẫy người — Kỹ-nghệ lấy Tây — Cơm thầy cơm cô — Lực-sĩ — Giông tố — Số đỏ — Làm đĩ v.v.

Tác-phẩm của *Trọng-Lang* : Trong làng chạy — Đời bí mật của sư vãi — Đồng bóng — Hànội lầm-than — Làm tiền v.v.

Tác-phẩm của *Nguyễn-Lân* : Cậu bé nhà quê.

Tác-phẩm của *Ngô-Tất-Tố* : Việc làng — Lều chõng — Tắt đèn và vài cuốn về văn học.

IV.— VỀ VĂN VẦN, THƠ MỚI KHÔNG LOẠI TRỪ ĐƯỢC THƠ CỔ.

1) Thơ cổ.— Sự tiếp-xúc với nền văn-hóa Pháp làm cho phong-trào thơ nôm tiến nhanh. Có 3 khuynh-hướng :

a) Khuynh-hướng quốc-gia.

Việc Pháp dùng võ-lực chiếm nước ta chia giới sĩ-phu làm hai phe. Một số cộng-tác với người Pháp ra làm quan, còn một số thì nổi lên chống ngoại-xâm hay lui về sống ẩn-dật nơi đồng ruộng. Cả hai phe đều bênh-vực lập-trường của mình và cuộc bút-chiến giữa *Tôn-Thọ-Tường* đứng đầu phe sĩ-phu thỏa-hiệp với *Phan-Văn-Trị* đứng đầu phe sĩ-phu trung-thành với chủ-nghĩa « trung-thần bất sự nhị-quân » đã để lại cho hậu-thế nhiều bài thơ có giá-trị.

Vài thi-sĩ đã ghi những biến-cố lịch-sử quan-trọng bằng vần thơ thông-thiết :

Nguyễn-Nhược-Thị soạn bài Hạnh-thục-ca tả nỗi khốn-khổ của dân-chúng sau vụ binh-biến đêm 4-7-1885. *Nguyễn-Văn-Giai* soạn bài Chính-khí-ca ngợi-khen Tổng-Đốc Hoàng-Diệu đã biết tuẫn-tiết theo thành Hà-nội và chê những kẻ tham sống quên cả đất nước.

Cũng thuộc loại văn này phải kể những thi-ca Cách-mạng của *Phan-Bội-Châu* từ ngoại-quốc gửi về (1) và của trường Đông-kinh Nghĩa-thục soạn (2) để cảnh-tỉnh quốc-dân.

b) Khuynh-hướng tình-cảm và lãng-mạn.

Nếu ta để vào thời Cận-đại *Bà Huyện Thanh-Quan, Chu-Mạnh-Trinh, Cao-Bá-Quát* thì những thi-sĩ đại-diện cho khuynh-hướng lãng-nam và tình-cảm có : *Đông-Hồ Lâm-Tấn Phác* nổi tiếng nhờ tập thơ khóc vợ « Linh-Phượng » và tập thơ Đông-Hồ tả những danh-lam thắng-cảnh miền Hà-tiên.

Tương-Phố Đỗ-Thị-Đàm đã viết bài « Giọt lệ thu » mà mỗi câu thơ là một giòng lệ. Bài « Khúc thu hận », « Tài tiếu sầu ngâm » cũng đầy nỗi buồn man-mác của người sương-phụ.

---

(1) Xem bài Phong-trào Đông-Du.
(2) Xem bài Phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục.

Trần-Tuấn-Khải bút-hiệu *Á-Nam* đã « mượn cảnh-ngộ » anh Khóa để tả thân-thế và hoài-bão của mình » (Dương-Quảng-Hàm) (1)

Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu viết đủ các lối văn (2) nhưng nổi tiếng là nhờ những « bài thơ giản-dị, trong-sáng, diễn-tả tâm-hồn Việt-nam đủ mọi vẻ mọi màu » (Nhà văn hiện đại của Vũ-Ngọc-Phan).

c) *Khuynh-hướng trào-phúng.*

Vào cuối thế-kỷ XIX hai nhà thơ trào-phúng nổi tiếng là *Nguyễn-Khuyến* và *Trần-Tế-Xương*. Cả hai đều xuất-thân nơi cửa Khổng sân Trình nhưng « đau lòng về những điều trông thấy nên đã soạn những bài thơ để giễu-cợt người đời, mai-mỉa những thói rởm, nết xấu, tính giả-dối » của thiên-hạ. Lối trào-phúng của Nguyễn-Khuyến nhẹ-nhàng kín-đáo bao nhiêu thì lời trào-phúng của Tú-Xương gay-gắt độc-ác bấy nhiêu.

Sau hai nhà thơ trào-phúng tiền-phong này có *Hồ-Trọng-Hiếu* bút-hiệu là *Tú-Mỡ*. Hai tập « Giòng nước ngược » có đủ các loại thơ « nào phong-dao, nào thù-ứng, nào hat-xẩm, nào văn-tế, nào phú, nao văn-chầu, mà lời nào Tú-Mỡ cũng đều hay cả ... Giọng đùa cợt lẳng-lơ của Hồ-Xuân-Hương, giọng nhạo đời của Trần-Tế-Xương, giọng thù-ứng ý-nhị của Nguyễn-Khắc-Hiếu, giọng giao-duyên tình-tứ của Trần-Tuấn-Khải, từng ấy giọng thơ ta đều thấy cả trong hai tập thơ trào-phúng này ». (Nhà văn hiện-đại của Vũ-Ngọc-Phan).

2) Thơ mới.

Vào khoảng năm 1932-1933, trên tạp-chí Phong-hóa bắt đầu

---

(1) Tác-phẩm của *Trần-Tuấn-Khải* : Duyên-nợ phù-sinh, Bút-Quan-Hoài, Gương bể-dâu với Sơn-hà v.v...

(2) Tác-phẩm của *Tản-Đà* : Khối-tình con (3 tập), Giấc-mộng con, Giấc-mộng lớn, Thần-tiên, Thề non-nước, Trần-ai tri-kỷ, Lên sáu, Lên tám, Đài-gương v.v...

đăng những bài thơ mới không theo quy-củ của lối thơ cũ, nghĩa là không hạn số câu, số chữ, không theo niêm-luật chỉ cần có vần và điệu.

« Về cảnh-vật, các nhà thơ mới cho rằng bất-kỳ cảnh gì cũng có cái nên thơ, có thể ngâm vịnh được, từ cảnh trời cao, biển cả đến cảnh ruộng lúa, ao rau... Về tình-cảm, các nhà thơ mới cho rằng hết thảy các tình-cảm trong lòng người, từ điều mơ-ước ngông-cuồng đến nỗi thất-bại tê-tái, đều có thể làm tài-liệu cho thơ ca được cả Về ái-tình thì tả đủ các trạng-thái, mà tả một cách đậm-đà, nồng-nàn. Về cảnh-huống trong xã-hội thì các thi-sĩ ngày nay muốn rằng thơ ca cũng là tấm ảnh hình-dung sự cần-cù của kẻ lao-động và nỗi khổ-sở của kẻ nghèo hèn...

« Về lời thơ thì cách đặt câu phảng-phất như cú-pháp của văn tây. Lại có nhiều từ-ngữ bóng-bẩy mà các nhà văn ấy dịch theo hoặc phỏng theo các từ-ngữ của Pháp » (Dương-Quảng-Hàm).

Số người làm thơ mới rất nhiều nhưng thành-công chỉ có vài người sau đây :

Thế-Lữ (Nguyễn-Thứ-Lễ) đã có công lớn trong việc xây-dựng nền thơ mới. Tập « Mấy vần thơ » làm cho người ta tin-tưởng ở khả-năng của thơ mới nhờ những bài « Nhớ rừng », « Cây-đàn muôn-điệu », « Tiếng trúc tuyệt-vời » v.v. Thế-Lữ đã khéo diễn-tả những ý rất mới, dùng những chữ táo-bạo một cách nên thơ. Vẻ đẹp hùng-tráng của mãnh-thú bị giam trong cũi sắt « Nhớ rừng », vẻ đẹp lả-lướt của thiếu-nữ bên hồ « Tiếng trúc tuyệt-vời » vẻ đẹp u-trầm và cao-siêu của « Tiếng sáo thiên-thai » đã được thi-sĩ tả bằng những vần thơ điêu-luyện làm độc-giả say-mê.

Hàn-Mạc-Tử (Nguyễn-Trọng-Trí) (1) bị ma bệnh giầy-vò nên thường tả những nỗi đau-thương, những cảnh đêm tối âm-u, những giấc mộng ghê-rợn. Nhưng thỉnh-thoảng thi-sĩ cũng có phút bình-tĩnh để soạn những bài mà lời thơ trong sáng

(1) *Tác-phẩm của Hàn-Mạc-Tử* : Thơ điên — Xuân như ý — Thương-thanh-khí — Cầm châu-duyên — Duyên kỳ ngộ — Quần-tiên hội.

êm như ru, còn ý thơ nhẹ-nhàng man-mác tỏa ra như mây khói (Vũ-Ngọc-Phan) hay những bài ca-ngợi cầu xin Thánh-nữ Đồng-trinh Maria.

Trong nhóm nhà thơ mới phải kể cả *Lưu-Trọng-Lư* tác-giả tập « Tiếng Thu », *Xuân-Diệu* tác-giả tập « Thơ thơ », *Huy Cận* tác-giả tập « Lửa Thiêng » và *Phạm-Huy-Thông* với những bài đăng trong Phong-Hóa và Ngày-nay. (1)

MỸ-THUẬT VÀ ÂM-NHẠC

Dưới các triều-đại cũ, mỹ-thuật và âm-nhạc không có điều-kiện để phát-triển. Về kiến-trúc thì lâu-đài, thành-quách đều xây theo một kiểu và chỉ vua chúa mới có quyền ở nhà cao cửa rộng, còn thường dân không được phép cất nhà lầu. Về hội-họa thỉnh-thoảng cũng có nghệ-sĩ danh tiếng nhưng họ vẽ tranh để tặng bạn hữu, hay dâng lên vua quan vì bán cũng ít người mua. Âm-nhạc thì chỉ có những điệu cổ dùng trong việc tế-lễ. Người đàn giỏi hát hay dùng tài của mình trong lúc trà-dư tửu-hậu, trước mặt vài bạn chí thân. Câu « xướng ca vô loại » đã làm tê-liệt âm-nhạc nước ta.

Sau khi Pháp đặt nền thống-trị, sự tiếp-xúc với nền văn-minh Âu, Mỹ làm cho người Việt thay đổi quan-niệm về cách tổ-chức đời sống của mình. Không bị luật-lệ khắt-khe gò-bó, những nhà giàu bỏ tiền xây nhà lầu, trang-hoàng các phòng một cách mỹ-thuật và khi nhàn-rỗi thả hồn theo những bản nhạc du-dương. Nhờ đó mỹ-thuật và âm-nhạc tiến nhanh.

1.— MỸ-THUẬT VIỆT-NAM TIẾN NHANH NHỜ TRƯỜNG CAO-ĐẲNG MỸ-THUẬT VÀ KIẾN-TRÚC.

Năm 1924, chính quyền Pháp mở trường Cao-đẳng Mỹ-thuật và Kiến-trúc để hướng-dẫn thanh-niên yêu nghệ-thuật.

Về hội-họa, nghệ-sĩ biết dung-hòa nền mỹ-thuật Á-đông với nền mỹ-thuật Tây-phương để tạo một nền hội-họa hoàn-toàn

(1) Vì không phải cuốn Việt-nam Văn-học sử nên chúng tôi chỉ nêu một số các nhà văn tiêu-biểu nhất cho mỗi khuynh-hướng.

Việt-nam. Một vài nghệ-sĩ được theo học tại trường Đại-học Mỹ-thuật Ba-lê, La-mã và tác-phẩm được mọi người tán-thưởng. Những bức tranh vẽ trên lụa của *Lê-Phổ*, *Lê-Thị-Lựu*, *Tô-Ngọc-Vân*, *Lê-Văn-Đệ* và nhiều họa-sĩ khác với màu sắc hòa-hợp, với nét vẻ uyển-chuyển đã làm cho Thế-giới biết tới cảnh sinh-hoạt và tính-tình của dân-tộc Việt-nam. Những bức sơn mài của *Nguyễn-Gia-Trí*, trưng bày tại các cuộc triển-lãm tại Việt-nam cũng như ngoại-quốc được nhiều người tán-thưởng. Hội-họa Việt-nam đương vươn mình theo kịp các nước tiền. tiến. Các « trường » hội-họa hiện đại của Âu-châu đang được nghệ-sĩ Việt-nam khai-thác từ Tân Ấn-tượng đến Siêu-thực, Trừu-tượng. Trong mấy năm gần đây dân Việt-nam đã làm quen dần với những bức-tranh Lập-thể với những hình phương-lập được xử.dụng theo « chiều thứ tư » (4e dimension) để nói lên nhịp sông của màu sắc.

Về kiến-trúc, buổi đầu các biệt-thự đều theo kiểu biệt-thự Tây-phương. Một số kiến-trúc sư như Nguyễn-Gia-Đức, Phạm-Gia-Hiến, Võ-Đức.Diên cố-gắng dung-hòa hai nền Kiến-trúc Đông-Tây để tạo một nền kiến-trúc hoàn-toàn Việt-nam thích-hợp với khí-hậu nước ta, tính tình của dân Việt.

Về điêu-khắc chưa có tác-phẩm nào nổi tiếng. Số nghệ-sĩ chuyên hẳn về bộ-môn này còn thưa-thớt lắm.

II.— BÊN CẠNH CỔ-NHẠC, NỀN TÂN-NHẠC VIỆT-NAM ĐƯỢC GIỚI THANH NIÊN ƯA-THÍCH NHƯNG CHƯA THU ĐƯỢC KẾT-QUẢ MỸ-MÃN.

1) Âm-nhạc cổ Việt-nam có từ lâu gồm những điệu hát chèo và hát tuồng.

Chèo cổ có những thể nhạc hoàn toàn Việt-nam do dân-chúng đặt ra và diễn-đạt bằng những nhạc-khí thô-sơ như trống-cơm, mõ, thanh-la, sau thêm đàn nhị-phách, tiêu. Hát chèo có chừng bốn năm chục điệu như hát bài-bông, chầu-văn, hát ru em, hát lý, hát đò đưa, bồng-mạc, sa-mạc v.v...

Hát tuồng từ Trung-hoa xâm-nhập Việt-nam từ thời Bắc-thuộc. Nhiều điệu được Việt-hóa và dưới Triều Lê có hẳn hai Bộ nhạc là bộ Đồng-văn và Nhã-nhạc do Lương-Thế-Vinh, Thân-Nhân-Trung, Đỗ-Nhuận soạn. Còn đại-chúng lại đặt ra một bộ khác tức bộ Giáo-phường quản-giám. Phường « bát-âm » trình bày các bản nhạc như Phẩm-tuyết, Nguyên-tiêu, Hồ-quảng, Kim-tiền, Xuân-phong v.v... và ngoài những nhạc-khí của chèo-cổ còn dùng thêm đàn-bầu, đàn-nguyệt, đàn-tranh, đàn tỳ-bà, đàn nhị, đàn tam v.v..

Sau khi dứt Chiêm-thành, nền cổ-nhạc thêm những điệu Chiêm như Nam-ai, Nam-bằng v.v...

Nền cổ-nhạc Việt-nam có những dịp, điệu, thể thức trình-bày phức-tạp nên thiếu phương-tiện cổ-động và truyền-bá. Sau bao nhiêu thế-kỷ không tiến được mấy.

2) *Âm-nhạc cải-cách* : Sau trận Thế-giới chiến-tranh thứ nhất, nhạc-sĩ Việt-nam chịu ảnh-hưởng của nhạc Tây-phương. Vào khoảng năm 1923, nhóm nghệ-sĩ sinh-viên trường Cao-đẳng Hà-nội soạn lời ca tiếng Việt cho vài bản nhạc Pháp như bản Marseillaise, La Madelon và đem trình-diễn những vở tuồng cải-lương đã được dân-chúng miền Nam ưa-thích. Từ năm 1932 mấy gánh hát (gánh Năm-Châu, Bảy-Nhiêu v.v..) thỉnh-thoảng ra Bắc và âm-nhạc cải cách được phổ-biến sâu-rộng. Hồi đó thanh-niên ưa hát những bài ta điệu tây và bỏ những nhạc-khí cổ xử-dụng nhạc-khí tây-phương.

Bắt đầu từ năm 1937, các nhạc-sĩ Thẩm - Oánh, Dương-Thiệu-Tước, Nguyễn-Xuân-Khoát, Lê - Thương, Phạm - Đăng - Hinh, Lưu-Hữu-Phước, Phạm-Duy v.v.. cố tìm một nguồn nhạc mới, thể-thức viết nhạc thì theo phương-pháp Âu, Mỹ nhưng ý nhạc phải được cảm-hứng chân-thành của hồn nhạc Việt-nam. Những bản nhạc mơ-mộng (1), những bản nhạc thanh-niên và lịch-sử (2), những bản hùng-ca (3) lần-lượt xuất-hiện và được

(1) Như bản « Bông cúc vàng » của Nguyễn-Văn-Tuyên, « Bình-minh » của Nguyễn-Xuân-Khoát, « Tiếng đàn đêm khuya » của Lê-Thương, « Khúc yêu đương » của Thẩm-Oánh, « Tâm hồn em tìm anh » của Dương-Thiệu-Tước, v v. .

(2) « Ải Chi-Lăng », « Bạch-Đằng-Giang », « Tiếng gọi sinh-viên » của Lưu-Hữu-Phước, « Việt-nam minh-châu ».

(3) « Tiến đường hưng-quốc », « Tiếng vọng non sông », « Việt-nam minh-châu ».

hoan-nghênh nhiệt-liệt. Về sau một số nhạc-sĩ cố-gắng sáng-tác những bản nhạc diêu-luyện như bản « Thiên-thai », « Trương-Chi », « Đàn chim Việt » của Văn-Cao, các bản dân-ca của Phạm-Duy, bản « Những ngày qua » của Võ-Đức-Thu, v. v .. Vở « Quán giang-hồ » của Thẩm-Oánh mở đầu cho thể nhạc-kịch.

Từ 1937 tới nay nền Việt-nhạc có tiến ít nhiều. Với sự thành-lập Viện Âm-nhạc tại Thủ-đô Saigon, ta có thể đặt nhiều hy-vọng vào các nhạc-sĩ tương-lai được huấn-luyện cẩn-thận.

KẾT-LUẬN.

Sự tiếp-xúc với nền văn-minh Tây-phương đã ảnh-hưởng lớn đến sự tiến-diễn trào-lưu tư-tưởng của dân-tộc Việt-nam Nền văn-học cũng như mỹ-thuật và âm-nhạc của nước ta đều thay đổi và đã thu được ít nhiều kết-quả.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài 1.— Tương-lai của nền quốc-văn mới

Việc can-thiệp của nước Pháp ở xứ ta về cuối thế-kỷ thứ XIX có ảnh-hưởng sâu xa đến nền văn-học của ta. Vì từ ngày tiếp-xúc với văn-minh học-thuật nước Pháp, tư-tưởng phái trí-thức nước ta thay đổi nhiều, các học-thuyết mới, các tư-trào mới dần-dần tràn vào xứ ta, các phương-pháp mới cũng được các học-giả ứng-dụng. Các thể-văn cũ biến-cải đi, các thể-văn mới (tiểu-thuyết, phê-bình, kịch) được các nhà trứ-tác viết theo. Nhờ có chữ quốc-ngữ là một thứ chữ tiện-lợi để phiên-âm tiếng ta, các báo chí xuất-bản một ngày một nhiều, văn quốc-ngữ đã thành-lập và đã sản-xuất được nhiều tác-phẩm có giá-trị. Các học-giả, văn-gia đã biết để ý đến lịch-sử, văn-hóa, cảnh-vật nước ta mà ra công khảo-cứu, dịch-thuật, biên-tập. Tuy trong buổi giao-thời, tâm-trí một số ít người còn hơi rối-loạn, qui-củ một vài thể-văn chưa thành dịch thức, trong đám tác-phẩm ra đời, còn vàng thau lẫn-lộn. Trong số độc-giả văn-gia, còn có lắm kẻ chỉ biết háo-hức

theo mới, bắt chước của người mà chưa biết cân nhắc lựa chọn cho tinh để giữ lấy cái bản-ngã đặc-sắc và luyện lấy cái tinh-thần biệt-lập của mình. Nhưng dân-tộc ta vốn là một dân-tộc có sức sinh-tồn rất mạnh, trải mấy thế-kỷ nội-thuộc nước Tàu mà không hề bị đồng-hóa lại biết nhờ cái văn-hóa của người Tàu để tổ-chức thành một xã-hội có trật-tự, gây dựng nên một nền văn-hóa tuy không được phong-phú, rực-rỡ nhưng cũng có chỗ khả-quan sẽ biết tìm lấy trong nền văn-học của nước Pháp những điều sở-trường để bổ-khuyết những chỗ thiếu-thốn của mình, thứ nhất là biết mượn các phương-pháp khoa-học của Tây-phương mà nghiên-cứu các vấn-đề có liên-lạc đến nền văn-học của nước mình, đến cuộc sinh-hoạt của dân mình, thâu-thái lấy cái tinh-hoa của nền văn-minh nước Pháp mà làm cho cái tinh-thần của dân-tộc được mạnh lên để gây lấy một nền văn-học vừa hợp với cái hoàn cảnh hiện-thời, vừa giữ được cái cốt-cách tổ-truyền. Đó cái nhiệm-vụ chung của học-giả văn-gia nước ta ngày nay vậy.

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM
Việt-nam Văn-học Sử-yếu

★

Bài 2.— Công của Nguyễn-Văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh đối với quốc-văn.

Nguyễn-Văn-Vĩnh là một người rất có công với quốc-văn nhưng không phải chịu nhờ ở những sách dịch mà ông có công ấy. Ông có công lớn với quốc-văn là vì ông đã đứng chủ-trương một cơ-quan văn học vào buổi mà đối với văn-chương mọi người còn bỡ-ngỡ, ông lại hội-họp được những cây bút có tiếng, gây nên được phong-trào yêu-mến quốc-văn trong đám thanh-niên trí-thức đương-thời, vì ngoài một vài quyển tạp-chí có giá-trị, thanh-niên hồi xưa không làm gì có những sách quốc văn như bây giờ mà đọc. Mà Đông-dương Tạp-chí hồi đó như thế nào ? Người Tây-học có thể thấy trong đó những tinh-hoa của nền cổ-học Trung-hoa mà nước ta đã chịu ảnh-hưởng lâu đời, người Hán học có thể thấy trong đó những tư-tưởng mới của Tây-phương là những tư-tưởng mà người Việt-nam ta cần phải biết rõ để mà thâu-thái. Những bài bình-luận, những bài tham-khảo về Đông-phương và Tây-phương đăng liên-tiếp trong Đông-dương Tạp-chí ngày nay giở đến người ta

còn thấy là những bài có thể dựng thành bộ sách biên-tập rất vững-vàng và có thể giúp ích cho nền văn-học Việt-nam hiện-đại và tương-lai.

. . . . . Công của Phạm-Quỳnh đối với quốc-văn thì ai cũng phải nhận là một công lớn như công của Nguyễn-Văn-Vĩnh vậy.

Trong mười sáu năm chủ-trương tạp-chí Nam-phong, ông đã xây đắp cho nền-móng quốc-văn được vững-vàng bằng những bài bình-luận và khảo-cứu rất công-phu mà tự Bắc chí Nam, người thức-giả đều phải lưu tâm đến. Nhiều người thanh-niên trí-thức đã có thể căn-cứ vào những bài trong Nam-phong Tạp-chí để bồi-bổ cho cái học khuyết-điểm của mình. Thậm chí có người đã lấy Nam-phong làm sách học mà cũng thâu-thái được tạm đủ tư-tưởng học-thuật Đông-Tây. Muốn hiểu những vấn-đề về đạo-giáo, muốn biết văn-học-sử cùng học-thuật tư-tưởng nước Tàu, nước Nhật, nước Pháp, muốn đọc thi ca Việt-nam từ đời Lý, Trần cho đến ngày nay, muốn biết thêm lịch-sử nước Nam, tiểu-sử các đấng danh nhân nước nhà, muốn am-hiểu các vấn-đề chính-trị xã-hội Âu-Tây và cả những học-thuyết của mấy nhà hiền-triết cổ La-Hi, chỉ đọc kỹ Nam-phong là có thể hiểu biết được. Một người chỉ biết đọc Quốc-ngữ mà có khiếu thông-minh có thể dùng Tạp-chí Nam-phong để mở-mang học-thức của mình. Nam-phong Tạp-chí sinh sau Đông-dương Tạp-chí bốn năm, nhưng sống lâu hơn và ở vào một thời thích-hợp hơn nên ảnh-hưởng về đường văn-chương đối với Quốc-dân Việt-nam đã to-tát hơn nhiều.

Nam-phong Tạp-chí được rực-rỡ như thế cũng vì được người chủ-trương là một nhà văn học-vấn đã uyên-bác, lại có biệt tài, có lịch-duyệt. Thật thế, Phạm-Quỳnh là một nhà văn có thể bàn-luận một cách vững-vàng và sáng-suốt bất cứ về vấn-đề gì, từ thơ-văn cho đến triết-lý, đạo-giáo, cho đến chính-trị, xã-hội, không một vấn-đề nào là ông không tham-khảo tường-tận trước khi đem bàn trên mặt giấy. Trong lịch-sử văn-học hiện-đại, người ta sẽ không thể nào quên được Tạp-chí Nam phong vì nếu ai đọc toàn bộ Tạp-chí này cũng phải nhận là rất đầy đủ, có thể giúp cho người học-giả một phần to-tát trong việc soạn một bộ bách-khoa toàn-thư bằng quốc-văn...

Từ 1933 trở đi, tức là từ ngày Phạm-Quỳnh thôi không chủ-trương tạp-chí Nam-phong nữa, tạp-chí này mỗi ngày một sút kém, một non-nớt, các bài văn-học giá-trị, các bài biên-tập công-phu không còn nữa. Con mắt chủ-nhân đã vắng nên tạp-chí cứ lùi dần vào bóng tối

cho đến ngày đình bản. Như vậy càng tỏ ra rằng một người có văn-tài đứng chủ-trương một cơ-quan văn-học tức là hồn của cơ-quan văn-học ấy, như Phạm-Quỳnh là hồn của tạp-chí Nam-phong thuở xưa.

Nhà văn hiện đại VŨ-NGỌC-PHAN

★

Bài 3.— Tại sao nền nhạc cổ không tiến được ?

. . . . Các nhạc-khí mà hiện nhạc cổ còn xử-dụng ngày nay, ngoài cây đàn bầu do chính người mình sáng-chế, các cây đàn khác như đàn nguyệt, đàn tranh (tức đàn thập lục), đàn tỳ, đàn nhị, đàn tam v. v. đều là nhạc-khí Trung-hoa mà lịch-sử những cây đàn này rất là hay đẹp. . . .

Xử-dụng nhạc-khí ngoại lai, phổ-biến dịp nhạc ngoại-lai, nguồn Việt nhạc cổ truyền đã từ bao lâu ngừng đọng như nước ao tù, vì chưa có gì là đáng tiến cả.

Xét về nhạc-thuật ta nhận rằng : non một trăm bản nhạc cổ hữu của mình chỉ có chọn một thanh âm, khi hòa nhạc các đàn cùng hòa chung một điệu, những nốt đàn của một cây đàn trong ban nhạc cổ (ví dụ như của đàn tranh hay cây đàn tam thập lục chả hạn) tuy có hơi khác vì dấu á tức là gẩy năm sáu cung thật nhanh, để bắt cung chính, song vẫn chỉ trùng với cung chính mà thôi.

Lại tới khi sửa soạn lên dây, để hòa đàn, không có một thanh cử nào để làm cho chuẩn đích, giọng lên một thanh âm, nghe vừa tai và căn-cứ theo đó để mỗi cây đàn lấy lại giây rồi đồng hòa. Lại tới khi hòa, các nghệ-sĩ mỗi người sở-trường một lối theo sở-thích cá-nhân miễn sao câu đầu câu cuối ăn nhịp là được, nên chi, một nhạc sĩ quen hòa với ban nhạc này, không thể nhất đàn hòa với ban nhạc khác vì không thuộc ngón của nhau, và về cách thức ghi âm thanh cho bản nhạc để trông đó hòa theo cho đúng nhịp, nguồn nhạc cổ của ta chưa có.

Hơn nữa sự trình bày một bản nhạc đòi hỏi nhiều điều-kiện rất phức-tạp, gần như trở thành một Đạo mà trong Kim cổ kỳ-quan có nói đến. . . .

Từ nhịp nhạc, điệu nhạc, từ thể-thức đến trường-hợp trình bày, nhất nhất sự gì cũng đều phức tạp, nguồn nhạc Việt-nam do đó đã thiếu phương-tiện cổ-động và truyền-bá. Nên chi tự ngày xưa cho tới bây giờ nguồn nhạc tuy có biến thể mà vẫn giữ nguyên hình-trạng phôi-thai, không sao khơi giòng để tiến hơn được nữa.

THẨM-OANH.

Trích bài « Sự tiến-triển của Việt-nhạc »
Văn-hóa nguyệt-san tháng 5-6-1953.

CHƯƠNG IV

VIỆT-NAM TRONG THỜI ĐẠI-CHIẾN THỨ HAI (1939 - 1945)

VIỆT-NAM TRONG THỜI ĐẠI-CHIẾN THỨ HAI (1939 - 1945)

Trong thời Đại-chiến thứ hai, sau khi chính-phủ Pháp đầu hàng (tháng 6-1940) và quân-đội Nhật chiếm đóng Đông-dương (9-1940) thì uy-tín của Pháp giảm rất nhiều. Toàn-quyền Decoux hết sức nhượng-bộ Nhật nhưng không tránh được sự đổ-vỡ. Cuộc đảo-chính Nhật đêm 9-3-1945 chấm dứt nền thống-trị Pháp tại Việt-nam và phong-trào chống Pháp giành độc-lập thu được kết-quả mong muốn.

I.— TỪ 1937 ĐẾN NGÀY PHÁP ĐẦU-HÀNG Ở ÂU-CHÂU SỰ GIAO-THIỆP GIỮA NHẬT-BẢN VÀ PHỦ TOÀN-QUYỀN ĐÔNG-DƯƠNG TRỞ NÊN CĂNG-THẲNG

Cuộc xung-đột Trung-Nhật bùng nổ ngày 7-7-1937 vì vụ Lư-cầu-kiều. Quân-đội Nhật lần-lượt chiếm Hoa-bắc, Hoa-nam. Tháng 2 năm 1939, hải-quân Nhật đổ-bộ lên đảo Hải-nam, án-ngữ Vịnh Bắc-kỳ và chiếm quần-đảo Spratly nằm giữa con đường từ Hương-cảng đi Tân-gia-ba.

Tuy làm chủ được miền duyên-hải chạy dài từ vịnh Trực-lệ tới vịnh Bắc-kỳ và lập được Chính-phủ bù-nhìn Nam-kinh do Uông-Tinh-Vệ cầm đầu, Nhật-bản không thể chấm rứt chiến tranh nếu Tưởng-Giới-Thạch, linh-hồn của kháng-chiến vẫn cố-thủ ở Trùng-khánh và tiếp-tục nhận được vũ-khí của các

nước Âu-Mỹ do ba đường qua Tân-cương, Miến-điện, và Bắc-kỳ đưa tới.

Trong ba con đường kể trên thì đường thiết-lộ qua Bắc-kỳ tiện-lợi nhất. Hải-phòng là nơi nhận võ-khí của các cường-quốc, nhất là của Hoa-kỳ, để chuyển sang Côn-minh phân-phát đi các mặt trận. Chính-phủ Nhật không ngớt phản-kháng tại Ba-lê và Hà-nội nhưng theo đúng đường lối của khối Dân-chủ, chính-phủ Pháp không đổi chính-sách.

Năm 1938, Đại-sứ Nhật là Tani cực-lực phản-kháng về việc Chính-phủ Trùng-Khánh dùng đường thiết-lộ Hải-phòng — Lao cay — Côn-minh để chuyên chở võ-khí. Đức và Ý đứng hẳn về phe Nhật. Để tránh chiến-tranh, Chính-phủ Pháp ra lệnh cấm chuyên-chở võ-khí qua Bắc-kỳ, nhưng vì Trung-hoa và Nhật-bản chưa chính-thức tuyên-chiến nên Pháp vẫn để Chính-phủ Trùng-khánh dùng đường thiết-lộ chở ca-mi-ông, ét-xăng và dược-phẩm.

Trong năm 1938-1939, hàng ngày nhiều đoàn tầu chở những kiện hàng-hóa qua Côn-minh, võ ngoài đề là vật-liệu, dược-phẩm hoặc thực-phẩm nhưng ở trong thường là võ-khí, đạn-dược. Gián-điệp Nhật biết rõ tình-hình này mật-báo về Đông-kinh và Nhật đợi thời cơ thuận-tiện để hành-động.

Tháng 9 năm 1939, Anh và Pháp khai-chiến với Đức. Nhật đã gia-nhập Trục Bá-linh — La-mã — Đông-kinh nhưng vẫn đứng ngoài vòng chiến-tranh. Sau mỗi thắng-lợi của Đức ở Âu-châu, thái-độ của Nhật đối với chính-quyền Pháp ở Đông-dương cứng-rắn thêm.

Đầu năm 1940, Tướng Tsushihasi sang Hà-nội thăm tướng Catroux, Toàn-quyền Đông-dương và yêu-cầu chấm dứt việc tải khí-giới cho chính-phủ Trùng-khánh. Catroux không chịu. Trước thái-độ cương-quyết của Catroux, phái-đoàn Nhật bỏ ra về. Chính-phủ Nhật chuẩn-bị dùng võ-lực.

II.— NHẬT CHIẾM ĐÓNG ĐÔNG-DƯƠNG THÁNG 9 NĂM 1940

Ngày 14-6, Ba-lê bị chiếm đóng, Chính-phủ Pétain thiên-đô về Bordeaux, sau về Vichy và đầu-hàng Đức.

Lợi-dụng tình-hình rối-ren của Pháp, ngày 19.6, Chính-phủ Nhật gửi tối-hậu-thư cho Toàn-quyền Catroux yêu-cầu :

1) Đóng biên-thùy Hoa-Việt, đình chỉ sự chuyên-chở ca-mi-ông, ét-săng và mọi dụng-cụ có tính-cách quân-sự bằng đường bộ và đường hỏa-xa.

2) Nhận sự hiện-diện của Phái-đoàn Nhật để kiểm-soát việc thi-hành lệnh đóng biên-giới.

Toàn-quyền Catroux bó buộc nhận những yêu-sách của Nhật rồi sau mới trình về Chính-phủ Vichy. Vì lẽ đó nên ngày 20-7, Catroux bị triệu về Pháp và Đô-đốc Decoux được cử thay thế.

Ngày 29-6, Phái-đoàn kiểm-soát Nhật do Tướng Nishihara tới Hà-nội. Ngày 2-7, nhân-viên Phái-đoàn chia ra đóng ở Móng-cái, Lạng-sơn, Cao-bằng, Hà-giang, Lào-cai, và Hải-phòng. Biên-giới Việt-Hoa thực-sự bị phong-tỏa. Tướng Nishihara lại đưa thêm những yêu-sách mới. Toàn-quyền Decoux nói không đủ thẩm-quyền điều-đình và có ý dùng võ-lực chống lại Nhật. Nhưng dưới áp-lực của Đức, Chính-phủ Vichy ký thỏa-ước ngày 30-8 tại Đông-kinh (1).

Từ 30-8 đến 19-9, Toàn-quyền Decoux và Tướng Nishihara ngày nào cũng hội-họp để bàn-cãi về cách-thức thi-hành thỏa-ước. Cuộc thảo-luận nhiều lần trở nên rất gay-go. Có lần

---

(1) Thỏa-ước gồm có những điều chính sau đây :

1) Chính-phủ Nhật công-nhận chủ-quyền của Pháp tại Đông-dương và cam-đoan tôn-trọng sự nguyên-vẹn lãnh-thổ của Đông-dương.

2) Chính-phủ Pháp công-nhận địa-vị ưu-việt của Nhật-bản tại Viễn-đông và bằng lòng cho quân-đội Nhật hưởng những sự dễ-dàng tại Bắc-kỳ để có thể chấm dứt cuộc xung-đột Trung-Nhật.

3) Một thỏa-ước quân-sự sẽ được ký kết tại Hà-nội giữa bộ chỉ-huy Pháp và Nhật để ấn-hành thể-thức thi-hành thỏa-ước chính-trị đã ký tại Đông-kinh.

Theo Decoux trong cuốn « A la barre de l'Indochine ».

Nishihara bỏ hội-nghị xuống Hải-phòng để về Hải-nam. Nhưng sau chính-phủ Pháp phải nhượng-bộ và ngày 22-9, ký thỏa-ước cho quân Nhật vào đóng ở Bắc-kỳ (1)

Tuy thỏa-ước đã được ký-kết, Tướng Mordant Tham mưu-trưởng ra mật-lệnh cho các toán quân đóng giữ biên giới chuẩn-bị đề-phòng cuộc đột-nhập của đạo-quân Nhật đã dàn ở bên kia Cao-bằng, Lạng-sơn.

Hồi 23 giờ đêm 22-9, bất thình-linh 2 đạo quân Nhật vượt biên-giới tiến về phía Đồng-đăng và Na-sầm. Quân Pháp chống giữ rất hăng nhưng không ngăn được cuộc tấn-công ồ-ạt của Nhật. Hồi 10 giờ 40 ngày 25-9, võ quan Pháp chỉ huy quân-đội ở Lạng-sơn kéo cờ trắng đầu hàng ; Lạng-sơn bị quân Nhật chiếm đóng. Một số lớn công-chức và sĩ-quan Pháp bị bắt làm tù-binh.

Chính-phủ Pháp phản-đối kịch-liệt việc Nhật vi-phạm thỏa-ước ngày 22-9. Nhật-hoàng ra lệnh cho quân-đội Nhật phải dừng lại ở vị-trí mà họ chiếm đóng (25-9-1940).

Sau khi việc Lạng-sơn giải-quyết xong, Đô-Đốc Decoux thỏa-thuận để 1.000 quân Nhật đổ bộ lên Hải-phòng theo đúng thỏa-ước 22-9. Nhưng sợ bị đánh úp, đêm 25, Tướng Nishihara dời khách-sạn Europe xuống một chiếc chiến-hạm và quân Nhật đổ bộ lên Đồ-sơn, rầm-rộ tiến về Hải-phòng.

Ngày 3-10, Tướng Sumita thay thế Tướng Nishihara. Ngày 5, lễ trao trả thành Lạng-sơn được cử-hành trọng-thể. Nhật thả tù-binh Pháp.

Sau vụ Lạng-sơn thất-thủ và sau cuộc đổ-bộ của Hải-quân

---

(1) Thỏa-ước có những điều sau đây

a) Quân-đội Nhật được phép xử-dụng 3 phi-trường tại Bắc-kỳ.

b) Bộ Tham-mưu Nhật có quyền đồn-trú 6.000 quân ở phía Bắc sông Hồng-hà.

c) Chính-phủ Nhật có thể chuyển-vận qua Bắc-kỳ những đạo-quân tấn-công Vân-nam, tuy-nhiên tổng-số quân-đội Nhật có mặt tại Đông-dương không bao giờ được quá 25.000 người.

d) Chính-phủ Nhật có thể hồi-hương qua miền châu-thổ Bắc-kỳ sư-đoàn hiện đương chiến-đấu tại Quảng-đông và Quảng-tây. Sự chuyển-vận quân-đội này chỉ thực-hiện sau khi hai bên đã thỏa-thuận về chương-trình và thể-thức triệt-binh.

Theo Decoux trong cuốn « A la barre de l'Indochine »

Nhật lên Đồ-sơn, Chính-quyền Pháp ở Đông-dương nhận rõ sức mạnh của quân-đội Nhật và từ đó chịu nhượng-bộ để giữ nguyên-vẹn chủ-quyền của Pháp tại Đông-dương.

Song-song với việc quân-đội Nhật tiến vào Bắc-kỳ, Chính-phủ Xiêm dàn quân dọc sông Cửu-long và gây chuyện với Pháp. Nguyên từ năm 1932, một cuộc đảo-chính đưa phái quân-nhân lên nắm chính-quyền ở Xiêm. Ngày 23-6-1939, Thủ-tướng Phibul Songgram đổi quốc-hiệu thành Thái-lan ngụ-ý muốn sáp-nhập các lãnh-thổ có dân Thái như Lào và một phần thượng-du Bắc-kỳ. Được sự khuyến-khích của Nhật-bản, đầu năm 1941, quân-đội Thái luôn luôn đột-nhập vào vị-trí của Pháp tại Lào vào Cao-mên. Những cuộc chạm súng xảy ra hàng ngày. Quân Pháp thất-bại ở Yang-Dang-Koum (ngày 16-1-1941) nhưng hải-quân Pháp do Béranger chỉ-huy phá tan hạm-đội của Thái-lan ở cù-lao Koh-chang. Nhật can-thiệp, hai nước đình-chiến và cử đại-biểu sang Đông-kinh dự Hội-nghị hòa-bình do Nhật chủ-tọa. Chính-phủ Đông-dương phải nhường cho Thái-lan ba tỉnh Battambang, Siemreap, Sisophon thuộc Cao-mên, một phần miền Bassac và Luang-Prabang thuộc Lào (độ 70.000 km²).

III.— ĐÔ-ĐỐC DECOUX NHƯỢNG-BỘ NHẬT ĐỂ GIỮ CHỦ-QUYỀN CỦA PHÁP TẠI ĐÔNG-DƯƠNG.

Để thực-hiện mộng bá-chủ miền Đông-Nam Á, Nhật định dùng Đông-dương làm bàn-đạp tấn-công sang Thái-lan, Miến-điện, Mã-lai và Ấn-độ. Số quân-lính Nhật đồn-trú tại Đông-dương tăng dần và sau lên tới 35.000 người. Từ 1940 đến ngày 9-3-1945, Nhật chủ-trương để chính-quyền Pháp tiếp-tục cai-trị Đông-dương với điều-kiện là Pháp cam-đoan thỏa-mãn mọi yêu-sách của Nhật về phương-diện kinh-tế và quân-sự.

Để thực-hiện chương-trình « thịnh-vượng chung », ngày 30-8-1940, Chính-phủ Vichy công-nhận nguyên-tắc bình-đẳng giữa những xí-nghiệp Pháp và Nhật. Ở những đô-thị lớn, các hãng Mitsui, Mitsubishi đặt thương-điếm đồng-thời là ổ gián-điệp.

Thỏa-ước ngày 6-5-1941 công-nhận Nhật là tối-hậu quốc,

kiều-dân Nhật có quyền mua bất-động-sản, có quyền khai-khẩn đồn-điền. Đông-dương sẽ cung-cấp gạo, cao-su, than đá, các loại kim-khí đổi lấy vải và sản-phẩm kỹ-nghệ của Nhật.

Thỏa-ước ngày 9-11-1941 đặt dưới sự kiểm-soát của quân-đội Nhật những xí-nghiệp kỹ-nghệ Pháp và Việt cần-dùng để Nhật tiếp-tục chiến-tranh.

Trong những năm 1940 và 1941, hải-quân Nhật làm bá-chủ Thái-bình-dương nên sự trao-đổi hàng-hóa giữa hai nước được điều-hòa và lợi cho cả hai bên.

Nhưng về sau Nhật phải hướng toàn-lực vào việc sản-xuất võ-khí, hàng Nhật trở nên khan và không đủ cho dân Nhật dùng ở trong nước nên chỉ có sản-phẩm của Đông-dương chở sang Nhật chứ không có hàng Nhật gửi qua Đông-dương.

Năm 1942, chính-phủ Nhật phát cho quân-đội đồng «Yên đặc-biệt» và bắt Đông-dương phải nhận. Do đó một ngân-khoản 22 tỷ bạc bị phong-tỏa tại ngân-hàng «Yokohama specie Bank» ở Đông-kinh. Theo mật-ước giữa hai chính-phủ Vichy và Đông-kinh, ngân-sách Đông-dương phải đài-thọ tiền chi-phí của quân-đội Nhật đồn-trú ở Đông-dương. Tính đến ngày 9-3-1945 số tiền chi vào việc này lên tới 730 triệu bạc. Phủ Toàn-quyền phải phát-hành nhiều loại giấy bạc mới 200$ và 500$. Nạn lạm-phát làm mực sống tăng nhiều và dân chúng bất-mãn đối với Pháp, Nhật.

III.— CUỘC ĐẢO-CHÍNH ĐÊM 9-3-1945 LẬT-ĐỔ CHÍNH-QUYỀN PHÁP TẠI ĐÔNG-DƯƠNG.

Sự cộng-tác Pháp, Nhật có tính-cách miễn-cưỡng và chỉ tốt đẹp bề ngoài. Cả hai bên đều tìm cách lật đổ đối-phương và tình-trạng này đưa tới cuộc đảo-chính đêm 9-3-1945.

1) Phòng Thông-tin, cơ-quan Hiến-binh Nhật giúp-đỡ các chính-đảng và giáo-phái Việt-nam chống Pháp.

Sau khi thắng Nga (1905), Nhật-bản đã nuôi hy-vọng sẽ lãnh-đạo các dân-tộc bị-trị ở châu Á lật đổ nền thống-trị của giống

trắng. Nhiều nhà cách - mạng Việt - nam sang Nhật với ý định mượn tay người Nhật đuổi Pháp ra khỏi nước, nhiều thanh-niên ưu-tú Việt - nam được Nhật nhận vào các trường võ - bị (xem bài phong-trào Đông-du).

Trước trận Thế-giới Đại-chiến thứ hai, bề ngoài chính-phủ Nhật vẫn giao - hảo với chính - quyền Pháp tại Đông - dương nhưng một số nhân-viên Tòa Lãnh-sự và thương-gia Nhật vẫn ngầm giúp phong-trào chống Pháp.

Năm 1938, chính - quyền Pháp phải trục - xuất thương - gia Matusika vì « đã có những hành - động hại cho sự an-ninh của Đông-dương ».

Tháng 9—1940, khi quân-đội Nhật chiếm đóng Đông-dương, Matusika và nhiều người Nhật đã sống lâu năm tại Việt - nam được cử giữ chức-vụ quan-trọng. Tuy Chính-phủ Đông - kinh cam-kết tôn-trọng chủ-quyền Pháp tại Đông-dương, một số lớn võ-quan có những hành-động trái ngược hẳn.

Tháng 9—1940, sau khi chiếm Lạng-sơn, quân-đội Nhật đưa nhiều đảng-viên Phục-quốc từ Trung-hoa về nước. Những nhà cách-mạng này lôi cuốn dân-tộc thiểu-số tấn-công nhiều đồn Pháp. Khi chính-quyền Pháp tại Đông-dương nhượng - bộ thì Nhật trả Lạng sơn và bỏ rơi Phục-quốc quân. Quân - đội Pháp đàn-áp tàn-nhẫn ; số người bị xử tử, bị tù-đày khá lớn.

Một số vượt biên-giới sang Trung-hoa nương-náu.

Ngay từ khi chiếm đóng Đông-dương, Bộ tham-mưu Hoàng-gia đã thiết-lập phòng Thông-tin do viên cựu lãnh-sự Sato điều-khiển. Lúc đầu, phòng này chỉ phổ-biến những thắng-lợi của thủy, lục không-quân Nhật trên các mặt-trận để phô-trương sức mạnh của dân-tộc Phù-tang. Tin-tức của hãng Thông-tấn Domei, tranh-ảnh được in và dán khắp nơi. Về sau Phòng Thông-tin xuất-bản tạp-chí Tân-Á và các sách tán-dương chủ-nghĩa Đại-Đông-Á, mở các lớp dạy tiếng Nhật. Từ năm 1953 cuộc tuyên-truyền có tính-cách bài Pháp rõ-rệt.

Tháng 7 năm 1953, Tướng Matsui Giám-đốc hội Đại Á-châu (Société de la grande Asie) qua thăm Sài-gòn.

Trong một buổi hội-họp báo-chí, Matsui tuyên-bố : « Nhật-bản sẽ giải-phóng các dân-tộc Á-châu chống lại ý muốn của người Hoa-kỳ, Anh và Pháp ». Thuyết « Châu Á của người Á » do phòng Thông-tin Nhật phổ-biến lay-chuyển dân nền thống-trị Pháp.

Hồi cuối năm 1941, chính-phủ Nhật thiết-lập cơ-quan Hiến-binh (Kempeitai) ở Đông-dương, lấy cớ để phá các ổ gián-điệp của Trùng-khánh đặt trong khu-vực Hoa-kiều. Nhưng ngay từ buổi đầu, cơ-quan Hiến-binh ngầm giúp đỡ các phần-tử chống Pháp.

Ở Bắc và Trung-kỳ nhiều đảng chính-trị xuất-hiện, quan-trọng nhất là hai đảng sau đây :

— Đảng Đại-Việt Dân-chính do nhóm Tự-lực Văn-đoàn thành lập tại Ha-nội, lôi cuốn trí-thức và tư-bản, Chủ-trương của Đại-Việt Dân-chính là lợi-dụng sự mâu-thuẫn giữa Nhật và Pháp để giành Độc-lập. Lúc đầu Nhật che-chở đảng này, nhưng về sau Pháp nhượng-bộ nhiều về kinh-tế, nên Nhật ngơ cho Pháp thẳng tay đàn-áp. Một số đảng-viên bị bắt đày lên Vụ-bản, Nguyễn-Tường-Tam trốn sang Trung-hoa.

— Đảng Đại-việt Quốc-dân do Trương-Tử-Anh cầm đầu thu hút được nhiều đảng-viên ở Thanh-hóa và Bắc-giang. Sau một thời-gian hoạt-động, đảng này cũng bị Pháp đàn-áp.

Ở Nam-kỳ thì cơ-quan Hiến-binh Nhật chú-trọng tới việc tái lập Giáo-phái. Nguyên trong những năm 1940, 1941, chính-quyền Pháp đàn-áp hai Giáo-phái Cao-đài và Hòa-hảo rất mạnh : Phạm-Công-Tắc giáo chủ Cao-đài và một số chức-sắc bị đày, Tòa Thánh Tây-ninh bị đóng cửa, các giáo-hữu phải rút vào bí-mật.

Giáo-chủ Hòa-hảo là Huỳnh-Phú-Sổ bị Pháp coi như là mắc bệnh thần-kinh đưa vào bệnh-viện Chợ-quán rồi sau bị quản-thúc ở Bạc-liêu.

Nhờ sự giúp-đỡ của Nhật, tín-đồ Hòa-hảo hoạt-động lại ở

miền Tây. Chính-quyền Pháp dự-định đưa Huỳnh-Phú-Sổ đi an-trí ở đất Lào. Được tin này, đêm 12-10-1942, một nhóm lính Nhật cải-trang làm thường-dân, đột-nhập Bạc-liêu giải-phóng Huỳnh-Phú-Sổ rồi đưa lên Sai-gon đặt dưới sự bảo-vệ của Hiến-binh-Nhật. Từ đó lực-lượng Hòa-hảo ngày thêm mạnh. Tới cuối năm 1944, số tín-đồ võ-trang lên tới 40.000.

Đối với Cao-đài thì Hiến-binh Nhật đưa Trần-Quang-Vinh, vị chức sắc đã điều-khiển Thánh-Thất Nam-vang về Sài-gòn. Nhờ sự giúp-đỡ của Nhật, số tín-đồ Cao-đài tăng rất nhanh và biến-thành một lực-lượng quan-trọng.

Chính-quyền Pháp nhiều lần phản-kháng nhưng Bộ Tham-mưu Nhật tại Đông-dương trả lời không có quyền can-thiệp vào công-việc của cơ-quan Hiến-binh, vì cơ-quan này trực-thuộc Nhật-hoàng.

Ngoài việc tái-lập hai giáo-phái Cao-đài và Hòa-hảo, Hiến-binh Nhật liên-lạc với Trần-Văn-Ân trong nhóm Lập-hiến vừa mãn hạn tù được Pháp cho về Saigon. Cuối năm 1942, Trần-Văn-Ân lập một Chi-bộ Việt-Nam Phục-quốc Đồng-minh Hội do Hoàng-thân Cường-Để làm Minh-chủ. Đến tháng 5 năm 1943, Trần-Quang-Vinh sáp-nhập giáo-phái Cao-đài vào Việt-nam Phục-quốc Đồng-minh Hội. Từ đó đảng này bành-trướng rất mạnh và đặt thêm Chi-bộ ở Bắc-kỳ và Trung kỳ.

Tóm lại từ võ-quan cho tới Hiến-binh và thương-gia Nhật đều hoặc bí-mật hoặc công-khai hoạt-động chống Pháp.

2) Chính-quyền Pháp đề-cao tinh-thần quốc-gia và dùng thuyết « Khối Quốc-gia liên-kết » chống thuyết « Đại-Đông-Á » của Nhật.

Trước sự tuyên-truyền của Nhật, Toàn-quyền Decoux thay đổi chính-sách.

a) Về phương-diện chính-trị, Decoux thay thế danh-từ « Xứ Đông-dương thuộc Pháp » (Indochine française) bằng « Liên-bang Đông-dương » (Fédération Indochine). Liên-bang gồm có

3 quốc-gia liên-kết Việt, Miên, Lào do các Quốc-Vương bản-xứ cai-trị và đất Nam-kỳ trực-thuộc Pháp. Nước Pháp là người bạn trung-thành điều-hòa quyền-lợi của những quốc-gia này nhưng không can-thiệp vào việc nội-trị như trước nữa.

Chính-quyền Pháp tại Đông-dương đề-cao tinh-thần quốc-gia và sự liên-hệ giữa quyền-lợi của nước Pháp và các nước liên-kết.

Để nắm thanh-niên, Toàn-quyền Decoux đặt « Sở Thể-thao và thanh-niên » do Thiếu-tá Ducouroy chỉ-huy. Sân vận động mọc như nấm và các ngày hội thể-thao được tổ-chức tại những đô-thị lớn để thanh-niên Việt và Pháp cùng tham-dự dưới Quốc-kỳ của hai nước. Sở Thông-tin, tuyên-truyền và báo-chí (I.P.P.) tổ-chức những buổi diễn-thuyết về các vị anh-hùng liệt-nữ Việt-nam chống xâm-lăng, nhất là về thân-thế và sự-nghiệp của Thống-chế Pétain.

Tất cả những cải-cách trên chỉ có mục-đích thắt chặt sợi giây thân-ái giữa hai dân-tộc Pháp, Việt. Nhưng sự thay đổi chính-sách tới chậm quá và có tính-cách giả-tạo nên không lôi cuốn được ai.

Về phương-diện kinh-tế, chính-quyền Pháp tìm cách che đậy sự nguy-ngập của nền tài-chính bằng việc thực-hiện một chương-trình kiến-tạo lớn-lao : đào sông, mở-mang đường-sá, xây khu nghỉ mát Decoux ở Đà-lạt v. v.. Chương-trình này còn có mục-đích chứng tỏ rằng nước Pháp luôn luôn nghĩ đến « sứ-mạng khai-hóa » của mình, người Pháp đã lợi-dụng việc Nhật bắt dân Việt trồng đay, nộp thóc nuôi quân-đội Nhật để kích-thích lòng công-phẫn của người Việt đối với Nhật.

3) Cuộc đảo-chính đêm 9-3-1945.

Như trên đã trình-bày, sau khi Pháp đầu hàng ở Âu-châu thì chính-quyền Pháp ở Đông-dương nhượng-bộ Nhật để giữ vững chủ-quyền.

Mùa hè năm 1943, Đồng-minh tổng phản-công trên mặt trận Thái-bình-dương. Sau trận thủy-chiến tại biển San-hô-

một phần lớn hạm-đội Nhật bị phá-hủy, Nhật không làm bá-chủ trên mặt biển nữa nên Hoa-kỳ dần dần thắt chặt vòng-vây chung quanh quần-đảo Phù-tang.

Tháng 8-1943, tại Hội-nghị Québec, Đồng-minh ấn-định chương-trình giải-phóng miền Đông-Nam-Á. Tướng Anh là Mountbatten được cử làm tổng-tham-mưu mặt trận này và đóng đại bản-doanh trên đảo Tích-lan (Ceylan). Tướng Mountbatten trao cho De Gaulle nhiệm-vụ liên-lạc với nhóm người Pháp kháng Nhật ở Đông-dương để giúp việc thực-hiện giải-phóng bán-đảo này. Tháng 11, De Gaulle cử Đại-tá Crèvecœur đưa một toán quân Pháp sang đóng ở Calcutta với mục-đích thành-lập những hệ-thống kháng Nhật tại Đông-dương để khi có thời-cơ thuận-tiện thì quấy rối hậu-quân địch. Công việc của Đại-tá Crèvecœur không khó khăn lắm vì ngay từ năm 1940 tại Đông-dương đã có một nhóm người Pháp không chịu phục-tòng Chính-phủ Vichy, trong số này có cả Tướng Mordant Tham-mưu-trưởng quân-đội Pháp.

Tháng 7 năm 1944, Tướng Mordant xin về hưu-trí để dễ hoạt-động. Tháng 9, Mordant được cử làm Tổng Đại-diện cho Chính-phủ De Gaulle ở Đông-dương. Tháng 11, «Ủy-ban giải-phóng Đông-dương» thành-lập. Tướng Aymé Tân Tham-mưu-trưởng cũng gia-nhập phong-trào và chịu sự điều-khiển bí-mật của Tướng Mordant.

Theo lời yêu-cầu của Mordant, phi-cơ Đồng-minh thả dù vũ-khí, đạn dược xuống những địa-điểm định sẵn. Tin quân Đồng-minh sẽ giải-phóng Đông-dương vào khoảng tháng 5 năm 1945 được đài phát-thanh Tân Delhi và Trùng-khánh nhắc nhở luôn. Trong giới Pháp-kiều, nhiều người không giấu được niềm hân-hoan và họ không ngớt bàn tán về hoạt-động của nhóm kháng-chiến Pháp, về nhiệm-vụ của Tướng Mordant.

Những tin trên được gián-điệp Nhật báo cho Bộ Tham-

mưu rõ cả, nên về phía Nhật nhiều biện-pháp được thực-hiện. Trước hết, Tướng Yoshizawa bị triệu-hồi và đại-sứ Matsumoto được cử sang thay. Những võ-quan cao cấp trong Bộ Tham-mưu Nhật tại Đông-dương cũng lần lượt bị thay thế. Để đề-phòng cuộc đổ-bộ của quân-đội Đồng-minh vào Hoa-nam, ngay từ hồi tháng 10-1944 quân-đội Nhật đã chiếm đóng nhiều phi-trường ở Quảng-tây và tăng-cường đội quân đồn-trú tại Đông-dương từ 35.000 lên 60.000.

Đầu năm 1945, thấy Pháp xây nhiều pháo-đài và chuyển-vận ngầm quân-đội lên những địa-điểm hiểm-yếu, Bộ Tham-mưu Nhật chia quân đề-phòng và quyết-định ra tay trước.

Hồi 19 giờ đêm 9-3-1945, Đại-sứ Matsumoto trao cho Toàn-Quyền Decoux (lúc đó ở Saigon) bức tối-hậu thư yêu-cầu Chính-quyền Pháp đặt quân-đội, cảnh-sát, công-an, các cơ-quan hành-chính và kinh-tế dưới quyền điều-khiển của quân-đội Nhật. Đô-đốc Decoux không chịu.

Đúng 20 giờ tại khắp Đông-dương quân Nhật tấn-công vào các địa-điểm quân-sự của Pháp. Sáng 10.3, Quốc-kỳ Nhật phấp-phới trên khắp các đồn-ải, từ Nam-quan tới mũi Cà-mau. Đô-đốc Decoux, một số lớn công-chức và võ-quan Pháp bị bắt làm tù-binh.

KẾT-LUẬN

Việc Nhật chiếm Đông-dương là một động-tác lay-chuyển dần-dần nền-tảng của nền thống-trị Pháp. Tòa lâu-đài hành-chính và quân-sự mà người Pháp đã tốn công xây-đắp trong gần một thế-kỷ sụp-đổ sau 12 tiếng đồng-hồ chiến-tranh. Đêm 9-3-1945 chấm-dứt cuộc đô-hộ Pháp tại Việt-Nam.

CAO-TRÀO TRANH-THỦ ĐỘC-LẬP VÀ THỐNG-NHẤT. NHỮNG CUỘC THƯƠNG-THUYẾT VIỆT — PHÁP. CÁC HIỆP-ĐỊNH

Từ khi người Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-kỳ rồi đặt nền đô-hộ trên toàn cõi, dân-tộc Việt-nam luôn luôn tranh-đấu giành độc-lập. Phong-trào này tan-rã thì phong-trào khác nổi lên. Chính-quyền Pháp đàn-áp tàn-nhẫn, nhưng nhà tù, án tử-hình không làm sờn lòng các nhà ái-quốc. Một người ngã thì trăm người khác đứng lên tiếp-tục chống Pháp. Tám mươi năm Pháp-thuộc là tám mươi năm tranh-đấu. Cuộc đảo-chính Nhật đêm 9-3-1945 giúp dân-tộc Việt-nam bẻ gẫy xiềng-xích, nhưng tiếc thay Bảo-đại và Trần-Trọng-Kim không biết lợi dụng thời-cơ để Việt-minh làm chủ tình-thế, thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-sản độc-tài đảng-trị.

I.— SAU CUỘC ĐẢO-CHÍNH NHẬT, BẢO-ĐẠI XÉ HÒA-ƯỚC ĐÃ KÝ VỚI PHÁP, CỬ TRẦN-TRỌNG-KIM LẬP CHÍNH-PHỦ (17-4-1945 đến 19-8-1945).

Đêm 9-3-1945, Bộ Tham-mưu Nhật bó buộc phải lật-đổ Chính-quyền Pháp để tránh hậu họa. Sau khi thành-công, Nhật bỡ-ngỡ trước tình-thế mà họ đã tạo nên. Lật được Pháp rồi, Nhật không dám ra mặt chiếm chỗ của Pháp và cũng không dám thay đổi Chính-thể của ba nước Việt, Miên, Lào vì Nhật không sẵn người để cai-trị và vì chiến-tranh sắp tới giai-

đoạn quyết-liệt bất lợi cho dân-tộc Phù-tang. Bộ Tham-mưu Nhật chỉ cần điều-hòa việc tiếp-tế lương-thực, bảo-vệ an-ninh cho đạo-quân đồn-trú.

Ngày 10-3, Đại-sứ Nhật là Yokoyama yết-kiến Bảo-đại ở điện Kiến-trung, tuyên-bố Nhật trả lại độc-lập cho Việt-nam.

Ngày 11-3, Bảo-đại xé những Hòa-ước mà Việt-nam đã ký với Pháp và tuyên-bố nước Việt-nam độc-lập gia-nhập « khối Đại Đông-Á ».

Ngày 12-3, các báo ở Hà-nội và Saigon tái-bản với những bài kể tội chế-độ thực-dân và vạch mặt những kẻ bán nước. Ngày 19-3, Nội-các thân Pháp từ-chức. Bảo-đại tuyên-bố sẽ nhận trách-nhiệm điều-khiển việc nước. Trong hơn một tháng, Bảo-đại lúng-túng trong việc tìm người lập Tân Nội-các vì nhiều nhà Cách-mạng, trong số đó có Chí-sĩ Ngô-Đình-Diệm, từ-chối không cộng-tác với Nhật

Ngày 17-4, Trần-Trọng-Kim nhận lập Chính-phủ và mời những nhà trí-thức có tinh-thần quốc-gia rõ-rệt gia-nhập.

Trong thời-gian 5 tháng, Chính-phủ Trần-Trọng-Kim thực-hiện được những việc sau đây :

— Ngày 8-5, Bảo-đại nêu khẩu-hiệu « Dân vi quý » và tuyên-bố Tân Hiến-Pháp sẽ cho dân được hưởng nhiều tự-do về chính-trị, tôn-giáo và nghiệp-đoàn.

— Ngày 23-5, cải-tổ chế-độ thuế : những công-dân không có ruộng đất nhà cửa, công, tư-chức lương đồng-niên dưới 1.200$ được miễn thuế.

— Thay thế công-chức Pháp tại các công-sở bằng người Việt.

— Dùng Quốc-ngữ làm chuyển-ngữ ở bậc Tiểu-học và Trung học.

— Thành-lập đoàn Thanh-niên Tiền-phong và tổ-chức chiến dịch chống nạn đói.

Ngay từ khi mới thành-lập, chính-phủ Trần-Trọng-Kim đã

gặp nhiều trở lực. Trước hết ai cũng nhận rõ sự bại trận của Nhật chỉ là vấn-đề thời-gian. Như vậy Chính-phủ Trần-Trọng-Kim chỉ có tính-cách tạm-thời, dọn đường cho một Chính-phủ khác.

Trở-lực thứ nhì là bệnh ấu-trĩ của dân chúng về phương-diện chính-trị. Đa số cho rằng một khi nước nhà độc-lập thì không phải nộp thuế và muốn làm gì cũng được. Các công-sở vẫn tiếp-tục công-việc, nhưng guồng máy chạy không đều vì cấp chỉ-huy không có uy-tín để điều-khiển nhân-viên thuộc-quyền.

Trở-lực lớn nhất là sự thiếu thành-thực của người Nhật. Tuy Nhật đã tuyên-bố trả độc-lập cho Việt-nam, những cơ-quan then chốt vẫn do người Nhật nắm giữ. Phủ Toàn-quyền Hà-nội và Sài-gòn, Phủ Thống-Đốc Nam-kỳ, Thống-sứ Bắc-kỳ và Khâm-sứ Trung-kỳ đều do võ quan cao-cấp Nhật chiếm đóng. Tại các tỉnh, bên cạnh viên Tỉnh-trưởng người Nam có một cố-vấn Nhật.

Chính-quyền Nhật tiếp-tục thu thóc, bắt dân trồng đay và Hiến-binh Nhật làm mưa gió, muốn bắt bớ, tù đầy ai cũng được.

Niềm hân-hoan nguồn hy-vọng buổi đầu tan dần và dân-chúng chỉ thấy có một cuộc « đổi chủ » không lợi. Họ không tin tưởng ở chính-phủ Trần-Trọng-Kim và ủng-hộ Mặt-Trận Việt-Minh đã khéo khoác bộ áo chống « Phát-xít Nhật và Thực-dân Pháp ».

II.— MẶT-TRẬN VIỆT-MINH LÊN NẮM CHÍNH-QUYỀN SAU CUỘC CÁCH-MẠNG THÁMG TÁM

Trong thời-gian Nhật chiếm đóng Đông-dương, nhiều đảng chính-trị được thành-lập ở trong nước cũng như ở hải-ngoại. Hoạt-động của các chính-đảng ở trong nước đã được trình-bầy ở bài trước. Trong bài này sẽ nói tới sự thành-lập của Mặt-Trận Giải-phóng Dân-tộc tại Trung-hoa.

1) Sự thành-lập Việt-nam Độc-lập Đồng-minh Hội.

Sau khi bị chính-quyền Pháp đàn-áp, đảng Cộng-sản Đông-

đương ngừng hoạt-động tại Việt-nam, nhưng các phần-tử ở hải-ngoại vẫn tiếp-tục tranh-đấu dưới chiêu-bài giả hiệu là « giải-phóng dân-tộc » để dễ lôi cuốn những người quốc-gia chân-chính

Năm 1941, Nguyễn-Ái-Quốc thành-lập Việt-nam Độc-lập Đồng Minh Hội gọi tắt là Việt-Minh với khẩu hiệu « Đoàn-kết các tầng lớp nhân-dân chống Phát-xít Pháp và Nhật ».

Nhưng sự thực thì nhóm cộng-sản giữ vai trò điều-khiển và ngấm-ngầm hướng Hội về mục-tiêu giai-cấp đấu-tranh.

Sự thành hình của « Việt-Nam Độc-lập Đồng-minh Hội » không che được mắt Chính-phủ Trùng-khánh nên đầu năm 1942, Trương.Phát-Khuê được lệnh giải-tán Hội và bắt giam Nguyễn-Ái-Quốc.

2) Sự thành lập Đồng-minh Hội.

Cũng trong thời-gian này, nhiều đảng-viên của các đảng Quốc-gia như Phục-Quốc đảng, Việt-Nam Quốc-dân Đảng, Đại-Việt dân-chính v.v. cũng tụ họp tại Hoa nam chung-quanh mấy vị lãnh-tụ có uy-tín như Nguyễn-hải-Thần, Trương-bội-Công, Lý-Đông-A. Nhờ sự giúp đỡ của Tướng Trương-Phát-Khuê và Tiêu-Văn, đại-diện các đoàn-thể quốc-gia họp đại-hội tại Liễu-châu từ 4 đến 16-10.1942.

Sau đại-hội, các chính-đảng Quốc-gia họp thành Mặt-trận Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh Hội đặt dưới quyền điều-khiển của Nguyễn-Hải-Thần, gọi tắt là Đồng-Minh-Hội.

Vì muốn thu-hút vào mặt trận tất cả những lực-lượng Cách mạng nên năm 1943, Nguyễn-Hải-Thần can-thiệp với Trương-Phát-Khuê tha Nguyễn-Ái-Quốc ra. Nguyễn-Ái-Quốc bèn đổi tên là Hồ-Chí-Minh và Việt-minh gia-nhập « Việt-nam Cách-mạng Đồng-minh-Hội ».

Để sẵn sàng đối phó với biến chuyển của chiến-tranh, ngày 28-3-1944 một chính-phủ Liên-hiệp Lâm-thời được thành-lập với Trương-Bội-Công làm chủ-tịch, Nguyễn-Hải-Thần, Vũ-Hồng-



NGUYỄN-HẢI-THẦN

Khanh, Lê-Tùng-Sơn, Hồ-Chí-Minh, Bồ-Xuân-Luật và Nghiêm-Kế-Tổ làm Hội-viên.

4) Hồ-Chí-Minh được cử về Việt-Nam lập căn-cứ tại Việt-Bắc.

Tuy gia-nhập Việt-Nam Cách-mạng Đồng-Minh-Hội, đảng Cộng-sản tiếp-tục hoạt-động theo con đường của họ. Nhờ tiền do Chính-phủ Trùng Khánh cung-cấp, Hồ-Chí-Minh cùng một số cán-bộ về nước lập cơ-sở tại vùng thượng-du Bắc-kỳ mà họ gọi là chiến-khu Việt-Bắc thu-thập tin-tức cho quân-đội Đồng-Minh, dùng chiến thuật du-kích quấy rối hậu-quân Nhật. Bọn này luôn luôn tìm cách đề-cao « Mặt trận Việt-Minh » tuy chính-thức họ được « Mặt trận Đồng-minh Hội » cử về.

Để lấy cảm-tình của Đồng-Minh và để được tiếp-tế vũ-khí, Việt-Minh đề-nghị với đại-diện chính-phủ De Gaulle sẽ giúp Pháp giải-phóng Đông-dương (1).

(1) Điều kiện do Việt-Minh đề-nghị :

— Một Quốc-hội do Phổ-thông đầu phiếu bầu ra sẽ giữ quyền lập pháp. Toàn quyền Pháp sẽ giữ nhiệm-vụ Tổng-Thống cho đến khi Việt-Nam được độc-lập. Tổng Thống sẽ chọn nội-các hoặc một nhóm Cố-vấn được Quốc-Hội chấp thuận. Quyền-hạn của các cơ-quan nói trên sau này sẽ được qui-định lại.

— Nền độc-lập sẽ trả lại Việt-Nam trong thời-hạn tối-thiểu là 5 năm và tối đa là 10 năm.

— Các nguồn-lợi thiên-nhiên sẽ trả lại cho dân chúng sau khi sở-hữu-chủ đã được bồi thường một cách công bằng. Nước Pháp sẽ được hưởng những quyền-lợi kinh-tế.

— Các dân-tộc ở Đông-dương sẽ được hưởng tất cả những quyền tự-do mà Liên-Hiệp-quốc sẽ ban-bố.

— Cấm bán thuốc-phiện

(Theo cuốn Histoire du Việt-nam của Philippe Devillers)

Pháp nhận điều-đình với Việt-Minh và hẹn ngày thả đô Sainteny xuống chiến-khu.

Đồng thời Việt-Minh bắt liên-lạc với một vài nhân-viên cao cấp trong chính-phủ Trần-Trọng-Kim. Khâm-sai Phan-Kế-Toại muốn giữ địa-vị nên che-chở cho Việt-Minh. Nhờ sự tuyên-truyền xảo-trá, nhờ những hành-động táo-bạo (treo cờ và biểu ngữ, phát truyền-đơn, đột-nhập vào các rạp chiếu bóng, rạp hát để hô-hào dân-chúng chống Nhật), Việt-minh thu hút được nhiều đảng-viên. Dân-chúng thì hoang-mang không biết rõ bộ mặt thực của Việt-minh nên hướng cả về Mặt-Trận và đặt nhiều tin-tưởng vào họ.

Ngày 6-8-1945, quả bom nguyên-tử thứ nhất tàn phá Hiroshima. Tiên đoán Nhật sẽ đầu hàng đến nơi, ngày 7-8, Hồ Chí-Minh thành-lập «Uỷ-ban giải phóng dân-tộc Việt-nam» và ra lệnh «Tổng khởi-nghĩa». Nhưng vì lực-lượng của Nhật còn mạnh, Mặt-trận Việt-minh không dám bạo-động. Được tin Nhật-hoàng đã đầu-hàng không điều-kiện, ngày 16-8, Bộ Tham-Mưu Nhật trao lại cho Phan-Kế-Toại phủ Toàn-Quyền cùng các cơ-quan hành-chánh trực-thuộc.

Sáng 17, Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ do Khâm-sai Phan-Kế-Toại triệu-tập họp tại phủ Khâm-sai (tức là phủ Thống-sứ cũ). Buổi chiều cuộc biểu-tình khổng-lồ do Tổng-Hội công-chức tổ-chức trước công-trường nhà Hát lớn Hà-nội đòi Nhật trả độc-lập thật sự cho dân Việt-nam. Giữa lúc các diễn-giả đang hô-hào dân-chúng thì những phần-tử Việt-minh (đã trà trộn vào Ủy-ban chấp-hành Tổng-Hội công-chức) hạ lá cờ quẻ ly (cờ của chính-phủ Trần-Trọng-Kim) và trưng lá cờ đỏ sao vàng. Cùng lúc đó cán-bộ Việt-minh chiếm máy phóng-thanh hô-hào dân-chúng ủng-hộ Mặt-trận rồi biến Mít-tinh thành biểu-tình tuần hành qua phố Hàng Khay, Bờ-hồ, Hàng Đào, Hàng Ngang, giải-tán ở đường Quan-thánh. Quân-đội Nhật giữ thái-độ khách-quan.

Ngày 18-8, các đoàn Tuyên-truyền xung-phong Việt-minh đi các phố hô-hào dân Hà-nội dự cuộc biểu-tình ngày hôm sau.

Ngày 19-8, một cuộc biểu-tình vĩ-đại được tổ-chức tại công-trường nhà Hát lớn kéo vào dinh Khâm-sai. Phan-Kế-Toại rút lui, trao quyền lại cho Ủy-ban Nhân-dân. Ngày 20-8, các công-sở đều do Việt-minh chiếm Tại các tỉnh — trừ Hà-đông — việc chiếm chính-quyền cũng dễ-dàng như ở Thủ-đô. Các Ủy-ban Nhân-dân được thành-lập, tuyên-bố bỏ mọi thứ thuế.

Ngày 21-8, Tổng-hội Sinh-viên triệu-tập trí-thức, sinh-viên đại-diện các tầng lớp dân-chúng tại Việt-nam Học-xá đường Bạch-mai và đánh điện yêu-cầu Bảo-đại thoái-vị. Bức điện-tín này tới Huế giữa lúc Bảo-đại hoang-mang và định ủy Mặt-trận Việt-minh lập Chính-phủ thay thế Nội-các Trần-Trọng-Kim từ chức.

Ngày 24-8, Bảo-đại quyết-định thoái-vị, đánh điện yêu-cầu Tổng-bộ Việt-minh cử đại-diện vào Huế tổ-chức lễ trao quyền. Ngày 25-8, lễ thoái-vị được tổ-chức trên đài Ngọ-Môn Sau khi tuyên đọc chiếu thoái-vị, Bảo-đại trao ngọc-tỷ và bảo-kiếm cho Trần-Huy-Liệu và Cù-Huy-Cận. Nền quân-chủ cáo-chung.

Ở Nam-kỳ, tình-hình khác hẳn Trung và Bắc-kỳ vì lực-lượng Việt-minh rất ít. Tuy nhiên nhờ sự hành-động mau-lẹ và táo-bạo, Việt-minh nắm được thời-cuộc Ngày 14-8, dưới sự bảo-trợ của Nhật, « Mặt-Trận Quốc-gia thống-nhất » thành-lập gồm có « Việt-nam Độc-lập đảng » của Hồ-Văn-Ngà, « Thanh-niên tiền-phong » của Bác-sĩ Phạm-Ngọc-Thạch, giáo-phái « Cao-đài, Hòa-hảo », « Việt-nam Phục-quốc hội », của Trần-Văn-Ân, các đoàn-thể trí-thức, công-chức và cả nhóm Đệ-tứ của Tạ-Thu-Thâu. Lực-lượng chính của Mặt-Trận Quốc-gia Thống-nhất gồm có đạo quân xung-phong của giáo-phái Cao-đài và Thanh-niên Tiền-phong.

Ngày 16, Ủy-ban Hành-pháp thành-lập. Hồ-Văn-Ngà được cử làm quyền Khâm-Sai, Trần-Văn-Ân giữ chức Hội-trưởng Hội-đồng Nam-kỳ.

Ngày 19, Nguyễn-Văn-Sâm Khâm-sai thực-thụ do Triều-đình Huế cử tới Saigon, liên-lạc với Bộ-Tham-mưu Nhật để nhận võ-khí. Thấy vậy, nhóm Việt-minh do Trần-Văn-Giàu điều-khiển cấp-tốc hoạt-động. Ngày 21, nhiều truyền-đơn được rải khắp Đô-thành Saigon — Chợ-lớn phô-trương thanh-thế của Mặt-trận Việt-minh « một Mặt-trận chống Phát-xít Pháp, Nhật đã chiến-đấu bên cạnh các Cường quốc như Liên-sô, Anh, Mỹ và Trung-hoa ». (1)

Ngày 22, Việt-minh yêu-cầu được họp mặt với đại-biểu « Mặt-trận Quốc-gia Thống-nhất » và nêu thuyết sau đây :

« Nhật-bản là nước bại trận nên Mặt-trận Quốc-gia Thống-nhất do Nhật thành-lập sẽ không được cảm-tình của Đồng-minh và mang lại nhiều sự thiệt-thòi cho đất nước. Trái lại, Mặt-trận Việt-Minh đã chiến-đấu chống Phát-xít Nhật bên cạnh Hoa-kỳ, Liên-sô, Anh và Trung-hoa. Vậy để giữ vững nền độc-lập vừa giành được, Việt-minh xin gia-nhập Mặt-trận Quốc-gia Thống-nhất và sẽ thay mặt các chính-đảng điều-đình với Nhật và Đồng-minh ».

Đại-biểu các chính-đảng quốc-gia không biết rõ dã-tâm của Việt-minh vui lòng để họ đứng ra lãnh-đạo phong-trào. Ngày 25, một cuộc biểu-tình vĩ-đại phô-trương lực-lượng qua các phố lớn Sài-gòn từ 9 giờ tới 18 giờ. Cờ đỏ sao vàng được treo khắp nơi. « Ủy-ban Hành-chính Lâm-thời Nam-bộ » thành-lập gồm 9 ủy-viên, trong số này có 7 Cộng-sản.

Trong khi các đoàn-thể quốc-gia tranh-đấu giành Chính-quyền trong tay Nhật thì các lãnh-tụ cao-cấp của Mặt-trận Việt-minh còn nằm đợi trên chiến-khu. Mãi ngày 2-9-1945, Hồ-Chí Minh mới đưa Chính-phủ lâm-thời ra mắt dân-chúng tại Hà-nội và tuyên-bố thành-lập nền Cộng-hòa Nhân-dân.

Tóm lại, 10 ngày sau khi Nhật đầu hàng, Việt-minh nắm chính-quyền từ Bắc tới Nam. Cuộc Cách-mạng tháng 8 thành-công nhờ lòng ái-quốc của toàn dân nhưng đảng Cộng-sản trá-

(1) Theo cuốn Histoire du Việt-nam của Ph. Devillers

hình dưới chiêu-bài quốc-gia là Mặt-trận Việt-minh đã coi như là công của họ và để củng-cố thế-lực, Việt-minh tìm cách tiêu-diệt các đảng quốc-gia.

III.— CHÍNH-PHỦ LÂM-THỜI DO VIỆT-MINH CẦM ĐẦU CHÚ-TRỌNG TỚI VIỆC TIÊU-DIỆT CÁC ĐẢNG QUỐC-GIA HƠN LÀ CHỐNG NGOẠI-XÂM.

Sau khi Hirosahima và Nagasaki bị hai trái bom nguyên-tử tàn-phá, Nhật-hoàng xin đầu hàng không điều-kiện. Các đạo quân Nhật đồn-trú ở hải-ngoại đợi quân-đội Đồng-minh đến giải-giáp. Với mục-đích tạo một tình-trạng rối-ren làm khó dễ cho quân-Đồng-minh, Nhật khoanh tay ngồi nhìn Việt-Minh chiếm chính quyền và thành-lập chính-phủ Cộng-hòa Nhân-dân. Nhật còn ngầm trao vũ-khí cho người Việt. Theo quyết-định của Hội-nghị Postdam thì công việc giải-giáp quân-đội Nhật từ vĩ-tuyến 16 vào Nam trao cho Anh và từ vĩ-tuyến 16 trở ra trao cho Trung-hoa. Pháp lợi-dụng cơ-hội này để tái-chiếm Đông-dương.

1) Quân Pháp tái-chiếm Nam-bộ.— Ngày 24-3-1945, Chính-phủ lưu-vong De Gaulle công-bố bản tuyên-ngôn cho xứ Đông-dương được tự-trị, sau khi Pháp đánh đuổi được quân Nhật. Năm xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-mên và Ai-lao hợp thành Liên-bang Đông-dương do một chủ-tịch Pháp điều-khiển. Trong Chính-phủ và các Hội-nghị sẽ có người Pháp và người bản-xứ.

Sự đầu-hàng đột-ngột của Nhật-bản làm De Gaulle phải quyết-định gửi quân sang Đông-dương. Ngày 16-8, Tướng Leclerc được cử làm Thượng-tướng chỉ-huy lục-quân. Hôm sau, De Gaulle phong Đô-đốc D'Argenlieu làm Thượng-sứ Pháp tại Đông-dương kiêm Tham-mưu trưởng thủy, lục, không-quân Pháp tại Viễn-đông.

Ngày 17, Leclerc từ giã Ba-lê sang Sàigòn, nhưng khi qua Ấn-độ, Leclerc được vị Tổng chỉ-huy quân-đội Đồng-minh cho biết quyết-định của Hội-nghị Postdam. Leclerc bèn ở lại Ấn-

độ nhờ Chính-phủ Anh giúp tổ-chức đạo quân Pháp tái-chiếm Đông-dương.

Ngày 22-8, phi-cơ Hoàng-gia Anh thả dù xuống Tây-ninh một nhóm Sĩ-quan Pháp do Đại-tá Cédille cầm đầu. Nhóm này bị Nhật đưa về Sàigòn giữ trong Dinh Toàn-quyền. Ngày 24, Cédille được Nhật cho phép liên-lạc với kiều-dân Pháp và ngày 27, Cédille gặp Trần-Văn-Giàu. Cédille đưa ra bản Tuyên-ngôn ngày 24-3 nhưng Giàu không chịu, đòi được độc-lập hoàn-toàn.

Ngày 2-9, một cuộc biểu-tình vĩ-đại được tổ-chức tại Saigon để mừng ngày Chính-phủ Lâm-thời ra mắt quốc-dân ở ngoài Bắc. Khi đoàn biểu-tình qua Nhà Thờ thì súng nổ vào đám biểu-tình, nhiều người chết và bị thương. Lập tức Tự-vệ và Thanh-niên Tiền-phong xông vào phá nhà Pháp-kiều : 5 người Pháp bị giết, vài chục bị thương. Cuộc xung-đột khởi đầu.

Giữa lúc tình-hình ở Nam-bộ trở nên vô cùng rối-ren thì phái-đoàn Anh, do Tướng Gracey chỉ-huy, tới Saigon.

Ngày 4-9, Anh yêu-cầu Đô-đốc Terauchi Tổng-tham-mưu trưởng Nhật vùng Đông-Nam Á phải lập lại trật-tự và tước khí-giới của Tự-vệ Việt-nam. Đồng-thời tù-binh Pháp được thả ra và đệ nhị Sư-đoàn Pháo-thủ Pháp được phi-cơ Anh chở tới Sàigòn.

Quân Pháp thay-thế quân Nhật chiếm đóng Hải-cảng, Công binh-xưởng. Một số Pháp-kiều sống lâu năm ở Việt-nam như nhà trồng-tỉa Bazé và luật-sư Béziat khuyên Cédille dùng võ-lực chiếm lại Nam-kỳ. Ngày 19-9, trong buổi hội họp báo-chí, Cédille tuyên-bố « Việt-minh không thể bảo-vệ trật-tự và tránh những cuộc cướp bóc. Phải có trật-tự đã rồi chúng tôi sẽ thiết-lập một Chính-phủ theo bản tuyên-ngôn ngày 24-3 ».

Tuyên-bố của Tướng Cédille gây một phản-ứng rất mạnh : các đoàn-thể ái-quốc phá-hoại phi-trường Tân-sơn-nhất, thương-cảng Saigon, ám-sát Pháp-lai và Việt-nam thân Pháp. Những truyền-đơn hô-hào tổng đình-công được phát khắp nơi.

Ngày 21-9, Tướng Gracey ra lệnh thiết quân-luật và xử tử những người có hành-động phá-hoại hoặc cướp nhà ngoại-kiều. Nhiều báo chí bị đóng cửa và thường-dân không được võ-trang. Quân Anh mở đề.lao thả Pháp-kiều bị Việt-minh cầm tù, võ-trang 1.400 quân-nhân Pháp bị Nhật tước khí-giới và tập-trung trong các trại lính từ lâu. Hôm sau bọn lính Pháp này xông vào các phố Việt-nam gây chuyện : nhiều thường-dân bị giết và bị thương. Dựa vào thế-lực quân-đội Anh, Cédille quyết định hành-động: Đêm 22 rạng sáng ngày 23, quân Pháp chiếm các đồn Cảnh-sát, Ngân-khố, Sở Công-an và mờ sáng chiếm Tòa Đô-sảnh. Ủy-ban Hành-chính Nam-bộ rút ra khỏi Đô-thành. Trong 2 ngày 22 và 23, số người Việt-nam bị đánh đập và giam cầm rất nhiều. Tin này được phóng-viên các báo ngoại-quốc đánh đi khắp nơi, Gracey phải tước khí-giới quân-đội Pháp và trao cho quân Nhật giữ trật-tự.

Ngày 25-9, để trả thù, những phần-tử quá-khích đột nhập trú-khu Hérault ở Tân-định tàn-sát những người Pháp tập-trung ở đó. Lệnh tổng bãi-công, bãi-thị và phá-hoại nhà máy nước, máy điện được triệt-để thi-hành. Sài-gòn sặc mùi thuốc súng. Theo lệnh của Chính-phủ Luân-đôn, Gracey đứng ra điều-đình. Ngày 2-10, đại-diện Pháp hội họp với Ủy-ban Hành-chính Nam-bộ nhưng cả hai bên đều đưa ra những điều-kiện không thể nhận được.

Để giải vây Sài-gòn, ngày 12, quân Anh chiếm Gia-định, Gò-vấp, ngày 23 và ngày 25, Liên-quân Anh — Ấn chiếm Thủ-dầu-một và Biên-hòa. Tướng Leclerc tới Sài-gòn từ 5.10 nhưng 20 ngày sau viện-binh Pháp mới tới đủ. Từ Sài-gòn quân Pháp chiếm đóng Mỹ-tho, Vĩnh-long, Cần-thơ (tháng 10), Tây-ninh (tháng 11). Ngày 19-11, quân Pháp đổ bộ lên Nha-trang, ngày 1-12, chiếm Ban-mê-thuột và làm chủ miền Cao-nguyên. Trong tháng giêng 1946, lần lượt các tỉnh Sa-đéc, Long-xuyên, Châu-đốc, Rạch-giá, thất-thủ và đến đầu tháng 2 tất cả Nam-bộ lọt vào tay quân Pháp. Ngày 28-1-1946, Tướng Gracey trao

quyền lại cho Pháp. Đúng 0 giờ ngày 5-3, tên Ilnh Anh cuối cùng về nước.

Thượng-sứ d'Argenlieu tới Sài-gòn ngày 31-10.1946 và tổ-chức Chính-phủ Liên-bang theo đúng bản Tuyên-ngôn ngày 24-3-1945. Công việc này kéo dài tới mấy tháng. Về phía Việt-nam, ít người dám cộng-tác với Pháp vì ban ám-sát Việt-Minh còn hoạt-động mạnh. Mãi tới ngày 4-2-1946 « Hội-đồng cố-vấn Nam-kỳ » mới thành-lập với 12 ủy-viên trong đó có 4 người Pháp 7 Việt-nam có quốc-tịch Pháp.

Ngay sau khi Trần-Văn-Giàu bắt liên-lạc với Cédille, uy-tín Mặt-trận Việt minh giảm đi rất nhiều. Ngày 10-9-1945, Trần-Văn-Giàu phải từ chức chủ-tịch, Ủy-ban mở rộng, số đại-biểu Việt-Minh chỉ còn 4 trên 13 (trong Ủy-ban trước tỷ-số là 6 trên 9). Trong thời-kỳ còn điều-khiển phong-trào kháng-chiến, Trần-Văn-Giàu sai ám-sát nhiều lãnh-tụ các đảng quốc-gia (như Hồ-văn-Ngà) nhưng về sau Trần-văn-Giàu phải trốn ra Bắc mới thoát khỏi tay Bình-xuyên.

2) Quân-đội Trung-hoa sang Bắc-kỳ và Việt-minh ký hiệp-ước để Pháp trở lại miền Bắc.

Thi-hành quyết-định của Hội-nghị Postdam, Trung-hoa phụ-trách giải-giáp và hồi-hương quân-đội Nhật ở phía Bắc vĩ-tuyến 16. Bốn Sư-đoàn vào Bắc-kỳ theo những đường sau đây:

— Sư-đoàn Vân-nam số 93 qua Lào-cai theo đường thiết-lộ về đóng ở Hà-nội.

— Sư-đoàn trung-ương số 62 qua Lạng-sơn, Cao-bằng về đóng ở Hà-nội.

— Sư-đoàn trung-ương số 52 do đường thủy đổ bộ lên Hải-phòng đóng miền duyên-hải.

— Sư-đoàn Vân-nam số 60 đóng từ Vinh tới Đà-nẵng.

Tổng cộng 180.000 quân-đội đặt dưới quyền chỉ-huy của Tướng Lư-Hán. Tướng Tiêu-Văn giữ chức cố-vấn chính-trị.

Đạo quân tiền-phong tới Hà-nội ngày 9-9-1945. Ngày 18, phi-cơ của Lư-Hán tới phi-trường Gia-lâm. Đại bản-doanh đặt ở Phủ Toàn-quyền gần vườn Bách-thảo. Lư-Hán tuyên-bố nước Trung-hoa không có tham-vọng đất-đai và sẽ giúp Việt-nam thực-hiện nền độc-lập theo đúng chương-trình của các cường-quốc thắng trận. Tuy tuyên-bố như vậy, thâm-ý của Lư-Hán là lợi-dụng sự có mặt của quân-đội uy-hiếp Việt-nam dành nhiều quyền-lợi kinh-tế và chính-trị cho Trung-hoa.

Thấy Việt-Minh là Cộng-sản trá-hình và có ý-định bắt tay với Pháp (trước khi Lư-Hán tới Việt-Nam thì đại-diện Pháp là Sainteny theo Tướng Hoa-kỳ Patty đã ở Hà-nội và đã nhiều lần gặp Hồ-Chí-Minh), Lư-Hán đưa lãnh-tụ của các chính-đảng quốc-gia về nước. Nhờ võ-khí do quân-đội Trung-hoa cấp, Việt-Nam Quốc-dân đảng và Việt-Nam Cách-mạng Đồng-minh-Hội chiếm tỉnh Lào-cai, Yên-bái, Phú-thọ, Việt-trì, và đặt căn-cứ tại Vĩnh-yên.

Phục-quốc và Đại-việt Duy-dân chiếm Lạng-sơn và các châu lân-cận. Kim-Nhật-Thành chiếm Móng-cái ; Tiên-yên, Hồng-gai, uy-hiếp Quảng-yên, Hải-phòng.

Lãnh-tụ các chính-đảng quốc-gia về Hà-nội tập-trung ở khu-vực giữa Quan-thánh và Ngũ-xã, phát truyền-đơn, xuất-bản báo Thiết-thực, Việt-Nam, dùng phóng-thanh tố-cáo Việt-Minh đã bội-ước lời cam-kết tại Hội-nghị Liễu-châu năm 1942, yêu-cầu Hồ-Chí-Minh giải-tán chính-phủ Việt-Minh thay thế bằng một Chính-phủ Liên-hiệp gồm đại-diện của tất cả các đảng-phái.

Thấy quân-đội Trung-hoa hết sức ủng-hộ các Chính-đảng Quốc-gia, Việt-Minh nhượng-bộ và dùng kế li-gián. Hồ-Chí-Minh tới gặp Nguyễn-Hải-Thần tại trụ-sở Đồng-minh Hội đường Quan-thánh và hai lãnh-tụ cam-kết hợp-tác. Việt-nam Quốc-dân đảng không chịu, tiếp tục đòi giải-tán Chính-phủ Việt-Minh do Cộng-sản cầm đầu và thành-lập một Chính-phủ Liên-hiệp gồm đại-diện của các đảng-phái và các tầng-lớp dân-chúng.

Thấy các cường-quốc và nhất là Chính-phủ Trung-hoa không muốn có một Chính-phủ Cộng-sản ở Việt-nam, ngày 11.11, đảng Cộng-sản Đông-dương tự giải-tán. Hồ-Chí-Minh đưa ra một dự-án Hiến-pháp để trưng cầu dân-ý và ấn-định Tổng tuyển-cử vào ngày 23-12-1945.

Để đối-phó với hành-động xảo-quyệt trên, 3 đảng quốc-gia (Đồng-minh hội, Việt-nam Quốc-dân đảng, Đại-việt) họp thành « Khối quốc-gia » để tổ-chức một đội tự-vệ võ-trang đầy-đủ. Ngày 12-11 là ngày kỷ-niệm Đức Khổng-Tử, khối Quốc-gia tổ-chức mít-tinh tại công-trường nhà Hát-lớn. Nguyễn-Hải-Thần công-khai kết tội Mặt trận Việt-Minh. Do đó có cuộc chạm súng.

Ngày 19-11, Tiêu-Văn triệu-lập lãnh-tụ các chính đảng và đạt được kết-quả sau đây: Đồng-minh-hội, Việt-nam Quốc-dân đảng và Việt-Minh quyết-định theo một chính-sách chung, thiết lập Chính-phủ Liên-hiệp Quốc-gia, hợp-nhất các lực-lượng quân-sự thành quân-đội quốc-gia và hứa không dùng võ-lực để giải-quyết các vụ tranh-chấp.

Nhưng Việt-Minh nhận điều-kiện trên chỉ là kế hoãn-binh. Ngày 3.12, Hồ Chí-Minh để các báo xuất-bản tại Hà-nội công-bố bức thư gửi cho Nguyễn-Hải-Thần và Nguyễn-Tường-Tam nói không cần lập Chính-phủ Liên-hiệp Quốc-gia vì chỉ còn 3 tuần-lễ nữa đã tới Tổng tuyển-cử.

Nhưng Tổng tuyển-cử là việc mà Đồng-minh hội và Việt-nam Quốc-dân đảng không muốn có vì ai cũng biết trước rằng Việt-Minh sẽ dùng đủ mọi phương-tiện để chiếm đa-số. Hai đảng quốc-gia kêu gọi dân-chúng tẩy chay Tổng tuyển-cử, dùng võ-lực đối phó lại những vụ ám-sát, bắt cóc do Việt-Minh tổ-chức. Thủ-đô Hà-nội sống những ngày đen tối.

Thấy Trung-hoa có cảm-tình với các Chính-đảng quốc-gia, Hồ-Chí-Minh bèn thay đổi chiến-lược và quay về bắt tay với Pháp. Ngày 28-9, Hồ gặp Alessandri và Pignon, ngày 15-10, gặp Sainteny và tự đó luôn luôn tiếp-xúc với giáo-sư Caput, Thư-ký Chi-bộ Xã-hội ở Hà-nội.

Không muốn Pháp trở lại miền Bắc, Tiêu-Văn cố thực-hiện sự hợp-tác giữa khối Quốc-gia và Mặt-trận Việt-Minh. Tiêu-Văn lung-lạc những lãnh-tụ Việt-Minh đã hoạt-động lâu năm ở Trung-quốc. Ngay trong Tổng-bộ Việt-Minh cũng có sự chia rẽ : một nhóm hướng về Pháp, một nhóm hướng về Trung-hoa.

Dưới áp-lực của Tiêu-Văn, Việt-Minh phải hoãn Tổng tuyển-cử tới ngày 6-1-1946, dành cho khối Quốc-gia 70 ghế trong Quốc-hội và tuyên-bố Chính-phủ lâm-thời sẽ giải-tán để Quốc-hội bầu Chính-phủ chính-thức thay thế.

IV.— NGÀY 6-3-1945, VIỆT-MINH KÝ HIỆP-ĐỊNH SƠ-BỘ VÀ ĐỂ PHÁP ĐỔ BỘ LÊN HẢI-PHÒNG.

1) Leclerc có nhiệm-vụ đặt lại nền thống-trị Pháp trên bán-đảo Đông-dương.— Từ ngày 15-8-1945, ngày Thế-giới đại-chiến thứ nhì kết-liễu đến cuối tháng giêng 1946, nhờ sự ủng-hộ của Anh, Leclerc chiếm xong Nam-kỳ và Cao-miên rồi đặt chân lên đất Lào. Chỉ còn miền Bắc vĩ-tuyến 16 vẫn do Chính phủ Việt-Minh nắm giữ và quân-đội Trung-hoa chiếm đóng.

Pháp không dám dùng võ-lực vì phải đương đầu với 180.000 quân Trung-hoa và 35.000 quân Nhật. Vậy muốn giải-quyết vấn-đề Bắc-kỳ, Pháp phải điều-đình thẳng với Tưởng-Giới-Thạch và với Việt-Minh.

a) Việc điều-đình với Trung-hoa gặp nhiều khó khăn : Hồi tháng 10 năm 1945, Đô-đốc D'Argenlieu sang Trùng-khánh, được Tưởng-Giới-Thạch tiếp và hứa sẽ xét lại vấn-đề Đông-dương.

Sau đó, Chính-phủ Pháp ủy đại-sứ Trùng-khánh điều-đình để Trung-hoa rút quân về sau khi giải-giáp xong quân-đội Nhật và công-nhận chủ-quyền của Pháp tại Đông-dương. Cuộc mặc-cả kéo dài và ngày 28-2-1946 Hiệp-ước Pháp-Hoa ký kết. Pháp sẽ trả lại tô-giới ở Thượng-hải, Thiên-tân, Hán-khẩu, Quảng-châu và nhượng-địa Quảng-châu-loan, bán cho Trung-hoa thiết-

lộ Lào-cai — Côn-minh, xét lại quy-chế Hoa-kiều ở Đông-dương v. v... Trung-hoa công-nhận chủ-quyền của Pháp ở Đông-dương, bằng lòng để quân-đội Pháp thay quân-đội Trung-hoa ở bắc vĩ-tuyến 16. Quân Trung-hoa sẽ bắt đầu rút về, vào khoảng từ 1 tới 15 tháng 3 và chậm lắm là ngày 31-3 tên lính Trung-hoa cuối cùng phải dời khỏi Việt-nam.

Được tin Hiệp-định đã ký kết, Leclerc ra lệnh cho hạm-đội Pháp tiến ra Bắc.

b) Việc điều-đình với Việt-Minh cũng không dễ-dàng. Pháp biết rõ Mặt-trận Việt-Minh là đảng Cộng-sản trá hình dưới chiêu-bài quốc gia nên đã nhiều lần tiếp-xúc với Vĩnh-Thụy (Cựu-hoàng Bảo-đại), Nguyễn-Hải-Thần và Nguyễn-Tường-Tam lãnh-tụ phong-trào quốc-gia. Nhưng Vĩnh-Thụy trả lời không có ý trở lại trường chính-trị, còn Nguyễn-Hải-Thần và Nguyễn-Tường-Tam thì nhất-định không chịu điều-đình với Pháp. Túng thế, Sainteny phải quay ra nói chuyện với Hồ Chí-Minh.

Cuộc điều-đình giữa Sainteny và Hồ-Chí-Minh kéo dài vì Pháp nhất định không chịu dùng danh-từ « độc-lập », còn Hồ-Chí-Minh thì không dám nhượng-bộ nhiều quá sợ phản-ứng của dân-chúng.

Hồi đó tinh-thần ái-quốc của toàn dân đã lên rất cao, những người thân Pháp đều bị liệt vào tội phản-quốc. Việc Hồ-Chí-Minh điều-đình với Pháp bị Đồng-minh hội và Việt-nam Quốc-dân đảng phanh phui trên báo Thiết-thực và Việt-nam. Khối Quốc-gia yêu-cầu thành-lập một Chính-phủ Liên-hiệp Kháng-chiến mời Cố-vấn Vĩnh-Thụy giữ ghế chủ-tịch.

Hồ-Chí-Minh lâm vào tình-trạng khó xử. Cuộc điều-đình bí-mật đã tới chỗ thành-công nhưng quốc-dân và ngay một nhóm trong Tổng-bộ Việt-minh nhất-định không chịu điều-đình với Pháp. Hồ-Chí-Minh không dám nhận trách-nhiệm ký bản Thỏa-ước và tìm cách lôi kéo một số lãnh-tụ quốc-gia. Sáng 23-2-1946, Hồ-Chí-Minh thân đến tư thất Cố-vấn Vĩnh-Thụy ở đường Gambetta ngỏ ý rút lui để Vĩnh-Thụy lên cầm quyền, ký hiệp-

định với Pháp. Nhưng đến chiều, Hồ thay đổi thái-độ vì đã tìm được giải-pháp khác lợi hơn. Giải-pháp đó là việc được sự thỏa-thuận của Tiêu-Văn mời các đoàn-thể quốc-gia tham-dự vào Chính-phủ Liên-hiệp để ký-kết với Pháp.

Ngày 24-2, tại Hội-quán Trung-hoa Hà-nội, dưới sự chủ-tọa của Tiêu-Văn, đại-diện các đảng-phái thỏa-thuận về nguyên-tắc thành-lập Chính-phủ Liên-hiệp Kháng-chiến theo thành-phần sau đây :

Việt-minh và Dân-chủ đảng giữ 4 bộ : Tài-chính, Giao-thông Công-chính, Giáo-dục và Tư-pháp.

Việt.nam Quốc-dân đảng và Đồng-minh hội giữ 4 bộ : Ngoại-giao, Kinh-tế, Canh-nông và Y-tế.

Hai bộ quan-trọng nhất là Nội.vụ và Quốc-phòng trao cho 2 vị không đảng phái.

Cuộc điều-đình với các đảng quốc-gia thành-công, Hồ-Chí-Minh triệu tập Quốc-hội vào ngày 3-1-1946 tại Hà-nội.

Nhưng vì nhận được tin hạm-đội Pháp đã khởi-hành từ Saigon ngày 1-3 nên Việt-Minh phải vội-vàng họp Quốc-hội vào ngày 2 và dời địa-điểm họp sang một làng thuộc phủ Từ-sơn, tỉnh Bắc-ninh.

Sau 4 tiếng rưỡi đồng hồ, Quốc-hội công-nhận 70 nghị-sĩ thuộc các chính-đảng Quốc-gia, thông qua Hiến-pháp và bầu Chính-phủ Liên-hiệp Kháng chiến, Cố-vấn đoàn và Ủy-ban Kháng chiến. Họp xong Quốc-hội giải-tán ngay để các nghị-sĩ trở về đơn-vị của mình. Ngày 4-2 Tân Chính-phủ họp phiên đầu-tiên tại nhà Hát-lớn Hà-nội.

Hải-quân Pháp gần tới Hải-phòng mà cuộc điều-đình giữa Sainteny và Tham-mưu trưởng của Lư-Hán về việc để quân Pháp đổ-bộ lên Hải-phòng chưa có kết-quả. Tướng Trung-hoa nói chưa có lệnh của Trùng-khánh. Sainteny tìm Hồ-Chí-Minh thì Hồ cũng kéo dài cuộc mặc-cả.

Sáng 6-3, tàu chiến Pháp theo sông Cửa-Cấm vào Hải-phòng.

Quân Trung-hoa nã súng cản lại. Tàu Triomphant trúng đạn, 24 người tử trận. Lúc đó Leclerc hạ lệnh bắn lại. Kho chứa đạn dược mà quân Trung-hoa tước của Nhật ở Sáu-Kho trúng đạn nổ rền trong hơn tiếng đồng-hồ.

Khi tin này tới Hà-nội thì Sainteny và Hồ-Chí-Minh đương thảo-luận về những điểm trong Thỏa-ước. Hồi 16 giờ, Hiệp-định Sơ bộ Việt-Pháp được ký kết giữa Sainteny đại-diện nước Pháp và Hồ-Chí Minh cùng Vũ-Hồng Khanh đại-diện Việt-nam, Nguyễn Hải-Thần và Nguyễn-Tường-Tam phản-đối việc điều-đình nên nhất-định không chịu ký.

Hiệp-định Sơ-bộ gồm có những khoản chính sau đây :

1) Chính-phủ Pháp công-nhận nước Cộng-hòa Việt-nam là một quốc-gia tự-do có Chính-phủ, Quốc-hội, quân-đội và tài-chính riêng. Cộng-hòa Việt-nam ở trong Liên-bang Đông-dương và trong Khối Liên-hiệp Pháp.

Về vấn-đề thống-nhất ba Kỳ, chính-phủ Pháp cam-đoan theo quyết-định của cuộc trưng-cầu dân-ý.

2) Chính-phủ Việt-nam tuyên-bố sẵn-sàng tiếp-đón trong tình hữu-nghị quân-đội Pháp tới thay thế quân-đội Trung-hoa theo đúng các hiệp-ước quốc-tế.

3) Những điều quy-định nói trên được thi-hành ngay. Sau khi ký kết, hai Chính-phủ sẽ dùng những phương-sách cần-thiết để đình-chỉ ngay những cuộc xung-đột, đóng quân ở vị-trí hiện-thời, tạo một bầu không-khí thuận-tiện cần cho việc mở ngay những cuộc điều-đình thân-mật và thành-thực. Những cuộc điều-đình này sẽ bàn về vấn-đề liên-lạc ngoại-giao của Việt-nam đối với các nước ngoài, về quy-chế tương-lai của xứ Đông-dương, về quyền-lợi kinh-tế và văn-hóa của Pháp tại Việt-nam.

Hà-nội, Sài-gòn và Ba-lê có thể chọn làm địa-điểm đàm-phán.

Cùng ngày hôm đó, Võ-Nguyên-Giáp đại-diện Chính-phủ Liên-hiệp Kháng-chiến ký với Sainteny và Salan phụ-khoản ấn-

định về số quân-đội Pháp sẽ đồn-trú ở Việt-Nam để thay thế quân-đội Trung.hoa.

Ngày 18.3, quân Pháp (1.000 quân và 200 xe) theo đường số 5 lên Hà-nội không gặp trở-ngại gì.

Ngày 22-3, sau lễ đặt vòng hoa trước đài Chiến-sĩ trận-vong, Leclerc và Võ-Nguyên-Giáp chủ-tọa cuộc diễn-binh. Pháp phô-trương hết lực-lượng quân-sự để thị.uy.

V.— TẠM-ƯỚC 14-9-1946 LÀM ÊM-DỊU TÌNH-HÌNH CĂNG-THẲNG GIỮA PHÁP VÀ VIỆT TRONG MỘT THỜI-GIAN NGẮN-NGỦI :

1) Thượng-sứ d'Argenlieu chịu ảnh-hưởng của nhóm Pháp-kiều thực-dân tìm cách phá Hiệp-định sơ-bộ.

Sau khi ký Hiệp.định sơ-bộ, Việt-Minh theo đúng điều-kiện ấn.định và quân-đội Pháp chuyển.vận đi đóng các địa-điểm quân-sự không gặp trở-ngại gì. Tướng Leclerc cũng tỏ ra thành-thực.

Nhưng chịu ảnh-hưởng tai.hại của nhóm Pháp-kiều đã sống lâu năm tại Việt-nam và chưa gột hết óc thực-dân, D'argenlieu bất.mãn thấy Leclerc điều-đình với Việt-nam.

Nhất là vì khoản I của Hiệp-định Sơ-bộ về vấn-đề thống-nhất ba kỳ sau một cuộc trưng-cầu dân-ý. Họ tìm cách tách Nam-kỳ ra khỏi ảnh-hưởng của Việt-nam rồi dùng miền này làm căn cứ tấn-công ra Bắc đặt lại nền thống-trị như xưa.

Ngay hồi cuối năm 1945, Pháp đã nâng-đỡ và khuyến-khích một số trí-thức và cựu công-chức Việt-nam lập « đảng Nam-kỳ » với chương-trình tự-trị. Bây giờ là lúc phải hành-động quyết-liệt.

Ngày 26-3, Hội-đồng Tư-vấn Nam-kỳ bầu Bác-sĩ Nguyễn-Văn-Thinh làm chủ-tịch «Chính-phủ Lâm-thời Cộng-hòa Nam-kỳ ». Chính-quyền Pháp ngầm tổ-chức nhiều cuộc biểu-tình với những khẩu-hiệu chia rẽ, đòi cho Nam-kỳ được tự-do trong khối Liên-hiệp Pháp.

Trước sự ngoan-cố của d'Argenlieu, Việt-Minh cử Tướng Nguyễn-Bình làm Tư-lệnh Quân-khu Nam-bộ. Nguyễn-Bình ra lệnh ám-sát những phần-tử thân Pháp và tấn-công vào những đồn nhỏ gây hoang-mang trong dân-chúng.

Khi Tướng Valluy đại-diện Tướng Leclerc vào Sàigòn trình về tình-hình ở Bắc-kỳ sau khi quân Pháp đổ bộ lên Hải-phòng, D'Argenlieu nói với một giọng mỉa-mai : « Tôi rất ngạc-nhiên thấy nước Pháp có một đạo quân viễn-chinh hùng-mạnh ở Đông-dương mà các vị chỉ-huy đạo quân đó ưa điều-đình hơn là chiến-đấu ». (1)

Thấy Thượng-sứ d'Argenlieu chống lại sự thống-nhất ba Kỳ, Hồ-Chí-Minh giục chính-phủ Pháp ấn-định ngày mở cuộc Hội-nghị tại Ba-lê theo đúng khoản 3 của Hiệp-định Sơ-bộ.

D'Argenlieu tìm cách kéo dài thì giờ nên đề-nghị mở ngay cuộc Hội-nghị Đà-lạt để hai bên thỏa-thuận trước về các vấn-đề sẽ đem ra bàn-cãi ở Ba-lê.

Hội-nghị họp tại Đà-lạt từ 17-4 đến 12-5, Phái-đoàn Việt-nam do Ngoại-trưởng Nguyễn-Tường-Tam cầm đầu (2).

Phái-đoàn Pháp do Max André cầm đầu gồm có một số chuyên-viên.

Ngay trong phiên họp thứ nhất đặt dưới quyền chủ-tọa của Thượng-sứ D'Argenlieu, bầu không-khí đã khó thở. Phái-đoàn Việt-nam đòi đặt vấn-đề Nam-kỳ lên đầu chương-trình nghị-sự. Phái-đoàn Pháp không chịu cho rằng vấn-đề này ngoài phạm-vi định-đoạt của Hội-nghị. Về các vấn-đề kinh-tế, văn-hóa, cuộc thảo-luận cũng rất gay go.

Trong khi Hội-nghị đương họp ở Đà-lạt thì D'Argenlieu tìm mọi cách để Chính-phủ Ba-lê công-nhận nền tự-trị của Nam-kỳ. Ngày 23-4, một Phái-đoàn do Đại-tá Nguyễn-Văn-Xuân

---

(1) Theo cuốn Histoire du Viêtnam của Philippe Devillers.

(2) Phái đoàn Việt-Nam gồm có : Võ-Nguyên-Giáp, Vũ-Hồng-Khanh, Hoàng-Xuân-Hãn, Vũ-Văn-Hiền, Trịnh-Văn-Bính, Nguyễn-Mạnh-Tường, Cù Huy-Cận, Nguyễn-Văn-Huyên và Dương-Bạch-Mai.

(sau thăng Thiếu-tướng) cầm đầu sang Ba-lê xin cho Nam-kỳ được tự-trị.

Ngày 10-5, Bác-sĩ Nguyễn-Văn-Thinh bí-mật lên Đà-lạt gặp Pignon trình danh-sách nhân-viên Chính-phủ của xứ Nam-kỳ tự-trị. Ngày 1-6, tại công-trường Pigneau de Béhaine (nay là công-trường Hòa-bình) nước Cộng-hòa Nam-kỳ tự-trị được long-trọng tuyên-bố thành-lập. Bác-sĩ Nguyễn-Văn-Thinh giữ chức Thủ-tướng kiêm Nội-vụ.

Song song với việc lập xứ Nam-kỳ tự-trị, Thượng-sứ d'Argenlieu xui các Tù-trưởng vùng Cao-nguyên xin được tự-trị. Ngày 27-5, xứ Cao-nguyên miền Nam Đông-dương được thành-lập, và sau gọi là xứ Tây-kỳ.

Thượng-sứ D'Argenlieu khai-sinh cho hai xứ Nam-kỳ và Tây-kỳ tự-trị trước khi Phái-đoàn Việt-minh sang dự Hội-nghị Fontainebleau để đặt nước Pháp trước một sự đã rồi và như vậy Hội-nghị khó bề đi tới chỗ thành-công.

3) Hội-nghị Fontainebleau đưa tới Tạm-ước 14-9-1946. — Tuy gặp nhiều trở-lực do Thượng-sứ D'Argenlieu tạo nên, Hồ-Chí-Minh cầm đầu phái đoàn sang Pháp dự Hội-nghị, hy-vọng Chính-phủ Ba-lê sẽ giải-quyết vấn-đề thống-nhất Việt-nam.

Trước khi khởi-hành, Hồ-Chí-Minh lập Hội Liên-hiệp Quốc-dân Việt-nam gọi tắt « Liên-Việt » do nhà chí-sĩ lão-thành không đảng phái Huỳnh-Thúc-Kháng làm chủ-tịch. Tất cả các đoàn-thể cứu-quốc gia-nhập Hội Liên-việt để tỏ cho Pháp biết rằng toàn dân đứng sau lưng Phái-đoàn và Chính-phủ Liên-hiệp không phải là Chính-phủ Cộng-sản. Nhưng thành-phần Ba Chấp-hành Hội Liên-việt gồm đa-số cộng-sản.

Trong khi Hồ-Chí-Minh đi Pháp, Huỳnh-Thúc-Kháng được cử quyền Chủ-tịch Chính-phủ. Khi Phái-đoàn Việt-Minh tới đất Pháp thì Pháp đương tổ-chức Tổng-tuyển cử.

Trông khi chờ đợi Tân Chính-phủ Pháp thành-lập, Phái-đoàn nghỉ mát tại Biarritz. Ngày 27-6, (ba ngày sau khi Chính-phủ Pháp

thành-lập). Phái-đoàn tới Ba-lê, Sau những nghi-lễ thường-thức, ngày 6-7, Hội-nghị họp ở lâu đài Fontainebleau cách Ba-lê chừng 60 cây số.

Phái-đoàn Việt-nam do Phạm-Văn-Đồng cầm đầu, Phái-đoàn Pháp thì do Max André và cả hai Phái-đoàn có nhiều nhân-vật đã dự Hội-nghị Đà-lạt. Trong buổi lễ khai-mạc, sau bài diễn-văn chào mừng của Max André, Phạm-Văn-Đồng đọc một bài diễn-văn nẩy lửa chỉ-trích chính-sách của Thượng-sứ D'Argenlieu và tạo nên một bầu không-khí nặng-nề.

Chương-trình nghị-sự được công-nhận ngày 9-7 và gồm 5 điểm sau đây:

1) Vấn-đề Việt-nam gia-nhập Khối Liên-hiệp Pháp, và sự liên-lạc ngoại-giao của Việt-nam với ngoại-quốc.

2) Cách tổ-chức Liên-bang Đông-dương.

3) Vấn-đề thống-nhất ba Kỳ và trưng-cầu dân-ý ở Nam-kỳ.

4) Các vấn-đề kinh-tế.

5) Thảo Dự-án Hiệp-ước.

Cuộc thảo-luận kéo dài và trở nên gay-go khi bàn tới khoản 3. Hai Phái-đoàn đều giữ-vững lập-trường của mình. Trong khi đó thì nhiều việc xảy ra ở Việt-Nam làm gián-đoạn công việc của Hội-nghị.

Ngày 25-7, D'Argenlieu tuyên-bố sẽ triệu-tập vào ngày 1-8 tại Đà-lạt đại-biểu Nam-kỳ, Cao-miên, Lào để thành-lập Liên-bang Đông-dương. Đại-biểu miền Nam Trung-kỳ và Cao-nguyên đóng vai bàng thính. Phạm-Văn-Đồng tố-cáo sự không thành-thực này của Pháp.

Ngày 6-8, đoàn quân-xa Pháp bị đánh úp trên đường Bắc-ninh — Hà-nội. Tin này làm cho vài đảng chính-trị Pháp tố-cáo Việt nam « giết quân-đội Pháp trong khi hai Phái-đoàn điều-đình ở Fontainebleau ».

Cuộc điều-đình không tiến được bước nào và ngày 12-9 Hội-nghị tan vỡ.

Ngày 13, Phái-đoàn Việt-nam xuống Toulon để ngày 16 đáp tầu Pasteur về nước. Hồ-Chí-Minh nhất-định không chịu dùng đường hàng-không nên Pháp để chiếc-hạm Dumont d'Urville đưa về nước. Hồ phải lưu lại Ba-lê thêm vài hôm đợi tầu. Đêm 14 hồi 12, giờ Hồ-Chí-Minh tới gặp Moutet Bộ-trưởng Pháp-quốc Hải-ngoại và ký một Tạm-ước gồm có những điểm chính sau đây :

— Chính-phủ Pháp và Việt cương-quyết theo đuổi với lòng tin cậy lẫn nhau chính-sách hợp-tác ấn-định bởi Hiệp-định Sơ-bộ ngày 6-3-1946.

— Tạm-ước phải tạo ra trong một tương-lai gần bầu không-khí hòa-hoãn và tin cậy để đi đến sự ký kết một Hiệp-ước tổng-quát tối-hậu.

— Nước Việt-nam nhận nguyên-tắc đơn-vị tiền-tệ và quan-thuế Đông-dương, đồng bạc nằm trong khu-vực đồng phật-lăng.

— Một Uỷ-ban hỗn-hợp sẽ ấn-định cách giải-quyết vấn-đề đại-diện Việt-nam tại các nước láng giềng.

— Nước Việt-nam cam-kết sẽ dành quyền ưu-tiên cho người Pháp mỗi khi cần tới cố-vấn và chuyên-viên. Chỉ khi nào nước Pháp không cung-cấp được thì Việt-nam mới được nhờ tới nước khác.

— Tài-sản và xí-nghiệp Pháp tại Việt-nam sẽ theo chế-độ áp-dụng cho tài-sản và xí nghiệp của người Việt. Những tài-sản Pháp mà Chính-phủ Việt-nam trưng-thu sẽ trả lại sở-hữu chủ.

— Kiều-dân Pháp ở Việt-nam được hưởng những quyền dân-chủ dành cho người Việt. Trái lại Việt-kiều ở Pháp cũng được hưởng những quyền dân-chủ dành cho người Pháp.

— Những cơ-quan khoa-học, những trường học Pháp được tự-do hoạt-động tại Việt-nam.

— Hai Chính-phủ Pháp-Nam quyết-định chấm rứt những

hành-động cửu-địch và bạo-động ở Nam-kỳ và miền Nam Trung-kỳ. Cả hai bên không được tuyên-truyền chống nhau. Các tù-binh chính-trị và quân-nhân sẽ được phóng-thích.

Kiều-dân Pháp và Việt được hưởng những quyền dân chủ. Hai Chính-phủ cam-kết không khủng-bố và kết tội những người thân Pháp hoặc thân Việt.

— Hai Chính-phủ sẽ ấn-định ngày và thể-thức cuộc Trưng-cầu dân-ý về việc thống-nhất ba Kỳ.

Tạm-ước này có hiệu-lực kể từ 30-10-1946. (1)

VI.— VIỆT-MINH NHƯỢNG-BỘ PHÁP ĐỂ RẢNH TAY LOẠI TRỪ CÁC ĐẢNG ĐỐI-LẬP VÀ ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI TÌNH-HÌNH KHÓ-KHĂN Ở TRONG NƯỚC.

1) Việc trừ các đảng Quốc-gia đối-lập là điều Việt-Minh chú-trọng tới nhiều nhất. Năm 1943, tại Trung-hoa, nhờ sự can-thiệp của Nguyễn-Hải-Thần, Hồ-Chí-Minh được tha ra và đảng Việt-minh gia-nhập Đồng-minh hội. Trong khi lãnh-tụ các đảng quốc-gia ở bên Trung-hoa thì Hồ-Chí-Minh nhận về Việt-nam lập tổ kháng-chiến, thu-thập tin-tức về quân-đội Nhật để báo.cáo cho Đồng-minh. Ngày 19-8, lợi-dụng lòng ái-quốc của toàn dân, Việt-Minh lên nắm chính-quyền, đến khi quân-đội Trung-hoa vào Bắc-việt thì Nguyễn-Hải-Thần, Nguyễn-Tường-Tam mới lục-tục về nước. Chính-phủ Trung-hoa chỉ-thị cho Lư-Hán, Trương-phát-Khuê ủng-hộ các đảng quốc-gia vì không muốn có một chính-phủ Cộng-sản ở Việt-nam.

Để củng-cố địa-vị, Việt-Minh tìm cách lung-lạc các vị chỉ-huy quân-đội Trung-hoa. Ngay khi Lư-Hán tới Hà-nội, Hồ-Chí-Minh đã biếu Lư-Hán một chiếc lư bằng vàng lấy ở số vàng mà dân chúng quyên vào dịp « Tuần-lễ vàng ».

Nhờ vậy Lư-Hán không lật đổ Việt-Minh, chỉ yêu-cầu Hồ thành.lập Chính-phủ Liên-hiệp.

---

(1) Theo cuốn « Historie du Việt-nam » của Philippe Devillers

Đến khi thấy Pháp điều-đình với Tưởng-Giới-Thạch để quân-đội Pháp thay thế quân Trung-hoa thì Hồ-Chí-Minh quên lời thề ngày độc-lập bắt tay với Pháp định dùng thế-lực của Pháp để loại-trừ các đảng đối-lập.

Các đảng quốc-gia nhận thấy Hiệp-định Sơ-bộ là « bản văn-tự bán nước » nên vạch tội Việt-Minh để quốc-dân rõ và từ đó cuộc tranh-chấp giữa Quốc-gia và Cộng-sản đi tới chỗ quyết-liệt.

Trước hết, báo Cứu-quốc, cơ-quan ngôn-luận của Việt-Minh và báo Việt-Nam, cơ-quan ngôn-luận của Việt-nam Quốc-dân-đảng không ngớt tố-cáo lẫn nhau.

V.N.Q.D. Đảng đợi sự thất-bại của Hồ Chí-Minh ở Hội-nghị Fontainebleau để đảo-chính và đưa Nguyễn-Tường-Tam, Vũ-Hồng-Khanh lên cầm quyền. Để dự-bị cuộc đảo-chính, V.N.Q.D. Đảng gây nhiều vụ bắt cóc, ám-sát và gây mâu-thuẫn giữa Pháp và Việt-Minh. Võ-Nguyên-Giáp quyết-định ra tay trước. Sau khi được Đại-tá Crépin hứa không can-thiệp vào việc nội-trị của Việt-nam miền là luật-pháp vẫn được áp-dụng đối với ngoại-kiều và trật-tự chóng vãn-hồi (1), Võ-Nguyên-Giáp ra lệnh cho quân-đội tấn-công Vĩnh-yên, căn-cứ của Việt-nam Quốc-dân đảng, sau đó lần-lượt Việt-trì, Phú-thọ, Tuyên-quang, Hà-giang, Cao bằng và Lạng-sơn đều do Việt-Minh kiểm-soát. Việt-nam Quốc-dân đảng chỉ còn giữ được Lào-cai.

Trong những ngày 11, 12 và 13 tháng 7, Việt-Minh cho quân-đội tới chiếm trụ-sở của Việt-nam Quốc-dân đảng đặt ở số 7 đường Bonifacy, tòa-báo Việt-Nam đặt ở số 80 đường Quan-Thánh và trụ-sở của Đồng-Minh-hội ở đường Carnot. Rất nhiều đảng-viên của hai đảng Quốc-gia bị bắt và thủ-tiêu. Nguyễn-Hải-Thần đã rút sang Trung-hoa cùng với quân-đội Trùng-khánh. Sau những vụ khám trụ-sở của Việt-nam Quốc-dân đảng, Nguyễn-Tường-Tam và Vũ-Hồng-Khanh lên biên-

---

(1) Theo cuốn « Histoire du Việt-nam » của Philippe Devillers.

giới rồi sang Trung-hoa. Từ đó Việt-Minh không còn gặp sức phản-đối nào đáng kể.

Ngày 28-10-1646, Quốc-hội nhóm họp lần thứ nhì tại nhà Hát-lớn Hà-nội. Gần 50 người trong số 70 nghị-sĩ của các đảng Quốc-gia không tới họp, những người còn lại đã bị Việt-Minh mua chuộc. Quốc-Hội nghe phúc-trình của Hồ-Chí-Minh về kết-quả của Hội-nghị Fontainebleau và cố-nhiên phải cực-lực tán-thành.

Ngày 13-11, Chính-phủ Liên-hiệp Quốc-gia thay đổi và đa-số nhân-viên đều ở trong Mặt-trận Việt-Minh.

2) Việt-Minh đã lợi-dụng lòng yêu nước của toàn dân để giải-quyết những khó-khăn trong nước.

b) Chính-phủ Dân-chủ Cộng-hòa thay đổi hoàn-toàn nền hành-chính.— Ngày 2-9-1945, Chính-phủ lâm-thời ra mắt quốc-dân tại Hà-nội.

Ngày 12-9, một Nghị-định thủ-tiêu chế-độ quan-lại ngạch hành-chính, tư-pháp và giáo-dục. Công-chức ngạch Bảo-hộ bị thải-hồi. Nước Việt-Nam gồm có 3 Phần gọi là Bộ (Bắc-bộ, Trung-bộ và Nam-bộ), Bộ chia ra Tỉnh, Huyện và Làng. Tại các cấp nền hành-chính đều trao cho Ủy-ban Nhân-dân do cuộc phổ-thông đầu-phiếu bầu lên. Các công-sở cũng do một Ủy-ban điều-khiển và Chủ-tịch Ủy-ban phải được đa-số nhân-viên bầu lên. Chế-độ này đưa tới kết-quả tai hại: Đa-số cán-bộ chỉ-huy Ủy-ban Hành-chính tỉnh, huyện và xã là những cán-bộ có một trình-độ văn-hóa kém, không hiểu gì về việc cai-trị, đương sống khổ sở trong vòng bí mật nay nhất dán có quyền lớn trong tay nên tha-hồ ra oai, tác phúc. Nhiều người dân lành bị ghép vào tội « phản-động », Việt-gian » vì không chịu cúng tiền cho Ủy-ban hoặc không hăng-hái dự các buổi họp, các cuộc biểu-tình. Số người bị thủ-tiêu hoặc đưa đi an-trí khá nhiều. Một số lớn công-sở do các « Cán-bộ i, t » chỉ-huy (nhiều bệnh-viện do

một y-tá hoặc một công-nhân điều-khiển, nhiều trường học do một lao-công cầm-đầu) và lâm vào tình-trạng bi-đát.

b) *Chính-phủ Dân-chủ Cộng-hòa tuyên-bố nam, nữ bình-quyền và coi các dân-tộc thiểu-số ngang hàng với dân Việt :* Nghị-định ngày 8-9 ấn-định ngày Tổng tuyển-cử Quốc-hội vào tháng 12-1946. Các dân-tộc thiểu-số cũng có đại-diện ở Quốc-hội. Để kiểm-soát hành-động của toàn dân, những đoàn-thể Cứu-quốc (Phụ-lão, Thanh-niên, Phụ-nữ, Thiếu-nhi) được thành-lập. Tại các làng, các khu phố mọi người đều phải gia-nhập đoàn-thể, phải dự những buổi khai-hội. Những người ít phát-biểu ý-kiến, không hăng-hái với công-tác của đoàn-thể bị liệt vào hạng « lưng chừng ».

Các ban Trinh-sát được tổ-chức để dò xét và tố-cáo những phần-tử phản-động Việt-Minh lợi-dụng sự bồng-bột của thanh thiếu-nhi để phá-hoại trật-tự xã-hội và gia-đình, con gọi bố, trò gọi thầy là « đồng-chí ».

c) *Về phương-diện tài-chính và kinh-tế, chính-phủ Dân-chủ Cộng-hòa chống nạn đói và lập Quỹ Độc-lập :* Nạn đói đầu năm 1945 đã giết gần 2 triệu người lại đe dọa tái-diễn vì đê sông Nhị-hà vỡ vào cuối mùa hạ rồi tiếp theo là hạn-hán làm số thu hoạch giảm tới quá nửa. Việt-Minh nêu khẩu-hiệu « Tăng-gia sản-xuất, không để một tấc đất bỏ hoang » và « Mỗi tuần nhịn ăn một bữa ». Ngay ở Thủ đô Hà-nội, nhiều vườn hoa biến thành đất trồng ngô, khoai. Nhưng trong khi dân chúng thiếu ăn thì Việt Minh cung-cấp đầy đủ lương-thực cho quân-đội Trung-hoa để củng-cố địa-vị.

Để được cảm-tình của dân-chúng, ngày 17-9, Chính-phủ tuyên-bố hủy-bỏ thuế thân, ngày 14, bỏ thuế môn-bài và ngày 21, bỏ thuế điền-thổ. Chính-sách mị-dân này đưa đến kết-quả tai-hại là công-quỹ trống rỗng. Việt-Minh phải tổ-chức « Tuần-lễ vàng », « Tuần-lễ đồng ». Dân-chúng bó buộc vơ-vét từng đồng vàng, nhặt nhạnh đĩnh đồng, đồ thờ quyên để Hồ-Chí-Minh tặng Lư-Hán, Tiêu-Văn.

d) Về phương-diện xã-hội, Việt-Minh dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ và chống nạn mù chữ.

Chính-phủ Việt-Minh quyết-định dùng tiếng Quốc-ngữ làm chuyển-ngữ tại các bậc học. Nhiều sách, nhất là Sử-ký, Công-dân Giáo-dục đều được soạn lại theo đường lối Cộng-sản. Chiến-dịch thanh-toán nạn mù-chữ được triệt-để thực-hiện và quyết-định sau hạn một năm tất cả mọi người công-dân phải biết đọc biết viết.

VII.— CHIẾN-TRANH VIỆT-PHÁP BÙNG-NỔ NGÀY 19-12-1946.

1) Khi Pháp dự-định chiếm Bắc-kỳ, Việt-minh tổ-chức quân-đội đề-phòng chiến-tranh. Trước dự-định tái chiếm Bắc-bộ của Pháp, ngày 4-3, Việt-Minh đã thành-lập Ủy-ban Kháng-chiến do Võ Nguyên-Giáp làm chủ-tịch. Đến khi hội-nghị Đà-lạt thất-bại, Việt-Minh nhận rõ thâm-ý của Pháp và gấp rút tổ-chức quân-đội.

Việc thứ nhất là thành-lập hai chiến-khu, một ở vùng Tuyên-quang, Thái-nguyên, Bắc-kạn và một ở vùng Chi-nê — Hòa-bình. Tại đấy nhiều võ-quan Nhật phụ-trách việc huấn-luyện quân-sĩ, đặt kế-hoạch phòng-thủ.

Việc thứ hai là tổ-chức tại khắp nơi những đội Tự-vệ với nhiệm-vụ giữ an-ninh trong thời-bình và làm bia chịu đạn nếu xảy ra chiến-tranh. Thanh-niên, học-sinh hăng-hái gia-nhập đoàn-thể này và trong những tháng đầu của cuộc xung-đột Việt-Pháp, Ủy-ban Kháng-chiến rút quân chính-quy lên cố-thủ ở các chiến-khu để bảo-tồn lực-lượng và chỉ có những đội Tự-vệ chiến-đấu. Nhiều trường quân-sự được mở liên-tục ở nhiều nơi (như trường Quân-chính ở khu Đấu-xảo và Việt-nam học-xá Hà-nội, trường Võ-bị Trần-Quốc-Tuấn ở Sơn-tây và trường Võ-bị Phan-Đình-Phùng ở Huế).

Việc thứ ba là mua khí-giới. Trong những tháng đầu, Việt-Minh đổi thuốc-phiện, gạo lấy vũ-khí của quân Tầu. Về sau muốn có nhiều tiền dùng vào việc này, Việt-Minh phát-hành giấy bạc ép dân chúng phải tiêu để có thể rút giấy bạc Đông-dương Ngân-hàng đem sang Hương-cảng, Ma-cao mua khí-giới.

3) Cuộc xung-đột Hải-phòng (19.11-1946) báo-hiệu sự tan vỡ của tình thân-thiện Việt.Minh và Pháp.— Từ khi quân Pháp đặt chân lên Bắc-kỳ, thỉnh-thoảng lại có cuộc xung-đột. Việt - Minh hết sức nhịn-nhục nên không xảy ra chiến-tranh. Nhưng ngày 15-10, Pháp tự-ý tổ-chức lại cơ-quan kiểm-soát thương-chính lấy cớ để ngăn việc buôn lậu và truy-nã bọn cướp biển. Chính-phủ Việt-Minh cực-lực phản-kháng và ngầm xúi dân chúng Hải-phòng bãi-công, bãi-thị để uy-hiếp tinh-thần người Pháp. Từ đó tình-hình thương-cảng Hải-phòng ngày thêm trầm-trọng. Hàng ngày xảy ra những vụ xích-mích giữa Tự-vệ và nhân-viên Thương-chính Pháp. Ủy-ban Hành-chính Hải-phòng phải ra lệnh báo-động và chỉ-thị cho Tự-vệ sẵn-sàng chiến-đấu.

Ngày 19-11, một chiếc tầu nhỏ của Hoa-kiều có giấy phép của Ủy-ban Hành-chính Hải-phòng chở dầu hỏa cập bến đỏ Nhật-bản (ở quãng sông lấp Bonnal). Trong khi đang bốc dầu lên bến thì Pháp cử một toán lính tới tịch-thu những thùng dầu đã mang lên bờ và cho một chiếc ca-nô tới bắt tàu chở dầu mang đi. Tự-vệ khu Bonnal không chịu cho Pháp tịch-thu chiếc tàu chở dầu và nổ súng. Quân Pháp từ ca-nô bắn lại. Cuộc xung-đột trở nên trầm trọng : Tự-vệ thành khu phố Khách tấn-công vào chiếc xe nhà binh chở lính ra chợ mua thực-phẩm và bắt giam những lính Pháp ở trên xe. Lập tức Đại-tá Dèbes chỉ-huy quân Pháp ở Hải-phòng cử một tiểu-đội thiết-giáp tới giải vây. Sau một hồi kịch-chiến, quân Pháp làm chủ khu phố Khách và cứu được 3 lính Pháp còn 3 người thì bị mang đi giam ở chỗ khác. Tại các khu phố, Tự-vệ huy-động dân-quân lập chiến-lũy để chống quân Pháp.

Ban Liên-kiểm (Liên-lạc và kiểm-soát gồm có võ-quan Việt và Pháp) can-thiệp và những người bị bắt được tha hết. Đại-tá Dèbes muốn lợi-dụng vụ xung-đột này để chiếm Hải-phòng nên yêu-cầu Ủy-ban Hành-chính phải ra lệnh phá hết chiến-lũy và rút quân lính Khu phố Khách đi nơi khác trước 14 giờ. Ủy-ban Hải-phòng nhận điều-kiện đó nhưng tới 14 giờ tại nhiều nơi

chiến-lũy vẫn còn, Dèbes cho xe ủi đất với một đội thiết-giáp đi các phố phá chiến-lũy. Tự-vệ nã súng vào quân Pháp, các chiến-xa bắn lại làm cuộc chiến-đấu tái-diễn.

Dèbes đem quân quét khu người Âu và chiếm nhà Hát-lớn, trụ-sở chính của Tự-vệ thành Hải-phòng.

Ngay khi Hà-nội được tin có cuộc xung-đột ở Hải-phòng, Đại-tá Lami và Herckel đại-diện Tướng Morlière và Hoàng-Hữu-Nam đại-diện Chính-phủ Việt-Minh thỏa-thuận ra lệnh cho hai bên ngừng bắn và rút quân về vị-trí cũ. Hôm 21-11, Phái-đoàn Việt — Pháp xuống Hải-phòng để giải-quyết tại chỗ cuộc xung-đột nhưng vấp phải sự ngoan-cố của Đại-tá Dèbes. Tiếng súng ngừng nổ nhưng tình-hình vẫn căng-thẳng.

Để tránh những vụ xung-đột khác có thể xảy ra, Chính-phủ Việt-Minh yêu-cầu Thượng-sứ Pháp cử đại-diện họp bàn về vấn-đề quan-thuế theo tinh-thần bản Tạm-ước 14-3. Tướng Valluy tạm thay Đô-đốc d'Argenlieu về công-cán ở Pháp điện cho Tướng Morlière chỉ-huy quân-đội Pháp ở Bắc-kỳ yêu-cầu Việt-nam rút hết quân-đội ra khỏi Hải-phòng và để quân Pháp được đóng bất cứ nơi nào trong thành-phố. Bản sao bức điện-tín này được đồng-thời gửi cho cho Đại-tá Dèbes, kèm theo chỉ-thị phải dùng tất cả phương-tiện làm chủ Hải-phòng.

Được Sài-gòn khuyến-khích, Đại-tá Dèbes hành-động mạnh: Ngày 23-11 hồi 7 giờ, Dèbes gửi tối-hậu-thư hẹn tới 9 giờ 45 quân-đội chính-quy và dân-quân Việt-Nam phải rút ra khỏi khu phố Khách, khu phố người Âu và quá hạn đó trọng-pháo sẽ nổ.

Ủy-ban Hành-chính Hải-phòng trả lời còn đợi lệnh của Chính-phủ Trung-ương và chỉ biết thi-hành đúng Hiệp-ước Herckel — Hoàng-Hữu-Nam.

Đúng 10 giờ, quân Pháp rầm-rộ tiến vào khu phố Khách đồng-thời trọng-pháo từ chiến-hạm Suffren nhả đạn vào khu phố Việt-nam. Dân chúng tản-cư dưới làn bom đạn. Số người tử-thương lên tới 6.000 (theo ước-lượng của Hải-quân Đô-đốc

Battet chỉ-huy chiến-hạm Suffren). Sau năm ngày chiến-đấu, Pháp làm chủ Hải-phòng và thả quân nhảy dù chiếm lại phi-trường Cát-bi mà ở đấy đêm 25-11 quân-đội Việt-nam đã đánh bật quân Pháp và đốt kho dầu xăng.

3) Đêm 19-12-1946 Võ-Nguyên-Giáp hạ lệnh tấn-công quân Pháp.— Nhận rõ ý muốn của Đô-đốc D'Argenlieu là dùng võ-lực chiếm lại Đông-dương và biết không thể điều-đình được, chính-phủ Hồ-Chí-Minh hạ lệnh cho quân-đội chuẩn bị sẵn-sàng chiến-đấu.

Tại thủ-đô cũng như ở các tỉnh, Tự-vệ, Dân-quân đào hố cá-nhân, đục tường để nhà nọ thông với nhà kia, đào hầm trú-ẩn. Không-khí sặc mùi thuốc súng. Tin Đô-đốc D'Argenlieu lại được Chính-phủ Bidault cử sang Sài-gòn làm tình hình thêm đen tối. Về phía Việt cũng như phía Pháp ai cũng cho là chiến-tranh không thể tránh được.

Nhưng ngày 10-12, Léon Blum lãnh-tụ đảng Xã-hội cấp-tiến viết bài xã-thuyết trên tờ báo Dân-chúng (Le Populaire) kêu gọi nước Pháp, không nên dùng võ-lực để giải quyết vấn-đề Đông-dương. Bài báo là tia sáng cuối cùng lóe trên bầu trời đen tối.

Ngày 15-12, Hồ-Chí-Minh gửi điện-tín cho chính-phủ Pháp và đề-nghị :

— Về phía Việt-nam gọi dân-chúng tản-cư trở lại các đô-thị, bỏ hết những công-tác chuẩn-bị chiến-tranh, tái-lập an-ninh trên con đường Hà-nội — Hải-phòng và Hà-nội — Lạng-sơn.

— Về phía Pháp chỉ-thị cho quân-đội trả lại vị-trí trước ngày 20-11 tại Hải-phòng và Lạng-sơn, rút viện-binh vừa gửi tới Đà-nẵng, đình-chỉ việc tảo-thanh tại Nam-bộ và phía Nam Trung-bộ.

— Cả hai bên cử nhân-viên thành-lập ngay những cơ-quan để thảo-luận về các vấn-đề đã ấn-định trong thỏa-ước và đình-chỉ mọi tuyên-truyền bất thân (inamicale) trên mặt báo-chí và đài phát-thanh.

Bức điện-tín này bị giữ lại ở Sài-gòn và mãi ngày 26-12 mới chuyển sang Pháp nghĩa là sau khi chiến-tranh đã bùng-nổ được một tuần.

Ngày 16-12, Léon Blum lập Chính-phủ tả đảng và Hồ.Chí.Minh hy-vọng Tân Thủ.tướng sẽ giải-quyết vấn-đề Việt-nam một cách hòa_bình.

Nhưng trong khi Chính phủ Việt-Minh cố-gắng nhịn-nhục để tránh chiến-tranh thì nhiều vụ khiêu-khích do quân-đội Pháp chủ-trương đưa đến chỗ tan vỡ.

Ngày 17-12, một chiếc xe ca-mi-ông Pháp chở thực-phẩm bị tấn công ở đường Jean Soler. Tài-xế và hai quân-nhân Pháp bị giết. Để trả đũa, quân-đội Pháp được lệnh tấn-công trụ-sở Tự-vệ khu phố đó và triệt-hạ những nhà lân-cận. Gần hai chục thường dân Việt trúng đạn tử trận. Cũng ngày đó một lính Pháp trong toán quân hỗn-hợp canh nhà máy điện lỡ tay (?) nổ-súng làm một lính Việt chết. Lập tức toàn-thể nhân-viên nhà máy điện đình-công phản-kháng.

Ngày 18-12, một đội quân nhảy dù Pháp lấy cớ tìm thi.hài ha quân-nhân Pháp bị ám-sát tới vây khu Hàng Bún và rầm-rộ vào từng nhà khám - xét. Một quả lựu đạn nổ làm một tên lính Pháp bị thương, lập tức quân Pháp bắn trả thù, triệt-hạ mấy căn nhà và hơn 20 thường dân bị giết. Đội thiết-giáp từ trong thành kéo ra chiếm Bộ Tài-chính gần Toàn-quyền. Dân-chúng quăng chướng-ngại vật ra đường phố cản bước tiến của quân Pháp. Sainteny hạ lệnh cho chiến-xa và xe ủi-đất phá hết chiến-lũy.

Sợ quân Pháp lại tái-diễn vụ Hải-phòng, ngày 19-12, Võ-Nguyên-Giáp ra lệnh cho ba sư-đoàn tập-trung ở ngoại-ô Hà-nội đợi lệnh tấn-công.

Trưa 19-12, Tướng Morlière yêu cầu Việt-Minh bắt Tự-vệ hạ khí-giới và để quân Pháp đảm-nhiệm việc tuần-cảnh trong thành-phố. Chính-phủ Hồ.Chí-Minh coi như một tối-hậu-thư, quyết-định khởi-sự.

Đúng 20 giờ nhà máy điện bị phá. Quân chính-quy và Tự-vệ tấn-công các đồn Pháp, chiếm các nhà kiều-dân Pháp, bắt được hơn 200 người làm tù-binh. Tướng Morlière cho một xe thiết giáp đón Sainteny, giữa đường xe trúng mìn, Sainteny bị thương nhẹ và được xe hộ-tống đưa vào thành.

Sáng 20-12, quân-đội Pháp phản-công, chiếm Bắc-bộ-phủ. Hồ-Chí-Minh và nhân-viên chính-phủ đã rút lui từ đêm và hạ lệnh cho quân-đội tấn-công vào các đồn Pháp. Từ Ải Nam-quan đến Mũi Cà-mâu chiến-tranh bùng-nổ, kéo dài 9 năm (19-12-1946 20-7-1954).

KẾT - LUẬN

Lợi-dụng tinh-thần yêu nước của toàn dân, Việt-Minh lên nắm chính-quyền sau khi cuộc cách-mạng tháng Tám thành-công. Để rảnh tay loại trừ các đảng quốc-gia, Việt-Minh ký với Pháp hiệp-định Sơ-bộ và thỏa-ước 14-9-1946. Nhưng ngày 19-12-1946, chiến-tranh Việt-Pháp cũng bùng-nổ và kéo dài tới 9 năm.

CHIẾN-TRANH VIỆT-PHÁP VÀ SỰ PHÁT-TRIỂN CỦA PHONG-TRÀO QUỐC-GIA

I.— SAU KHI CHIẾN-TRANH BÙNG NỔ, BỘ-TRƯỞNG PHÁP-QUỐC HẢI-NGOẠI SANG VIỆT-NAM ĐIỀU-TRA TẠI CHỖ.

Ngày 20-12-1946, Chính-phủ Pháp nhận được tin cuộc xung-đột Việt-Pháp đã bùng nổ tại Hà-nội. Thủ-tướng Léon Blum người chủ-trương dùng chính-trị giải-quyết vấn-đề Việt-nam cử Moutet, Bộ-trưởng Pháp-quốc hải-ngoại, sang điều-tra tại chỗ và tìm biện-pháp chấm dứt chiến-tranh. (1)

Chính-phủ Pháp do tả-đảng cầm quyền không muốn gây chiến-tranh nhưng d'Argenlieu, Thượng-sứ Pháp ở Việt-nam có chủ-trưởng trái ngược hẳn. Sau khi Tướng Leclerc chiếm xong Nam-kỳ, D'Argenlieu xúi một nhóm người Việt thân Pháp đứng lên đòi tách Nam-kỳ ra khỏi Việt-nam, Nguyễn-Tấn-Cường tay sai của Phòng nhì Pháp đứng ra lập Nam-kỳ đảng, tranh-đấu cho Nam-kỳ tự-trị (16-11-1945) rồi tháng 2-1946 D'Argenlieu lập « Hội-đồng Tư-vấn ». Ngày 3-6-1946, Chính-phủ

(1) Trước khi lên đường, Moutet tuyên-bố « Nhiệm-vụ của tôi là thi-hành các bản hiệp-ước tháng 3, và tháng 9 bằng cách triệu tập những Ủy ban đã được ấn-định, là làm cho quyền-lợi nước Pháp được tôn-trọng bằng phương-sách thỏa-hiệp, nhưng tôi sẽ không chịu để sự bạo-động bắt buộc làm điều gì cả. Tôi mong rằng tinh-thần hòa-bình sẽ thắng ».
(Theo cuốn Histoire du Việt-Nam của Philippe Devillers).

Nam-kỳ quốc ra đời và Bác-sĩ Nguyễn-Văn-Thinh giữ chức Thủ-tướng. Chính-phủ này hoàn-toàn đóng vai bù-nhìn nên về sau thấy bị Pháp lừa gạt, Bác-sĩ Thinh tự-sát (10-11-1946).

Muốn được giáo-phái Cao-đài ủng-hộ, Thượng-sứ Pháp đưa Lê-Văn-Hoạch lên thay thế. Thấy vậy, Thiếu-tướng Nguyễn-Văn-Xuân, phó Thủ-tướng trong Chính-phủ Thinh, bỏ sang Pháp vận-động.

Chiếm xong Nam-kỳ, D'Argenlieu muốn dùng võ-lực đặt lại nền thống-trị lên cả Trung-kỳ và Bắc-kỳ nên khi thấy Tướng Leclerc ký Hiệp-định Sơ-bộ, Thượng-sứ rất bất mãn và tìm mọi cách phá cuộc thương-thuyết Việt-Pháp (xem bài trước).

Đêm 19-12-1946, Việt-Minh tấn-công Pháp thì hôm sau D'Argenlieu tù-giã Ba-lê về Saigon tổ-chức cuộc nghênh-tiếp Bộ-trưởng Pháp-quốc Hải-ngoại. Ngày 26-12, Moutet tới Saigon. Sau khi nghe Thượng-sứ Pháp tường-trình về chính-sách của Pháp tại Đông-dương, Moutet tiếp Lê-Văn-Hoạch, nhiều chủ đồn-điền, thương-gia Pháp và Việt rồi Moutet qua Nam-vang, thăm Đế-thiên, Đế-thích, sang Vạn-tượng. Mãi ngày 2-1-1947 Moutet mới tới Hà-nội Moutet chịu ảnh-hưởng của Thượng-sứ D'Argenlieu và nhóm Pháp-kiều thực-dân sống lâu năm ở Đông-dương nên sau 30 tiếng đồng-hồ lưu lại ở Hà-nội, Moutet trở về Sài-gòn tuyên-bố (1) ủng-hộ chính-sách của D'Argenlieu. Từ đó Thượng-sứ Pháp cương-quyết không điều-đình với Việt-Minh và tìm những phần-tử quốc-gia để nói chuyện. D'Argenlieu cho người tiếp-xúc với nhiều nhà cách-mạng, nhưng không ai chịu đứng ra cả nên Thượng-sứ Pháp phải cho người sang Hương-cảng tiếp-xúc với cựu Hoàng-đế Bảo-Đại.

Chính-sách dùng võ-lực đặt lại nền thống-trị lên nước Việt-

---

(1) Lời tuyên-bố của Moutet : Lập trường của tôi nay rất rõ-rệt : cuộc tấn-công đêm 19-12 xét theo tính-chất, kiểu-cách và sự chuẩn-bị của nó bắt buộc chúng ta phải hành-động bằng quân-sự. Khi nào quân-đội vãn-hồi được trật-tự thì lúc đó mới có thể xét lại những vấn-đề chính-trị. Tại Ba lê tôi sẽ bênh vực Bộ chỉ-huy và các Đại-diện chính-quyền đã đợi tới giới-hạn cuối cùng mới can-thiệp ».

nam của D'Argenlieu không được các đảng tả trong Quốc-hội tán-thành. Ngay từ tháng giêng 1947, Thủ-Tướng Léon Blum đã ngỏ ý cử Tướng Leclerc làm Thượng-sứ. Leclerc từ-chối. Về sau Nghị-sĩ Emile Bollaert được bổ-nhiệm thay thế D'Agenlieu (5-3).

II.— TÂN THƯỢNG-SỨ BOLLAERT THỬ « LÁ BÀI BẢO-ĐẠI ».

Sau ba tháng chiến-tranh, quân-đội Pháp với võ-khí tối-tân chỉ làm chủ được vài đô-thị lớn. Ngay ở Hà-nội, quân Pháp cũng không dám ra quá 10 cây số. Trước tình-trạng này, Chính-phủ Pháp nhận thấy phải điều-đình và muốn cuộc điều-đình đi tới kết-quả thì không thể theo chính-sách của D'Argenlieu là tách Nam-kỳ ra khỏi nước Việt-nam được. Ngày 21-1-1947, Thủ-tướng Pháp tuyên-bố trước Quốc-hội « Nước Pháp sẽ không ngại thấy sự thống-nhất ba kỳ nếu đó là ý muốn của dân-chúng ». Nhưng điều-đình với ai, đó là một vấn-đề mà các chính-đảng không đồng ý-kiến. Đảng Cộng-sản và Xã-hội Pháp muốn điều-đình với Việt-Minh, các đảng hữu thì muốn nói chuyện với các phần-tử Quốc-gia. Để dung-hòa các chính-đảng, Tân Thủ-tướng Ramadier chủ-trương phải điều-đình với những đại-diện do dân bầu ra (1).

---

(1) Ngày 18-3, Thủ-Tướng Pháp tuyên-bố « Ông Bộ-Trưởng Pháp-quốc Hải-ngoại và tôi đã từ chối không đề-nghị một tên nào và chúng tôi sẽ không đưa ra một tên nào cả bởi vì một bức màn đã rũ xuống che kín những biến-cố tại Việt-nam, chúng tôi không biết rõ phần trách-nhiệm của hai bên (tức Pháp và Việt-Minh).

Một điều chắc-chắn là phải có phạm-nhân. Những phạm-nhân là ai ? Đó là khởi điểm của câu hỏi. Dù sao chúng ta không thể nói rằng dân-tộc Việt-Nam là phạm-nhân. Chúng ta dơ tay cho dân Việt và trả tự-do cho họ.

Dân-tộc Việt-nam chứ không phải chúng ta sẽ lựa chọn những vị lãnh-đạo của họ, chọn một cách tự-do chứ không chọn dưới sự bó buộc hoặc dưới sự khủng-bố.

Chúng ta sẽ nghiêng mình trước sự lựa chọn tự-do đó, tin-tưởng rằng như vậy chúng ta sẽ có nhiều bảo-đảm hơn là điều-đình một cách vu-vơ, điều-đình một cách không hợp với ý-nguyện chính-đáng của dân Việt ».

(Theo cuốn « Histoire du Việt-nam » của Philippe Devillers).

Thượng-sứ Bollaert theo đúng đường lối của Tân Chính-phủ nhưng ngay khi đặt chân lên đất Việt-nam, Bollaert đứng trước một tình-trạng hết sức phức-tạp vì từ khi xảy ra chiến-tranh, số chính-đảng mọc ra như nấm ở trong nước cũng như ở hải-ngoại. Ngày 25-12-1946, Nguyễn-Tường-Tam tuyên-bố sẽ lập một « Chính-phủ Quốc-gia Việt-nam » và kêu gọi sự ủng-hộ của Trung-hoa và Hoa-kỳ để chấm rứt chiến-tranh. Ngày 17-2-1947, Nguyễn-Tường-Tam cùng Nguyễn-Hải-Thần lập « Mặt-trận Thống-nhất Quốc-gia » tại Nam-kinh và bắt liên-lạc với các giáo-phái, các chính-đảng ở Nam-kỳ.

Tháng 3-1947, đại-diện của giáo-phái Cao-đài, Hòa-hảo, của Thanh-niên Quốc-gia và Dân-chủ Xã-hội đảng, họp tại Quảng-châu với Lãnh-tụ Mặt-trận Thống-nhất Quốc-gia. Hội-nghị tuyên-bố không ủng-hộ Hồ-Chí-Minh và đoàn-kết dưới sự lãnh-đạo của Cựu Hoàng Bảo-Đại.

Về phía Việt-Minh, lời tuyên-bố của Thủ-tướng Ramadier làm Hồ-Chí-Minh hy-vọng có thể điều-đình với Pháp được nên Hồ nhường chức Bộ-trưởng Ngoại-giao cho Hoàng-Minh-Giám, đảng-viên Xã-hội. Ngày 19-4, Hoàng-Minh-Giám gởi điện-văn đề nghị với Thủ-tướng Ramadier « đình chỉ ngay chiến-tranh và mở cuộc điều-đình để giải-quyết một cách hòa-bình cuộc xung-đột ».

Thủ-Tướng Pháp chỉ-thị cho Bollaert cử đại-diện tiếp-xúc với Hồ-Chí-Minh để làm vừa lòng đảng Cộng-sản Pháp luôn luôn đòi điều-đình với Việt-Minh. Thượng-sứ Bollaert cử Paul Mus, cố-vấn chính-trị, ra Bắc gặp Hoàng-Minh-Giám ngày 9-5 tại một địa-điểm gần sông Đuống. Ngày 12-5, Paul Mus gặp Hồ-Chí-Minh và đưa ra bốn điều-kiện sau đây :

1) Việt-Minh phải đình-chỉ ngay mọi hành-động khiêu-khích, khủng-bố và mọi cuộc tuyên-truyền chống Pháp.

2) Việt-Minh phải nộp một nửa khí-giới.

3) Việt-Minh phải để quân-đội Pháp tự-do đi lại trong khắp lãnh-thổ do Việt-Minh cai-trị.

4) Việt-Minh phải tha những con tin, tù-binh và binh-lính Pháp đào-ngũ.

Hồ-Chí-Minh không nhận những điều-kiện trên. Paul Mus trở về Saigon.

Trong khi Paul Mus bắt liên-lạc với Việt-Minh thì ở Pháp đảng Cộng-sản bị loại ra khỏi Chính-phủ. Từ đó Thủ-tướng Ramadier thay đổi hẳn chính-sách và nhất-định không nói chuyện với Việt-Minh nữa.

Bollaert cố-gắng đưa « lá bài Bảo-Đại » vì Thượng-sứ biết rõ Bảo-Đại là người nhu-nhược, không có chí lớn và dễ uốn-nắn (1).

Trước sự chuyển-hướng của Chính-phủ Pháp, Hồ-Chí-Minh hiểu rằng muốn điều-đình với Pháp thì phải che kỹ bộ mặt Cộng-sản nên ngày 19-7-1947, Hồ cải-tổ Chính-phủ. Trong số 27 Bộ-Trưởng và Thứ-Trưởng có 3 Việt-minh, 4 Dân-chủ, 4 Xã-hội, 2 Quốc-gia, 1 Phật-giáo, 8 độc-lập và 2 cựu quan-lại. Võ-Nguyên-Giáp người đã ra lệnh tấn-công đêm 19-12 rút lui ra khỏi Chính-phủ giữ chức Tổng Tư-lệnh Quân-đội Nhân-dân. Nhưng về thực-tế thì Việt-Minh vẫn dật giây vì bao nhiêu những Bộ quan trọng đều do Việt-Minh, Dân-chủ và Xã-hội nắm cả, mà hai đảng Dân-chủ, Xã-hội là Việt-Minh trá hình.

Sự cải-tổ Chính-phủ Việt-Minh có tiếng vang ở Pháp và ở Nam-kỳ. Một nhóm chính-trị-gia trong Quốc-hội Pháp lại yêu-cầu phải điều-đình với Việt-Minh. Ngay ở Nam-kỳ tờ Việt-Thanh của Nguyễn-Phan-Long cũng chủ-trương như thế.

Nhưng Bollaert cương-quyết không chịu điều-đình với Việt-Minh và cố gắng đưa « lá bài Bảo-đại » đến chỗ thành-công. Trước hết, Bollaert lập Hội-đồng An-dân Bắc-kỳ và Hội-đồng

---

(1) « Từ tháng tư 1946, Bảo-đại vẫn sống ở Hương-cảng lấy tên là Vĩnh-Thụy, không màng tới chính-trị và để cho đời sống tưng-bừng của đô-thị Anh lôi cuốn. Cờ bạc, gái và thể thao là những thú tiêu-khiển quan-trọng nhất của cựu Hoàng tuy nền tài-chính không được tốt đẹp lắm ».

Theo cuốn « Histoire du Việt-nam » của Philippe Devillers

Chấp-chánh Trung-kỳ. Hai lực-lượng này sẵn-sàng theo ý Bollaert và đi với Bảo-đại. Công việc khó-khăn cho Thượng-sứ là chuyển-hướng phong-trào tự-trị của Nam-kỳ quốc (phong-trào này do cựu Thượng-sứ D'argenlieu đã khai-sinh để tách Nam-kỳ ra khỏi Việt-Nam) vì vấn-đề thống-nhất ba kỳ là một điều-kiện cần-thiết cho sự điều-đình. Dưới áp-lực của Bollaert, ngày 19-8, Mặt-trận Nam-kỳ tuyên-bố sẵn sàng nhận nguyên-tắc thống-nhất 3 kỳ và ngày 22 gửi điện-tín yêu-cầu Cựu-Hoàng lãnh-đạo phong-trào chống Cộng-sản độc-tài và tranh-thủ độc-lập và thống-nhất cho Tổ-Quốc ». Đại-diện Cao-đài, Hòa-hảo, Đồng-minh hội, Việt-Nam Quốc-dân đảng, Dân-chủ đảng, Liên-đoàn Xã-hội và nhiều trí-thức ký tên dưới bức điện-tín này.

Bảo-Đại cử Trần-văn-Tuyên về nước dò dư-luận. Ngày 4-9, Bảo-Đại yêu-cầu các đảng chính-trị và giáo-phái cử đại-diện sang Hương-cảng cùng với một nhóm chính-khách lưu-vong họp bàn về phương-pháp tiến tới hòa-bình. Ngày 9-9, 24 đại-biểu của 3 kỳ qua Hương-Cảng. Hội-nghị nhóm họp yêu-cầu « Cựu-hoàng Bảo-Đại lên nắm Chính-quyền để mở cuộc điều-đình với Pháp, mang lại hòa-bình và thực-hiện độc-lập và thống-nhất ».

Ngày 10-9, Bollaert ra Bắc và tại tỉnh-lỵ Hà-đông, Thượng-sứ đọc bài diễn-văn mà mọi người mong đợi. Bollaert nhấn mạnh về lập-trường của Pháp và nhắc những điều-kiện cũ : Việt-Nam tự-trị trong khối Liên-hiệp Pháp, ngoại-giao và quân-đội lệ-thuộc Pháp, 3 kỳ có thể thống-nhất sau cuộc trưng-cầu dân-ý.

Bài diễn-văn này làm cả Việt-Minh và Mặt-trận Quốc-gia thất-vọng. Ngày 11-9, các chính-đảng và giáo-phái trong nước gửi điện-tín cho Bảo-Đại tỏ nỗi bất-bình của dân-tộc Việt-Nam và yêu-cầu Cựu-hoàng « điều-đình với Pháp trên nền-tảng bình-đẳng và công-bình ». Hồi đó tình-hình thế-giới biến-chuyển lợi cho « lá bài Bảo-đại ». Ở Trung-hoa, Tưởng-Giới-Thạch đại tấn-công quét sạch Cộng-quân miền Quảng-đông, ở Nam-dương Mỹ can-

thiệp bắt Hà-lan phải đình-chiến và ký thỏa-ước với nghĩa-quân, Đại-sứ Hoa-kỳ William Bullitt qua Hương-cảng chính-thức cam-kết với Bảo-đại rằng Chính-phủ Hoa-thịnh-đốn sẽ hết sức giúp Mặt-trận Quốc-gia Việt-Nam thực-hiện độc-lập và thống-nhất.

Biết rằng không thể tái-lập nền thống-trị trên đất Việt-nam, Pháp cố tạo một bầu không-khí có lợi cho cuộc điều-đình. Về quân-sự, Bộ Tham-mưu Pháp được lệnh dem hết lực-lượng tấn-công Việt Bắc để làm tan rã phong-trào Kháng-chiến của Việt-Minh. Sau vài thắng lợi, Pháp tuyên-bố Chính-phủ Việt-Minh đương lâm vào chỗ kiệt-quệ và các lãnh-tụ Cộng-sản chỉ còn đường trốn ra ngoại quốc.

Về chính-trị, thấy Mặt-trận Quốc-gia đòi hỏi nhiều quá, Pháp đưa Nguyễn-Văn-Xuân về nước thay thế Lê-Văn-Hoạch làm Thủ-tướng xứ Nam-kỳ tự-trị với thâm ý dùng Nguyễn-Văn-Xuân làm « con bài mới » thay cho « lá bài Bảo-đại ».

Nguyễn-Văn-Xuân gửi thư cho Chủ-tịch Ủy-ban Kháng-chiến Nam-Bộ đề-nghị bộ ba Hồ-Chí-Minh, Bảo-Đại, và Nguyễn-Văn-Xuân đại-diện cho Bắc, Trung và Nam điều-đình với Pháp. Việt-Minh không nhận đề-nghị, còn Bảo-Đại thì ngày 5-10 (2 ngày trước khi Chính-phủ Nguyễn-Văn-Xuân ra mắt quốc-dân) gửi thơ cho Bollaert chính-thức yêu-cầu Pháp giải-tán Chính-phủ Nam-kỳ tự-trị thay thế bằng một Hội-đồng Chấp-chánh như ở Bắc và Trung.

Thấy Nguyễn-Văn-Xuân không được dân-chúng tín-nhiệm, Bollaert bắt buộc Xuân thay thế danh-từ « Chính-phủ Cộng-hòa-Nam-kỳ tự-trị » (Gouvernement de la République autonome de Cochinchine) bằng Chính-phủ Lâm-thời miền Nam nước Việt » (Gouvernement provisoire du Sud Việt-Nam). Đồng-thời Bollaert cử người sang Hương-cảng mời Bảo-Đại về nước ký hiệp-ước với Pháp. Bảo-Đại ưng-thuận. Ngày 6-12-1947, Bảo-Đại thuê một chiếc máy bay về nước, gặp Bollaert trên chiến-hạm Duguay Trouin bỏ neo ở vịnh Hạ-long. Sau 2 ngày họp mặt, Bollaert và

Bảo-Đại công-bố một bản Tuyên-ngôn chung, trong đó lần đầu tiên Pháp dùng danh-từ « Độc-lập ».

Sau khi trở về Hương-cảng, Bảo-Đại được nhiều nhà cách-mạng cho biết rằng bản Tuyên-ngôn vừa ký bất lợi cho Việt-Nam. Bảo-Đại bèn rời Hương-cảng (26-12) sang Genève rồi qua Ba-lê tiếp-xúc thẳng với chính-khách Pháp. Ngày 14-3-1948, Bảo-Đại trở về Hương-cảng và sau nhiều cuộc tiếp-xúc với Bollaert, Bảo-Đại đề-nghị thành-lập Chính-phủ Trung-ương lâm-thời gồm đại-diện của 3 Kỳ. Chính-phủ lâm-thời này sẽ ký bản thỏa-ước tạm-thời với Thượng-sứ Pháp để mở đường cho việc ký Hiệp-ước chính-thức giữa Bảo-Đại và Tổng-Thống Pháp. Đề-nghị trên được Bollaert chấp-thuận. Nguyễn-Văn-Xuân được Bảo-Đại ủy cho thành-lập Chính-phủ trung-ương lâm-thời. Ngày 27-5, Nguyễn-Văn-Xuân bay sang Hương-cảng trình danh-sách nhân-viên Tân Chính-phủ và tuyên-bố theo đúng đường lối Cựu-hoàng.

Ngày 5-6, trên chiến-hạm Duguay-Trouin bỏ neo ở Vịnh Hạ long, Bollaert và Nguyễn-Văn-Xuân ký bản Tạm-ước sau đây

1) Nước Pháp long-trọng công-nhận nền độc-lập của Việt-nam và Việt-nam có quyền tự-do thực-hiện sự thống-nhất đất-nước.

Nước Việt-nam tuyên-bố gia-nhập khối Liên-hiệp Pháp. Nền độc-lập của Việt-Nam chỉ bị giới-hạn bởi sự gia-nhập vào Liên-hiệp Pháp.

2) Nước Việt-Nam cam-đoan tôn-trọng quyền lợi của người Pháp, và thực-hiện bằng Hiến-pháp sự tôn-trọng những nguyên-tắc Dân-chủ. Nước Việt-Nam dành quyền ưu-tiên cho chuyên-viên Pháp để tổ-chức nội-trị và kinh-tế quốc-gia.

3) Ngay từ lúc Chính-phủ trung-ương lâm-thời thành-lập đại-diện của Việt-Nam có thể ký với đại-diện Pháp-quốc Cộng hòa những thỏa-thuận riêng về văn-hóa, ngoại-giao, quân-sự, kinh-tế, tài-chính và chuyên-môn.

Bảo-Đại ký tên dưới bản Tạm-ước rồi đáp phi-cơ sang Pháp.

Về phương-diện lý-thuyết, bản Tạm-ước ngày 5-6, thỏa-mãn một phần lớn nguyện-vọng của dân-tộc Việt-Nam gây xúc-động mạnh trong giới Pháp-kiều có nhiều quyền-lợi ở Đông-dương. Họ cho rằng Chính-phủ Pháp đã nhượng-bộ quá nhiều. Nhóm Pháp thực-dân nói trên bèn tìm hết cách làm cho Tạm-ước không được thành-thực áp-dụng. Vì lẽ đó trong cuộc điều-đình, Mặt-trận Quốc-gia Việt-Nam đã thu được nhiều thắng-lợi hơn Việt-Minh mà không lôi cuốn được dân chúng. Chiến-tranh vẫn tiếp-diễn và Việt-Minh không ngớt tuyên-truyền chống Đảo-Đại.

Trước tình-trạng trên, Chính-phủ Pháp phải nhận nguyên-tắc ký Hiệp-ước với Bảo-Đại. Ngày 8-3-1949, tại điện Elysée, Tổng-Thống Pháp Vincent- Auriol và Bảo-Đại ký bản Thỏa-hiệp gồm những điều-kiện chính tóm-tắt như sau :

1) Nước Pháp long-trọng công-nhận nền độc-lập của Việt-Nam, và cam-đoan sẽ công-nhận sự thống-nhất 3 Kỳ sau khi có cuộc trưng-cầu dân-ý.

2) Về ngoại-giao, Việt-Nam theo đường lối ngoại-giao của Pháp.

Những chức Trưởng Phái-đoàn ngoại-giao Việt-Nam ở ngoại-quốc do Quốc-Trưởng chỉ-định và sau khi có thỏa-hiệp của Chính-phủ Pháp sẽ nhận ủy-nhiệm thư do Chủ-tịch Liên-hiệp Pháp cấp và Quốc-Trưởng Việt-Nam phê-chuẩn, Nước Việt-Nam có quyền cử đại-sứ sang Thái-lan, Ấn-độ (hoặc Trung-hoa) và Toà-Thánh La-mã.

3) Nước Việt-Nam có quân-đội quốc-gia mục-đích giữ an-ninh trong nước và bảo-vệ lãnh-thổ. Trong quân-đội Việt-Nam có thể có quân-đội Liên-hiệp Pháp để chống ngoại-xâm.

Quân-đội Pháp sẽ đóng tại một số căn-cứ để bảo-vệ Khối Liên-hiệp Pháp và được tự-do chuyển-vận giữa các căn-cứ nói trên. Trong thời-kỳ chiến-tranh ở Việt-Nam thì quân-đội Việt và Pháp sẽ đặt dưới quyền chỉ-huy của một Tướng-lãnh Pháp và vị Tổng Tham-mưu sẽ là một Tướng-lãnh Việt-Nam.

4) Nước Việt-Nam có chủ-quyền về nội-trị và sẽ ký với Thượng - sứ Pháp tại Đông - dương những thỏa-hiệp ấn - định phương-thức chuyển-giao sang Chính - phủ Việt - Nam những quyền mà nhà chức trách Pháp còn nắm giữ. Chính-phủ Việt-Nam dành quyền ưu-tiên cho các cố-vấn, chuyên-viên Pháp.

5) Về vấn-đề tư-pháp, sẽ có những Tòa-án hỗn-hợp để xét-xử những việc tố-tụng giữa hai người Pháp hoặc giữa một người Pháp và một người Việt.

6) Nước Pháp được tự-do mở tại Việt-Nam các trường công và tư dạy theo chương-trình áp-dụng ở Pháp-quốc nhưng phải có giờ Lịch-sử và Văn-hóa Việt-Nam.

Học-sinh Việt theo học các trường Pháp phải học Việt-ngữ.

Tại các trường Việt-Nam (từ Tiểu-học đến Trung-học) sẽ có một số giờ dạy Pháp-ngữ. Nước Việt-Nam nhận cho Pháp được tiếp-tục tổ-chức bậc Đại-học Pháp dưới danh-nghĩa Liên-hiệp Pháp.

7) Việt-kiều ở Pháp và ở các xứ trong Khối Liên-hiệp Pháp, Pháp-kiều và kiều-dân Liên-hiệp Pháp tại Việt-Nam được tự-do lập-nghiệp như người bản-xứ miễn là phải theo luật-lệ hiện-hành ở xứ đó.

Các nhà tư-bản Pháp sẽ được tự-do kinh-doanh ở Việt-Nam trong « khu vực công-ích ». Trong « khu vực quốc-phòng » thì phải được phép của Chính-phủ Việt-Nam.

Ba nước Việt-nam, Cao-miên và Lào sẽ họp-thành một « Liên-hiệp tiền-tệ ». Đồng bạc của viện Phát-hành Đông-dương là loại tiền-tệ duy-nhất lưu-hành trong Liên-hiệp tiền-tệ Đông-dương. Đồng bạc Đông-dương ở trong khu vực đồng Phật-lăng.

III.— BẢO-ĐẠI VỀ NƯỚC TRAO TOÀN-QUYỀN CHO THỦ-TƯỚNG VÀ SỐNG CUỘC ĐỜI AN-NHÀN Ở BAN-MÊ-THUỘT VÀ CANNES.

Sau khi ký Thỏa-hiệp 8-3-1949, Chính-phủ Pháp yêu-cầu Bảo-Đại về nước. Bảo-Đại đặt điều-kiện chỉ về Việt-nam sau khi Pháp trả đất Nam-kỳ.

Chính-phủ Pháp nhượng-bộ. Ngày 10-4, một thiểu-số Pháp-kiều và Việt-nam bầu Hội-nghị Nam-kỳ. Sau 2 tuần-lễ hội-họp, ngày 23-4, Hội-nghị biểu-quyết sáp-nhập Nam-kỳ vào lãnh-thổ Việt-nam.

Ngày 24-4, Bảo-Đại đáp phi-cơ về Saigon.

1) Nội-các Bảo-Đại (2-7-1949 — 18-1-1950) — Ngày 14-6, lễ trao đổi văn-kiện tổ-chức tại Saigon giữa Thượng-sứ Pignon và Bảo-Đại. Sau buổi lễ, Bảo-Đại lập tân Nội-các. Ngay 2-7-1949 Chính-phủ Trung-ương lâm-thoi giải-tán và tân nội-các ra mắt quốc-dân. Bảo-Đại giữ chức Thủ-tướng và cử Nguyễn-Văn-Xuân làm phó Thủ-tướng. Nguyễn-Văn-Xuân vừa được thăng Trung-Tướng được Pháp tín-nhiệm nên Bảo-Đại chọn làm phó Thủ-Tướng để cuộc diều-đình với Pháp dễ-dàng. Nhưng Phap không muốn trả lại độc-lập thật-sự cho Việt-nam nên tân nội-các không được dân-chúng tín-nhiệm và bị Việt-Minh lên án.

2) Nội-các Nguyễn-Phan-Long (18-1-1950 — 6-5-1950). — Ngay 18-1-1950, Bảo-Đại rút lui khỏi Chính-phủ, cử Nguyễn-Phan-Long giữ chức Thủ-tướng kiêm Bộ-Trưởng Ngoại-giao và Nội-vụ để đê điều-đình với Hoa-kỳ. Bảo-Đại chỉ giữ chức Quốc-Trưởng, chọn Ban-mê-Thuột làm Thủ-đô chính-trị để tiện chỗ săn bắn, chơi bời. Thỉnh-thoảng Bảo-Đại xuống Nha-trang ngự trên du-thuyền câu cá và tắm biển. Công việc diều-khiển đất nước ủy-thác cả cho Thủ-tướng.

3) Nội-các Trần-Văn-Hữu (6-5-1950 — 3-6-1952). — Chính-phủ Nguyễn-Phan-Long gặp nhiều khó-khăn vì không được thiện-cảm của người Pháp. Tháng 5-1950, Bảo-Đại trao cho Trần-Văn-Hữu nhiệm-vụ lập nội-các mới. Trần-Văn-Hữu thân Pháp rõ-rệt : Sau khi Pháp tái-chiếm Nam-kỳ, Trần-Văn-Hữu là một chính-khách có chủ-trương tách Nam-kỳ ra khỏi Việt-nam, sau Hữu được bầu làm Thủ-tướng Chính-phủ lâm-thời, kiêm Tổng-trấn Nam-việt. Ngày 6-5, Trần-Văn-Hữu trình Bảo-Đại danh-sách tân nội-các, Hữu giữ chức Thủ-tướng kiêm Ngoại-giao và Quốc-phòng.

Nội-các Trần-Văn-Hữu được đa-số Pháp-kiều và Thượng-sứ Pignon ủng-hộ nên đứng vững trong 2 năm. Hồi đó Pháp thúc-giục Chính-phủ Việt-nam thành-lập quân-đội chính-quy để thay thế dần quân Liên-hiệp Pháp trong nhiệm-vụ chống Việt-Minh. Tháng 11-1950, Cao-ủy Pháp Letourneau sang Việt-Nam ấn-định những nguyên-tắc căn-bản về việc tổ-chức quân-đội Quốc-gia Việt-Nam. Trường Võ-bị Liên-quân Đà-lạt được củng-cố và nhiều trường huấn-luyện hạ sĩ-quan được mở thêm. Thủ-tướng Trần-Văn-Hữu cầm đầu phái-đoàn dự Hội-nghị Pau giải-quyết quy-chế các nước liên-kết.

Ngày 20-2-1951, sau khi ở Pháp về, Trần-Văn-Hữu cải-tổ Chính-phủ. Tháng 3-1952, Nội-các lại cải-tổ lần thứ hai và ngày 3 tháng 6, Trần-Văn-Hữu từ-chức.

4) Nội-các Nguyễn-Văn-Tâm (3-6-1952 — 1-2-1953). Nguyễn-Văn-Tâm « Cọp Cai-lậy » được ủy-nhiệm lập Nội-các thứ tư. Muốn có nhiều uy-tín, Nguyễn-Văn-Tâm mời đại-diện một số chính-đảng, Giáo-phái vào Chính-phủ Liên-hiệp.

Nguyễn-Văn-Tâm giữ chức Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng Nội-vụ. Ngô-Thúc-Địch trong Đại-Việt Quốc-gia Liên-minh giữ chức Phó Thủ-Tướng kiêm Tổng-Trưởng bộ Cựu chiến-binh.

Tân Chính-phủ hướng hết năng-lực vào việc củng-cố quân-đội để cùng quân Pháp phá vòng vây của Việt-Minh càng ngày càng thắt-chặt chung quanh miền châu-thổ Bắc-Việt. Thủ-tướng Nguyễn-Văn-Tâm tuyên-bố Chính-phủ Liên-hiệp là một « Chính-phủ chiến-đấu » và con trai Tâm là Trung-Tướng Nguyễn-Văn-Hinh được cử giữ chức Tham-mưu-trưởng quân-đội Quốc-gia.

5) Nội-các Bửu-Lộc (1-2-1953 — 8-7-1954).— Vào đầu năm 1953, tình-hình Bắc-Việt trở nên đen tối. Quân-Pháp bị đánh bật ra khỏi nhiều địa-điểm. Ngày 1-2-1953, Nguyễn-Văn-Tâm đệ đơn từ-chức và Hoàng-thân Bửu-Lộc từ Pháp về lập Tân Nội-các.

Bảo-Đại đã để gia-đình ở Pháp từ lâu, nay cũng dời Việt-nam sang Cannes. Chính-phủ Bửu-Lộc không làm được việc gì đáng kể, vì Việt-Minh tổng phản-công và bao vây Điện-biên-phủ. Tháng 6-1954, Bửu-Lộc từ chức. Tình-hình trở nên đen tối : Quân Pháp phải bỏ nhiều tỉnh ở miền châu-thổ, Việt-Cộng thắt-chặt vòng vây chung-quanh Điện-biên-phủ, Hà-nội bị uy-hiếp.

6) Nội-các Ngô-Đình-Diệm (7-7-1954 — 10-5-1955)

Trước tình-trạng nguy-ngập này, Bảo-Đại lại khẩn-khoản mời Chí-sĩ Ngô-Đình-Diệm về chấp-chính. Nhận rõ Nhật và Pháp không thanh-thực trả độc-lập cho Việt-Nam nên Ngô Chí-sĩ đã nhiều lần từ-chối không cộng-tác với Bảo-Đại. Nhưng lần này trước hiểm-họa của cộng-sản, Chí-sĩ Ngô-Đình-Diệm nhận đứng ra lập Chính-phủ. Chưa được hai tuần-lễ, Pháp và Việt-Cộng ký Hiệp-định Genève chia đôi nước Việt. Chính lúc con thuyền Quốc-gia sắp nghiêng-ngửa này dân-chúng mới nhận thấy tài và đức của Chí-sĩ Ngô-Đình-Diệm.

IV.— NHỮNG NGUYÊN-NHÂN LÀM « LÁ BÀI BẢO-ĐẠI » THẤT-BẠI.

Hồi tháng 6-1949, khi Bảo-Đại về nước, tình-hình thế-giới và Việt-Nam biến-chuyển một cách rất lợi cho Phong-trào Quốc-gia. Nhưng Bảo-Đại không phải là « người của thời-cuộc » nên đã bỏ lỡ cơ-hội hiếm có này. Những nguyên-nhân sau đây đã làm cho « lá bài Bảo-Đại » thất-bại.

1) Pháp không thành-thực trả độc-lập cho Việt-Nam.— Dưới áp-lực của Khối Dân-chủ, Chính-phủ Pháp phải nhả Nam-kỳ và ký Thỏa-hiệp Elysée, nhưng vẫn nắm những cơ-quan then chốt, hy-vọng có ngày sẽ đặt lại nền thống-trị như xưa. Cho tới ngày 20-7-1954 nền độc-lập của Việt-nam chỉ là chiếc bánh vẽ.

Bảo-Đại là Quốc-trưởng « bù nhìn » không có chút thực-quyền nào. Chọn người lập Chính phủ, bổ-nhiệm chức Tổng-tư-lệnh quân-đội, công-an đều phải có sự thỏa-thuận của Thượng-sứ Pháp. Tài-chính, quân-đều ở trong tay người Pháp. Tình-trạng này đã

khiến một số trí-thức « trùm chăn » không chịu tham-chính, làm giảm rất nhiều uy-tinh của Bảo-Đại đối với dân-chúng và nhất là đã bị Việt-Minh lợi-dụng tuyên-truyền chống Phong-trào quốc-gia.

2) Bảo-Đại ưa sống an-nhàn hơn là tranh-đấu cho chính.nghĩa quốc-gia.— Sau 6 tháng trực.tiếp lãnh-đạo Chính-phủ, Bảo-Đại lấy cớ phải đứng ngoài chính-quyền, để dễ giải-quyết những việc lớn. Ngày 18-1-1950, Bảo-Đại cử Nguyễn-Phan-Long lập Tân Nội-các và từ đó Bảo-Đại đóng đô ở Ban-mê-thuột, một địa-điểm hẻo-lánh cách Saigon hơn 300 cây-số. Công việc chính của Quốc-trưởng là săn bắn và sống cuộc đời xa-hoa, trụy-lạc, Mỗi năm Bảo-Đại đi kinh-lý Sài-gòn, Huế, Hà-nội một vài lần. Trong những dịp này Bảo-Đại chỉ có đủ thời giờ chủ.tọa một cuộc diễm-binh long-trọng, dự vài bữa tiệc lớn, thăm lướt qua một vài địa-điểm. Để được tự-do hoạt-động, Bảo-Đại cho gia-đình sang trú-ngụ tại lâu đài Thorence thuộc tỉnh Cannes. Trong những năm đầu, thỉnh-thoảng Bảo-đại sang Pháp thăm gia.đình hoặc dưỡng-bệnh một vài tháng. Từ tháng 5-1953, lấy cớ phải trực-tiếp thương-thuyết với Pháp để đòi lại chủ-quyền hoàn-toàn, Bảo-Đại ở hẳn Nice cho tới ngày bị truất-phế.

3) Đa-số nhân-viên Chính-phủ lợi-dụng địa-vị để làm giàu.— Thấy Pháp không thành-thực trả độc.lập cho Việt-Nam, những nhà chân-chính cách-mạng, những người thiết-tha yêu nước hoặc « trùm chăn » ở trong nước, hoặc bôn-ba nơi hải-ngoại. Bảo-Đại phải cho những tay sai hoặc những người thân Pháp giữ chức-vụ quan.trọng. Đa số chỉ nghĩ tới chuyện xu-nịnh Quốc-trưởng, làm vừa lòng quan thầy Pháp để biển-thủ công-quỹ, bóc-lột dân chúng. Nhiều Tổng-trưởng, Thủ-hiến sau một thời-gian ngắn giữ chức-vụ, trở nên triệu-phú, tậu đồn-điền, mua xí-nghiệp ở ngoại-quốc để khi nào có biến thì bỏ nước, an-hưởng tuổi già nơi quê người.

Tóm lại, sự thiếu thành-thực của Pháp, sự bất-lực của Quốc-trưởng và sự thối-nát của Chính-phủ Bảo-Đại đã giúp rất nhiều cho Việt-Minh.

IV. — CHÍN NĂM KHÁNG-CHIẾN (19-12-1946 - 20-7-1954)

Sau khi cuộc xung đột Việt Pháp bùng nổ, lực-lượng của Việt-Minh không có gì, nhưng họ đã khéo dấu bộ mặt cộng-sản nêu khẩu hiệu « kháng-chiến giành độc-lập » để lôi cuốn toàn-dân vào phong-trào chống Pháp. Đến khi Mao-Trạch-Đông chiếm lục-địa Trung-Hoa, Việt-Minh thực-hiện « giai-cấp đấu tranh », gây phong-trào « đấu tố » nên nhiều phần tử quốc-gia bỏ kháng-chiến và sau Hiệp-định Genève di-cư vào Nam đứng sau lưng Ngô Chí-sĩ cương-quyết thực-hiện chương-trình bài Phong, phản Đế và diệt Cộng.

Dưới đây chúng tôi trình-bầy một cách sơ-lược các giai-đoạn chiến-tranh :

Phỏng theo chiến-thuật của Hồng-quân Trung-Hoa, Việt-Minh đưa ra chương-trình Trường-kỳ Kháng-chiến gồm có 3 giai-đoạn sau đây :

— Giai-đoạn Bảo-tồn lực-lượng và Phòng-ngự.

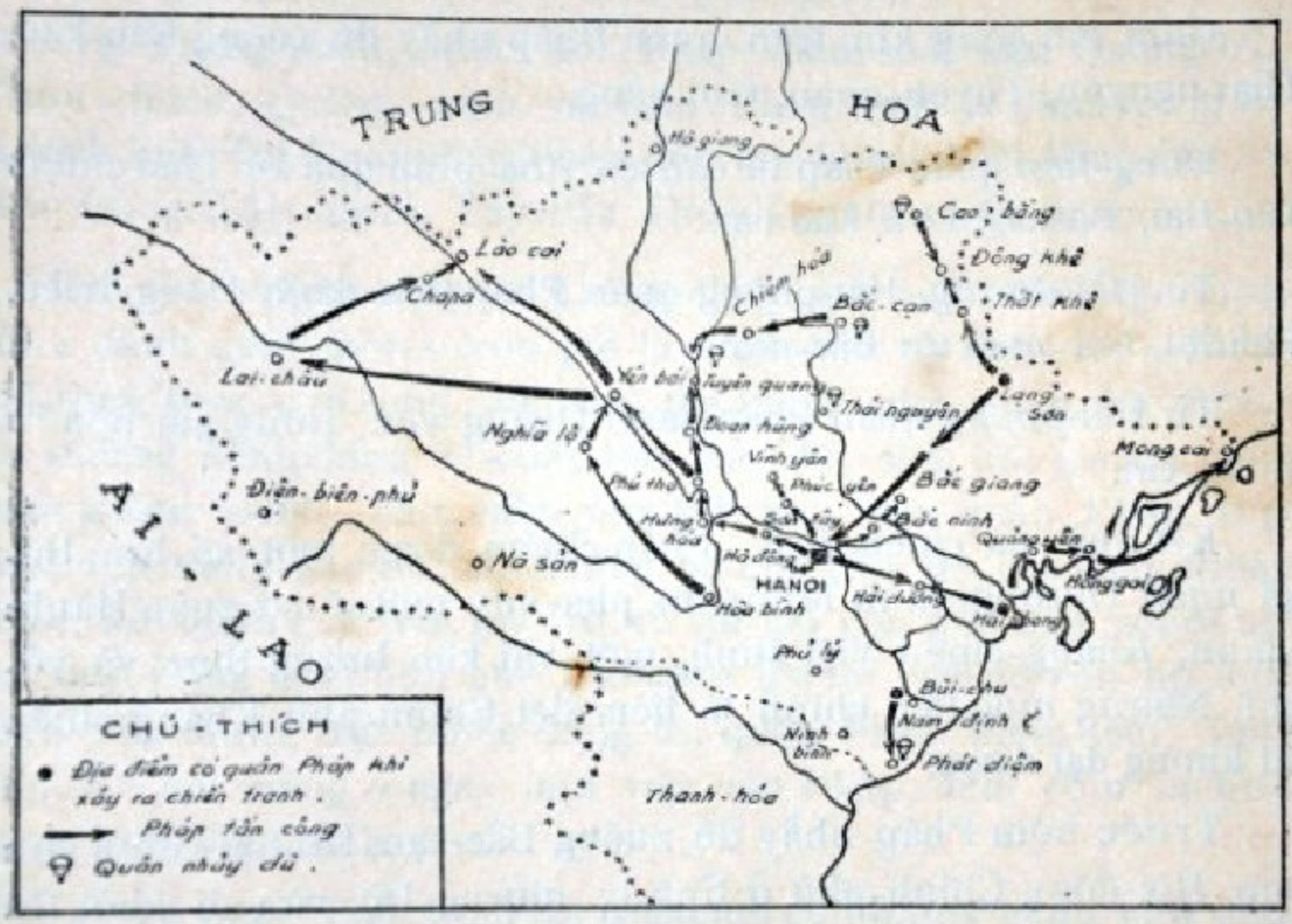
— Giai-đoạn Cầm-cự.

— Giai-đoạn Tổng phản-công.

1) Giai-đoạn bảo-tồn lực-lượng (19-12-1946 đến cuối năm 1947). — Trước vũ-khí tối-tân của quân-đội Viễn-chinh Pháp, Việt-Minh ra lệnh cho quân Chính-quy rút về chiến-khu Việt-Bắc và đưa dân-quân tự-vệ ra làm bia đỡ đạn. Trong giai-đoạn này Pháp thắng trên khắp các mặt trận nhưng vấp phải chiến-thuật « Tiêu thổ kháng-chiến ». Pháp đi tới đâu cũng chỉ thấy « vườn không nhà trống » vì Việt-Minh phần dùng bạo-động, phần kích-thích tinh-thần ái-quốc để xua dân chúng bỏ làng-mạc tản-cư đi nơi khác. Một số lớn đô-thị ở Bắc-Việt bị hoàn toàn tiêu-thổ và biến thành những đống gạch vụn.

Trong giai-đoạn này Pháp làm chủ tình-thế và mở nhiều chiến-dịch :

a) Chiến-dịch mùa xuân : Tại Hà-nội, sau khi làm chủ được khu-phố người Âu, quân Pháp đánh lan ra các Khu lân-cận và vấp phải sức chiến-đấu anh-dũng của Trung-đoàn Thủ-đô. Để tiếp-tế khí-giới cho đạo quân Pháp ở Hà-nội, Bộ Tư-lệnh Pháp cố chiếm con đường số 5. Phải hơn một tháng, quân đội Pháp mới dùng được con đường này, nhưng ban đêm thi quân du-kích lại đào đường đắp ụ, gài mìn gây nhiều khó-khăn cho Pháp. Nhờ ở sự tiếp-tế đầy-đủ, ngày 19-2-1947 quân Pháp làm chủ hoàn-toàn Thủ-đô Hà-nội.



Chiến-tranh Việt-Pháp : những cuộc tấn-công của quân-đội Pháp trong các năm 1946, 1947, 1948.

Ngày 7-2, quân Pháp từ Đà-nẵng vượt qua đèo Hải-vân và chiếm Huế.

Ngày 11-3, quân Pháp vào Nam-Định.

b) Chiến-dịch Thu-Đông 1947 (chiến-dịch Léa)

Bộ Tham-mưu Pháp mở chiến-dịch mùa thu tấn-công vào Việt-Bắc để phá đầu-não của cơ-quan Kháng-chiến và bịt con đường tiếp-tế vũ-khí từ Trung-hoa sang.

Tướng Valluy chỉ-huy cuộc tấn-công này. Sáng 7-10, quân-đội Pháp chia làm 2 đường tiến lên Việt-Bắc.

— Một đạo quân từ Hà-nội theo triền sông Nhị-hà chiếm Sơn-tây, chùa Thông rồi ngược dòng sông Lô chiếm Phủ-doan.

— Một đạo quân từ Lạng-sơn theo đường số 4 đánh Thất-khê, Đồng-khê.

Giữa hai gọng kìm trên, quân Pháp nhảy dù xuống Bắc-kạn, Thái-nguyên, Tuyên-quan, Cao-bằng.

Đồng-thời quân Pháp từ căn-cứ Hòa-bình qua xứ Thái chiếm Yên-Bai, Lai-châu và Lào-cai.

Từ Hải-dương, Hải-phòng quân Pháp tiến đánh Đông-triều, Phả-lại, Lục-nam tới Bắc-sơn.

Từ Hải-phòng quân Pháp đánh Quảng-yên, Hồng-gai tiến ra Móng-cái.

Kết-quả của chiến-dịch : Pháp chiếm được một số lớn thị-xã miền Thượng-du và Trung-du, phá-hủy một số cơ-quan Hành-chánh, Kháng-chiến Việt-Minh, một vài kho lương-thực và võ-khí. Nhưng mục-tiêu chính là tiêu-diệt Chính-phủ Kháng-chiến thì không đạt được.

Trước hôm Pháp nhảy dù xuống Bắc-kạn, Hồ-Chí-Minh còn họp Hội-đồng Chính-phủ ở tỉnh-lỵ nhưng Hồ vừa đi khỏi thì Bắc-kạn bị chiếm, chỉ có nhà học giả Nguyễn-văn-Tố bị bắt và bị giết.

Trong giai-đoạn phòng-ngự, Việt-Minh vì thiếu võ-khí phải ra lệnh cho quân-đội tránh chạm trán với Pháp. Nhưng trước khi rút lui phải « tiêu thổ » và khua dân tản-cư. Thỉnh-thoảng quân chính-quy phối-hợp với quân du-kích địa-phương quấy rối hậu-quân địch.

2) Giai-đoạn cầm-cự (1948-1951).— Sau chiến-dịch Léa, Pháp và Việt-Minh đều thay đổi chiến-lược.

a) Về phía Pháp : Từ các đô-thị đã chiếm được, Pháp áp-dụng chiến-thuật « Vết dầu loang » làm chủ những vùng lân-cận và giữ những trục giao-thông. Chiếm được khu-vực nào Pháp dựng ngay « đồn canh quân-sự » (poste militaire) và lập Hội-tề.

Trong năm 1948-1949, quân-đội Pháp mở nhiều cuộc hành-binh chiếm Thị-xã Bắc-ninh, Bắc-giang (tháng 7), Vĩnh, Phúc-yên (tháng 8), Bùi-chu, Phát-diệm (tháng 10).

Tại Trung-phần, quân đội Pháp kiểm-soát khu Quảng-trị, Thừa-thiên, Quảng-nam và Khu Phan-thiết — Phan-rang — Khánh-hòa. Tại Nam-phần Pháp đồn lực-lượng Việt-Minh vào ba Khu Đồng-tháp-mười, Tây-Bắc Thủ-dầu-một và Cà-mau.

Để phá những cơ-quan Kháng-chiến, quân-đội Pháp áp-dụng lối « đánh quây tròn » (còn gọi là đánh chữ o) hoặc lối « đánh cài-răng-lược ». Trong các cuộc tảo-thanh này, quân-đội Pháp có những hành-động vô-cùng tàn-bạo (đốt nhà, bắt gia-súc, giết lương-dân vô-tội, hãm-hiếp phụ-nữ) nên thấy quân Pháp sắp tiến đến vùng nào thì dân-chúng bỏ nhà cửa, đồ-đạc chạy thoát thân. Khi quân giặc rút lui, trở về thì chỉ còn nền nhà với đống tro tàn. Lòng căm-hờn của toàn-dân lên tới cực-độ nên họ ngả theo Việt-Minh. Tại nhiều làng do quân Pháp kiểm-soát, ban Hội-tề « hai mang » ngày làm việc cho Pháp, đêm chịu mệnh-lệnh của Việt-Minh.

b) Về phía Việt-Minh thì quân-đội chính-quy cũng như dân-quân du-kích dần-dần trưởng-thành trong khói lửa. Nhận thấy những trận-địa-chiến rất tai-hại cho lực-lượng Kháng-chiến, Bộ Tổng Tham-mưu Việt-Minh nêu khẩu-hiệu « Đánh để chạy và chạy để đánh ». Chiến-thuật du-kích được triệt-để áp-dụng.

Trước hết Việt-Minh tìm cách phá những hệ-thống giao-thông. Con đường số 5 được đặc-biệt chú-ý vì là mạch máu chính tiếp-tế cho đạo-quân Viễn-chinh Pháp ở Bắc-phần. Ban đêm

du-kích ở dọc đường Hà-nội Hải-phòng chôn mìn dưới đường sắt, đường nhựa và nhiều đoàn xe vận-tải, xe lửa đã nổ tung và số quân lính Pháp bị mìn xé xác không phải là ít. Nghệ-thuật chôn mìn rất tinh-vi nên những máy dò mìn tinh-xảo của Pháp nhiều khi không công-hiệu.

Để chống với những cuộc tảo-thanh, những trận càn quét, dân quân gài « mìn muỗi » ở khắp nơi và giết được nhiều quân-địch. Chiến-thuật này rất nguy-hiểm nên trước khi tấn-công vào một làng, quân đội Pháp bắn yểm trợ hàng mấy tiếng đồng-hồ, đốt cháy lũy tre nhà cửa làm dân chúng phải bỏ làng đi nơi khác.

Quân-đội Pháp đóng ở các đồn lẻ luôn luôn bị quấy-rối và lúc nào cũng ở trong tình-trạng báo-động. Ban ngày quân lính phải mở đường, phải càn quét và tới đâu cũng chỉ thấy « nhà không vườn trống ».

Nhưng ban đêm du-kích bò vào gần đồn, liệng vài quả lựu-đạn, bắn vài băng đạn làm cho quân địch ngủ không yên. thỉnh-thoảng lại có một vài đồn bị tiêu-diệt.

Trong giai-đoạn Cầm-cự này khẩu-hiệu của Việt-Minh là rèn cán, luyện quân, sản-xuất võ-khí. Những xưởng chế-tạo Bazoka, lựu-đạn các loại được thiết-lập tại nhiều địa-điểm. Pháp cho phi-cơ oanh-tạc những cơ-sở đó nhưng không đạt được kết quả mong muốn.

3) Giai-đoạn Tổng phản-công (1950-1054).— Năm 1949, Mao-Trạch-Đông chiếm Hoa-Bắc và Hoa-Nam, Tưởng-Giới-Thạch chạy ra đảo Đài-Loan.

Trung-cộng tiếp-tế đầy đủ võ khí cho Việt-Minh và cử hẳn một phái-đoàn Cố-vấn sang giúp. Võ-Nguyên-Giáp tuyên-bố giai-đoạn Tổng phản-công bắt đầu.

a) Việt-Minh đánh bật Pháp ra khỏi biên-giới Hoa-Việt.— Cuối năm 1949, Việt-Minh luôn luôn đột kích các đoàn xe

tiếp-tế của Pháp trên con đường Quốc-lộ số 4 nên Pháp phải mở cầu hàng-không giữa Cao-bằng và Lạng-sơn.

Tháng 9 năm 1950, chiến-dịch Hoàng-Văn-Thụ bắt đầu. Việt-Minh tập-trung nhiều sư-đoàn, dàn thế-trận trên 100 cây số và chiếm Đông-khê. Quân-đội Pháp đóng giữ Cao-bằng phải rút về Lạng-sơn (8-10) và bị phục-kích. Số thiệt-hại rất nặng nề : bị bắt và bị giết 4.000 binh-sĩ, 351 hạ sĩ-quan, 98 sĩ-quan, trong số đó có Đại-tá Lepage và Charton.

Đồng-thời quân-đội Pháp bỏ Lào-cai, Hòa-bình, Vụ-bản ở phía Tây-bắc và bỏ Đồng-đăng, Lạng-sơn, Lộc-bình ở phía Đông-bắc.

Cuộc rút lui của quân-đội Pháp ở biên-thùy làm dân-chúng Hà-nội hoang-mang. Nhiều người bán nhà chạy sang Pháp hoặc vào Nam vì Việt-Minh hẹn ngày về Hà-nội.

Nhờ thắng-lợi trên, Chính-phủ Việt-Minh được Trung-cộng và Liên-sô công-nhận (15 và 30-1-1950). Từ đó Hồ-Chí-Minh hạ mặt nạ quốc-gia đứng hẳn vào khối Cộng-sản.

Chính-phủ Bảo-Đại được Anh công-nhận (7-2) sau đến Hoa-kỳ và nhiều cường-quốc trong khối Dân-chủ.

Cuộc xung-đột Việt-Minh — Pháp biến thành một vấn-đề quốc-tế.

b) Đại-Tướng Delattre de Tassigny cứu-vãn được tình-thế trong một thời-gian : Trước sự nguy-ngập của Bắc-việt, Chính phủ triệu-hồi bộ đôi Pignon-Carpentier và bổ Đại-Tướng De Lattre de Tassigny giữ chức Tổng Tư-lệnh kiêm Tổng Cao-ủy Pháp ở Đông-dương (17.12-1950).

De Lattre vừa tới Việt-nam thì Võ-Nguyên-Giáp hạ lệnh tấn-công trên một mặt-trận dài 140 cây-số từ Việt-trì tới Lục-nam qua các tỉnh Bắc-giang, Bắc-ninh, Vĩnh-yên, Phúc-yên. Việt-Minh áp-dụng chiến-thuật « bể người » mà Trung-cộng đã thí-nghiệm trên chiến-trường Cao-ly. Nhưng dưới sự điều-khiển

cương-quyết của De Lattre, dưới những làn mưa bom « săng đặc » (napalm), quân-đội Việt-Minh bị thiệt-hại nặng-nề (tháng giêng 1951).

Đến cuối tháng 3-1951, Việt-Minh lại dồn hết lực-lượng tấn công vùng Đông-triều, Mao-khê. Nhưng trên mặt trận này Việt-minh cũng bị thiệt-hại lớn.

Tháng 5-1951, Việt-Minh từ vùng núi Phủ-nho-quan tấn-công vào Ninh-bình. Trung-úy Bernard De Lattre tử-trận. Đại-tướng De Lattre phải huy-động toàn lực-lượng mới chiếm lại Ninh-bình.

Sau 3 trận thử sức trên, Việt-Minh bỏ lối dàn thành thế-trận và rút về Việt-bắc. Miền châu-thổ hết bị uy-hiếp nhưng một số cán-bộ Việt-Minh và quân chính-quy len-lỏi trong dân-chúng phối-hợp với Dân-quân.

De Lattre bèn áp-dụng chiến-thuật sau đây :

— Tổ-chức những binh-đoàn lưu-động (Groupement mobile) chuyển-vận thật nhanh chóng để sẵn-sàng đối-phó, thiết-lập hàng rào chiến-lũy bằng xi-măng cốt-sắt để cản sự đột-nhập của quân Kháng-chiến vào châu-thổ sông Nhị-hà.

Mở những cuộc càn quét để lùng bắt cán-bộ và quân lính.

Tháng 11-1951, De Lattre đem đại-quân ồ-ạt tấn-công Hòa-sự binh để cắt đứt chuyển-vận khí-giới vào Khu IV. Nhưng Việt-Minh đem Sư-đoàn 304, 308, 312 bao vây ngay.

Đồng thời 2 sư-đoàn 316, 320 đột-nhập miền châu-thổ Bắc-kỳ. Đương chỉ-huy cuộc chiến-đấu, De Lattre bị đau về Pháp chữa bệnh và tử-trần (11-1-1952). Đại-tướng Salan tạm thay De Lattre ra lệnh rút khỏi Hòa-bình. Trong cuộc rút lui này quân Pháp bị thiệt-hại khá nặng.

c) *Việt-Minh tấn-công xứ Thái* : Tháng 10-1952, Võ-Nguyên-Giáp đưa nhiều Sư-đoàn tấn-công Nghĩa-lộ, Văn-uyên, uy-hiếp Phong-thổ, Quỳnh-nhai. Trong khi bao vây Nghĩa-lộ, Việt-Minh

đ-ạt đánh Sầm-nứa và nhiều địa-điểm trên sông Mã. Quân Pháp phải bỏ Nghĩa-lộ và bị truy-kích rất mạnh. Bộ Tư-lệnh Pháp hạ-lệnh dồn quân ở Pháo-lũy Nà-sản, xây đắp hệ-thống phòng-ngự chung quanh thung-lũng này để ngăn bước tiến của Việt-Minh và sau này dùng làm căn-cứ tấn-công.

d) Việt-Minh tấn-công sang Lào.— Chiếm được xứ Thái, Việt-Minh tập-trung lực-lượng và tháng 3-1953 đem đại-quân theo nhiều đường đánh sang Lào, uy-hiếp Luang Prabang. Quân-đội Pháp cố.thủ ở cánh đồng Chum, biến khu này thành một pháo-đài kiên-cố. Tháng 5-1953, sau khi củng-cố lực-lượng của Lào-Cộng (Pathet Lào), Võ-Nguyên-Giáp hạ-lệnh bỏ mặt trận Lào.

Đại.tướng Salan về Pháp nghỉ và Đại-tướng Navarre sang thay thế.

e) Kế-hoạch Navarre và cuộc rút lui khỏi Nà-sản.— Sau khi thăm chiến-trường Việt-Bắc, Navarre thảo kế-hoạch sau đây :

— Bỏ những đồn binh vô ích, những đồn lẻ-loi luôn luôn bị Việt-Minh uy.hiếp và tấn-công.

— Bỏ chiến-thuật thụ-động trong pháo-lũy. Quân-đội phải đi sâu vào đất địch, chiến-đấu ngay tại căn-cứ của địch.

Ngày 18-7, Thiếu-Tướng Gilles chỉ-huy cuộc nhảy-dù xuống Lạng-sơn, Lộc-bình càn-quét rồi rút lui về liên-lạc với đạo quân từ Hải-phòng qua Tiên-yên tiến lên.

Ngày 29-7, phi-cơ Pháp từ Bắc-Việt thả quân xuống khu-vực ở phía Nam Quảng-trị, đồng-thời thủy-quân từ ngoài biển tiến vào.

Hai cuộc hành-binh táo-bạo này ngoài việc phá những căn-cứ hiểm-trở của Việt-Minh còn có mục-đích che đậy cuộc rút lui khỏi Nà-sản. Hàng đoàn phi-cơ vận-tải Dakota bí-mật chuyển quân-sĩ và võ-khí về Hà-nội. Tuy vậy trong cuộc rút lui này, quân-đội Pháp cũng bị thiệt-hại. Nhiều võ khí bị thiêu-hủy vì không chuyển đi được.

f) Để ngăn cản sự đột-nhập của Việt-Minh vào xứ Lào, Tướng Navarre hạ-lệnh tấn-công Thanh-hóa và chiếm Điện-biên-phủ.— Sau khi làm chủ Việt-bắc, Võ-Nguyên-Giáp có ý định mang quân qua Ai-lao đánh miền Nam. Đại-Tướng Navarre hạ-lệnh cho thủy, lục, không-quân tấn-công Thanh-hóa (15-10 đến 8-11). Liên-khu IV bị càn quét nhưng Sư-đoàn Việt-minh 304 và 320 rút lui kịp và không bị tổn-hại mấy.

Ngày 20-11, Tướng Cogny mở cuộc hành-binh tái-chiếm Điện-Biên-phủ. Hàng ngàn quân nhảy dù làm chủ lòng chảo này và sau đó Pháp xây pháo-lũy biến Điện-biên-phủ thành một pháo-đài kiên-cố. Đại-tá De Castries chỉ-huy mặt trận này. Theo kế-hoạch Navarre, quân-đội Pháp chiếm Điện-biên-phủ để cản đường liên-lạc giữa Bắc-Việt và Ai-lao, đồng-thời dử Việt-Minh đem quân tới vây đánh. Như vậy Pháp lại giành được quyền chủ-động.

e) Nhờ viện-trợ của Trung-cộng, Việt-Minh chiếm Điện-biên-phủ (7-5-1954).— Sau khi Pháp củng-cố phao-đài Điện-biên-phủ, Tướng Võ-Nguyên-Giáp chuẩn-bị đánh căn-cứ này và huy-động hàng vạn binh-sĩ và dân-công, phá núi, xẻ đồi làm đường cho xe vận-tải chở khí-giới đạn-dược từ biên-thùy Hoa-Việt về. Ban ngày không một bóng người trên đường vì phi-cơ thám-thính của Pháp luôn luôn tuần-tiễu trên không-trung và từng đoàn phi-cơ chiến-đấu nã súng liên-thanh, thả bom napalm xuống những địa-điểm mà họ nghi có quân-đội trú-ẩn. Nhưng sau khi mặt trời lặn, hàng vạn người băng-hái làm đường, chuyển-vận khí-giới. Họ vượt những rặng núi cao, tháo trọng-pháo ra từng mảnh đem lên đỉnh đồi ở chung-quanh Điện-biên-phủ lắp lại. Pháp không bao giờ tưởng-tượng được sự hy-sinh không bờ bến của dân-tộc Việt-Nam trong việc chống ngoại-xâm.

Ngày 13-3-54, Việt-Minh bắt đầu tấn-công vị-trí Điện-biên-phủ mà Pháp coi như bất khả xâm-phạm. Sau 4 ngày kịch-chiến, những đồn ở phía Bắc bị Việt-Minh chiếm. Pháp gửi viện-binh lên cố giữ những ngọn đồi bảo-vệ sân bay. Việt-Minh áp-dụng



Chiến-tranh Việt-Pháp. cuộc phản-công của Việt-Minh từ 1950 đến 1954

chiến-thuật « bể người » chiếm dần những đồn này rồi đặt trọng pháo ngày đêm nhả đạn vào cơ-quan chỉ-huy. Ngày 7-5-1954, Thiếu-tướng De Castrie cùng bộ tham-mưu kéo cờ trắng xin hàng. Điện-biên-phủ thất-thủ. Pháp thiệt-hại rất nhiều : 18.000 binh-sĩ bị bắt làm tù-binh trong đó có một Thiếu-tướng, nhiều võ-quan cấp tá, 1.700 sĩ-quan cấp úy và hạ sĩ-quan.

f) Pháp thiệt-hại nặng-nề sau 9 năm chinh-chiến : Hậu-quả của chiến tranh rất tai-hại cho Pháp. Số binh-sĩ tử-trận lên tới 92.000 người trong số đó có chừng 20.000 Pháp, 30.000 lê-dương, Số bị thương là 114.000 trong số này có 46.000 Pháp và 31.000 lê-dương. Số tù binh vào khoảng 30.000.

Số sĩ-quan Pháp tử-trận tại Đông-dương lên tới 800 người. Trong 9 năm chiến-tranh, Pháp phải thay đổi nhiều lần vị Tổng chỉ-huy đoàn quân Viễn-chinh và phải đưa những vị Tướng đã

từng nổi danh trong trận Thế-giới chiến-tranh thứ nhì như Leclerc, De Lattre de Tassigny, Juin.

Số tiền dùng cho cuộc chiến-tranh xâm-lược này lên quá 3000 tỷ quan. Tuy được Hoa-kỳ viện-trợ cho binh-nhu, riêng công-quỹ Pháp phải chịu gần 2.400 tỷ.

Dân-tộc Pháp đã khổ-sở trong suốt kỳ đại-chiến thứ hai, vừa ra khỏi cơn ác-mộng thì lại bị nhóm Pháp-kiều thực-dân có nhiều quyền-lợi ở Đông-dương đưa vào chiến-tranh. Nhiều chính-khách Pháp đã mạnh bạo lên án cuộc « chiến-tranh bẩn thỉu » (la sale guerre) trước Quốc-hội Pháp cũng như trước dư-luận.

Về phía Việt-nam, sự tai-hại về người cũng như về tiền của không thể ước-lượng được. Nhưng cái tai-hại lớn nhất là chiến-tranh đã đưa Việt-cộng lên nắm chính-quyền để có dịp gieo rắc thuyết Tam-vô (vô gia-đình, vô tôn-giáo, vô tổ-quốc), làm đảo lộn cả luân-lý cổ-truyền của dân-tộc Việt.

V.— PHÁP KÝ HIỆP-ĐỊNH GENÈVE CHIA ĐÔI NƯỚC VIỆT-NAM (20-7-1954)

Năm 1954 đánh dấu sự chuyển-hướng rất quan-trọng về chính-sách đối-ngoại của khối Cộng-sản. Sau khi Hội-nghị Bàn-môn-điếm chấm dứt chiến-tranh Cao-ly, Trùm đỏ Staline tuyên-bố chủ-nghĩa Cộng-sản và Tư-bản có thể sống chung được. Staline đề-nghị giải-quyết một cách hòa-bình mọi cuộc tranh-chấp giữa hai khối.

Tháng 2-1954, Hội-nghị Tứ-cường (Mỹ, Anh, Nga, Pháp) họp tại Bá-linh thỏa thuận về Đông-Nam Á, Nga đề-nghị mở rộng Hội-nghị mời Trung-Cộng và Việt-Minh tham-dự để chấm dứt chiến-tranh tại Đông-dương. Biết rõ âm-mưu của Nga là muốn đưa Trung-cộng vào các Hội-nghị cường-quốc, Mỹ đưa đề-nghị là phải có cả đại-diện của hai chính-phủ Quốc-gia Trung-hoa và Việt-nam. Hội-nghị Tứ-cường Bá-linh tan rã. Các cường-quốc hẹn sẽ gặp nhau ở Genève vào khoảng tháng 4.

Việt-Minh dồn toàn lực-lượng thắt chặt vòng vây chung quanh Điện-biên-phủ cốt làm thế-giới đặc-biệt chú-ý tới mặt trận này, nhất là bắt Pháp phải điều-đình.

Đúng như dự-tính của Việt-Minh, chính-phủ Pháp, đề-nghị đề cả Trung-cộng, Việt-Minh và Việt-Nam quốc-gia, Ai-lao Cao-miên dự Hội-nghị Genève họp từ ngày 26 4-1954.

Mendès France cầm đầu phái-đoàn Pháp, ngoại-trưởng Nguyễn-Quốc-Định cầm đầu phái-đoàn Việt-Nam quốc-gia và Phạm-Văn-Đồng cầm đầu phái-đoàn Việt-Minh. Trong khi cuộc mặc-cả giữa Pháp và Việt-Minh kéo dài thì cả hai bên đều hoạt-động để đối-phương không đòi hỏi quá nhiều. Về phía Pháp thì có Hội-đồng Liên chính-phủ họp tại Ba-lê. Pháp thỏa thuận trả lại nền độc-lập thực-sự cho ba nước Việt, Miên, Lào và đặt sự liên-kết giữa các quốc-gia trên nguyên-tắc bình-đẳng. Cũng tại Hội-nghị này, đại-diện chính-phủ Pháp long-trọng tuyên-bố « Pháp không có một quyết-định nào về vấn-đề Đông-dương mà không



Tình-hình Bắc-Việt vào đầu tháng 6 năm 1954. Pháp chỉ còn làm chủ một khoảng đất hẹp quanh vài đô-thị lớn.

(Theo bản đồ của Military Revien Command and General Staff Collage).

được sự đồng-ý của các quốc-gia liên-kết.» Về phía Việt-Minh thì sau khi chiếm pháo-đài Điện-biên-phủ, Võ-Nguyên-Giáp hạ lệnh tấn-công vào miền châu-thổ Bắc-Việt. Nhiều sư-đoàn rầm-rộ từ Thanh-hóa tấn-công vào các tỉnh ở phía Nam và từ Việt-Bắc uy-hiếp Vĩnh-yên, Bắc-ninh, Quảng-yên. Tướng Salan hạ lệnh cho quân-đội Pháp lần-lượt bỏ Phát-diệm, Bùi-chu, Thái-bình, Phủ-lý và Nam-định (tháng 6 năm 1954) rút về cố-thủ một khoảng đất hẹp hình tứ-giác mà bốn góc là Hải-phòng, Hưng-yên, Phủ-lạng-thương và Sơn-tây.

Trước những thắng-lợi trên, Pháp nhận đề-nghị ngừng chiến chia đôi lãnh-thổ Việt-nam. Phái-đoàn Hoa-kỳ không tán-thành nên không chịu ký dưới Hiệp-định Genève. Phái-đoàn Việt-nam quốc-gia cực-lực phản-đối việc phân chia lãnh-thổ Nhưng ngày 20-7-1954, Hiệp-định đình chiến vẫn được ký-kết giữa Tạ-Quang-Bửu Thứ-trưởng Bộ Quốc-phòng Việt-Minh và Thiếu-tướng Delteil đại-diện Bộ Tổng Tư-lệnh Pháp tại Đông-dương (1).

---

(1) Hiệp-định gồm 42 điều chia ra làm 6 chương và có những điều khoản chính sau đây:

Điều 1.— Một giới-tuyến quân-sự tạm-thời sẽ được ấn-định và lực-lượng quân-sự hai bên tập-hợp theo giới-tuyến đó sau khi rút lui: lực-lượng quân-đội Nhân-dân Việt-nam đóng ở phía Bắc giới-tuyến, lực-lượng quân-đội Pháp đóng ở phía Nam giới-tuyến.

(Giới-tuyến quân-sự tạm-thời do bản phụ-đính ấn-định từ Đông sang Tây như sau:

— Vàm sông Bến-hải và giòng sông đó tới làng Bô-hô-su, kế đó từ Bô-hô-su tới biên-giới Việt-Lào.

Hai bên đồng-ý thiết-lập một khu phi quân-sự ở hai bên giới-tuyến chiều rộng nhất là 5 cây số. Khu phi quân-sự này dùng làm khu đệm để tránh những vụ xung-đột có thể làm chiến-sự tái-diễn.

Điều 2.— Thời-hạn cần-thiết để thực-hiện việc chuyển-dịch lực-lượng của hai bên về vùng tập-hợp của họ ở hai bên giới-tuyến quân sự tạm-thời không được quá hạn 300 ngày kể từ ngày Hiệp-định này đã thi-hành.

Điều 14.— Những biện-pháp chính-trị và hành-chính trong hai vùng tập-hợp ở biên-giới quân-sự tạm-thời:

VII.— CUỘC TRƯNG-CẦU DÂN-Ý NGÀY 28.10-1955 TRUẤT-PHẾ BẢO-ĐẠI VÀ THIẾT LẬP CHÍNH-THỂ CỘNG-HÒA.

Hiệp-định Genève chia đôi nước Việt Nam và đưa Chính-phủ quốc-gia miền Nam vào một tình-trạng đen tối. Trong khi Bảo-đại an-hưởng cuộc đời xa-hoa, trụy-lạc ở Pháp thì Thủ-tướng Ngô-Đình-Diệm phải đương đầu với trăm nghìn khó khăn về nội-bộ cũng như về ngoại-giao. Đáng lẽ trong lúc con thuyền quốc-gia sắp chìm đắm thì Bảo-Đại phải bỏ chính-sách « giữ thế quân-bình » hoàn-toàn tín-nhiệm Thủ-Tướng. Nhưng Bảo-Đại vẫn theo đường cũ, lúc thì ủng-hộ Tướng Nguyễn-văn-Hinh, lúc thì bênh-vực Bình-xuyên để chia bớt quyền của Thủ-Tướng. Chính-sách này làm quốc-dân phẫn-nộ và ngày 23-10-1955 có cuộc Trưng-cầu dân-ý truất phế Bảo-đại.

---

a) Trong khi đợi Tổng tuyển-cử đưa lại thống-nhất nước Việt-nam, bên nào có quân-đội mình tập-hợp ở đâu thì sẽ phụ-trách việc quản-trị hành-chính vùng ấy.

. . . . . .

c) Mỗi bên sẽ cam-kết không dùng cách trả-thù những cá-nhân hoặc đoàn-thể đã có những hoạt-động chống mình trong lúc có chiến-tranh và cam-kết bảo-đảm những quyền tự-do dân-chủ của họ.

d) Trong thời-gian từ khi Hiệp-định này có hiệu-lực đến ngày hoàn-thành việc chuyển quân, nếu có những thường-dân ở khu thuộc quyền kiểm-soát của bên này muốn di-cư sang vùng trao cho bên kia thì nhà chức-trách của khu thứ nhất phải cho phép và giúp họ thực-hiện sự di-chuyển đó.

Điều 17.— Kể từ khi Hiệp-định có hiệu-lực, cấm chuyên-chở vào Việt-nam mọi thứ vũ-khí, đạn-dược và những dụng-cụ chiến-tranh khác như máy bay chiến-đấu, đơn-vị thủy-quân, đại-bác, súng ống và khí-cụ thiết-giáp.

Điều 30.— Để dễ-dàng việc thực-hiện các điều-khoản cần đến sự hoạt-động phối-hợp của hai bên, trong những điều quy-định dưới đây, sẽ thành-lập một Ủy-ban Hỗn-hợp ở Việt-nam.

1) Vừa lên cầm-quyền Thủ-tướng Ngô-Đình-Diệm phải giải-quyết vấn-đề di-cư. Theo Điều 14 của Hiệp-định Genève thì trong thời-hạn 300 ngày, dân chúng có quyền lựa chọn chính-thể quốc-gia miền Nam hoặc chính-thể Cộng-sản miền Bắc và họ được tự do di-cư. Mặc dầu Việt-cộng hết sức



Cuộc trưng-cầu dân-ý suy-tôn Tổng-Thống
NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

(Ảnh của Bộ Thông tin)

Điều 31.— Ủy-ban Hỗn-hợp gồm có một số đại-biểu bằng nhau của Bộ Tư-lệnh của hai bên.

Điều 33.— Ủy-ban Hỗn-hợp đảm-bảo sự thực-hiện những điều-khoản sau đây của Hiệp-định :

tuyên-truyền và dùng nhiều mánh-khóe xảo-trá giữ dân ở lại, số người xin di-cư vào Nam rất nhiều. Quân-đội Pháp còn phải để phi-cơ, tầu biển chuyển võ-khí, binh lính vào Nam nên số thường-dân do Pháp chuyên chở không được là bao. Ngô Thủ-Tướng phải nhờ Hoa-kỳ giúp phương-tiện cứu hàng triệu người sẵn-sàng bỏ cơ-nghiệp, mồ-mả tổ-tiên thoát khỏi hỏa-ngục đỏ. Theo tài-liệu của phủ Tổng-ủy Di-cư thì tính đến ngày 20-6-1955 số dân di-cư vào Nam là 818.131 người (Cũng trong thời-gian đó chỉ có 4792 người Nam ra Bắc). Việc tiếp đón, giúp đỡ tiền ăn trong khi chờ định-cư và tổ-chức nơi ăn chốn ở cùng việc làm cho gần một triệu đồng-bào đòi hỏi những cố gắng phi-thường. Kết-quả mà Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm đã thâu lượm được thế-giới tự-do coi như là một kỳ-công.

2) Ngô Thủ-Tướng cương-quyết đối-phó với những hành-động phá-hoại của Tướng Nguyễn-văn-Hinh và Bình-Xuyên.

Sau Hiệp-định Genève, Pháp phải bỏ miền Bắc nhưng vẫn cố bám miền Nam.

Thấy Ngô Thủ-tướng cương-quyết thực-hiện nền độc-lập thực-sự cho Tổ-quốc, và đưa ra một chương-trình bất lợi cho chế-độ thực-dân và phong-kiến (thống-nhất quân-đội, đóng cửa sòng bạc, bài-trừ hối-lộ), những người mà quyền-lợi bị đe-dọa

---

a) Ngừng bắn đồng thời và toàn-diện ở Việt-nam cho những lực-lượng võ-trang chính-quy và không chính-quy của hai bên.

b) Sự tập-hợp lực-lượng võ-trang của hai bên.

c) Sự tôn-trọng giới tuyến giữa các vùng tập-hợp và khu phi quân-sự.

Điều 34.— Nay thành-lập Ủy-ban Quốc-tế phụ-trách giám-sát và kiểm-soát sự thi-hành các điều-khoản của Hiệp-định đình-chiến ở Việt-nam. Ủy-ban Quốc-tế gồm có một số đại-biểu tương-đương của các quốc-gia sau đây: Ấn-độ, Ba-lan, và Gia-nã-đại. Đại biểu Ấn-độ sẽ giữ chức Chủ-tịch.

tìm mọi cách gây rối-ren để lật đổ Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm.

Vào khoảng tháng 9-1954, Trung-tướng Nguyễn-Văn-Hinh âm-mưu đảo chính. Nguyễn-Văn-Hinh là con trai nguyên Thủ-tướng Nguyễn-Văn-Tâm, lấy vợ đầm, có quốc-tịch Pháp, đã được Bảo-Đại bổ-nhiệm làm Tổng-Tham-mưu Trưởng từ lâu.

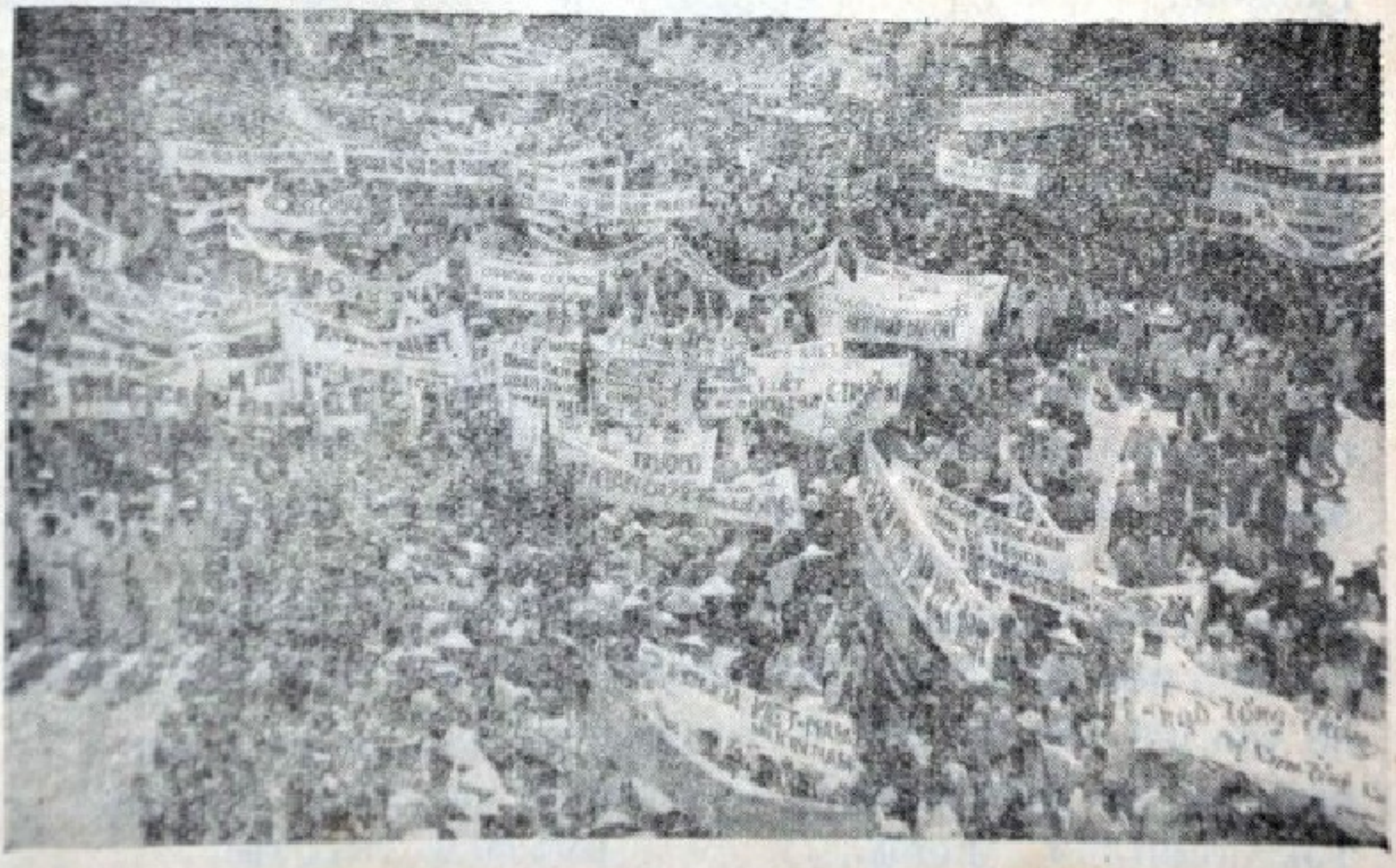
Trước hết Nguyễn-Văn-Hinh dùng đài Phát-thanh « Tiếng nói quân-đội » vu cáo Thủ-tướng . có ý thiết-lập chính-thể độc-tài và hô-hào binh-sĩ nổi lên chống lại. Nhưng đa-số Tướng-sĩ sáng-suốt nhận rõ ai là người nặng lòng yêu nước, ai là tay sai của Thực-dân nên không hưởng-ứng lời kêu gọi của Hinh, và tuyên-bố trung-thành với Thủ-tướng. Có vị chỉ-huy đem quân lên rừng lập chiến-khu chống lại Hinh. Thấy dân chúng và quân-đội không theo mình, Tướng Hinh không dám đảo-chính tuy đã dàn sẵn chiến-xa, trọng-pháo trước Bộ Tổng Tham-mưu. Nguyễn-Văn-Hinh điện xin Bảo-Đại giải.quyết sự xích-mích này, Bảo-Đại ra lệnh đòi Hinh qua Pháp. Ngô-Thủ-Tướng cử Thiếu-tướng Lê-Văn-Tỵ giữ chức Tổng-Tham-mưu trưởng.

Sau âm-mưu đảo-chính hụt của Nguyễn-Văn-Hinh, Thủ-Tướng Ngô Đình-Diệm tiếp-tục chương-trình hoạch-định và hạ lệnh đóng cửa hai sòng bạc Đại Thế-giới và Kim-chung, hai nguồn-lợi lớn của Lê-Văn-Viễn nhưng cũng là hai ngòi mồ chôn không biết bao nhiêu dân lành khờ-khạo. Nhờ sự giúp-đỡ ngầm của ngoại-kiều, Lê-Văn-Viễn kết liên với một nhóm phản-động đội lốt Cao-đài, Hòa-hảo, đòi Ngô Thủ-tướng cải-tổ chính-phủ. Đêm 29-3-1955, Viễn hạ lệnh nã súng vào Tổng Hành-dinh quân-đội quốc-gia. Không muốn có nội-chiến trong khi Việt-cộng rầm-rộ kéo quân vào miền Bắc, Ngô Thủ-tướng không cho quân-đội bắn trả lại. Tuy nhiên, để bảo-vệ trật-tự và an-ninh cho dân chúng, Thủ-tướng triệt-hồi Lai-Văn-Sang cánh tay phải của Bảy Viễn mà Bảo-Đại đã bổ giữ chức Tổng Giám.đốc Cảnh-sát Công-an. Trước những quyết-định cương.quyết trên, Lê-Văn-Viễn dùng võ-lực đảo-chính.

Trưa 28-4-1955, quân Bình-xuyên tấn-công nhiều nơi ở

Sài-gòn, đốt phá từng dãy phố, cướp của giết người. Lúc đó Ngô-Thủ-tướng mới hạ-lệnh cho quân-đội quốc-gia tiễu-trừ phiến-loạn. Sau 48 giờ chiến-đấu anh-dũng và quả-cảm, 10 tiểu-đoàn đã làm tan-rã hàng ngũ Bình-xuyên và buộc chúng phải rút khỏi Đô-thành, Lê-văn-Viễn, người hàng tháng vẫn trích một phần tiền lời của 2 sòng bạc Đại-Thế-giới, Kim-chung chia cho Bảo-đại, đánh điện-tín xin Quốc-Trưởng đình-chỉ cuộc xung-đột mà chính hắn đã gây ra. Bảo-đại mời Thủ-tướng qua Pháp, cử Tướng Nguyễn-văn-Hinh về điều-tra tại chỗ và bổ Nguyễn-văn-Vỹ giữ chức Tổng Tham-mưu-trưởng.

Quyết-định trên chứng tỏ sự cấu-kết giữa Bảo-đại và quân phiến-loạn làm dân-chúng phẫn-nộ. Đại-diện các đoàn-thể chính-trị, các tầng lớp nhân-dân họp tại Tòa Đô-sảnh thành-lập « Hội-đồng Nhân-dân Cách-mạng » hô-hào truất-phế Bảo-đại. Theo gương Thủ-đô, tại khắp các tỉnh, phong-trào chống Bảo-đại lôi



Cuộc biểu-tình vĩ-đại hoan-hô sự đắc-cử của Tổng-Thống
NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

cuốn dủ các tầng lớp nhân-dân. Một phái-đoàn Cao-đài ly-khai của Tướng Trịnh-Minh-Thế ủng-hộ Thủ-tướng và không công-nhận việc bổ Nguyễn-Văn-Vỹ làm Tổng Tham-mưu-trưởng. Vỹ đem Ngự-lâm-quân ở Đà-lạt xuống âm-mưu đảo-chính, nhưng đa-số binh-sĩ không theo lệnh. Vỹ phải trốn lên Đà-lạt rồi sau sang Pháp.

Trước những hành-động phản dân-tộc của Bảo-Đại, Hội-đồng Nhân-dân Cách-mạng họp ngày 8-5-1655, tuyên-bố truất-phế Bảo-Đại, giải-tán Chính-phủ do Bảo-Đại cử ra.

Ngày 10, thể theo ý dân, Thủ-tướng Ngô-Đình-Diệm giải-tán Chính-phủ và được Hội-đồng Nhân-dân Cách-mạng ủy lập Chính-phủ lâm-thời và triệu-tập Quốc-hội

3) Cuộc trưng-cầu dân-ý ngày 23-10-1955 truất-phế Bảo-Đại.



Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM
vị cứu-tinh của dân-tộc Việt-nam
(Ảnh của Bộ Thông Tin)

Ngay sau khi thành lập, Chính-phủ lâm-thời thực-hiện những mục-tiêu sau đây :

a) *Mở chiến-dịch Đinh-Tiên-Hoàng* từ 5-6-1955 đến 20-12-1955, để vãn-hồi trật-tự, an-ninh tại các tỉnh miền Tây (Cần-thơ, Long-xuyên, Châu-đốc, Rạch-giá, Hà-tiên) đảm-bảo an-ninh cho xe cộ di lại trên trục giao-thông.

Mở chiến-dịch Hoàng-Diệu từ 21-9 đến 21-10-1955 để càn-quét vùng Rừng Sát, sào-huyệt của Bình Xuyên và giải-tỏa con sông Sàigòn từ Nhà-bè đến Vũng-tàu.

Hai chiến-dịch này thu được kết-quả mỹ-mãn và quân phiến-loạn bị tiêu-diệt.

b) *Tổ-chức cuộc Trưng-cầu dân-ý vào ngày 23-10-1955* để dân-chúng tự-do lựa chọn vị lãnh-đạo dân-tộc. Kết-quả của cuộc Trưng-cầu dân-ý như sau :

Số phiếu bỏ cho Thủ-Tướng Ngô-Đình-Diệm : 5.721.735 trên 5.828.907 cử-tri.

Số phiếu bỏ cho Bảo-Đại : 63.017.

Ngày 26-10-1955, chí-sĩ Ngô-Đình-Diệm « long-trọng tuyên-bố Quốc-gia Việt-nam là một nước Cộng-hòa » và đồng thời ban bố bản Ước-pháp tạm-thời.

c) *Tổ-chức Tổng Tuyển-cử* bầu Quốc-hội Lập-hiến vào ngày 4-3-1956. Từ thành-thị tới thôn-quê, từ đồng-bằng tới sơn-cước toàn dân tập hợp làm bổn-phận thiêng-liêng của người công dân để chọn những vị tài-đức đại-diện cho mình tại Quốc-hội. Ngày 15-3-1956, 123 vị dân-biểu họp phiên đầu-tiên tại trụ-sở Quốc-Hội và soạn thảo Hiến-pháp.

Ngày 20-10-1956, Hiến-pháp được « Quốc-Hội chấp-thuận và ngày 26-10, nhân dịp lễ Đệ-nhất chu-niên của nền Cộng hòa Việt-Nam, Ngô-Tổng-Thống ban-bố Hiến-pháp.

BÀI ĐỌC THÊM

Bài số 1.— Thành-tích ba năm hoạt-động của Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm

Ngày 25-6-1954, nhà chí-sĩ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM về nước với nhiệm-vụ trọng-đại : « cứu-vãn tình-thế, thực-hiện hòa-bình với thống-nhất lãnh-thổ và chủ-quyền quốc-gia, hoàn-bị một nền hòa-bình trong tự-do, trong sự tôn-trọng nhân-phẩm và gia-đình ».

Người về giữa lúc tình-hình Việt-nam hầu như tuyệt-vọng. Bên trong, chiến-tranh vẫn tàn-phá đất nước. Bên ngoài, hội-nghị Genève đã bộc-lộ mưu-mô chia cắt lãnh-thổ của đám người quên nguồn gốc, đi ngược lại quyền-lợi dân-tộc. Vùng quốc-gia cũng chia năm xẻ bảy : Bắc-Việt thì các nhóm Đại-Việt tranh-dành ảnh-hưởng. Trung-Việt thì Việt-nam Quốc-dân-đảng thao túng nhất khoảnh. Nam-Việt lại càng bi-đát hơn : Đô-thành có Bình-xuyên, miền Đông có phiến-loạn đội lốt Cao-đài, miền Tây có phiến-loạn đội lốt Hòa-hảo, mỗi kẻ hùng-cứ một phương, khủng bố bóc-lột nhân-dân.

Người về giữa giờ phút đen tối nhất của lịch-sử. Trong khi Việt-cộng lăm-le thôn-tính nốt miền Nam, thì Người không có trong tay một lực-lượng nào. Quyền chỉ-huy quân-đội đã bị Bảo-Đại giao cho Thực-dân. Cảnh-sát Công-an đã bị bán đứng cho Bình-xuyên, cùng với độc-quyền tổ-chức các sòng-bạc Kim-chung, Đại thế-giới và xóm Bình-khang trụy-lạc.

Về phương-diện kinh-tế, đồng bạc Việt-nam vẫn hoàn-toàn lệ-thuộc vào đồng quan, quyền phát-hành tiền-tệ vẫn nằm gọn trong tay Đông-dương Ngân-hàng. Thóc gạo, nguồn-lợi sinh-tử của dân Việt-Nam, từ 9, 10 năm nay đã rơi vào túi tham không đáy của những bọn đội lốt các giáo-phái Cao-đài, Hòa-hảo. Các hoạt-động then-chốt về kinh-tế đều bị tư-bản Tàu và Pháp chi-phối. Ấy là chưa kể bọn gian-thương cùng với tay chân thực-dân, phong-kiến, nhờ hơi cậy thế buôn lậu bán gian, lũng-đoạn kinh-tế.

Mặc dầu mọi khó-khăn, mặc dầu mọi hiểm-nghèo, ngày *7-7-1954*, chính-phủ Ngô-Đình-Diệm thứ nhất được thành-lập. Một nội-các « Tranh-đấu » ra mắt quốc-dân với một chương-trình đầy đủ thực-tế và hữu-hiệu.

« Quốc-dân mong-mỏi công-lý và an-ninh. Quốc-dân có thể tin-cậy « ở Chính-phủ tôi để tổ-chức một nền hành-chính và tư-pháp công-« minh và liêm-chính.

« Quốc-dân khát-vọng những tự-do dân-chủ, chánh-phủ sẽ xây-« dựng một quốc-gia dân-chủ có sức hấp-dẫn mãnh-liệt đối với dân-« chúng.

« Quốc-dân mong-mỏi một tổ-chức xã-hội công-bình hơn, một sự « bảo-vệ lao-công đắc-lực hơn, một sự cải-thiện mức sống của dân-cày

« và thợ thuyền, lực-lượng căn-bản và mầm hy-vọng của quốc-gia. Trong « phạm-vi ấy chính-phủ sẽ không ngừng lại ở những cải-cách nửa vời ».

Những lời cam-kết đó tuần-tự đã được cụ-thể-hóa bằng việc làm và những kết-quả đã khiến quốc-tế phải kinh-ngạc và mến-phục, coi như một « phép mầu » !

1) THÂU-HỒI ĐỘC-LẬP.

Công-cuộc then-chốt là thâu-hồi toàn-vẹn chủ quyền quốc-gia, dành quyền tự-quyết cho dân-tộc.

Về dân-sự, ta đã lấy lại Viện Phát-hành, Sở Hối-đoái, Thương-khẩu Saigon, sở Hàng-không dân-sự, Sở Khí-tượng, Sở Hải-đăng và Hải-tiêu, Phòng Thương-mại, Trường Đại-học. Dinh Độc-lập được trao-trả. Các tòa-án hỗn-hợp với Sở mật-thám Liên-bang được bãi bỏ.

Một nền tư-pháp Việt-nam « tổ-chức vì dân » đã được thiết-lập. Luật quốc tịch Việt-nam ngày 12-12-1955 biểu-dương tính-cách độc-lập của một quốc-gia có đầy đủ chủ-quyền được ban-bố. Trong một năm 1956, 700 ngoại-kiều xin nhập tịch Việt-nam.

Về quân-sự, ta đã thâu-hồi quyền chỉ-huy các quân-khu ở toàn quốc. Ngày 6-4-1956, Chính-phủ đã tuyên-bố : « Để bảo-đảm chủ-quyền Quốc-gia và đồng-thời phụng-sự hòa-bình, nước Cộng-hòa Việt-nam đã xét không thể thừa-nhận trên lãnh thổ mình sự có mặt của quân-đội ngoại-quốc, cũng như không thể chấp-thuận một sự di-nhượng căn-cứ quân-sự nào ». Ngày 26-4-1956, đoàn quân viễn-chinh cuối cùng do tướng Jacquot chỉ-huy đã xuống tầu rút khỏi Saigon.

Về tài-chánh, tiền Việt-nam do Ngân-hàng Quốc-gia phát-hành đã hoàn-toàn thay thế cho giấy bạc Đông-dương Ngân-hàng.

Về kinh-tế, những độc-quyền kinh-tế từ lâu vẫn nằm trong tay ngoại-kiều, nay đã lần-hồi hủy bỏ.

Về hành-chánh, chánh-phủ đã xóa bỏ những vết tích « chia mà trị » của chế-độ Pháp-thuộc. Các chức-vị Thủ-hiến cũng như chức Khâm-mạng Hoàng-triều Cương-thổ đã bị bãi bỏ, nhường chỗ cho một nền hành-chính thích-hợp với nguyên-tắc độc-lập và dân-chủ.

Ngày 15-9-1955, vị Đại-diện ngoại-giao đầu-tiên của Pháp đã đệ-trình ủy-nhiệm thư lên Tổng-thống nước Cộng-hòa Việt-nam. Thế là sau non một thế-kỷ, chế-độ Pháp-thuộc đã hoàn-toàn cáo-chung.

2) TÁI-LẬP AN-NINH

Thất-bại về chính-trị. Phong, Thực, Cộng cấu-kết với nhau, dùng áp-lực quân-sự để cố duy-trì đôi chút đặc-quyền. Chúng đã bị nhân-dân ta chận đứng !

— 19-9-1954 : Cuộc âm-mưu đảo-chính của Tướng Nguyễn-văn-Hinh bị thất-bại.

— 20-7-1955 : dân chúng biểu-tình chống Cộng — Chiến-dịch Tố-Cộng mở màn.

— 21-9 đến 27-10-1955 : Chiến-dịch Hoàng-Diệu thanh-toán phiến-loạn Bình-xuyên.

— 28-2-1956 : Thỏa-hiệp Bính-Thân bảo-vệ và tôn-trọng tự-do tín-ngưỡng đã giúp Cao-Đài gây lại được uy-tín và loại-trừ mọi phần-tử lưu-manh núp dưới thần hiệu « tôn-giáo » để mưu-mô quấy rối và thủ-lợi.

— 1-1 đến 31-5-1956 : Chiến-dịch Đinh-Tiên-Hoàng và Nguyễn-Huệ đã bắt sống được phiến-loạn Ba-Cụt, và dẹp tan bọn lợi-dụng đội lốt Hòa-Hảo.

— Công-an Cảnh-sát không còn là một lực-lượng khủng-bố tống tiền. Quân-đội vỏ-trang của các giáo-phái được quốc-gia-hóa hoặc giải giới. Từ nay dân-chúng Đô-thành cũng như lương-dân ở khắp các vùng quê hẻo lánh không còn phập-phồng lo-sợ vì nạn giết người lấy của.

— Bộ máy Tư-Pháp cũng được hoàn-thiện để cụ-thể-hóa nguyên-tắc « *Tư-Pháp tổ chức vì dân* ». Vừa đào-tạo các nhân-viên đầy đủ năng-lực, Bộ Tư-Pháp còn điển-chế một nền luật-pháp tân-tiến (Bộ hình-luật với 625 điều, Bộ dân-sự tố-tụng với 522 khoản, Bộ hình-sự tố-tụng đã được soạn-thảo).

— Chánh-phủ đã giải-phóng khỏi ách Cộng-Sản các vùng Cà-mau, Đồng-Tháp-Mười, Phú-yên, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Quy-nhơn, đồng-thời nhân-dân đã khám-phá ra hàng ngàn tấn vũ-khí đạn dược các cỡ. Hàng vạn cựu đảng-viên Cộng sản đã trở về với CHÍNH-NGHĨA QUỐC-GIA.

Trật-tự, an-ninh đã được tái-lập trong toàn cõi miền Việt-nam tự-do.

★

Trong lúc nhân-dân ta đoàn-kết tiêu-diệt những tàn-tích nô-lệ và phong-kiến thì Bảo-Đại vẫn nhân-danh Quốc-trưởng Việt-nam phá hoại đất nước. Đời sống phóng-đãng, vô-nhân-cách của y làm một trò cười bỉ-ổi cho thế-giới và là một điều tủi-nhục cho dân-tộc. Không những thế, y còn cấu-kết với Thực-dân, Phong-kiến để cản bước của Dân-tộc hòng duy-trì những quyền-lợi bất chính của bọn chúng. Hơn nữa, y còn đánh ván bài liều-lĩnh ve-vãn Cộng-sản và muốn diễn trò « không ăn thì đạp đổ ».

Phản-ứng của nhân-dân đã bộc-lộ mãnh-liệt trong cuộc TRƯNG CẦU DÂN-Ý ngày 23 tháng 10 năm 1955, 90% dân-chúng đã tín-nhiệm nhà Chí-sĩ NGÔ-ĐÌNH-DIỆM, công-nhận người làm Quốc-Trưởng với nhiệm-vụ tổ-chức một chánh-quyền DÂN-CHỦ.

Ngày 26-10-1955, Người đọc bản tuyên-cáo cùng quốc-dân đã kết-luận : « Đoàn-kết và cương-quyết thì nhất định chính-nghĩa cao-cả của nước Việt-nam thống-nhất, tự-do và phú-cường sẽ toàn thắng. Với niềm tin-tưởng ấy, hợp với ý-chí toàn-dân đã chứng tỏ trong cuộc đầu-phiếu ngày 23 tháng 10 năm 1955, *tôi long-trọng tuyên-bố Quốc-gia Việt-nam là một một Nước Cộng-hòa* ». Một kỷ-nguyên mới cho tương-lai xứ-sở đã mở.

Ngay sau đó, Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM ban-bố Hiến-ước tạm-thời ấn-định đường-lối, chương-trình và những quy-tắc căn bản cho các cơ-cấu quốc-gia.

Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa đầu-tiên được thành-lập ngày 29-10-1955 Tổng-Thống Ngô Đình-Diệm tuyên-bố :

« Những cơ-cấu Quốc-gia đã được thống-nhất trên thực-tế. Nay cần phải minh-định những cơ-cấu ấy trong khuôn-khổ một Hiến-pháp đảm-bảo độc-lập cho nước nhà và tự-do cho mỗi công-dân.

Tổ-chức bầu-cử Quốc-hội liên-quan mật-thiết đến việc soạn-thảo Hiến-pháp là công-tác quan-trọng của nội-các này.

Tương-lai của Việt-nam Cộng-hòa tùy sự minh mẫn của chúng ta trong sự thực-hiện hai việc quan-trọng ấy ».

3) XÂY-DỰNG DÂN-CHỦ

Trung-thành với lời cam-kết trước nhân-dân, Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm đã cấp-tốc tổ-chức Tổng Tuyển-Cử để thành-lập một Quốc-hội Lập-hiến dân-cử.

Ngày 3-4-1956, mặc-dầu Việt-Cộng xuyên-tạc phá-hoại và gây những vụ khủng-bố, toàn-dân đã nhiệt-liệt tham-gia Tổng-Tuyển-Cử để bầu Quốc-Hội Lập-hiến của Cộng-Hòa Việt-Nam với nhiệm-vụ soạn-thảo một Hiến-pháp Dân-chủ cho toàn-dân.

Ngày 15-3-1956 Tổng-Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM. khai-mạc Quốc-Hội:

« Dân-chủ của chúng ta phải là một nền Dân-chủ sáng-tạo, tiến-hóa không ngừng. Tự-do của chúng ta phải là kết-quả của những sự hy-sinh của nhân-dân và cố-gắng của Chính-Phủ thống-nhất hành-động trong công-cuộc giải-phóng con người.

Trong triển-vọng đó, vận-mệnh của dân-tộc ta sẽ và phải được thực-hiện. Dù hoàn-cảnh lịch-sử có hạn-chế tầm hành-động của chúng ta, hướng xây-dựng dân-chủ cũng như trọng-tâm hoạt-động của chúng ta nhứt-định không thể sai-lạc được.

Hướng xây-dựng đó nhắm vào giá-trị của con người. Trọng-tâm của chúng ta chính là nơi mà con người bị thiệt-thòi nhất : giới cần-lao.

Tuy-nhiên, tư-tưởng có hay đến đâu, nếu không có người thực-hiện, cũng thành vô-dụng. Tôi kỳ-vọng ở Quý-Vị để lập một chế-độ mở đường cho con người được nảy-nở toàn-diện và đồng-thời không đi trái với trào-lưu tiến-hóa đang đưa nhân-loại đến những hình-thái sinh-hoạt cộng đồng và tập-thể ».

Thông-điệp ngày 18-4-1956 của Tổng-Thống gửi Quốc-Hội Lập-Hiến ấn-định những nguyên-tắc căn-bản để xây-dựng chính-thể tương-lai của nước nhà còn mãi mãi là một kiện-tác văn-chương, một ngọn hải-đăng hùng-vĩ đem lại ánh-sáng duy-linh soi-sáng cho nhân-loại tiến trên đường nhân-vị, đem lại tự-do, dân-chủ, hòa-bình cho thế-giới.

Ngày *26 tháng 10 năm 1956*, giữa sự hân-hoan của toàn-dân và sự thán-phục của Quốc-tế, *HIẾN-PHÁP CỘNG-HÒA VIỆT-NAM* được ban-bố xây-dựng cho đất nước một nền *DÂN-CHỦ TOÀN-DIỆN* và *HỮU-HIỆU*.

5) KIẾN-THIẾT QUỐC-GIA

Dân có giàu, nước mới mạnh. Mặc dầu tài-nguyên trong nước đã bị Thực-Cộng và phong-kiến thay nhau vơ-vét làm cho khánh-kiệt. Tuy thế, Chính-phủ đã cố-gắng vượt mọi trở-ngại, thi-hành một chính-

sách tài-chính không những đã ổn-định được tình-trạng công-khố mà còn thỏa-mãn được những đòi hỏi cấp-bách để nâng-đỡ và khuyến-khích sự tăng-cường không ngừng sức sản-xuất trong nước.

1) *VỀ CANH-NÔNG.*— Chương-trình *Cái-Sắn, La-Ngà, Pleiku* đã tiến-triển một cách khả-quan : hàng chục vạn mẫu đất được khai hoang và tái-canh, 50 vạn đồng-bào di-cư được an-cư lạc-nghiệp ; nạn thất-nghiệp được giải-quyết.

Đập Đồng - Cam (Tuy - Hòa) bảo - đảm nước cho 23 ngàn mẫu ruộng.

Công-cuộc khai-thác 565.000 mẫu tây ở Cà-mâu, Đồng-tháp-mười và khai-hoang vùng Pleiku — Kontoum đang xúc-tiến rất mạnh.

Nghề nông được cải-tiến từ cách chọn lựa hạt giống đến phương-pháp cày bừa. Nông-nghiệp Tín-dụng được thiết-lập với một ngân-quỹ 225 triệu để giúp nông-dân có phương canh-tác.

Nhiều hợp-tác-xã nông-nghiệp sản-xuất và tiêu-thụ được thiết-lập.

Những khu rừng và các đồn-điền được gây dựng lại.

Công-tác gây rừng và việc cho tư-nhân cùng Hợp-tác-xã tay-riu vay vốn để cơ-khí hóa nghề khai-thác lâm-sản, đã được thực-hiện.

2) *VỀ THƯƠNG-MẠI* — Trước đây, chúng ta chưa làm chủ được nền kinh-tế của chúng ta, các chương-trình nhập-cảng và xuất-cảng của chúng ta tùy-thuộc nền kinh-tế các nước khác và ta không tự ý sửa đổi được.

Ngày nay, ngoại-thương của chúng ta đã được tự-do: nghĩa là chúng ta điều-hòa nó với ngoại-thương của các nước bạn.

Trước đây, Liên-hiệp thuế-quan làm cho chúng ta phải mất một phần lớn các khoản thu, chúng ta không được điều-khiển ngành nhập-cảng, không bảo-vệ được ngành sản-xuất và tự định-đoạt nền kinh-tế trong nước.

Ngày nay, sự áp-dụng các quy-chế thuế-quan khiến cho nước nhà không những trọn hưởng các khoản thu, mà lại có thể định-đoạt nền kinh-tế của mình nữa. Từ nay chúng ta có thể mặc-cả những hàng-hóa nhập-cảng và xuất-cảng và được bù-chỉ về những mực mà chúng ta nhân-nhượng. Nền thương-mại Việt-nam bước vào chế-độ tự-do thương-mại.

Trước đây, chúng ta không được tự-do xử-dụng chỉ-tệ của chúng ta. Những chỉ-tệ thâu được, nhờ ở hàng-hóa xuất-cảng hoặc ở công việc làm, hoặc do Ngoại-quốc viện-trợ, chúng ta không được tự-do xử-dụng. Nhưng cái dấu hiệu rõ rệt nhất của thời tùy-thuộc ấy là, một mặt chúng ta chưa có tiền-tệ quốc-gia, và một mặt khác, chúng ta chưa kiểm-soát được địa-điểm quan-trọng nhứt của lãnh-thổ là thương-khẩu Saigon.

Ngày nay, chúng ta được tự-do xử-dụng các chỉ-tệ do nước ngoài viện-trợ cũng như những chỉ-tệ mà chúng ta đã thâu được do hàng-hóa xuất-cảng. Điều này sẽ tăng-cường nhiều nền Ngoại-thương của chúng ta, nhất là chúng ta đã phục-hồi được cái biểu-hiệu rõ-rệt nhất của chủ-quyền là quyền phát-hành tiền-tệ và chỉ-định giá-biểu hối-đoái nào thuận lợi nhất cho nền kinh-tế và tài-chính của chúng ta. Việc kiểm-soát tiền-tệ và Thương-khẩu Saigon, bảo-đảm cho chúng ta các quyền-lợi của nền độc-lập nước nhà

Chúng ta đã kiếm được cho thị-trường tiêu-thụ những Nông, Lâm, Thổ, Hải-sản của Quốc-gia sau đây :

— Gạo Hậu-giang

— Quế Quảng-nam, Quảng-ngãi

— Cá tươi

— Muối

— Chiếu cói, lông vịt, trà, xương trâu, gõ v.v...

Trong ngành công-thương, việc thiết-lập Ngân-hàng Quốc-gia, Sở Hối-đoái, Quốc-gia Doanh-tế quỹ, Phòng Thương-mại Việt-nam và rất nhiều Hợp-tác-xã về mọi ngành, là những bước đầu để bảo-vệ sự khuếch-trương nền tài-chánh và kinh-tế Quốc-gia.

3) *VỀ CÔNG KỸ-NGHỆ.* — Công-nghệ được khuếch-trương, kỹ-nghệ được khuyến-khích. Tuần-lễ nội-hóa tháng giêng 1957 đã đánh dấu sự phục-hồi nền kinh-tế quốc-gia.

Các nhà máy giấy, máy dệt, máy làm đường, làm ciment, làm trà, thủy-tinh, phosphate, kỹ-nghệ cao-su, kỹ-nghệ làm sắt v.v... đã và đang được Chính-phủ thiết-lập. Cát trắng Khánh-hòa, than đá Nông-sơn đã được khai thác Ngoài ra, kế-hoạch Thủy-điện Danhim sẽ cung-cấp đầy đủ điện nước cho cả miền Nam nước Việt.

4) *VỀ TRÙNG-TU và XÂY-DỰNG.* — Một Bộ riêng đã được thành-lập để nghiên-cứu và thực-hiện việc khuếch-trương và kiến-thiết đô-thị xây cất nhà cửa rẻ tiền bán cho dân chúng.

Đường xá, cầu cống đã được tu-bổ và mở-mang. Chỉ một năm 1956, trên 1700 cây số đường lộ được sửa chữa lại, hơn 3.000.000 thước bối kinh rạch được vét lên, hỏa-xa đã làm xong 3 đoạn 62 cây số. Những căn-cứ hàng-không Tân-Sơn-Nhứt, Phú-Bài, Nha-Trang được tu-bổ và mở thêm phi-trường Ban-mê-thuột, Phú-Quốc v.v...

Kế-hoạch ngũ-niên với một chương-trình vĩ-đại nhằm xây-dựng cho nước nhà một nền kinh-tế độc-lập, phát-triển cơ-sở công-cộng và cải-thiện xã-hội.

Hội chợ Ban-mê-thuột đánh dấu công-cuộc phục-hưng kinh-tế một cách đại-quy-mô đã làm cho đối-phương hoảng sợ phải dùng đến thủ-đoạn đê-hèn, dã-man cuối cùng là âm-mưu ám hại NGÔ TỔNG-THỐNG-Nhưng sứ-mệnh của người còn dài, tiền-đồ của Việt-nam còn vững nên chúng đã thất-bại một cách chua cay nhục-nhã.

5) CẢI-TIẾN DÂN-SINH.

Công-bằng và dân-chủ không thể nào tồn-tại trong một xã-hội nghèo đói, dốt-nát và trụy-lạc.

Công việc cải-thiện đầu tiên của Chánh-phủ Việt-nam là đóng cửa hai sòng bạc Kim Chung, Đại-thế-giới (15-1-1955), giải-tán xóm Bình-khang và mở Chiến-dịch bài-trừ tứ đổ-tường trong toàn-quốc. Hoạt-động của các Ủy-ban Xã-hội tu sửa đường-xá, đào mương, cung-cấp nước điện, loại trừ nhà ổ chuột, xây cất nhà ánh-sáng v.v... đã *thay đổi hẳn bộ mặt các trú-khu bình-dân*. Những Trung-tâm hướng-nghiệp Vườn-Mít, Thủ-đức để giáo-hóa các kỹ-nử giải-nghệ, các nhi-đồng phạm-pháp cùng việc bài-trừ nạn cho vay nặng lãi, tổ-chức quỹ tín-dụng, các tiệm cầm-đồ bình-dân đã góp phần không nhỏ vào công-cuộc *cải-tiến xã-hội*.

Cải-cách điền-địa đem lại ấm no cho dân cầy, và đã chặt tận gốc rễ mọi luận-điệu tuyên-truyền bịp-bợm của Cộng-sản. Chính-phủ đã chỉnh-đốn lại hệ thống dẫn-thủy nhập-điền, giúp vốn cho nông-gia khai-khẩn và tá-điền làm mùa. Dụ 57 nhằm mục-đích tiểu-điền-chủ hóa tá-điền và hướng-dẫn đại điền-chủ qua hoạt động kỹ-nghệ, đã đánh dấu một bước tiến tới (*Người cày có ruộng*), kiến-thiết nông-thôn trong công-

bằng và nhân-ái, khiến cho khế-ước loại A từ 287.851 (tháng 7-56) đã vọt lên 457.767 (tháng 7-57), 14.500 tá-điền đã được cấp 26.120 mẫu đất.

Sau khi đã tạo đủ điều-kiện cho công cuộc khuếch-trương nông-nghiệp, ngày 24-11-1956 TỔNG-THỐNG quyết-định thành-lập các CÔNG-TRƯỜNG KHUẾCH-TRƯƠNG NÔNG-NGHIỆP mở mang các trung-tâm Đồng-tháp-mười, An-xuyên, U-minh-thượng, trung-tâm Cao-nguyên với địa-điểm Plei-bang-Yam, Choudron, Pelpiom, Boun-kroa, Daknong, Phước-long đem lại no ấm cho hàng ngàn gia-đình. *Phong-trào kiến-thiết hương-thôn* được các cơ-quan dân quân chính phối-hợp hoạt-động rầm-rộ. Hàng trăm vạn thước đê đã được tu-bổ. Hàng chục vạn giếng đào, hàng nghìn trường hương học, trạm y-tế được xây cất v.v...

Chương-trình *phát-triển cộng-đồng* đang tiến-hành nhằm mục-đích gây cho nhân-dân một tinh-thần xây-dựng và ham-chuộng tiến-bộ, một sự nhận-định đúng mức về địa-vị của người công-dân trong công việc kiến-thiết và cải-thiện dân-sinh có sự dìu-dắt của Chính-phủ.

Cán-bộ dân-sinh cấp Tỉnh do Trung-ương đào-tạo đang được huấn-luyện gấp rút để về các địa-phương giúp đỡ, hướng-dẫn nhân-dân trong việc cải-thiện đời sống.

12 bản văn (Dụ, Nghị-định, Quy-chế) được ban-hành để bảo-vệ quyền-lợi cho công-nhân, mãi-lực của lao-động.

Thực-hiện chính-sách *thăng-tiến cần-lao*, nhiều luật lao-động và kinh-tế, nhiều biện-pháp, chương-trình đã được thi-hành nhằm mục-đích giúp đỡ giới cần-lao ý-thức được quyền-lợi, nhiệm-vụ của mình đồng thời gây điều-kiện thuận-tiện để thực sự thi-hành quyền-lợi, nhiệm-vụ ấy.

Những biện-pháp kinh-tế thích-ứng được ban-bố để chận đứng mọi thủ-đoạn đầu-cơ, lũng-đoạn thị-trường.

Chính-phủ đã áp-dụng nhiều biện-pháp khuyến-khích các nhà tư-bản bỏ vốn ra kinh-doanh để khuếch-trương kỹ-nghệ quốc-gia, đồng thời giải-quyết một phần công ăn việc làm cho công-nhân.

Quỹ tín-dụng, hợp-tác-xã, quán cơm bình-dân được thiết-lập giải-thoát cho dân nghèo khỏi nạn đầu-cơ bóc lột.

Các Trường Quốc-gia Y-tá, Cán-sự Y-tế được lập ra mục-đích đào-tạo một số cán-bộ Y-tế có đủ khả-năng hoạt-động tận các làng xã, chăm sóc đến sức khỏe của đồng-bào. *Nền Y-tế Việt-Nam hướng về ĐẠI-CHÚNG và THÔN-QUÊ được dân-chủ-hóa.* Số bệnh-viện ở các thành-phố tăng từ 40 (năm 1956) lên tới 44 (1957), những bệnh-xá ở hương-thôn từ 116 lên tới 120, số người đến khám bệnh từ 1.842.047 đã tăng lên 2.072.720.

Trong chương-trình giải-tỏa Đô-thành, 40.000 căn nhà cao-ráo, sạch-sẽ, đủ tiện-nghi đã và đang được tiếp-tục xây cất để thay thế cho các xóm nhà lá chật-chội, tối-tăm, ẩm-thấp thiếu vệ-sinh.

Ngân-khoản 43.399.400 đồng về năm 1957 dùng-vào việc cải-thiện dân-sinh, cải-tiến xã-hội đủ chứng tỏ mối quan-tâm của Chính-phủ.

Song song với việc cải thiện về vật-chất, công-cuộc cải-tiến về tinh-thần lại càng được Chính-phủ đặc-biệt săn-sóc.

Các lớp Bình-dân giáo-dục được mở khắp nơi. Mới 3 năm đã có 8.730 lớp thâu nhận 312.493 học-viên.

Ngoài 41 trường Trung-học với 27.691 học-sinh và 2.177 trường Tiểu-học công-lập gồm 461.442 học-sinh, Chính-phủ còn nâng-đỡ và khuyến-khích mở thêm nhiều trường tư-thục và bán công-lập, để thâu nhận thêm học-sinh. Trong niên-khóa 1955-1956 có tới 121 trường Trung-học tư gồm có 38.810 học-sinh và 749 trường Tiểu-học quy-tụ 120.304 học-sinh.

Ấy là chưa kể các trường Vô-tuyến-điện, Việt-Nam Hàng-hải, Cao-đẳng Kỹ-thuật, Quốc-gia Sư-phạm, Cao-đẳng Thương-mãi, Âm-nhạc, Mỹ-thuật, Sinh-ngữ, trường Nữ-công, nhất là Học-viện Quốc-gia Hành-chính, Viện Đại-học Huế được thiết-lập để đào-tạo những chuyên-viên điều-khiển phụng-sự Quốc-gia.

Đời sống vật-chất của những mầm non đất nước được đặc-biệt chú-trọng : 39 quán cơm và 136 hợp-tác-xã học-sinh với 32.659 hội-viên đã giúp học-sinh được ăn uống và mau vật-dụng với giá rẻ. Hơn một trăm hội Tương-tế học-sinh với 52.544 hội-viên được thành-lập giúp-đỡ học-sinh về mọi phương-diện. Một an-dưỡng-đường cho các sinh-viên mắc bệnh lao cũng được thiết-lập.

Để phổ-biến ý-thức dân-chủ, giúp nhân-dân nhất là nông-dân và

giới cần-lao hiểu biết sự việc, thông-suốt chính-sách của Chính-phủ, các phòng đọc sách, các trạm, chòi phát-thanh được thiết lập khắp nơi từ những xóm lao-động nơi đô-thị đến các thôn bãn nơi rừng-rú hẻo lánh.

Đại-hội Văn-hóa toàn quốc ngày 7-1-1956 mở màn cho cuộc *CÁCH-MẠNG VĂN-HÓA* phục-hưng nền văn-hóa Việt-Nam trên căn-bản nhân-vị và đạo-lý cổ-truyền của dân-tộc.

6) NGOẠI-GIAO

Trước đây 3 năm theo dõi thời cuộc ai cũng tưởng những âm-mưu sắp đặt trước của Thực-Cộng qua hiệp-định Genève sẽ được thực-hiện nốt vào khoảng tháng 7 năm 1956 bằng cách để cho Việt-Cộng thôn-tính nốt miền Nam. Nhưng thời-gian 3 năm qua, sự thực đã phủ-nhận mọi dự-đoán. Ngày nay trong khi Việt-Cộng đang bị thảm-bại ở miền Bắc, thì nền Cộng-hòa Việt-Nam ngày thêm trưởng-thành, vững chắc về mọi mặt.

Nền Cộng-hòa vừa được công-bố, liền được 42 nước công-nhận : 17 nước đã đặt liên-hệ thương-mại ; 22 nước đặt Đại-sứ-quán hoặc Đặc sứ toàn-quyền. Cộng-hòa Việt-Nam là hội-viên của hơn 30 tổ chức quốc-tế, được mời dự hơn 80 hội-nghị, đã có 16 sứ-quán ở khắp các nước Âu, Á, Mỹ và được bảo-vệ như tiền-đồn chống Cộng ở Đông-Nam-Á.

(Theo cuốn «Tổng-kết thành-tích ba năm chấp-chánh của Ngô-Tổng-Thống» của Bộ Thông-tin).



Dân Thủ-đô Nữu-ước nhiệt-liệt đón Tổng-Thống
NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

Bài số 2.— Hiến-Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa

MỞ ĐẦU

Tin-tưởng ở tương-lai huy-hoàng bất-diệt của Quốc-Gia và Dân-Tộc Việt - nam mà lịch-sử tranh-đấu oai-hùng của Tổ-Tiên và ý chí quật-cường của toàn dân đảm-bảo ;

Tin-tưởng ở sự trường-tồn của nền văn-minh Việt-Nam, căn-cứ trên nền-tảng duy-linh mà toàn dân đều có nhiệm-vụ phát-huy.

Tin-tưởng ở giá-trị siêu-việt của con người mà sự phát-triển tự-do, điều - hòa và đầy-đủ trong cương-vị cá-nhân cũng như trong đời-sống tập-thể phải là mục-đích của mọi hoạt-động Quốc-Gia ;

Chúng tôi, Dân Biểu Quốc-Hội Lập-Hiến,

Ý-thức rằng Hiến-Pháp phải thể-hiện nguyện-vọng của nhân-dân từ Mũi Cà-Mau đến Ải Nam-Quan ;

Nguyện-vọng ấy là :

— Củng-cố Độc-Lập chống mọi hình-thức xâm-lăng thống-trị ;

— Bảo-vệ Tự-Do cho mỗi người và cho Dân-Tộc ;

— Xây-dựng Dân-Chủ về chánh-trị, kinh-tế, xã hội, văn-hóa cho toàn dân trong sự tôn trọng nhân-vị ;

Ý-thức rằng quyền hưởng tự-do chỉ được bảo-toàn khi năng lực phục-tùng lý-trí và đạo-đức, khi nền an-ninh tập-thể được bảo-vệ và những quyền chính đáng của con Người được tôn-trọng ;

Ý-thức rằng nước ta ở trên con đường giao-thông và di-dân Quốc-Tế, dân-tộc ta sẵn-sàng tiếp-nhận các trào-lưu tư-tưởng tiến-bộ để hoàn-thành sứ-mạng trước đấng Tạo-Hóa và trước Nhân-Loại là xây-dựng một nền văn-minh nhân-bản bảo-vệ và phát-triển con người toàn-diện.

Sau khi thảo-luận, chấp-thuận Bản Hiến-Pháp sau đây :

Thiên thứ nhất

Điều-khoản căn-bản

Điều 1.— Việt-Nam là một nước Cộng Hòa, độc-lập, thống-nhất, lãnh-thổ bất-khả phân.

Điều 2.— Chủ-quyền thuộc về toàn-dân.

Điều 3.— Quốc-dân ủy nhiệm-vụ hành-pháp cho Tổng-Thống dân-cử, và nhiệm-vụ lập-pháp cho Quốc-hội cũng do dân cử.

Sự phân-nhiệm giữa hành-pháp và lập-pháp phải rõ-rệt. Hoạt-động của các cơ-quan hành-pháp và lập pháp phải được điều-hòa.

Tổng-Thống lãnh-đạo quốc-dân.

Điều 4.— Hành-pháp, lập-pháp, tư-pháp có nhiệm-vụ bảo-vệ tự-do, dân-chủ, chính-thể Cộng-Hòa và trật-tự công-cộng.

Tư-pháp phải có một quy-chế bảo-đảm tính-cách độc-lập.

Điều 5.— Mọi người dân không phân-biệt nam nữ sinh ra bình-đẳng về phẩm-cách, quyền-lợi và nhiệm-vụ, và phải đối-xử với nhau theo tinh-thần tương-thân tương-trợ.

Quốc-Gia công-nhận và bảo-đảm những quyền căn-bản của con người trong cương-vị cá-nhân, hay trong cương-vị tập-thể.

Quốc-Gia cố-gắng tạo cho mọi người những cương-vị đồng đều và những điều-kiện cần-thiết để thụ-hưởng quyền-lợi và thực-hành nhiệm-vụ.

Quốc-Gia tán-trợ sự khuyếch-trương kinh-tế, phát-huy văn-hóa, khai-triển khoa-học và kỹ-thuật.

Điều 6.— Người dân có những nhiệm-vụ đối với Tổ-Quốc, với đồng-bào mục-đích là để thực-hiện sự phát-triển điều-hòa và đầy-đủ nhân-cách của mình và của mọi người.

Điều 7.— Những hành-vi có mục-đích phổ-biến hoặc thực-hiện một cách trực-tiếp hay gián-tiếp chủ-nghĩa cộng-sản dưới mọi hình-thái đều trái với các nguyên-tắc ghi trong Hiến-Pháp.

Điều 8.— Nước Việt-Nam Cộng-Hòa chấp-nhận những nguyên-tắc quốc-tế-pháp không trái với sự thực-hiện chủ-quyền Quốc-Gia và sự bình-đẳng giữa các dân-tộc.

Quốc-Gia cố-gắng góp phần xây-dựng nền an-ninh và hòa-bình quốc-tế, cùng duy-trì và phát-triển sự liên-lạc thân-hữu giữa các dân-tộc trên căn-bản tự-do và bình-đẳng.

Thiên thứ hai

Quyền-lợi và nhiệm-vụ người dân

Điều 9.— Mọi người dân đều có quyền sinh-sống tự-do và hoàn-toàn.

Điều 10.— Không ai có thể bị bắt-bớ, giam-giữ tù-đày một cách trái phép.

Trừ trường-hợp phạm-pháp quả-tang, chỉ có thể bắt giam khi có câu phiếu của cơ-quan có thẩm-quyền trong trường-hợp và theo hình-thức luật định.

Theo thể-thức luật-định, các bị can về tội đại-hình hoặc tiểu-hình có quyền lựa chọn hoặc yêu-cầu chỉ-định người biện-minh cho mình.

Điều 11.— Không ai có thể bị tra-tấn hoặc chịu những hình-phạt hay những cách đối xử tàn-bạo, bất-nhân hoặc làm mất phẩm-cách.

Điều 12.— Đời tư, gia-đình, nhà cửa, phẩm-giá và thanh-danh của mọi người dân phải được tôn-trọng.

Tánh-cách riêng tư của thư-tín không thể bị xâm-phạm, trừ khi có lịnh của tòa-án hoặc khi cần bảo-vệ an-ninh công-cộng hay duy-trì trật-tự chung.

Ai cũng có quyền được luật pháp bảo-vệ chống lại những sự can dự hoặc xâm-phạm trái phép.

Điều 13.— Mọi người dân có quyền tự-do đi lại và cư-ngụ trên lãnh-thổ Quốc-gia, ngoại trừ trường-hợp luật-pháp ngăn-cấm vì duyên cớ vệ-sinh hay an-ninh công-cộng.

Mọi người dân có quyền tự-do xuất-ngoại, trừ trường-hợp luật-pháp hạn-chế vì lý-do an-ninh, quốc-phòng, kinh-tế, tài-chính hay lợi ích công-cộng.

Điều 14.— Mọi người dân đều có quyền và có bổn-phận làm việc.

Việc làm như nhau, tiền công bằng nhau.

Người làm việc có quyền hưởng thù-lao xứng đáng đủ để bảo-đảm cho bản-thân và cho gia-đình một đời sống hợp với nhân-phẩm.

Điều 15.— Mọi người dân đều có quyền tự-do tư-tưởng và trong khuôn-khổ luật định, có quyền tự-do hội-họp và lập hội.

Điều 16.— Mọi người dân có quyền tự-do ngôn-luận. Quyền này không được dùng để vu-cáo, phỉ-báng, xâm-phạm đến nền đạo-lý công-cộng, hô-hào nội-loạn, hoặc lật đổ chính-thể Cộng-hòa.

Mọi người dân đều được hưởng quyền tự-do báo-chí để tạo thành

một dư-luận xác-thực và xây-dựng mà Quốc-gia có nhiệm-vụ bảo-vệ, chống lại mọi hành-vi xuyên-tạc sự thực.

Điều 17.— Mọi người dân đều có quyền tự-do tín-ngưỡng, tự-do hành-giáo và tự-do truyền-giáo, miễn là sử-dụng quyền ấy không trái với luân-lý và thuần-phong mỹ-tục.

Điều 18.— Theo thể-thức và điều-kiện luật định, mọi người dân đều có quyền bầu-cử, ứng-cử, tham-gia điều-khiển việc công hoặc trực-tiếp, hoặc do những đại-diện của mình.

Điều 19.— Mọi người dân đều có quyền tham-gia công-vụ tùy theo năng-lực trên căn-bản bình-đẳng.

Điều 20.— Quốc-gia công-nhận và bảo đảm quyền tư-hữu. Luật-pháp ấn-định thể-thức thủ đắc và hưởng-thụ để ai ai cũng có thể trở thành sở-hữu-chủ và để bảo-đảm cho con người đời sống xứng-đáng và tự-do, đồng-thời xây-dựng nền thịnh-vượng xã-hội.

Trong những trường-hợp luật định và với điều-kiện có bồi-thường, Quốc-gia có thể trưng-thu tư-sản vì công-ích.

Điều 21.— Quốc-gia tán-trợ việc nhân-dân sử-dụng của để dành để thủ-đắc nhà ở, ruộng cày và cổ-phần trong các xí-nghiệp.

Điều 22.— Mọi người dân đều có quyền tổ-chức những hợp-tác kinh-tế, miễn là không có mục-đích độc-chiếm trái phép để đầu-cơ và thao-túng kinh-tế.

Quốc-gia khuyến-khích và tán-trợ sự hợp-tác có tính-cánh tương-trợ và không có mục-đích đầu-cơ.

Quốc-gia không thừa-nhận chế-độ độc-quyền, kinh-doanh độc-chiếm ngoại-trừ những trường-hợp luật định vì nhu-cầu Quốc-phòng, an-ninh hay vì sự lợi-ích công-cộng.

Điều 23.— Quyền tự-do nghiệp-đoàn và quyền đình-công được công-nhận và sử-dụng theo thể-thức và điều-kiện luật-định.

Công-chức không có quyền đình-công.

Quyền đình-công không được thừa-nhận đối với nhân-viên và công-nhân trong các ngành hoạt-động liên-quan đến Quốc-phòng, an-ninh công-cộng hoặc các nhu-cầu cần-thiết của đời sống công-cộng. Một đạo-luật sẽ ấn-định những ngành hoạt-động kể trên và đảm-bảo cho

nhân-viên và công-nhân các ngành này một quy-chế đặc-biệt, mục-đích là để bảo-vệ quyền-lợi của nhân-viên và nhân-dân trong các ngành ấy.

Điều 24.— Trong giới hạn của khả-năng và sự phát-triển kinh-tế, Quốc-gia sẽ ấn-định những biện-pháp cứu-trợ hữu-hiệu trong các trường-hợp thất-nghiệp, già yếu, bệnh tật, thiên-tai hoặc những cảnh hoạn-nạn khác.

Điều 25.— Quốc-gia công-nhận gia-đình là nền-tảng của xã hội. Quốc-gia khuyến-khích, nâng-đỡ sự thành-lập gia-đình, sự thực-hiện sứ-mạng gia-đình, nhất là trong sự thai-nghén, sinh-đẻ, dưỡng-dục hài-nhi.

Quốc-gia tán-trợ sự thuần-nhất của gia-đình.

Điều 26.— Quốc-gia tán-trợ cho mọi người dân một nền giáo-dục cơ-bản có tính-cách bắt-buộc và miễn-phí.

Mọi người dân có quyền theo đuổi học-vấn.

Những người có khả-năng mà không có phương-tiện riêng, sẽ được nâng-đỡ để theo đuổi học-vấn.

Quốc-gia thừa-nhận phụ-huynh có quyền chọn trường cho con em, các đoàn-thể và tư-nhân có quyền mở trường theo điều-kiện luật định.

Quốc-gia có thể công-nhận các trường tư-thục đại-học và cao-đẳng chuyên-nghiệp hội đủ điều-kiện luật định. Văn-bằng do những trường ấy phát có thể được Quốc-gia thừa-nhận.

Điều 27.— Mọi người dân đều có quyền tham-gia hoạt-động văn-hóa và khoa-học, cùng hưởng-thụ nghệ-thuật và ích-lợi của những tiến-bộ kỹ-thuật.

Tác giả được pháp-luật bảo-vệ những quyền-lợi tinh-thần và vật-chất liên-quan tới mọi phát-minh khoa-học, sáng-tác văn-chương hoặc nghệ-thuật.

Điều 28.— Quyền của mỗi người dân được sử-dụng theo những thể-thức và điều-kiện luật định.

Quyền của mỗi người dân chỉ chịu những sự hạn-chế do luật-định để tôn-trọng quyền của những người khác cùng là thỏa-mãn những đòi-hỏi chính-đáng của sự an-toàn chung, nền đạo-lý, trật-tự công-cộng, Quốc-phòng.

Ai lạm dụng các quyền được công-nhận trong Hiến-pháp để phá-hoại chính-thể Cộng-hòa, chế-độ Dân-chủ, Tự-do và nền độc-lập, thống-nhất Quốc-gia sẽ bị truất quyền.

Điều 29.— Mọi người dân đều có nhiệm-vụ tôn-trọng và bảo-vệ Hiến-pháp và Luật-pháp.

Mọi người dân đều có nhiệm-vụ bảo-vệ Tổ-quốc, chánh-thể Cộng-hòa, nền tự-do dân-chủ.

Ai ai cũng phải làm tròn nhiệm-vụ quân-dịch theo thể-thức và trong giới-hạn luật-định.

Mọi người dân đều có nhiệm-vụ góp phần vào sự chi-tiêu công-cộng tùy theo khả-năng đóng góp của mình.

Thiên thứ ba

Tổng Thống

Điều 30.— Tổng-Thống được bầu theo lối đầu-phiếu phổ-thông, trực-tiếp và kín, trong một cuộc tuyển-cử mà cử-tri toàn-quốc được tham-gia. Một đạo-luật sẽ quy-định thể-thức bầu-cử Tổng-Thống.

Phó Tổng-Thống được bầu một lần với Tổng-Thống chung một danh-sách.

Điều 31.— Có quyền ứng-cử Tổng-Thống hoặc Phó Tổng-Thống những công-dân hội đủ các điều kiện sau đây :

1) Sinh trên lãnh-thổ Việt-nam và có quốc-tịch Việt-nam liên-tục từ khi mới sinh hoặc đã hồi-phục Việt-tịch trước ngày ban-hành Hiến-pháp.

2) Cư-ngụ trên lãnh thổ Quốc-gia một cách liên-tục hay không trong thời-gian ít nhất mười lăm năm ;

3) Đủ 40 tuổi.

4) Hưởng các quyền công-dân.

Chức-vụ Tổng-Tổng và Phó Tổng-Thống không thể kiêm-nhiệm với bất cứ một hoạt-động nào trong lãnh-vực tư dù có thù-lao hay không.

Điều 32.— Nhiệm-kỳ Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống là 5 năm. Tổng-Thống và Phó Tổng-thống có thể tái-cử được hai lần nữa.

Điều 33.— Nhiệm-kỳ Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống chấm-dứt đúng 12 giờ trưa ngày cuối cùng tháng thứ sáu mươi, kể từ ngày tựu-chức và nhiệm-kỳ của Tân Tổng-Thống và Tân Phó Tổng-thống bắt đầu từ lúc ấy.

Nhiệm-vụ Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống có thể chấm-dứt trước kỳ-hạn, trong những trường-hợp sau đây :

1) Mệnh-chung.

2) Vì bệnh tật trầm-trọng và kéo dài không còn năng-lực để chấp-chưởng quyền-hành và làm tròn nhiệm-vụ. Sự mất năng-lực này phải được Quốc-hội xác-nhận với đa số 4/5 tổng-số Dân-biểu sau các cuộc giám-định và phản giám-định y-khoa.

3) Từ-chức, và sự từ-chức này phải được thông-đạt cho Quốc-hội.

4) Bị truất quyền do quyết-định của Đặc-biệt Pháp-viện chiếu-điều 81.

Điều 34.— Cuộc bầu-cử Tân Tổng-Thống và Tân Phó Tổng-Thống sẽ cử-hành vào ngày chủ-nhật, ba tuần-lễ trước khi nhiệm-kỳ của Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống tại chức chấm-dứt.

Trong trường-hợp nhiệm-vụ Tổng-Thống chấm-dứt trước kỳ-hạn, Phó Tổng-Thống sẽ đảm-nhiệm chức-vụ Tổng-Thống cho đến hết nhiệm-kỳ.

Trong trường-hợp dự-liệu ở đoạn trên, nếu không có Phó Tổng-Thống, hoặc nếu Phó Tổng-Thống vì một lý-do gì, không thể đảm-đương nhiệm-vụ, Chủ-tịch Quốc-hội tạm-thời đảm-đương chức-vụ Tổng-Thống để xử-lý thường-vụ và tổ-chức cuộc bầu-cử Tân Tổng-Thống và Tân Phó Tổng-Thống trong thời-hạn tối-đa hai tháng. Trong trường-hợp này, đệ nhất Phó Chủ-tịch Quốc-hội quyền nhiếp chức-vụ Chủ-tịch Quốc-hội.

Điều 35.— Tổng-Thống đại-diện Quốc-gia.

Tổng-Thống ký-kết và, sau khi được Quốc-hội chấp-thuận, phê-chuẩn các điều-ước và hiệp-định Quốc-tế.

Tổng-Thống bổ-nhiệm các Sứ-thần, tiếp nhận ủy-nhiệm thư của các đại-diện ngoại-giao, thay mặt Quốc-gia trong việc giao-thiệp với ngoại-quốc.

Điều 36.— Với sự thỏa-thuận của một nửa số Dân-biểu Quốc-hội, Tổng-Thống tuyên chiến hoặc phê-chuẩn hòa-ước.

Điều 37.— Tổng-Thống bổ-nhiệm và cách-chức tất cả các công-chức dân-sự và quân-sự theo thủ-tục luật định, ngoại trừ những trường-hợp mà Hiến-pháp ấn-định một thủ-tục đặc-biệt.

Tổng-thống là Tổng Tư-lệnh tối-cao của các lực-lượng quân-sự.

Tổng-Thống ban các loại huy chương.

Tổng-Thống sử dụng quyền ân xá, ân giảm, hoán cải hình-phạt và miễn-án.

Điều 38.— Trong trường-hợp chiến-tranh hoặc nội-loạn, những chức-vụ dân cử định trong Hiến-pháp sẽ đương-nhiên được gia-hạn khi mãn nhiệm kỳ.

Trong trường-hợp một đơn-vị bầu-cử bị đặt trong tình-trạng khẩn-cấp, báo-động hoặc giới nghiêm, Tổng-Thống có thể gia-hạn nhiệm-kỳ Dân-biểu đơn-vị ấy.

Tuy-nhiên cuộc bầu-cử toàn bộ hay cục bộ phải được tổ-chức chậm nhất là sáu tháng sau khi những tình-trạng đặc-biệt kể ở hai đoạn trên chấm dứt.

Điều 39.— Tổng-Thống tiếp-xúc với Quốc-hội bằng thông-điệp, Tổng-Thống có thể dự các phiên họp Quốc hội và tuyên-bố trước Quốc-hội.

Mỗi năm vào đầu khóa họp thường lệ thứ nhì và mỗi khi thấy cần, Tổng-Thống thông-báo cho Quốc-hội biết tình-hình Quốc-gia và chính-sách đối-nội, đối-ngoại của Chính-phủ

Điều 40.— Với sự thỏa-thuận của Quốc-hội, Tổng-Thống có thể tổ-chức trưng-cầu dân-ý. Kết-quả cuộc trưng-cầu dân-ý phải được Tổng-Thống và Quốc-hội tôn-trọng.

Điều 41.— Giữa hai khóa-họp Quốc-hội, Tổng-Thống vì lý-do khẩn-cấp có thể ký các sắc luật, các sắc-luật này phải được chuyển đến Văn-phòng Quốc-hội ngay sau khi ký.

Trong khóa-họp thường-lệ tiếp cận nếu Quốc-hội không bác-bỏ, các sắc-luật ấy sẽ được coi hẳn như những đạo luật.

Điều 42.— Trong tình trạng khẩn-cấp, chiến-tranh, nội-loạn, khủng-hoảng kinh-tế hoặc tài-chính, Quốc-hội có thể biểu-quyết một đạo-luật ủy cho Tổng-Thống, trong một thời-gian với những giới-hạn định rõ, quyền ký sắc-luật để thực-hiện chánh-sách mà Quốc-hội ấn-định trong đạo-luật ủy-quyền. Các sắc luật phải được chuyển đến Văn-phòng Quốc-hội ngay sau khi ký. 30 ngày sau khi mãn thời-hạn đã ấn-định trong đạo-luật ủy-quyền, nếu Quốc-hội không bác-bỏ, các sắc luật ấy sẽ được coi hẳn như những đạo-luật.

Điều 43.— Trong trường-hợp ngân-sách không được Quốc-hội chung-quyết trong thời-hạn ấn-định ở điều 60, Tổng-thống có thể ký sắc-luật ngân-sách cho tài-khóa sau. Mỗi tam-cá-nguyệt Tổng-thống có

thể thi-hành một phần tư của ngân-sách cho đến khi Quốc-hội chung-quyết xong đạo-luật ngân-sách.

Trong đạo-luật ngân-sách, Quốc-hội phải giải-quyết các hậu-quả gây nên do việc bác bỏ hoặc sửa đổi những điều khoản của sắc-luật ngân-sách.

Điều 44 — Tổng-thống có thể ký sắc-lệnh tuyên bố tình-trạng khẩn-cấp, báo-động hoặc giới-nghiêm trong một hay nhiều vùng; các sắc-lệnh này có thể tạm đình-chỉ sự áp-dụng một hoặc nhiều đạo-luật tại những vùng đó.

Điều 45.— Khi nhậm chức, Tổng-thống tuyên-thệ như sau:

« Tôi long-trọng tuyên-thệ:

« — tận-lực cố-gắng làm tròn nhiệm-vụ TỔNG-THỐNG,

« — tôn-trọng giữ-gìn và bảo-vệ Hiến-pháp,

« — trung-thành phụng-sự Tổ-quốc và hết lòng phục-vụ lợi-ích công-cộng ».

Điều 46. — Tổng thống có Phó Tổng-thống, các Bộ-trưởng và Thứ-trưởng phụ-tá. Các Bộ-trưởng và Thứ-trưởng do Tổng-thống bổ-nhiệm và chịu trách-nhiệm trước Tổng-thống.

Điều 47.— Các Bộ-trưởng và Thứ-trưởng có thể hội-kiến với Chủ-tịch, Phó Chủ-tịch Quốc-hội và các Chủ-tịch Ủy-ban để giải-thích về các vấn-đề liên-hệ với lập pháp.

Thiên thứ tư

Quốc-hội

Chương I.— DÂN-BIỂU

Điều 48 — Đạo-luật tuyển-cử ấn-định số Dân-biểu Quốc-hội và các đơn-vị bầu-cử.

Điều 49.— Dân-biểu được bầu cử theo lối đầu-phiếu phổ-thông trực-tiếp và kín, theo những thể-thức và điều-kiện do đạo-luật tuyển-cử quy-định.

Điều 50.— Có quyền ứng-cử Dân-biểu những người:

1o) Có quốc-tịch Việt-nam liên-tục từ khi mới sinh, hoặc đã nhập Việt-tịch ít nhất 5 năm, hoặc đã hồi-phục Việt-tịch trước ngày ban-hành Hiến-pháp.

2o) Hưởng các quyền công-dân,

3o) Đủ 25 tuổi tới ngày đầu phiếu ;

4o) Hội đủ các điều-kiện khác dự-liệu trong đạo-luật tuyển-cử.

Tuy nhiên trong trường-hợp đặc-biệt, những người nhập Việt-tịch có công trạng với Tổ-quốc, hoặc những người hồi-phục Việt-tịch có thể được Tổng-thống ký sắc-lệnh giảm thời-hạn năm hoặc ba năm ghi trên.

Điều 51.— Nhiệm-kỳ Dân-biểu là ba năm. Các Dân-biểu có thể được tái-cử.

Cuộc bầu-cử Quốc-hội mới sẽ cử-hành một tháng trước khi pháp-nhiệm chấm dứt.

Điều 52.— Khi một Dân-biểu từ-chức, mệnh-chung, hoặc chấm dứt nhiệm-vụ vì bất cứ một nguyên-nhân nào, cuộc bầu-cử Dân-biểu thay thế sẽ được cử-hành trong hạn 3 tháng.

Sẽ không bầu Dân-biểu thay-thế, nếu sự khống-khuyết xảy ra không đầy sáu tháng trước khi mãn pháp-nhiệm.

Điều 53.— Nhiệm-vụ Dân-biểu không thể kiêm-nhiệm với một công-vụ được trả lương hay một nhiệm-vụ dân-cử khác. Công-chức đắc cử phải nghỉ giả-hạn. Quân-nhân đắc-cử phải giải-ngủ.

Nhiệm-vụ Dân-biểu không thể kiêm-nhiệm với những chức-vụ Bộ-trưởng và Thứ-trưởng.

Tuy nhiên, Dân-biểu có thể đảm-nhận những công-vụ đặc-biệt liên-tục không quá 12 tháng và thời-gian đảm-nhận công-vụ tổng-cộng không quá nữa thời-kỳ pháp-nhiệm. Trong thời-gian đảm-nhận công-vụ, Dân-biểu không có quyền thảo-luận và biểu-quyết tại Quốc-hội hoặc tại các Ủy-ban của Quốc-hội.

— Dân-biểu có thể phụ-trách giảng-huấn tại các trường đại-học cao-đẳng.

— Trong bất kỳ trường-hợp nào, Dân-biểu không thể tham-dự những cuộc đấu-thầu hoặc ký hợp-đồng với các cơ-quan chánh-quyền.

Điều 54.— Không thể truy-tố, tầm-nã, bắt giam hay kết-án một Dân-biểu vì những lời nói hoặc vì những sự biểu-quyết tại Quốc-hội hoặc tại các Ủy-ban Quốc-hội.

Ngoại trừ trường-hợp phản-quốc, xâm-phạm an-ninh Quốc-gia, hoặc đương-trường phạm-pháp, không thể truy-tố, tầm-nã, bắt giam hay xét-xử một Dân-biểu trong suốt thời-gian các khóa-họp Quốc-hội, kể cả thời-gian đi họp và họp về.

Chương hai

QUYỀN-HÀNH CỦA QUỐC-HỘI

Điều 55.— Quốc-hội biểu-quyết các đạo-luật.

Quốc-hội chấp-thuận các điều-ước và các hiệp-định quốc-tế.

Chương ba

THỦ-TỤC LẬP-PHÁP

Điều 56.— Dân-biểu có thể đưa ra Quốc-hội xét các dự-thảo-luật.

Điều 57.— Các dự-án và dự-thảo luật được Quốc-hội chấp-thuận sẽ chuyển đến Tổng-Thống trong thời-hạn 7 ngày tròn.

Tổng-Thống phải ban-hành các đạo-luật trong thời-hạn 30 ngày tròn kể từ ngày tiếp-nhận. Trong trường-hợp khẩn-cấp do Quốc-hội tuyên-bố, thời-hạn ban-hành sẽ rút ngắn còn 7 ngày tròn.

Điều 58.— Trong thời hạn ban-hành, Tổng-Thống có thể gởi thông-điệp viện dẫn lý-do để yêu-cầu Quốc-hội phúc-nghị một hay nhiều điều-khoản đã được chấp thuận.

Khi phúc-nghị, nếu Quốc-hội không đồng-ý sửa đổi theo Thông-điệp của Tổng-Thống thì Quốc-hội sẽ chung-quyết bằng một cuộc minh-danh đầu-phiếu với đa-số ba phần tư tổng-số Dân-biểu Quốc-hội.

Điều 59.— Trong thời-hạn ấn-định ở điều 57, nếu Tổng-Thống không ban-hành hoặc không chuyển-hoàn bản văn mà Quốc-hội đã thông qua, bản văn ấy sẽ đương-nhiên thành luật.

Điều 60.— Dự-thảo ngân-sách phải gởi tới Văn-phòng Quốc-hội trước ngày 30 tháng 9. Ngân-sách phải được chung-quyết trước ngày 31 tháng 12.

Điều 61.— Dân-biểu có quyền đề-khởi các khoản chi mới nhưng đồng-thời phải đề-nghị các khoản thu tương-đương.

Chương IV

ĐIỀU-HÀNH QUỐC-HỘI.

Điều 62.— Quốc-hội nhóm họp những khóa thường-lệ hoặc bất-thường.

Điều 63.— Hàng năm có hai khóa họp thường-lệ : một khóa đương-nhiên bắt đầu ngày thứ hai đầu tiên trong tháng 4 dương-lịch và một khóa đương-nhiên bắt đầu ngày thứ hai đầu tiên trong tháng 10 dương-lịch. Mỗi khóa họp thường-lệ không lâu quá 3 tháng.

Điều 64.— Quốc-hội phải được triệu-tập nhóm họp các khóa bất-thường nếu có sự yêu-cầu của Tổng-thống hoặc của quá nửa tổng-số Dân-biểu Quốc-hội.

Trong trường-hợp Tổng-thống yêu-cầu triệu-tập, nghị-trình khóa họp bất-thường do Tổng-thống ấn-định.

Trong trường-hợp Dân-biểu yêu-cầu triệu-tập, nghị-trình khóa họp bất-thường do Văn-phòng Quốc-hội ấn-định.

Thời-gian mỗi khóa họp bất-thường của Quốc-hội không được quá 30 ngày.

Điều 65.— Quốc-hội nhóm họp công-khai. Tuy nhiên Quốc-hội họp kín, nếu quá nửa số Dân-biểu hiện-diện hoặc Tổng-thống yêu-cầu.

Các bản tường-thuật nguyên cuộc thảo-luận và tài-liệu xuất-trình tại Quốc-hội sẽ được đăng trong Công-báo, ngoại-trừ trường-hợp Quốc-hội họp kín.

Điều 66.— Để kiểm-soát tính-cách hợp-thức cuộc bầu-cử Dân-biểu, Quốc-hội sẽ chỉ-định một Ủy-ban kiểm-soát để phụ-trách việc phúc-trình vấn-đề này.

Quốc-hội có quyền định-đoạt.

Điều 67.— Quốc-hội bầu Văn-phòng gồm có Chủ-tịch, 2 Phó Chủ-tịch, 1 Tổng Thư-ký, 3 Phó Tổng Thư-ký và một số nhân-viên cần-thiết.

Quốc-hội chỉ-định các Ủy-ban.

Điều 68.— Quốc-hội ấn-định nội-quy, nhất là các vấn-đề sau :

— tổ-chức nội-bộ Quốc-hội và Văn-phòng ;

— thủ-tục Quốc-hội và quyền-hạn Văn-phòng;
— kỹ-luật trong Quốc-hội và các sự chế-tài về kỹ-luật;
— thành-phần và quyền-hạn các Ủy-ban.

Điều 69.— Một dự-án hoặc dự-thảo luật được Quốc-hội chấp-thuận chỉ có giá-trị nếu hội đủ đa-số một phần 3 tổng-số Dân-biểu.

Thiên thứ năm

Thẩm-phán

Điều 70.— Để thi-hành nhiệm-vụ ấn-định ở điều 4, Tư-pháp được tổ-chức theo nguyên-tắc bình-đẳng của mọi người trước pháp-luật, và nguyên-tắc độc-lập của Thẩm-phán xử án.

Điều 71. — Thẩm-phán xử án quyết-định theo lương-tâm mình, trong sự tôn-trọng luật-pháp và quyền-lợi Quốc-gia.

Điều 72. — Dưới sự kiểm-soát của Bộ Tư-pháp, thẩm-phán công-tố trông coi và theo dõi sự áp-dụng luật-pháp, sự tôn-trọng đạo-lý và trật-tự công-cộng.

Điều 73.— Sẽ thiết-lập một Thượng Hội-đồng Thẩm-phán có nhiệm-vụ góp phần trông coi sự áp-dụng quy chế Thẩm-phán xử-án. Tổ-chức điều-hành và quyền-hạn của Thượng Hội-đồng Thẩm-phán sẽ do luật-định.

Thiên thứ sáu

Đặc-biệt Pháp-viện

Điều 74.— Đặc-biệt Pháp-viện là một tòa-án có thẩm-quyền xét xử Tổng-thống, Phó Tổng thống, Chánh-án Tòa Phá-án và Chủ-tịch viện Bảo Hiến trong trường-hợp can tội phản-quốc và các trọng tội.

Điều 75.— Đặc-biệt Pháp-viện gồm có:
— Chánh-án Tòa Phá-án,
— 15 Dân-biểu do Quốc-hội bầu ra cho mỗi nhiệm kỳ Hội-Thẩm.

Khi Chánh án Tòa Phá-án là bị can, Chủ-tịch Viện Bảo-Hiến sẽ ngồi ghế Chánh-án.

Điều 76 — Ban Điều-tra của Đặc-biệt Pháp-viện gồm 5 Dân-biểu do Quốc-hội bầu ra cho mỗi nhiệm-kỳ.

Điều 77.— Sự khởi-tố theo các điều-kiện sau :

a) Phải có một bản đề-nghị viện dẫn lý-do, được 3/5 tổng-số Dân-biểu Quốc-hội ký tên, nạp tại Văn-phòng Quốc-hội 15 ngày trước khi thảo-luận ;

b) Đề-nghị đó phải được 2/3 tổng-số Dân-biểu Quốc-hội chấp thuận ;

c) Các Dân-biểu trong Đặc-biệt Pháp-viện và trong Ban Điều-tra không được quyền đề-nghị khởi tố và biểu-quyết về đề-nghị này.

Điều 78.— Nhiệm-vụ của đương-sự đình-chỉ từ khi Quốc-hội biểu-quyết truy-tố đến khi Đặc-biệt Pháp-viện phán-quyết. Trong thời gian này sự quyền-nhiệp sẽ theo thể-thức định ở điều 34, đoạn 2 và 3.

Điều 79.— Ban Điều-tra có quyền đòi hỏi nhân-chứng và đòi các cơ-quan liên hệ xuất-trình các hồ-sơ và tài-liệu mật. Ban Điều-tra sẽ làm tờ trình trong thời-hạn 2 tháng trừ khi được Đặc-biệt Pháp-viện triển-hạn một tháng nữa.

Điều 80.— Đặc-biệt Pháp-viện họp để nghe Ban Điều-tra và đương-sự trình-bày và phán-quyết theo đa-số 3/4 tổng-số nhân viên.

Điều 81.— Nếu xét đương sự phạm tội, Đặc-biệt Pháp-viện sẽ tuyên-bố truất-quyền. Phán-quyết này có hiệu-lực ngay.

Thiên thứ bảy

Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia

Điều 82.— Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia có nhiệm-vụ trình-bày sáng-kiến và phát-biểu ý-kiến về các dự-thảo dự-án kinh-tế.

Hội-viên Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia lựa trong các nghiệp-đoàn, ngành hoạt-động kinh-tế, các tổ-chức hoạt-động xã-hội liên hệ với kinh-tế và các nhà kinh-tế học.

Chức-vụ Hội-viên Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia không thể kiêm-nhiệm với nhiệm-vụ Dân-biểu Quốc-hội.

Điều 83.— Phó Tổng-thống là Chủ-tịch Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia.

Điều 84.— Một đạo-luật sẽ ấn-định cách tổ-chức và điều-hành của Hội-đồng Kinh-tế Quốc-gia.

Thiên thứ tám

Viện-bảo-hiến

Điều 85.— Viện Bảo-hiến phán-quyết về tánh-cách hợp hiến của các đạo luật, về sắc-luật và quy-tắc hành-chánh.

Điều 86.— Viện Bảo hiến, về mỗi nhiệm-kỳ Quốc-hội gồm có :

— Một Chủ-tịch do Tổng-thống cử với thỏa hiệp của Quốc-hội ;

— 4 Thẩm-phán cao-cấp hay luật-gia do Tổng-thống cử ;

— Dân-biểu do Quốc-hội cử.

Điều 87.— Viện Bảo-hiến thụ-lý các đơn xin phán-quyết về tánh cách hợp hiến của đạo-luật, sắc-luật và quy-tắc hành-chánh do các Tòa-án nạp trình.

Phán-quyết của Viện Bảo-Hiến có hiệu-lực đình-chỉ sự thi-hành các điều-khoản bất-hợp-hiến kể từ ngày phán-quyết ấy được đăng trong Công-báo.

Điều 88.— Một đạo-luật sẽ quy-định cách tổ-chức và điều-hành của Viện Bảo-Hiến cũng thủ-tục áp-dụng trước cơ-quan này.

Thiên thứ chín

Sửa đổi Hiến-pháp

Điều 89.— Không thể sửa đổi hoặc hủy bỏ các điều 1, 2, 3, 4 và điều này của Hiến-pháp.

Điều 90.— Tổng-thống hay 2/3 tổng-số Dân-biểu có thể đề-nghị sửa đổi Hiến-pháp.

Đề-nghị sửa đổi Hiến-pháp có viện dẫn lý do phải đủ chữ ký nạp tại Văn-phòng Quốc-hội.

Điều 91.— Sau khi nhận được đề-nghị hợp-lệ sửa đổi Hiến-pháp Văn-phòng Quốc-hội sẽ triệu tập một phiên-họp đặc-biệt của Quốc-hội để cử một Ủy-ban gồm ít nhứt 15 người có nhiệm-vụ nghiên-cứu đề-nghị này, tham-khảo ý-kiến của Viện Bảo-Hiến và của Tổng-thống.

Trong thời-hạn tối-đa 60 ngày, Ủy-ban sẽ thuyết trình trước Quốc-hội trong một phiên họp đặc-biệt.

Điều 92.— Đề-nghị sửa đổi Hiến-pháp chỉ được chấp-thuận nếu

3/4 tổng-số Dân-biểu tán-thành trong một cuộc minh danh và đích thân đầu phiếu.

Điều 93. — Đề-nghị được chấp-thuận sẽ ban-hành theo thủ-tục ghi ở các điều 57, 58, 59.

Nếu có phúc-nghị, Quốc-hội sẽ chung-quyết bằng một cuộc minh danh và đích-thân đầu phiếu với đa-số 3/4 tổng-số Dân-biểu.

Thiên thứ mười

Các điều khoản chung

Điều 94 — Hiến-pháp sẽ ban-hành ngày hai mươi sáu tháng mười năm một nghìn chín trăm năm mươi sáu.

Điều 95. — Quốc-hội dân-cử ngày 4 tháng 3 năm 1956 sẽ là Quốc-hội Lập-pháp đầu tiên theo Hiến-pháp Việt-nam Cộng-hòa.

Nhiệm-kỳ Quốc-hội Lập-pháp bắt đầu từ ngày ban hành Hiến-pháp và chấm-dứt ngày 30 tháng chín năm một ngàn chín trăm năm mươi chín.

Điều 96. — Đương kim Tổng-Thống được nhân-dân ủy-nhiệm thiết-lập nền Dân-chủ do cuộc Trưng-cầu dân-ý ngày 23 tháng 10 năm 1955 sẽ là Tổng-Thống đầu-tiên theo Hiến-pháp Việt-nam Cộng-hòa.

Nhiệm-kỳ Tổng-Thống bắt đầu từ ngày ban-hành Hiến-pháp và chấm-dứt ngày 30 tháng tư năm một ngàn chín trăm sáu mươi mốt.

Điều 97. — Trong khóa họp thứ nhất của Quốc-hội Lập-pháp đầu tiên, đương kim Tổng-Thống sẽ chỉ định Phó Tổng-Thống đầu-tiên. Sự chỉ định này sẽ thành nhất-định nếu được Quốc-hội chấp-thuận.

Nếu có sự thay thế, sự chỉ-định Phó Tổng-Thống mới cũng theo thủ-tục đó trong suốt nhiệm-kỳ Tổng-Thống đầu-tiên.

Điều 98. — Trong nhiệm-kỳ Lập-pháp đầu-tiên, Tổng-Thống có thể tạm đình-chỉ sự sử-dụng những quyền tự-do đi lại và cư-ngụ, tự-do ngôn-luận và báo-chí, tự-do hội-họp và lập hội, tự-do nghiệp-đoàn và đình-công để thỏa-mãn những đòi hỏi đích-đáng của an-toàn chung, trật-tự công-cộng và quốc phòng.

Toàn-thể Quốc-hội chấp-thuận dự-án Hiến-pháp ngày 2 tháng 7 năm 1956 và chung-kết ngày 20 tháng 10 năm 1956 lúc 23 giờ.

— HẾT —

Mục Lục

Trang

Lời nói đầu 3

Chương-trình Việt-sử lớp Đệ-nhất 6

Sách tham-khảo 7

I.— Cách thi-hành hòa-ước 1884 9

Bài đọc thêm :

1o) Người Pháp tổ chức Trung, Bắc-kỳ 22

2o) Danh-sách các toàn-quyền Đông-dương 26

II.— Tổ-chức chính-trị và hành-chánh 29

III.— Tổ-chức kinh-tế và tài-chính 40

IV.— Tổ-chức văn-hóa, xã-hội và quân-sự 53

V.— Phong-trào Cần-vương Văn-thân 69

Bài đọc thêm :

1o) Chiếu Cần-vương 89

2o) Vua Hàm-Nghi bị bắt 90

3o) Bãi-sậy căn-cứ của nghĩa-quân 92

VI.— Phong-trào Duy-Tân và Đông-Du 96

Bài đọc thêm :

1o) Trích bức thư của Phan-Châu-Trinh gởi Chính-phủ Pháp 112

2o) Phan-Bội-Châu trước Hội-đồng Đề-hình 116

VII.— Phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục 119

Bài đọc thêm :

1o) Điếu hủ nho 129
2o) Cổ-động học Quốc-ngữ 130
3o) Thiết tiền ca 131
4o) Bài ca lính tập 132
5o) Phong-trào Duy-tân 133

VIII.— Những cuộc bạo-động và khởi-nghĩa sau khi phong-trào Đông-kinh Nghĩa-thục tan rã 136

Bài đọc thêm :

1o) Vua Duy-tân bị bắt 149
2o) Tuyên-ngôn thứ nhất (của Trịnh-Văn-Cấn) 150
3o) Tuyên-ngôn thứ nhì 154

IX.— Phong-trào chống Pháp giữa 1919 — 1939 156

Bài đọc thêm :

1o) Truyền đơn của Hội Phục-Việt 169
2o) Đảng-cương thứ nhất của V.N.Q.D.Đ. 170
3o) Mười ba liệt-sĩ Việt-Nam lên đài danh-dự 173
4o) Thư gởi ông Toàn-quyền Đông-dương 174
5o) Tiếng bom Sa-điện 175

X.— Xã-hội Việt-nam dưới thời Pháp-thuộc 179

Bài đọc thêm :

1o) Quan-trường 194
2o) Đời sống cơ-cực của nông-dân V.N. 196
3o) Vũng nước tù 197

XI.— Sự tiến-diễn tư-trào dưới thời Pháp-thuộc. 199

MỤC LỤC

Bài đọc thêm :

1o) Tương-lai của nền quốc-văn mới 214

2o) Công của Nguyễn-Văn-Vĩnh và Phạm-Quỳnh đối với quốc-văn 215

3o) Tại sao nền nhạc-cổ không tiến được ? 217

XII — Việt - nam trong thời đại-chiến thứ hai 1939-1945 219

XIII.— Cao-trào tranh-thủ Độc - lập và Thống-nhất. Những cuộc thương-thuyết Việt-Pháp. Các hiệp-định 233

XIV.— Chiến-tranh Việt-Pháp và sự phát-triển của Phong-trào Quốc-gia 266

Bài đọc thêm :

1o) Thành tích ba năm hoạt-động của Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm 299

2o) Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa 311

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

ĐỊA-LÝ	lớp Đệ-Thất	in lần thứ mười
ĐỊA-LÝ	lớp Đệ-Lục	in lần thứ sáu
ĐỊA-LÝ	lớp Đệ-Ngũ	in lần thứ bảy
ĐỊA-LÝ	lớp Đệ-Tứ	in lần thứ nhì
ĐỊA-LÝ	lớp Đệ-Nhị	in lần thứ nhì
THẾ-GIỚI-SỬ	lớp Đệ-Thất	in lần thứ nhì
THẾ-GIỚI-SỬ	lớp Đệ-Tứ	in lần thứ nhất
THẾ-GIỚI-SỬ	Tú-tài I	in lần thứ nhì
THẾ-GIỚI-SỬ	lớp Đệ-Nhất	in lần thứ nhì
THẾ-GIỚI-SỬ	lớp Đệ-Nhị	in lần thứ nhất
LUẬN-ĐỀ VIỆT-SỬ (T.H.Đ.N.C)		in lần thứ nhì
LUẬN-ĐỀ THẾ-GIỚI-SỬ (THĐNC)		in lần thứ nhất
LUẬN-ĐỀ ĐỊA-LÝ (T.H.Đ N.C)		in lần thứ nhì
VIỆT-SỬ	lớp Đệ-Nhất	in lần thứ nhất

SẮP XUẤT-BẢN :

— VIỆT-SỬ	lớp Đệ-Tứ
— ĐỊA-LÝ	lớp Đệ-Nhất

ĐÍNH - CHÍNH

Trang	Dòng	Chữ thứ	In lầm	Xin đọc là
11	16	8	1852	1862
18	12	10, 11	Tuần-vũ	tuần-phủ
42	14	3, 4, 5	nước tới những	nước những
58	23	11	khỏe	kkỏe của dân chúng
64	28	8, 9	(9e RFL)	(9e R.I.C.)
64	29	7, 8	(5e RIC)	(5e R.E.I.)
86	2	6	đừng	đường
91	14	5	khi	khi mạt
91	24	12, 13	cho nhà	cho
95	5	7	thám	Thám
160	28	8	Trung	Trung-kỳ
200	6	4	dun	giun
201	16	10	đặt	đặt ra
207	2	7	xan	xang
209	19	6, 7	văn chầu	chầu văn
213	6	10	tiểu	tiêu,
222	26	3	rắn	dắn
233	12	1, 2, 3	nhưng tiếc thay	nhưng (bỏ 2 chữ *tiếc thay*)
253	27	11	Ba	Ban
262	29	4	quan	quân
264	14	6, 7	tử trận	chết hoặc bị thương
282	11	3, 4	Tuyên-quan	Tuyên-quang
284	24	6, 7	(1950 — 1054)	(1950 — 1954)
293	10	5	tính-nhiệm	tín-nhiệm
304	1	2	3-4-1956	4-3-1956

VIỆT-SỬ

Lớp Đệ-Nhất

In xong hạ-tuần tháng 5-1960 tại nhà in BAN-MAI

Giấy phép số 502-XB

ngày 28-3-60

của H. Đ. K. D.

XUẤT BẢN TAO-ĐÀN

ĐÃ PHÁT HÀNH:

— QUỐC-VĂN lớp Đệ Tứ	của NGUYỄN-SỸ-TẾ, TÔ-ĐĂNG, VŨ-KHẮC-KHOAN
— LUẬN-ĐỀ VIỆT-SỬ in lần II (Thi T.H.Đ.N.C.)	của Ô. B. TĂNG-XUÂN-AN
— LUẬN-ĐỀ ĐỊA-LÝ in lần II (Thi T.H.Đ.N.C.)	
— LUẬN-ĐỀ THẾ GIỚI-SỬ in lần I (Thi T.H.Đ.N.C.)	
— LUẬN-ĐỀ VẠN-VẬT-HỌC (Thi T. H. Đ. N. C.)	của VÕ-VĂN-TUYÊN
— VIỆT-SỬ lớp Đệ Nhất	của Ô. B. TĂNG-XUÂN-AN
— VẠN VẬT-HỌC Lớp Đệ Nhất (tập II)	của VÕ-VĂN-TUYÊN

SẮP PHÁT HÀNH:

— VIỆT SỬ Lớp Đệ Tứ	của Ô. B. TĂNG-XUÂN-AN
— VẠN VẬT HỌC lớp Đệ Tứ	của VÕ-VĂN-TUYÊN
— LUẬN ĐỀ CÔNG-DÂN (Tủ T.H.Đ.N.C.)	của NGUYỄN-SỸ-TẾ
— LUẬN ĐỀ SỬ-KÝ (Tủ Tài phần I)	của Ô. B. TĂNG-XUÂN-AN
— LUẬN-ĐỀ ĐỊA-LÝ (Tủ Tài phần I)	
— CÂU-HỎI VẤN-ĐÁP SỬ-KÝ (Tủ Tài phần II)	
— CÂU-HỎI VẤN-ĐÁP ĐỊA-LÝ (Tủ Tài phần II)	

37, NGUYỄN-PHI-KHANH — ĐAKAO — SAIGON

Giấy phép số 502/XB của H. Đ. K. D. ngày 28-3-1960

Giá bán 75đ